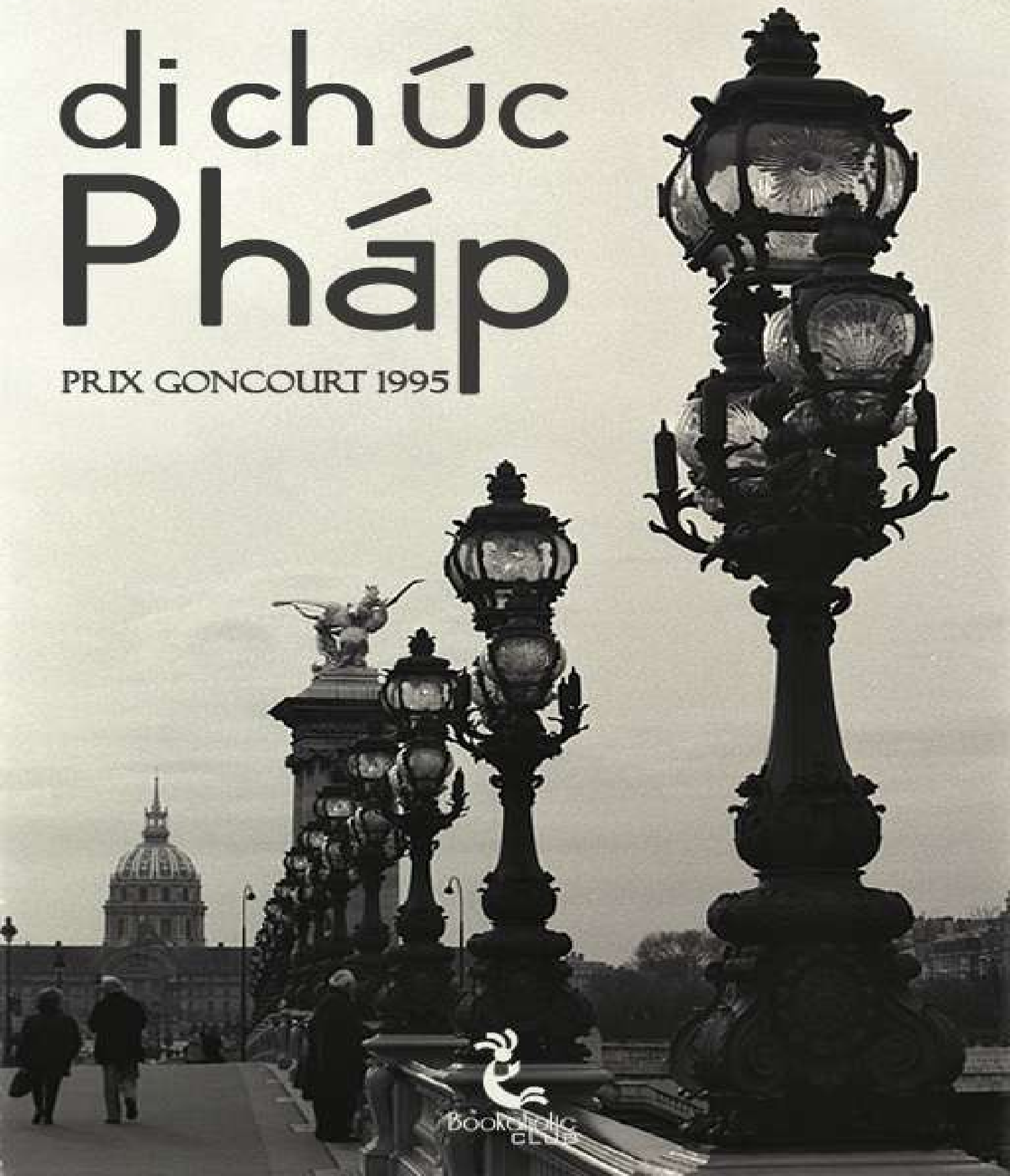
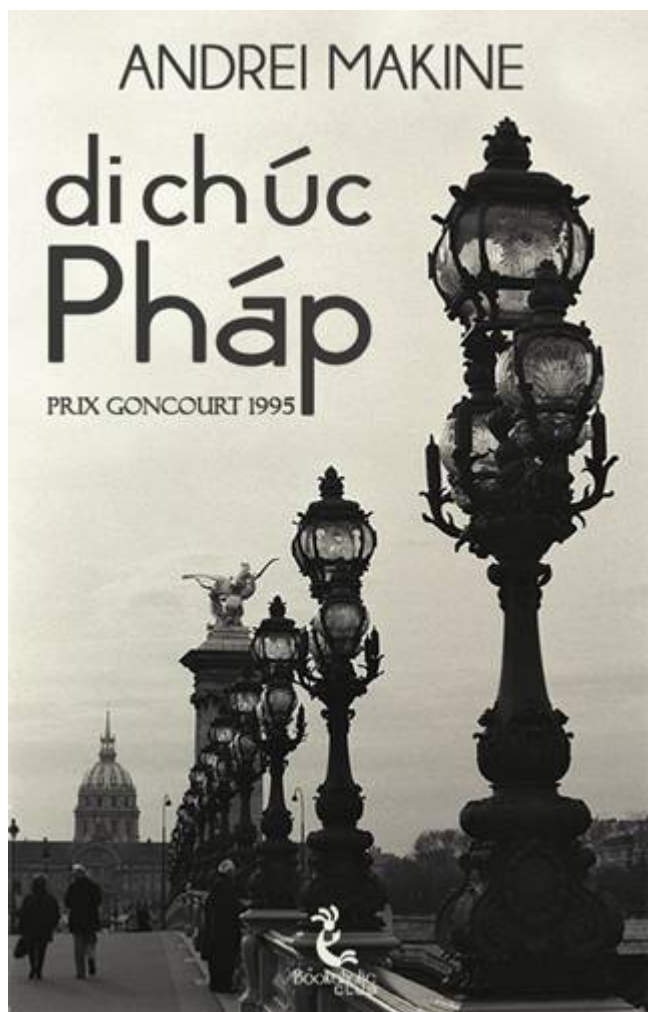


ANDREI MAKINE

dịch úc
Pháp

PRIX GONCOURT 1995





DI CHỨC PHÁP

Andrei Makine

Making Ebook Project
BOOKAHOLIC CLUB





Bookaholic
Making Ebook Project CLUB

Tên tác phẩm: **DI CHÚC PHÁP**

Nguyên tác: *Le Testament Francais*

Tác giả: **Andreï Makine**

Dịch giả: Bùi Hiền

Nhà xuất bản: Hội Nhà Văn

Năm xuất bản: 1998

Số trang: 320

Khổ sách: 13 x 19 cm

Đánh máy: Thái Thanh, Diệu Linh, Đặng Mùi, Thùy An, Ngọc Nở,
Tuyết Anh

Kiểm tra: Nguyễn Thanh

Chế bản ebook: Thảo Đoàn

Ngày thực hiện: 28/08/2011

Making Ebook Project #169 - www.BookaholicClub.com

Bạn đang đọc ebook **DI CHỨC PHÁP** của tác giả **Andrei Makine** do **Bookaholic Club** chế bản theo **Dự án chế bản Ebook (Making Ebook Project)**.

Mong rằng ebook này sẽ mang đến cho bạn một tác phẩm Văn học hay, giàu giá trị biểu cảm và nhân văn, với chất lượng cao. Chúng tôi luôn cố gắng mang đến những chế bản ebook tốt nhất, nếu trong quá trình chế bản có lỗi sai sót nào mong bạn góp ý và cho chúng tôi biết những ebook mà đang mong muốn.

Making Ebook Project của **Bookaholic Club** là một hoạt động phi lợi nhuận, nhằm mục đích mang đến những chế bản ebook hay, có giá trị với chất lượng tốt nhất mà chúng tôi có thể với Cộng đồng đọc - người Việt. Tuy nhiên, nếu bạn có khả năng xin hãy đọc tác phẩm này bằng sách trước hết vì lợi ích cho Nhà xuất bản, bản quyền tác giả và góp phần phát triển xây dựng nền Văn hóa đọc.

Hãy chỉ đọc chế bản này trong điều kiện bạn không thể tìm đến ấn phẩm sách.

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ

Lời giới thiệu

Phần I

I

2

3

4

5

6

PHẦN II

1

2

3

4

PHẦN III

1

2

3

PHẦN IV

1

2

3

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ



Andreï Makine sinh ngày 10/9/1957 tại Krasnoyarsk, Xô Viết.

Năm 1987, ông sang Pháp là thành viên của chương trình trao đổi giáo viên và quyết định ở lại. Quyển tiểu thuyết đầu tiên của ông *La fille d'un héros de l'Union soviétique* (*A Hero's Daughter*) được xuất bản năm 1990, khi ông trình bày rằng nó đã được dịch từ tiếng Nga, vì không nhà xuất bản nào tin rằng ông có thể viết bằng tiếng Pháp. Với quyển tiểu thuyết thứ ba, *Au temps du fleuve Amour* (*Once Upon Love River*), ông mới được công nhận là một nhà văn Pháp. Và đến quyển tiểu thuyết thứ tư, *Le Testament Français* (*Dreams of My Russian Summers*), năm 1995, ông trở thành tác giả đầu tiên chiến thắng được cả hai giải thưởng văn học hàng đầu nước Pháp **Prix Goncourt** và **Prix Médicis**.

Năm 2001, **Andreï Makine** bắt đầu bí mật xuất bản dưới bút danh **Gabriel Osmonde** với tổng cộng 4 quyển tiểu thuyết trong hơn 10 năm. Đây là một bí ẩn của nền văn học Pháp. Mãi đến năm 2011, một học giả nhận thấy quyển *Les 20 000 Femmes de la vie d'un homme* của **Osmonde** được lấy cảm hứng từ *Le Testament Français* (*Dreams of My Russian Summers*) của **Makine**, sau đó sự việc mới được sáng tỏ. Khi được hỏi tại sao lại sử dụng bút danh, ông đã trả lời rằng: “Tôi muốn tạo ra một người sống xa sự ồn ào náo nhiệt của thế giới”.

Các tác phẩm:

- *La fille d'un héros de l'Union soviétique* , 1990 (*A Hero's Daughter* , 1996)
- *Confession d'un porte-drapeau déchu* , 1992 (*Confessions of a Fallen Standard-Bearer* , 1996)
- *Au temps du fleuve Amour* , 1994 (*Once Upon the River Love* , 1996)
- *Le Testament français* , 1995 (*Dreams of My Russian Summers* , 1997)
- *Le Crime d'Olga Arbelina* , 1998 (*Crime of Olga Arbyelina* , 2000)
- *Requiem pour l'Est* , 2000 (*Requiem for a Lost Empire* , 2001)
- *La Musique d'une vie* , 2001 (*A Life's Music* , 2004; also published as *Music of a Life*)
- *La Terre et le ciel de Jacques Dorme* , 2003 (*The Earth and Sky of Jacques Dorme* , 2005)
- *La femme qui attendait* , 2004 (*The Woman Who Waited* , 2005)
- *L'Amour humain* , 2006 (*Human Love* , 2008)
- *Le Monde selon Gabriel* , 2007
- *La Vie d'un homme inconnu* , 2009 (*The Life of an Unknown Man* , 2010)
- *Cette France qu'on oublie d'aimer* , 2010
- *Le Livre des brèves amours éternelles* , 2011

Dưới bút danh **Gabriel Osmonde**:

- *Le Voyage d'une femme qui n'avait plus peur de vieillir*, 2001

- *Les 20 000 Femmes de la vie d'un homme*, 2004

- *L'Œuvre de l'amour*, 2006

- *Alternance*, 2011

Édité avec l'aide de l'Ambassade de France et de l'Alliance Française de Hanoi.

Avec le soutien de l'Ambassade de France et du Centre de Langue Française et de Culture Française de Hanoi.

Basé sur l'édition française de *Le testament Français* de André Makine, éd. Mercure de France, 1995.

Lời giới thiệu

Ký ức tuổi thơ trong một số tác phẩm được giải năm 1995 ở Pháp

(trích)

Đặng Thị Hạnh

Hầu hết các giải thưởng văn học lớn ở Pháp đều được trao vào cuối mùa thu hàng năm, còn được gọi là mùa khai diễn lại.

Năm nay, cuốn *Di chúc Pháp* của Andrei Makine, giải Goncourt, được giới báo chí khen ngợi nhiệt liệt: “*Di chúc Pháp* mùa thu năm nay sáng ngời lên với một ánh rạng rỡ đặc biệt. Một cuốn tiểu thuyết hay”. (Báo Le Figaro). “Một sự tráng lệ yên bình, chắc chắn đó là một trong những tiểu thuyết vào đời hay nhất của những năm gần đây. (Báo Le Croise). “Andrei Makine đã viết một kiệt tác. Một kỳ công về văn xuôi, một tiếng nhạc khiến ta ngỡ như, như thể Tchékhov viết bằng tiếng Pháp” (Báo Elle).

*

Gần mười năm sau khi rời khỏi đất Nga sang Pháp, người kể chuyện hồi tưởng lại về thời thơ ấu và tuổi mới lớn của mình, sống chia sẻ giữa một thành phố lớn bên bờ sông Volga (nơi bố mẹ ở) và thị trấn Saranza ở vùng Ukraine là nơi người bà ngoại gốc Pháp ở.

Trong nhiều năm, theo một tập quán không thay đổi, trên một ban công giữa vườn, mỗi chiều hè, người bà lại kể cho hai chị em cậu bé những mẩu chuyện về nước Pháp, quê hương của bà, những mẩu chuyện rời rạc, có khi lặp đi lặp lại, điều mà cả người kể lẫn người nghe đều không mấy quan tâm, đối với đứa trẻ, mỗi chuyện kể hay đều có thể nghe đi nghe lại mà không biết chán. Cùng với an bom gia đình, những bài dân ca, thơ văn các nghệ sĩ nổi tiếng, rồi những kỷ vật, vài hòn cuội, một mẩu kim loại bí ẩn... các câu

chuyện kể cứ làm hình thành dần trong đầu óc cậu bé, một hình ảnh về nước Pháp, giống như những mảnh trong một bức tranh ghép mảnh. Mở đầu của mọi chuyện, chắc chắn là chuyện kể về Paris vụ lụt mùa đông năm 1910: sông Seine biến thành biển, dân Paris lên đên trên những con đò, và nước Pháp của bà ngoại đi lên từ sóng nước như một hòn đảo Atlantide. Nhưng liền ngay sau đó lại là một Paris khác, rục rờ ánh xuân, đang chờ đón Sa hoàng Nicolas đệ nhị và Hoàng hậu Alexandra. Cả hai xuất hiện trẻ măng, đẹp đẽ Nhiều năm sau, người kể chuyện (lúc ấy còn là người nghe chuyện) mới biết là sự kiện ngoại giao lớn, Paris đón Sa hoàng, là xảy ra vào năm 1896, trước vụ lụt hàng chục năm. Nhưng mọi sự sai niên đại đều chẳng quan trọng gì. Điều quan trọng là trên ban công ngôi nhà của Charlotte, tên người bà, mỗi chiều hè “giống như cái bình cầu cổ dài của một nhà luyện kim, trong đó diễn ra sự chuyển vi nguyên tố của quá khứ”: điện Elysée xuất hiện trong ánh lấp lánh những đèn chùm gương soi, nhà hát Opéra sáng rực vì những đôi vai trần phụ nữ, còn Nhà thờ Đức Bà lại khiến ta cảm thấy rợn người vì chất đá lạnh toát dưới bầu trời vẩn mây...

Cứ như vậy, cho dù các giấc mộng chiều hè đó mỗi năm một lần lại lùi ra xa, mờ đi sau đám sương thu và những cơn bão tuyết đầu tiên- cậu bé trở về với cuộc sống học sinh và thành phố - thì cái mà sau này cậu sẽ gọi là Francité (tính Pháp) vẫn cứ đọng lại như những “địa tầng” trong tâm hồn cậu, cùng với cái đó là những xung đột giữa hai bản ngã khó dung hòa. Cũng như chính tác giả, người kể chuyện cảm thấy “mình vừa là Pháp, lại vừa là Nga: và không ở đâu, tính đối nghịch đó lại biểu hiện rõ như trong ngôn ngữ: “Khi tôi đọc (từ Tsar) bằng tiếng ngan thì một tên bạo chúa tàn ác đứng sừng sững trước mặt tôi, trong khi đó từ “Tsar” trong tiếng Pháp lại tràn ngập ánh sáng, tiếng động, gió, ánh đèn chùm, những vai trần phụ nữ lấp lánh...” *Ngôn ngữ, cái mầm ghép hoang đường...* Rất lâu sau này, người kể chuyện mới có dịp thử nghiệm *cái chất liệu bí ẩn này*, nhưng chắc anh sẽ khó thành công nếu ngay từ thời thơ ấu, trong con người anh, trong ngôn ngữ anh, đã không mang *tính kép*, cái mà có lúc anh đã muốn rũ bỏ cho kì được. “Thói ủy mị Pháp đã ngăn trở không cho tôi sống”: lớn dần lên, cậu bé đã nhận ra như vậy, khi cảm thấy mình lạc lõng giữa cái xã hội mini là trường học, bạn và thầy. Vào một mùa hè, khi cậu đã 14 tuổi, cậu trở về Saranza với “ý định kết thúc với cái nước Pháp của Charlotte”, thì một lần nữa, cậu lại ra đi với bao nhiêu khám phá về bản thân mình, về ngôn ngữ, nhất là về người bà của mình, đơn giản chỉ vì bà xuất hiện dưới bầu trời

Nga “như một con người- ngoài trái đất” nhưng lại đã “hội tụ được trong cuộc đời mình các thời điểm máu chốt của lịch sử nước chúng tôi”.

*

Từ ngày ấy, gần hai mươi năm đã trôi qua. Bị cuốn theo những biến động xã hội người kể chuyện nay đã ở trên đất Pháp. Và điều gì đã xảy ra? Về những tháng dài nghèo khổ và lang thang trên đất Pháp, anh sẽ rất ít lời. Xuống đến tận cùng của tuyệt vọng, có lúc anh đã nghĩ đến cái chết, nhưng chính một hồi ức của tuổi thơ lại đã cứu anh. Vào một sáng tinh mơ, khi anh gần như quy xuống cạnh một bức tường: *Lũ tháng giêng 1910*, những dòng chữ trên xuất hiện như nhờ phép lạ trên một tấm kim loại đã gỉ, đen xỉ. Và ngay tức thì, cả một quá khứ ủa trở lại: “... Súc nóng của một thành cầu thang gỗ trên cái ban công treo giữa không trung vào một chiều hè. Những mùi hương cỏ, khô và cay cay. Tiếng kêu xa xôi và buồn bã của một đầu tàu... Tiếng giấy nhẹ sột soạt trên lòng người đàn bà đang ngồi giữa hoa. Mái tóc đã điểm bạc. Giọng nói của bà...” Đến đây điểm nhìn của người kể chuyện đã đảo ngược lại, thời ấy còn là nước Pháp nhìn từ nước Nga qua truyện kể của bà, bây giờ lại một hồi ức về đất Nga nhìn lại từ nước Pháp.

Cũng như vậy, trong hai mươi trang cuối chuyện, tình huống sẽ bị rạt lại. Trong hơn hai trăm chín mươi trên ba trăm linh bảy trang của cuốn tiểu thuyết, người kể chuyện chỉ làm có một việc là vẽ lại cho chúng ta sự hình thành của tính Pháp trong con người anh. Vậy mà khi anh tưởng như đã có điều kiện để đưa người bà trở về thăm nước Pháp thì một bức thư của Charlotte viết trước khi và mất: Di chúc Pháp lại là để nói với anh về đời một người đàn bà Nga, mẹ của anh: bà đã đón từ tay của một phụ nữ Nga bị chết trong trại tập trung, và đã hứa với người đó chỉ báo cho anh biết điều này vào thời điểm chậm nhất. Vậy là tất cả những gì mà suốt thời gian qua anh coi như biểu hiện của tính Pháp di truyền trong anh đều không có, hoàn toàn không có. Nhưng đây cũng là điều kiện để anh nghĩ tới sự hiện diện của người bà, “kín đáo và tự nhiên như chính cuộc sống vậy. Đối với tôi, duy nhất chỉ còn thiếu các từ để nói lên điều đó”.

Cũng giống như kiệt tác của Proust, khi chuyện kể đóng lại là lúc báo hiệu cuốn tiểu thuyết sẽ bắt đầu.

*

Trên đây chỉ là tóm tắt sơ lược của truyện kể và khó có thể hình dung một tác phẩm hay nếu không biết đến văn viết. Nhưng đây là việc của người đọc, không ai có thể làm thay. “Mỗi độc giả trước tiên là độc giả của chính mình. Với văn phong trong sáng, dễ hiểu, với cốt truyện giản dị. Di chúc Pháp vẫn là một tác phẩm phức hợp, có thể được đọc ở nhiều tầng. Trong phạm vi bài này không thể nói tới các âm hưởng khác nhau có thể tìm thấy trong tác phẩm. Nhưng một điều có thể nhận thấy ngay, là người độc giả Việt Nam đã quen với tiểu thuyết Na và Xô viết trước đây (tuy bây giờ dường như chúng đã bị xếp xó) sẽ nhận thấy trong người đàn bà gốc Pháp nhiều nét gợi nhớ tới các nữ nhân vật trong tiểu thuyết cổ điển Nga, và cả trong các tác phẩm Xô viết họ đã đọc. Còn một số độc giả khác sẽ nhạy cảm với “tiếng nhạc nhỏ của các hồi ức Proustienm cứ đệm theo dòng chuyện kể, gợi nhớ “những giây lát không trôi qua”, cái sẽ còn lại mãi mãi phía trên dòng thời gian luôn chảy./.

“(..) tôi ghi lại đây tên thật những người ấy với một niềm thích thú trẻ nít cùng niềm xúc động sâu xa, trong khi không thể kể hết tên bao người khác nữa hẳn cũng đã từng hành động tương tự và nhờ họ mà nước Pháp vẫn tồn tại đến ngày nay (...)”

MARCEL PROUST

Thời gian tìm lại được

“Người dân Xibêri có bao giờ xin ông trời cây ôliu, hoặc người dân xứ Provence cây klukwa?”

JOSEPH DE MAISTRE

Những tối đàm luận ở Saint Petersburg

“Tôi hỏi nhà văn Nga cách thức ông làm việc và lấy làm ngạc nhiên là ông không tự dịch bản viết, mặc dù ông nói một thứ tiếng Pháp hết sức trong sáng, hơi chậm rãi tí chút do lối suy nghĩ tinh tế của ông.

Ông thú thật là Viện Hàn lâm với pho từ điển của nó khiến ông buốt cóng.

ALPHONSE DAUDET

Ba mươi băm ở Paris

Phần I

I

Hồi còn bé, tôi đã đoán rằng cái nụ cười mỉm rất đặc biệt kia, với từng người phụ nữ biểu hiện một chiến thắng nhỏ kỳ lạ. Đùng vậy, một sự phục thù chốc lát trước những hy vọng tan vỡ, thôi thô bỉ người đời, nổi hiềm vắng những điều đẹp đẽ và chân thực trong thế giới này. Nếu như lúc bấy giờ biết các diễn đạt, tôi sẽ báo cái mỉm cười ấy là đây “nữ tính”... Nhưng ngôn ngữ tôi hồi còn quá cụ thể. Tôi đành tự bằng lòng nhìn ngắm trong an bom các gương mặt phụ nữ và tìm thấy lại cái hồi quang đẹp đẽ kia trên một số gương mặt.

Là vì các bà này biết rõ muốn đẹp, thì vài ba giây trước khi máy ảnh chớp lên chói mắt, cần thốt mấy cái âm tiết Pháp bí ẩn này vốn không mấy ai hiểu nghĩa “pe-tite-pomme...”^[1] Như có phép thần, thay vì miệng dạch rộng trong vẻ hân hoan hơn hờ hoặc co dúm trong cái nhếch mép hồi hộp, khuôn môi uốn thành một vòng tròn duyên dáng. Toàn bộ gương mặt biến đổi hẳn. Lòng mày khẽ rướn cong, đôi má bầu bầu thuôn dần. Họ nói “petite pomme”, và hình bóng một niềm hồn hậu xa xôi mơ mộng hiện lên mờ ảo trong ánh mắt, tô các nét thêm tinh thể, khiến các bức ảnh phẳng phát một làn ánh sáng diu diu những ngày xưa cũ.

Một ngón ảo thuật nhiếp ảnh như vậy đã chiếm lĩnh niềm tin cậy của bao người phụ nữ khác nhau. Chẳng hạn cái bà người Nga bà con trên bức ảnh màu độc nhất trong anbom. Vợ một ông ngoại giao, bà nói không mở miệng và thờ dài chán chường trước khi nghe người ta cất lời. Nhưng trên ảnh, tôi nhận thấy ngay tức khắc hiệu quả của “petite pomme”.

Tôi cũng nhận thấy cái quầng sáng trên gương mặt của bà tỉnh lẻ tẻ nhạt nọ, một bài di vô danh nào đó người ta nhắc tên là chỉ để nói về những người đàn bà góa bụa sau vụ tàn sát đàn ông hồi chiến tranh vừa rồi. Cả đến Glacha, cô gái nông thôn trong gia đình, trên vài bức ảnh chúng tôi còn giữa

cũng trưng bày cái nụ cười kỳ diệu kia. Cuối cùng lại có cả một bày những cô em họ trẻ đang phồng môi cố giữ trong mấy giây pô bắt tận cái phù phép thoáng qua kiểu Pháp. Trong khi lầm nhăm “petite pomme” hẳn các cô vẫn còn tin cuộc sống sắp tới sẽ được dệt toàn bằng những phút giây ân sủng nó...

Chuỗi những ánh mắt và gương mặt nối tiếp kia cứ chốc chốc bị xuyên qua bởi hình ảnh một phụ nữ nét mặt đều đặn tinh tế, màu máu xám. Lúc đầu còn trẻ trong các albom cũ nhất, nụ cười của bà thấm đượm vẻ quyến rũ bí mật của “petite pomme”. Tiếp đó, với tuổi tác, trong các albom càng lúc càng mới và gần với bây giờ, cái vẻ ấy mờ nhạt dần, nhuốm chút u buồn và thuần phác.

Chính người phụ nữ ấy, người đàn bà Pháp lưu lạc giữa mệnh mông tuyết phủ nước Nga, là người đã bày cho chung quanh cái tiếng để làm đẹp kia. Bà ngoại tôi đây Bà sinh ở Pháp vào đầu thế kỷ, trong gia đình ông Norbert và bà Albertine Lemonnier. Cái bí mật của “petite pomme” chắc hẳn là truyền thuyết đầu tiên làm tuổi thơ chúng tôi xiết bao thích thú và cũng là một trong những lời đầu tiên của cái ngôn ngữ mà mẹ tôi gọi vui là “tiếng bà ngoại đẻ” của chúng mày.

Một hôm tôi tình cờ nhìn thấy một bức ảnh lẽ ra tôi không nên nhìn... Tôi đang nghỉ hè tại nhà bà ngoại trong cái thành phố ven thảo nguyên Nga nơi bà trôi giạt đến sau chiến tranh. Bây giờ sắp tới buổi hoàng hôn hè nóng nực kéo dài tỏa khắp nhà một ánh sáng màu tím nhạt. Cái ánh sáng hơi huyền ảo ấy dội lên những bức ảnh tôi đang xem cạnh cửa sổ mờ. Các ảnh này cũ nhất trong albom, Chúng vượt qua cả cái mốc xa lơ xa lắc là cuộc cách mạng năm 1917, làm sống lại thời các Sa hoàng, không những thế, còn chọc thủng bức màn sắt rất kiên cố hồi bấy giờ, lúc thì đưa tôi lên bậc thềm một nhà thờ gỗ tích, lúc dẫn tới những lối đi một khu vườn vuông vức ngang hàng thẳng lối không chệch vào đâu được khiến tôi lạ mắt đến ngẩn ngơ. Tôi đang chìm sâu vào pho tiền sử gia đình...

Rồi đột nhiên, bức ảnh nọ!

Tôi nom thấy nó khi chỉ do tò mò, tôi mở một chiếc phong bì lớn kẹp giữa trang cuối và tấm bìa. Đó là cái mớ ảnh mà thông thường người ta cho không đáng dán lên các trang các tông ram ráp, in những phong cảnh không còn nhớ chụp ở đâu, những gương mặt chung chung không gợi lên tình cảm hoặc kỷ niệm. Mớ ảnh mà mỗi lần người ta tự nhủ ngày nào đó phải lọc bớt để quyết định số phận của những linh hồn hắt hiu cô quạnh kia.

Chính là giữa những con người xa lạ và những phong cảnh vùi vào quên lãng nọ mà tôi nom thấy bà ta. Một phụ nữ trẻ, ăn mặc tương phản kỳ quặc với vẻ thanh lịch của những nhân vật ở các bức ảnh khác. Bà ta bận chiếc áo bông dày cộm xám xịt, đội mũ lính đàn ông hai mảnh che tai buông thõng. Bà bế trên ngực một em bé bọc kín trong chăn len.

Tôi kinh ngạc tự hỏi: “Cách thế nào mà người đàn bà này lón đợc vào giữa đám các ông bận lễ phục và các bà váy áo dạ hội kia ấy nhỉ?” Rồi lại quanh bà ta trên các bức ảnh khác, là những đại lộ tráng lệ, những hàng cây cột lớn, những phong cảnh Địa Trung Hải. Sự hiện diện của bà cứ như là không hợp thời, không đúng chỗ, khó hiểu. Trong khung cảnh gia đình thời bấy giờ, bà có vẻ như khách không mời mà đến, với kiểu áo váy lố lăng hết như ngày nay chỉ các bà thu dọn tuyết mùa đông ngoài đường mới ăn vận như vậy...

Tôi không nghe tiếng chân bà tôi đi vào. Bà đặt tay lên vai tôi. Tôi giật thột, tiếp đó chỉ vào bức ảnh, hỏi:

- Người đàn bà này là ai hả bà?

Một ánh hoàng hôn lướt qua trong mắt bà tôi vốn luôn luôn bình tĩnh. Bằng một giọng hầu như uể oải bà đáp lại bằng câu hỏi:

- Người đàn bà nào?

Chợt cả hai bà cháu giống tai lắng nghe. Có tiếng sột soạt kỳ lạ vang khắp phòng. Bà tôi quay nhìn và kêu lên giọng vui vẻ, hình như thế:

- Cái đầu lâu! Trông kia, cái đầu lâu!

Tôi nom thấy một con bướm lớn màu nâu, thứ bướm thường xuất hiện lúc hoàng hôn, nó đập cánh cố húc vào mặt kính tưởng nhầm là khoảng trống. Tôi vớ tay lao tới, cảm thấy trước cặp cánh nhưng của nó mon buồn buồn trong lòng bàn tay... Đúng lúc ấy tôi nhậm ra con bướm này to dị thường. Tôi lại gằn và buột kêu:

- Có hai con cơ đấy! Sinh đôi dính vào nhau!

Quái thật, hai chú bướm dường như cột vào nhau. Thân mình chúng rung lên dữ dội. Tôi ngạc nhiên thấy cặp bướm chẳng chú ý gì đến tôi, cũng chẳng tìm cách thoát. Trước khi chớp được nó, tôi kịp nhận ra những chấm trắng trên lưng nó, nom quả như chiếc đầu lâu.

Hai bà cháu không còn chuyện trò về người đàn bà bận áo bông nữa. tôi dõi nhìn con bướm đêm bay lên trong bầu trời nó phân thành hai và tôi hiểu, trong chùng mực một đứa trẻ mười tuổi có thể hiểu, tại sao chúng lại dính vào nhau như vậy. Về thảng thốt của bà tôi giờ đây về như có lý do.

Chuyện hai con bướm đêm lẹp nhau đưa trí tôi về với hai kỷ niệm rất xưa cũ và bí ẩn nhất của thời thơ ấu. Kỷ niệm thứ nhất, lần lên hồi tám tuổi, thâm tóm trong vại lờn một bài hát cũ bà tôi cứ thì thầm hơn là cất lên tiếng hát, một đôi khi ngồi trên ban công, đầu cúi xuống đồ khâu, đang mạng lại cổ hoặc thừa lại khuy. Chính mấy câu chót khiến tôi thích mê:

... Và ở đó đôi ta sẽ ngủ

Cho đến ngày tận thế

Giấc ngủ cặp tình nhân dài đến vậy vượt quá tầm hiểu biết trẻ nít của tôi. Tôi vốn biết là người chết thì ngủ vĩnh viễn (như cái bà già hàng xóm mà người ta đã giảng giải cho tôi rõ bà qua đời dạo mưa đông như thế nào). Ngủ như cặp tình nhân trong bài hát ư? Tình yêu và cái chết trộn lẫn thành một thứ hợp kim kỳ lạ trong đầu óc tôi. Và vẻ đẹp u buồn của giai điệu, chỉ càng làm tăng thêm niềm bối rối kia. Tình yêu, cái chết, vẻ đẹp... Thế rồi cái cảnh trời chiều này này, ngọn gió này, mùi vị thảo nguyên này, mà

nhờ có bài hát tôi cảm nhận rõ được mọi thứ đó cứ như thể cuộc đời tôi bắt đầu từ giây phút ấy.

Kỷ niệm thứ hai không thể nói rõ thời gian, vì quá xa xôi thậm chí cũng chẳng có cái “tôi” thật cụ thể trong đám mây mù ký ức. Chỉ là cái cảm giác mãnh liệt về ánh sáng, cái hương thơm nồng nàn cây cỏ và những dãy bạc óng ánh kia vạch ngang màu xanh đậm của không khí nhiều năm sau tôi hiểu ra là tơ nhện bay. Mờ hồ, không thể nắm bắt, cái hồi ức này tuy nhiên lại thật thân thiết với tôi, vì dường như tôi tự thuyết phục được rằng đó là điều nhớ lại khi còn trong bụng mẹ. Phải rồi, từ một âm vang do cái dòng dõi Pháp của tôi dội về. Nguyên do là vì trong một câu chuyện bà tôi kể, tôi tìm thấy lại tất cả mọi yếu tố của kỷ niệm này: ánh mặt trời mùa thu trong chuyến bà đi qua xứ Provence, mùi những cánh đồng oải hương và cả những tơ nhện bay óng ánh trong không trung thơm ngát. Tôi sẽ chẳng bao giờ dám thổ lộ với bà về cái linh tính trẻ thơ này.

Đúng vào mùa hè năm sau, một hôm chị tôi và tôi nom thấy bà ngoại khóc... Lần đầu tiên trong đời chúng tôi.

Trong mắt chị em tôi bà như một vị thần công minh nhân từ, luôn luôn bình tĩnh và tuyệt vời thanh thản. Chuyện đời bà, từ lâu đã thành huyền thoại, đặt bà vượt cao hơn những buồn lo trần thế. Đúng vậy, chúng tôi không hề nom thấy một giọt nước mắt. Quá lắm là cái cắn mọi đau đớn, cặp má khẽ giật giật, mí mắt chớp chớp...

Chúng tôi đang ngồi trên thảm phủ đầy mẫu giấy và đang lao vào một trò chơi mê mải: nhặt các viên sỏi bé bọc trong các mẫu giấy trắng đem so với nhau lúc thì một mảnh thạch anh, lúc thì một hòn cuội tron nhẵn. Trên giấy thấy ghi những chữ, mà vì không hiểu chúng tôi cho là những tên khoáng vật bí ẩn: Fécamp, La Rochelle, Bayonne...^[2] Trong một mẫu giấy, chúng tôi lại còn tìm thấy một mảnh quặng sắt ram ráp có vết gì. Đọc cứ như tên một kim loại kỳ lạ “Verdun”^[3]. Nhiều mẫu của sưu tập này đã được mở xem như vậy.

Khi bà ngoại bước vào, trò chơi từ một lúc đã trở nên náo nhiệt hơn. Hai chị em tranh nhau những viên đá đẹp nhất, chúng tôi chập vào nhau xem cái nào rắn hơn, có khi đánh vỡ đôi. Những viên có vẻ xấu xí chẳng hạn như viên “Verdun” thì được vớt qua cửa sổ, lên một bồn thược dược. Nhiều mẫu giấy bị xé toạc...

Bà chúng tôi đứng sững trên cái chiến trường đầy mảnh vụn trắng. Chúng tôi ngược nhìn. Và đúng lúc ấy luồng mắt màu xám của bà dường như đâm lẹ - vừa đủ để nó nhóng nhánh lên khiến chúng tôi nhìn không chịu nổi.

Không, bà chúng tôi chẳng phải là một vị nữ thần. Vậy là bà cũng có thể bị giày vò vì một niềm bực bội, một cơn tuyệt vọng đột ngột. Bà, người mà chúng tôi cứ tưởng tiến bước ung dung trong chuỗi ngày êm ả, cà cũng đôi lúc rung rung nước mắt!

Chính là từ cái mùa hè ấy mà cuộc đời bà ngoại phát lộ trước mắt tôi những khía cạnh mới không ngờ. Và nhất là rất riêng tư.

Trước kia quá khứ của bà thu gồm vào vài ba bùa phép, vài di vật gia đình, chẳng hạn như chiếc quạt lụa nom giống như chiếc là phong mỏng manh, hoặc như cái “túi nhỏ Cầu Mới” đáng ghi nhớ. Truyền thuyết chúng tôi kể rằng cái túi này vốn do Charlotte Lemonnier nhặt được trên chiếc cầu nói trên, lúc đó bà mới lên bốn. Chạy lon xon trước mẹ, con bé đột nhiên đứng dừng kêu lên: “Cái túi!”. Và già nửa thế kỷ sau, giọng vang vang của bà còn vọng lại yếu ớt giữa một thành phố hẻo lánh trong cái mênh mông Nga, dưới mặt trời thảo nguyên. Chính là trong cái túi bằng da lợn này, miệng dính những mảnh men xanh, bà đã cất giữ món sưu tập những viên đá thời xưa.

Chiếc ví cũ kỹ nào đánh dấu một trong những kỷ niệm đầu tiên bà ngoại, và đối với chúng tôi, nó đánh dấu mỗi phát sinh cái thế giới hoang đường trong ký ức bà: Paris, Cầu Mới... Một thiên hà kỳ lạ đang thai nghén, phác những đường viền còn mơ hồ trước con mắt chúng tôi đầy mê hoặc.

Với lại, trong số những dấu tích của quá khứ kia (tôi còn nhớ niềm vô cùng thích thú khi vuốt ve mép mạ vàng mượt bóng những cuốn sách hồng:

Hồi ức chú chó bông, Em gái của Gribouille...) còn có một bằng chứng xưa cũ hơn. Cái bức ảnh nọ, chụp lúc đã về sống ở Xibêri: bà Albertine, ông Norbert và phía trước hai người, bà Charlotte lúc lên hai trùm chiếc mũ viền đăng ten, mặc áo búp bê, đặt ngồi trên một vật tựa rất sơ sài kiểu đồ đạc thợ ảnh thường có, một cái bàn xoay cao nghêu. Bức ảnh dán trên tờ các tông dày, mang tên người thợ ảnh và hình các huy chương được thưởng, khiến chúng tôi rất đổi băn khoăn: “Có gì chung kia chứ, giữa người đàn bà tuyệt đẹp, gương mặt thuần khiết thanh tú, tóc buông óng ả, và ông già nọ với bộ râu bạc bện thành hai bím nom giống cặp nanh con hải mã?”

Chúng tôi cũng biết ông già này, tức cụ cố chúng tôi, hơn bà Albertine hai mươi sáu tuổi. “Cứ như thế ông cụ lấy con gái mình ấy!” chị tôi bực tức bình luận. Chúng tôi coi cuộc hôn phối này có vẻ hỗn tạp, không lành mạnh. Sách học ở trường đầy rẫy những chuyện cưới xin giữa một cô gái không hôn môn và một ông già giàu có, keo kiệt và hám trẻ. Đến mức chúng tôi tin trong xã hội tư sản, không thể có tình huống hôn nhân nào khác. Chúng tôi cố vạch tìm trong vẻ mặt ông Norbert một nét độc địa thâm bôn nào đấy, một cái nhăn mặt mãn nguyện không thể giấu. Nhưng mặt ông vẫn điềm đạm trung thực như mặt các nhà thám hiểm can trường trong các minh hoạt truyện Jules Verne. Và chẳng ông già râu bạc hồi bấy giờ mới bốn mươi tám tuổi.

Về phần Albertine, được giả thiết như nạn nhân các thói tục tư sản, chẳng bao lâu sau bà đã đứng trên mép nhẵn một huyết mộ nơi những xéng đất đầu tiên bay tung lên. Theo như kể lại, bà giãy dựa rất dữ trong tay những người ngăn cản, kêu gào thảm thiết đến mức đám người Nga đưa tang trong cái nghĩa địa thành phố Xibêri xa xôi này đâm bàng hoàng sững sốt. Những người này vốn quen với cảnh huyền não bi thương lễ tang trên đất nước mình, với những dòng nước mắt lã chã và những lời than vãn thống thiết, họ đâm sững sờ trước vẻ đẹp khổ đau quằn quại của người phụ nữ Pháp trẻ kia. Nghe kể là bà vật vã trên huyết mộ vừa khóc lóc trong ngôn ngữ lạnh lạnh quê bà: “Ném tôi xuống! Cho tôi chết theo!”.

Tiếng khóc than thê thảm ấy còn âm vang rất lâu trong tai bọn trẻ chúng tôi.

- Có lẽ là... bà cũng yêu ông ấy...,chị tôi có lần bảo. Và đỏ mặt.

Nhưng đáng chú ý hơn cả cái cuộc hôn phối khác thường giữa ông Norbert và bà Albertine, chính Charlotte trên bức ảnh chụp hồi đầu thế kỷ, mới gọi sự tò mò trong trí tôi. Đặc biệt là những ngón chân trần cô bé, Do tình vờ hoặc vô tình làm dáng, cô bé đã quặp mấy ngón chân thật chặt. Chi tiết vật này tạo một ý nghĩa đặc biệt cho bức ảnh vốn cũng rất bình thường. Không biết cách diễn tả ý nghĩa, tôi đành nhắc đi nhắc lại trong bụng, giọng mơ màng: “Cái cô bé đặt ngòai chẳng biết tại sao trên chiếc bàn tròn một chân kỳ cục này, vào cái ngày hè đã biến vào vĩnh viễn, ngày 22 tháng tư 1905 ấy, nơi hang cùng ngõ hẻm Xibêri. Phải, cái cô bé Pháp nhỏ xíu hôm ấy ăn mừng tròn hai tuổi, cái cô bé đang nhìn bác thợ ảnh và tự dung vô tình quặp những ngón chân bé không tưởng tượng được và nhờ đó giúp tôi thâm nhập vào cái ngày ấy, ném bắt khí hậu của nó, thời tiết của nó sắc màu của nó...”

Tôi nhắm mắt, cảm thấy sự hiện diện của cô bé mới huyền diệu biết bao đến độ làm chóng mặt.

Cô bé ấy... là bà của chúng tôi. Phải, đúng là bà, người đàn bà mà chiều nay chúng tôi thấy ngòai xồm lạng lẽ thu nhặt các mảnh đá rải rác trên thảm. Sừng sốt và ngượng ngùng, chị em tôi đứng dậy, lưng dựa vào tường, chẳng dám thốt một lời xin lỗi hoặc giúp bà nhặt nhanh các mẫu bùa phép vương vãi. Chúng tôi đoán trong đôi mắt sập xuống kia đang rơm rớm lệ...

Cái buổi chiều chơi trò phá phách bắt kính ấy, chúng tôi thấy đôi diện chúng tôi không phải bà tiên hiền lành thuở nào, thường kể chuyện Con yêu Râu xanh hoặc Người đẹp ngủ trong rừng gì đó mà là một người phụ nữ dễ bị thương tổn và mãi cảm mặc dù đầy nghị lực. Với bà, đó là cái giây phút đau khô khi một người lớn đột nhiên tự phát lộ, phô bày chỗ yếu của mình, cảm thấy như ông vua trần truồng trước con mắt chăm chú đứa trẻ. Lúc bấy giờ con người ấy giống như kẻ làm xiếc trên giây vừa bước hụt, và trong mấy giây loạng choạng, cưỡng lại được là chi do ánh mắt dõi nhìn hồi hộp của chính khán giả...

Bà khép lại cái “túi Cầu Mời”, cất vào buồng, rồi gọi chúng tôi ngòai vào bàn ăn. Sau một lát im lặng, bà bắt đầu nói, giọng đều đều trầm tĩnh, bằng tiếng Pháp, vừa chuyện trò vừa rót trà cho chúng tôi thói quen.

- Trong số các viên đá các cháu vớt, có một viên bà rất mong tìm lại được...

Và vẫn cứ cái giọng bình tĩnh ấy, vẫn bằng tiếng Pháp, trong các bữa ăn chúng tôi thường hay chuyện trò bằng tiếng Nga (vì có bạn bè hoặc láng giềng thường đến bất ngờ), bà kể cho chúng tôi nghe cuộc điều binh của Đại Đoàn và câu chuyện viên đá nêu tên “Verdun”. Chúng tôi chỉ hiểu lơ mờ ý nghĩa câu chuyện chính cái giọng kể mê hoặc chúng tôi. Bà ngoại nói với chúng tôi như nói với người lớn! Chúng tôi chỉ còn hình dung thấy một viên sĩ quan đẹp để râu mép tách khỏi hàng điều binh mừng chiến thắng, tiếng tới trước một người phụ nữ chệt giữa cái đám đông nhiệt húng và tặng cô tan một mảnh kim loại nêu...

Sau bữa cơm tối, tôi mang đèn pin ra xăm xoi từng ly từng tý cái bồn thược dược trước nhà nhưng vô hiệu, chẳng thấy mẫu “Verdun”. Sáng hôm sau tôi tìm thấy nó trên vỉa hè một mẫu sắt giữa mấy mẫu thuốc lá, mảnh chai, vệt cát. Đuôi mắt tôi, nó như bứt ra khỏi cái mớ kê cận tầm thường kia, tựa hồ một thiên thạch đến từ một thiên hà xa lạ suýt nữa lẫn vào với những viên cuội sỏi đi...

Như thế đấy, chúng tôi đoán ra những giọt nước mắt thầm bà ngoại và lính cảm thấy sự tồn tại trong tim bà hình bóng anh chàng si tình xa xưa người Pháp đã đến với bà trước ông ngoại Fiodor. Phải, một sĩ quan đóm đáng thuộc Đại Đoàn, một người đã đặt vào tay Charlotte mảnh sắt nhám “Verdun”. Sự phát hiện này khiến chúng tôi bối rối. Chúng tôi cảm thấy gấn bó với bà ngoại bởi một bí mật mà không một ai khác trong gia đình được biết. Phía sau bảng ghi ngày tháng, phía sau những mẫu chuyện truyền thuyết gia đình, giờ đây chúng tôi nghe ri tuôn âm ỉ sự sống trong tất cả vẻ đẹp bi thương của nó.

Buổi chiều, chúng tôi đến tìm bà ở chỗ ban công bé cạnh buồng. Trông đầy hoa, chiếc ban công này như treo lơ lửng giữa đám sương mù nóng nực thảo nguyên. Một mặt trời rùng rục màu đồng sà xuống chân trời, dần dà chốc lát, rồi lặn nhanh chóng. Mấy ngôi sao đầu tiên run rẩy trong bầu trời. Mùi hương cây cỏ nồng nàn thấm thía hay lên tận chúng tôi theo với gió chiều hây hây.

Mọi người im lặng. Bà chúng tôi tranh thủ trời còn sáng, mang chiếc sơ mi nữ trải trên đầu gối. Rồi khi cảnh vật đã thấm đượm bóng tối mênh mang, bà ngừng đầu ngừng công việc, luồn mắt đắm trong xa xôi cánh đồng mù sương. Không dám phá ngang im lặng của bà, chốc chốc chúng tôi đưa mắt lên nhìn: bà sắp kể với chúng mình một điều tâm sự mới, thậm kín hơn chẳng hoặc giả, cứ như không xảy ra chuyện gì, bà cầm cây đèn có chao màu ngọc lam ra, đọc vài trang truyện Daudet hoặc Jules Verne như bà thường làm các đêm hè dài đặc? Không hề thú nhận với mình, chúng tôi rình đợi lời nói đầu tiên của bà, giọng điệu của bà. Trong trạng thái chờ đợi giống kiểu chăm chú của khán giả đối với người làm xiếc leo dây xen lẫn một sự tò mò ít nhiều khe khắt và một niềm bứt rứt mơ hồ. Chị em tôi có cảm giác giăng bẫy bà, bà thì đang đơn độc đối mặt với chúng tôi.

Trong lúc ấy bà dường như thậm chí chẳng quan tâm đến sự hiện diện căng thẳng của chị em tôi. Tay bà vẫn đặt bất động trên đầu gối, ánh mắt hòa tan vào bầu trời trong suốt. Một thoáng cười mỉm rạng trên môi...

Dần dà chúng tôi cũng buông chìm vào cái im lặng ấy. Cúi người trên bao lơn, chúng tôi giương to mắt cố nhìn được càng nhiều khoảng trời càng tốt. Chiếc ban công khế chòng chành, hẫng đi dưới bàn chân, bắt đầu bay lượn. Chân trời dịch gần lại cứ như thể chúng tôi lao tới nó xuyên qua làn hơi đêm.

Ngay phía trên đường chân trời chúng tôi nhận ra cái ánh lấp lánh nhợt nhạt tưởng chừng như những vẩy sóng lăn tăn trên mặt một cong sông. Không tin ở mắt mình, chúng tôi dò tìm bóng tối đang dâng đầy trên chiếc ban công bay. Đúng thế, một khoảng nước đen thẫm lung linh nơi tận cùng thảo nguyên đang dâng lên, tỏa cái mát lạnh chen vị chát của mưa rào. Cái khoảng nước ấy dường như sáng dần lên một thứ ánh sáng mờ đục mùa đông.

Bây giờ chúng tôi thấy mọc lên từ cái mặt biển kỳ ảo ấy những khối đen tòa nhà, những chóp tháp nhà thờ, những cọc đèn đương một thành phố! To lớn, hài hòa cân đối mặc dù nước ngập mọi đường phố, một thành phố ma xuất hiện trước mắt chúng tôi...

Đột nhiên chúng tôi nhận ra là ai đó nói chuyện với chúng tôi đã được một lúc rồi! Chính bà ngoại đang nói!

- Hồi ấy bà cũng trạc tuổi các cháu bây giờ. Ấy là vào mùa đông năm 1910. Sông Seine đã biến thành một cái biển thực sự. Dân Paris đi lại bằng thuyền. Đường phố giống như những dòng sông, các quảng trường biến thành hồ. Và điều làm bà ngạc nhiên nhất, là sự lặng im...

Trên ban công, chúng tôi nghe sự lặng im thiu thiu ngưng trệ của Paris ngập lụt. Vài tiếng sóng lóc bóc khi thuyền đi qua, một giọng nói âm vang đầu đường phố chìm trong nước.

Nước Pháp của bà chúng tôi, tựa hồ một Atlantide^[4] mù sương đang xuất hiện trên mặt sông.

- Cả đến ông Tổng thống cũng phải ăn thức ăn nguội!

Đó là câu nói thoát tiên vang lên giữa thủ đô cái nước Pháp Atlantide của chúng tôi. Chúng tôi hình dung một ông già đáng kính gương mặt vừa giống vẻ chững chạc cao quý của cụ cố Norbert chúng tôi vừa đượm cái oai vệ kiêu hoàng đế Ai Cập cổ xưa của Staline một ông già râu bạc, ngồi bên bàn dưới ánh sáng rầu rĩ ngọn nến.

Tin này được mang đến do cái người đàn ông trạc bốn mươi, mắt linh lợi, dáng vẻ tự tin, xuất hiện trên các bức ảnh trong những an bom cũ nhất của bà ngoại. Đi thuyền tới cạnh một toà nhà, ông ta bắc thang trèo lên cửa sổ tầng hai. Đó là Vincent, cậu của bà Charlotte, phóng viên tờ *Excelsior*. Từ khi bắt đầu xảy ngập lụt, ông ta ngang dọc các đường phố thủ đô sẵn sự kiện nổi bật trong ngày. Bữa ăn nguội của Tổng thống là một trong số đó. Chính là từ chiếc thuyền của Vincent mà bức ảnh ngộ nghĩnh của chúng tôi nhìn thấy trong một mảnh báo vàng ệnh đã được chụp: ba người đàn ông trong một chiếc thuyền mỏng manh trên khoảng nước mênh mông vây bọc các ngôi nhà. Chú thích ghi: “Ba nghị sĩ đi họp Quốc hội”

Vincent leo qua bậc cửa sổ nhảy vào vòng tay cô chị Albertine vào cháu Charlotte, hai mẹ con đang trú tại nhà ông lúc đến Paris... Đảo Atlantide, trước đây vắng lặng, lúc này đầy ắp âm thanh, xúc cảm, chuyện trò. Mỗi chiều tối, những câu chuyện kể của bà chúng tôi giải phóng một mảnh của cái thế giới đã bị thời gian nhấn chìm kia.

Rồi lại có cái kho báu rất kín kia nữa. Cái chiếc va li đầy những giấy má cũ mà mỗi khi mạo hiểm bò vào gầm giường bà Charlotte, cái mảng to bè của nó khiến chúng tôi đăm hồi hộp. Chúng tôi vặn ô khóa, mở nắp. Bao nhiêu giấy tờ linh tinh bẽ bộn! Cuộc sống người lớn, trong tất cả vẻ buồn chán và nghiêm chỉnh đáng ngờ của nó, khiến chúng tôi nghít thở vì mùi hấp hơi và bụi bặm... Làm sao mong được là giữa mớ báo cũ, giữa mớ thư

từ của bà để những ngày tháng khó mà tưởng tượng nổi, chỉ ít tìm ra được bức ảnh ba ông nghị sĩ ngồi trong thuyền?

Chính ông Vincent đã truyền cho Charlotte cái thú đọc các bài phóng sự kia và khuyến khích cháu sưu tập chúng bằng cách cắt trong báo các hình ảnh phù du của thực tế kia. Chắc ông nghĩ, với thời gian chúng sẽ càng nổi bật nét riêng đặc sắc, như các đồng hào bạc đượm lớp hoen qua các thế kỷ vậy.

Trong một chiều mùa hạ đầy ắp hương thơm đồng nội, câu chuyện của một khách qua đường dưới ban công lôi chúng tôi ra khỏi cơn mơ mộng.

- Minh thề với cậu, người ta đã nó ở đài mà! Ông ấy đã đi ra ngoài không gian.

Và tiếng người khác, giọng hoài nghi, vừa đi xa vừa đáp:

- Cậu tưởng mình là thằng ngốc hay sao? “Ông ấy đã đi ra...” Nhưng trên ấy, thì có gì để mà đi ra kia chứ. Nói thế bằng như nhảy từ máy bay không dù.

Cuộc tranh cãi này đưa chúng tôi trở về với thực tế. Quanh chúng tôi trải rộng cái vương quốc nga to lớn phi thường, đặc biệt kiêu hãnh về công cuộc thám hiểm cái bầu trời vô cùng tận trên đầu chúng tôi. Một vương quốc với quân đội hùng mạnh ghê gớm, những tàu nguyên tử phá băng xẻ dọc ngang Bắc cực, những xí nghiệp chẳng bao lâu nữa sẽ sản xuất một lượng thép bằng tất cả các nước trên thế giới gộp lại, những đồng lúa mì lượn sóng từ Biển Đen đến Thái Bình Dương... Với cánh đồng thảo nguyên kia kéo dài vô tận...

Và trên chiếc ban công này, một phụ nữ Pháp nói với chúng tôi về chiếc thuyền đi ngang qua một thành phố lớn ngập lụt ghé bên bức tường một tòa nhà... Chúng tôi cựa mình có hiểu xem mình đang ở đâu. Đây ư? Hay ở đó? Trong tai chúng tôi tất ngấm tiếng lao xao của sóng.

Không, chẳng phải lần đầu chúng tôi cảm nhận sự phân thân kia trong đời mình. Sống cạnh bà chúng tôi đã có nghĩa là cảm thấy sống ở nơi xa. Bà đi qua sân mà không bao giờ ghé ngồi ở ghế băng các bà giác Nga, cái thiết chế mà không có nó sân Nga không thể hình dung được. Điều này không hề ngăn bà chào hỏi các bà kia rất thân tình, thăm hỏi sức khỏe một bà mấy hôm rồi chưa gặp, hoặc giúp họ chút đỉnh bằng cách mách bảo, chẳng hạn, cách khử vị chớm chua ở nắm sữa mặ... Nhưng trong khi nói với họ những lời nhã nhặn, bà vẫn đứng... Và các bà già thích chuyện trò trong sân chấp nhận thái độ khác biệt ấy. Mọi người hiểu là bà Charlotte chẳng phải hoàn toàn một babouchka^[5].

Điều này không có nghĩa bà sống cách biệt với mọi người hoặc bà vâng theo một thành kiến xã hội nào đó. Mỗi sáng sớm, đôi khi chúng tôi bị bứt khỏi giấc ngủ trẻ thơ bởi một tiếng gọi lạnh lói vang giữa sân:

- Ra nhận sữa nào!

Xuyên qua giấc ngủ, chúng tôi nhận ra tiếng và nhất là giọng điệu của Avdotia, chị bán sữa đến từ làng bên. Các bà nội trợ xách bi đông chạy tới cạnh hai chiếc thùng to tương bằng nhôm do chị nông dân to khỏe tuổi khoảng năm mươi này chở từ nhà này sang nhà nọ. Một hôm, bị tiếng gọi đánh thức, tôi không ngủ lại được... Tôi nghe tiếng đập cửa và những giọng thàm thì lọt vào phòng ăn. Lát sau một tiếng đàn bà khẽ thốt giọng buông thả khoan khoái:

- Ôi bà Choura, nhà bà mới thích làm sao! Cứ như nằm trên mây ấy...

Nghe vậy tôi đâm tò mò, liếc nhìn sau tấm màn ngăn căn phòng. Chị Avdotia, nằm dài trên sàn, chân tay dang rộng, mắt lim dim. Tất cả con người chị - cặp chân trần đầy bụi, cho đến cả mái tóc rải xòa trên đất đang nằm xoài nghỉ ngơi hết sức thoải mái. Một nụ cười lơ đãng phảng phất trên cặp môi hé.

- Ôi nhà bà mới thích làm sao, bà Choura! Chị khẽ lạp lại, gọi bà tôi bằng tên tắt thường là thay cho cái tên họ khó nhớ.

Tôi đoán về mặt mỗi của cái thân hình đàn bà to lớn ngã nhào giữa phòng ăn. Tôi hiểu chị Avdotia tự cho phép buông thả như vậy chỉ là ở trong buồng bà tôi. Vì tin chắc không bị mắng mỏ hoặc khinh thường... Chị vừa làm xong nhiệm vụ hàng ngày, lưng còng dưới sức nặng những cái thùng to tướng. Và khi đã giao xong sữa, chị lên phòng “bà Choura”, chân liệt bại, cánh tay nặng chịch. Sàn ván luôn luôn sạch sẽ, để trần, vẫn còn giữ cái mát mẻ ban mai dễ chịu. Avdotia bước vào, chào bà tôi, và tụt đôi giày to kèn, nằm lăn ngay trên đất. “Choura” mang đến cho chị cốc nước, ngồi cạnh chị trên chiếc ghế đầu. Và hai người dịu dàng trò chuyện với nhau trước khi Avdotia lấy lại được can đảm lên đường.

Hôm ấy tôi nghe lời bà tôi nói với chị bán sữa mệt lả đang nằm choài khoan khoái. Hai người phụ nữ trao đổi với nhau chuyện đồng áng, chuyện thu hoạch lúa kiều mạch... Và tôi thật kinh ngạc khi nghe bà Charlotte nói về cảnh sống nông thôn rất đổi thông thạo. Nhưng đặc biệt tiếng Nga của bà, luôn luôn rất trong trẻo, rất tinh tế, chẳng tương phản tạo nào với ngôn ngữ đậm đà, sù sì và đầy hình ảnh của chị Avdotia. Cuộc trò chuyện cũng nhắc đến chiến tranh, cái đề tài không thể tránh: chồng chị bán sữa chết ở mặt trận. Gặt hái, lừa kiều mạch, Stalingrad... Thế mà tôi nay, bà lại sắp nói với chúng tôi về Paris ngập lụt hoặc đọc vài trang truyện Hector Malot cơ đấy! Tôi cảm thấy một quá khứ xa xôi, mờ tối lần này là quá khứ Nga thức dậy trong chiều sâu cuộc sống xưa cũ của bà.

Chị Avdotia đứng dậy, ôm hôn bà tôi và lại ra đi trên con đường dẫn chị xuyên qua các cánh đồng vô tận, dưới mặt trời thảo nguyên, trên chiếc xe ngựa chở hàng chìm lấp trong đại dương có cao và hoa đồng nội. Lần này khi chị đi ra, tôi thấy chị đưa những ngón tay nông dân to bậm với vẻ rứt rứt thậm trọng sờ lên bức tượng xinh xắn trên tủ thấp cạnh cửa ra vào: một nữ thần sông núi thân mình óng ả với nhiều dây leo quấn quýt, cái bức tượng bé thời đầu thế kỷ, một trong những di vật quý báu hiếm hoi được bảo tồn như nhờ phép lạ.

Điều này nói ra thật kỳ lạ, nhưng chính nhờ cái lão say rượu địa phương Gavrilitch mà chúng tôi khám phá ra ý nghĩa của cái “nơi khác” riêng biệt khác thường bà tôi vốn thường áp ủ. Đó là một người mà chỉ nhắc thấy cái bóng dáng lão loạng choạng đột nhiên xuất hiện sau rặng phong ngoài sân ai này đã đâm hốt. Một người thách thức cảnh sát bằng cách làm tắc nghẽn

giao thông nơi đường cái lớn với kiêu đi ngừng ngoảnh chữ chi, một người chuyên gây gỗ quất tháo với các nhà chức trách, chửi rủa âm âm như sấm làm rung cửa kính và quét tắt thảy các bà già khỏi ghế băng. Vậy mà chính cái lão Gavrilytch ấy hề giáp mặt bà tôi liền đứng lại, cổ hít vào cái hơi thở sặc mùi vốt ca và nói từng tiếng với một vẻ trọng vọng đặc biệt:

- Chào bà ạ, bà Charlotte Norbertovna!

Vâng, lão là người duy nhất trong sân gọi bà bằng cái tên tục Pháp, quả có Nga đi ít nhiều. Không những thế, lão lại còn nhớ được, chẳng rõ từ bao giờ và cách thế nào, tên ông cụ của Charlotte và lão pha chế thành cái tên họ ngoại lai “Norbertovna” cực điểm của sự lễ độ và vồn vã ân cần trên miệng lão. Cặp mắt mờ đục rạng lên, cái thân hình khổng lồ lấy lại được thăng bằng tương đối, đầu gật gật lia lia có hơi hỗn độn, và lão vất cái lưỡi ngâm trong rượu thực hiện trò nhào lộn bằng âm thanh này:

- Bà khỏe chứ, thưa bà Charlota Norbertovna?

Bà tôi chào đáp lại, thậm chí còn trao đổi với lão vài lời không phải không mang ẩn ý khuyên răn. Sân nhà vào lúc ấy có một vẻ mặt rất kỳ lạ: các bà già bị cuộc bước lên sân khấu giông bão của lão say xua đuổi, lách vào bậc cấp ngôi nhà gỗ lớn đối diện với toàn nhà chúng tôi, bọn trẻ thì nấp sau các gốc cây, trong các cửa sổ người ta nom thấy những gương mặt nửa tò mò, nửa khiếp sợ. Và trên trường đấu, bà chúng tôi tranh luận với một Gavrilytch đã thuần hóa. Và lại lão vốn không phải thằng ngu xuẩn

Từ lâu lão đã hiểu vai trò của lão vượt lên trên sự say nhà và đôi co âm ỉ. Lão cảm thấy như thế mình cần thiết cho sự an lạc tinh thần trong sân. Gavrilytch đã thành một nhân vật, một kiêu người, một hiện tượng kỳ lạ - kẻ phát ngôn của cái số phận bất trắc, ngông cuồng, thứ niềm tin xiết bao da diết với tâm tình Nga. Thế rồi đột nhiên, xuất hiện người phụ nữ Pháp kia, với ánh nhìn trầm tĩnh trong cặp mắt xám, váy áo giản dị nhưng thanh lịch, thân hình mảnh dẻ khác hẳn các bà cùng tuổi, cái đám bà già mà lão ta vừa xua khỏi sào đậu.

Một hôm, muốn nói với Charlotte một điều gì khác hơn câu chào đơn giản, lão húng hắng ho trong nắm tay to che miệng và làm bầm:

- Thế đấy bà Charlota Norbertovna, ở đây bà thật là đơn độc giữa cái thảo nguyên của chúng tôi.

Chính nhờ câu nói vụng về ấy mà tôi có thể hình dung (điều mà đến giờ tôi chưa hề làm) cảnh bà ngoại khi không có chúng tôi, vào mùa đông, một thân một mình trong phòng.

Giá như ở Matxcova hoặc Lêningrát, mọi sự sẽ diễn ra khác đi. Cảnh đám đông hỗn tạp thành phố lớn sẽ đang về ở tại cái thành phố của Charlotte.

Nhưng bà lại đang về ở tại cái thành phố Saranza nhỏ bé này, nơi lý tưởng để sống những chuỗi ngày giống hệt nhau. Cuộc đời dĩ vãng của bà hiện về mãnh liệt, cứ như vừa mới hôm qua.

Saranza là vậy; vẻ sững sờ trong niềm kính ngạc sâu xa nơi rìa thảo nguyên trước cái vô tận trải ra trước mặt. Những ngã đường dốc cong, bụi bặm, không ngớt leo lên các ngọn đồi, những hàng rào gỗ dưới màu xanh vườn tược. Ông mặt trời. Những cảnh vật ngái ngủ. Những khách đi đường đột nhiên xuất hiện ở một đầu phố tưởng như đi mãi đi mãi vẫn không tới được ngang tầm bạn.

Nhà bà tôi ở ven thành phố, tại một khu gọi là “Rừng thưa Phía Tây”: một sự trùng hợp như vậy (Phía Tây Châu Âu Pháp) khiến chúng tôi rất thích thú. Toàn nhà ba tầng kia xây vào những năm mà theo dự án của ông thị trưởng nhiều tham vọng, sẽ mở đầu cho việc kẻ một đại lộ mang dấu ấn phong cách hiện đại.

Phải, toàn nhà là một phiên bản mơ hồ một đầu thế kỷ. Có thể nói tất cả các khúc quanh, dáng uốn, nét cong của kiến trúc này tuôn chảy mô phỏng theo cái nguồn châu Âu, thế rồi suy yếu đi, phần nào bị gạch xóa, đã tới được nơi xa xôi tận cùng nước Nga này. Và trong gió gá rét thảo nguyên, sự tuôn chảy ấy đã đông cứng thành những cửa sổ mắt bò bầu dục kỳ quặc, những nét trang trí dây hoa hồng bao quanh lối vào... Dự án của ông thị trưởng sáng suốt bị thất bại. Cách mạng Tháng Mười đã chấm dứt hẳn các

khuyh hướng suy đòi của thứ nghệ thuật tư sản kia. Và tòa nhà này một phần nhỏ của đại lộ mơ ước thành ra độc nhất trong thể loại. Và chẳng, sau nhiều lần sửa chữa, nó chỉ còn giữ cái bóng của phong cách buổi đầu. Chính cái chiến dịch do chính quyền phát động “chống những cái thừa thãi về kiến trúc (đang bé tí chúng tôi được chứng kiến việc này) đã đánh đòn chí mạng đối với nó. Mọi cái đều xem như “thừa thãi”: thợ vớt bỏ các nhánh hoa hồng, bít các cửa sổ mắt bò... Và do bao giờ cũng có những kẻ muốn tỏ ra hăng hái (quả nhờ những người này mà các chiến dịch thành công thực sự), ông láng giềng tầng dưới ra sức rút bỏ khỏi tường cái dư thừa kiến trúc hiển nhiên nhất: hai khuôn mặt cô tiên dâng rượu xinh đẹp buồn rầu mỉm cười với nhau bên này bên kia chiếc ban công nhà bà chúng tôi. Muốn đạt được điều đó, ông ta phải thực hiện những kỳ công rất nguy hiểm, đứng cheo leo trên bậu cửa sổ phòng mình tây cầm một dụng cụ dài bằng thép. Hai khuôn mặt lần lượt tách khỏi tường rơi xuống. Một khuôn rơi xuống đường nhựa vỡ vụn, khuôn kia rơi theo kiểu khác, lún vào đám thực được rậm rì nên bót va đập. Đêm xuống, chúng tôi nhặt đưa vào nhà. Từ đó, suốt những đêm hè dài, trên ban công, khuôn mặt đá với nụ cười héo hon và cặp mắt dịu dàng của nó nhìn chúng tôi giữa các chậu hoa và có vẻ như lắng nghe những câu chuyện kể của bà Charlotte.

Phía bên kia sân rợp tán lá bồ đề và cây phong sừng sững một ngôi nhà lớn bằng gỗ hai tầng, đen sạm màu thời gian, với những ô cửa sổ tối tăm vẻ đa nghi. Chính nhà này và những nhà tương tự là cái mà ông thị trưởng muốn xóa bỏ dưới ánh sáng diêm kiều của phong cách hiện đại. Trong ngôi nhà xây từ hai thế kỷ này đang sinh sống các bà già dân dã nhất, đi thẳng từ truyện cổ tích ra với những chiếc khăn quàng dày, những gương mặt tái mét chết chóc, những bàn tay xương xẩu gân như màu xanh đặt nằm trên đầu gối. Đôi khi có dịp đi vào cái ngôi nhà tối tăm kia, tôi thấy ghen ghét trong cổ họng vì cái mùi hăng hăng đậm đặc nhưng không hẳn là khó chịu ngung động trong cách hành lang bộn bề đồ đạc. Đó là cái mùi của cuộc sống xưa cũ tăm tối và rất cổ sơ trong cách thức riêng của nó đón nhận cái chết, sự sinh nở, tình yêu, niềm đau khổ. Một thứ không khí nặng nề, nhưng đầy sức sống kỳ lạ, nói cho cùng là thứ không khí duy nhất có thể thích hợp với các cư dân ngôi nhà gỗ này. Cái hơi thở Nga Bức vào phía trong, chúng tôi ngạc nhiên thấy cơ man cánh cửa ra vào không đối xứng dẫn vào những căn phòng đắm trong bóng mờ mờ như khói. Tôi cảm thấy, gần như

một cảm giác vật chất, cái mật độ thân thể của những cuộc đời xen kẽ lẫn nhau nơi đây. Lão Gavrilytch sống dưới tầng hầm có ba gia đình nữa ở chung. Cửa sổ bé phòng lão nằm ngang mặt đất và cứ xuân đến lại bị cỏ hoang trùm lấp. Các bà già ngồi trên ghế băng cách đây dăm mét, chốc chốc liếc nhìn lo lắng không hiềm lẫn họ trông thấy qua cửa sổ mở cái gương mặt to bạnh của lão “ba bữa”. Đầu lão như trôi từ mặt đất. Nhưng vào những giây lát trầm tư ấy, bao giờ lão cũng yên lặng. Lão ngửa mặt như thể muốn ngắm bầu trời và ánh chiều giữa các cành lá... Một hôm leo lên tận gác xếp ngôi nhà gỗ màu đen ấy, dưới chiếc mái bị mặt trời hun nóng, chúng tôi đẩy cái cánh cửa sập. Phía chân trời, một cơn hỏa hoạn ghé gớm hùng hùng đốt cháy đồng cỏ, trong chốc lát khói bốc mù che kín mặt trời.

Rốt cuộc cách mạng chỉ tạo được một cách tân duy nhất trong cái góc yên tĩnh của Saranza này. Ngôi nhà thờ ở một đầu mút sân bị xén mất vòm mái. Người ta cũng không đi bức bình phong tranh thánh và thay vào đó một khung vuông lụa trắng lớn làm màn ảnh khâu bằng những ri đô trung thu trong một căn phòng tư sản của toàn nhà “suy đồi”. Rạp chiếu bóng *Chiến lũy* sẵn sàng đón các khán giả đầu tiên...

Vâng, bà chúng tôi chính là người phụ nữ có thể chuyện trò yên ổn với Gavrilytch, người phụ nữ chống đối lại mọi chiến dịch và một hôm nói với chúng tôi về rạp chiếu bóng, vừa nói vừa kèm cái nháy mắt: “Cái nhà thờ cụt đầu...” Và chúng tôi cũng đã từng nom thấy phía trên cái phần xây thấp bè (xưa kia thế nào chúng tôi không rõ), mọc lên cái dáng cao dong dỏng của một vòm bát úp và một cây thánh giá.

Chính những dấu hiệu con con như vậy khiến chúng tôi nhận ra sự khác biệt của bà ngoại hơn là cách ăn mặc hoặc dáng ngoài của bà. Còn tiếng Pháp, chúng tôi coi nó như là một thứ phương ngữ gia đình. Suy cho cùng thì mỗi nhà đều có những tật nói năng, những thói riêng ngôn ngữ và những cách gọi biệt danh không bao giờ ra khỏi ngưỡng cửa, nó là thứ tiếng lóng thân mật gia đình.

Hình ảnh về bà ngoại được dệt bằng những nét lạ thường vô hại như vậy đó độc đáo dưới mắt một số người, với những ai khác coi như lố lảng. Cho đến cái ngày một hòn cuội nhỏ đầy vết gi khiến trào lên lóng lánh những

giọt lệ trên mi bà, và tiếng Pháp, thổ ngữ gia đình chúng tôi, nhờ cái thần diệu âm thanh của nó, làm xuất hiện từ những làn nước đen náo động một thành phố huyền ảo đang dần dà trở về với sự sống.

Từ một mệnh phụ gốc gác mờ mịt không thuộc Nga, Charlotte đêm hôm ấy biến thành sứ giá của cái Atlantide bị thời gian chìm ngập.

Neuilly sur Seine gồm một tá căn nhà ghép gỗ tròn. Những isbas^[6] thực sự, mái lợp những thanh mền mỏng bạc lên ánh sáng vì mưa gió mùa đông, với những cửa sổ viền khung gỗ chạm trổ đẹp đẽ, những hàng rào phơi quần áo. Các phụ nữ trẻ gánh nước làm sánh vài giọt trên bụi đường cái. Đàn ông vác những bì lúa mì nặng chất lên xe ngựa. Một đàn bò chậm chạp lừ đừ trở về chuồng Chúng tôi nghe tiếng chuông đeo cổ văng vẳng, tiếng một chú gà trống gáy khàn khàn. Mùi thơm bếp củi dễ chịu mùi bữa cơm tối sắp chín phảng phất trong không gian.

Là vì bà chúng tôi có hôm đã từng nói về thành phố quê bà:

- Ái chà! Neuilly hồi ấy chỉ như một cái làng bình thường.

Bà nói bằng tiếng Pháp, nhưng chúng tôi vốn chỉ từng biết những làng Nga. Và cái làng ở Nga tất yếu phải là một chuỗi nhà gỗ - thậm chí trong tiếng Nga, chữ *dévevnia* (làng) gốc từ *dérévo* (cây, gỗ). Sự lẫn lộn bám dai dẳng trong trí chúng tôi mặc dù sau đó bà ngoại kể thêm nhiều tình tiết. Cứ nghe “Neuilly” là cái làng với những nhà gỗ, đàn bò và chú gà trống của nó lại hiện ra ngay tức khắc. Và khi, mùa hè sau, bà Charlotte lần đầu tiên nói với chúng tôi về một ông Marcel Proust^[7] nào đó “nhân tiện kể, người ta thấy ông ấy chơi quần vợt ở Neuilly, trên đại lộ Bineau”, chúng tôi hình dung anh chàng công tử bột nọ, mắt to mơ màng tình tứ (bà đã chỉ cho xem bức ảnh) giữa những căn nhà ghép gỗ tròn!

Cái thực tế Nga thường hiện ra xuyên qua lớp hoen mỏng manh các từ ngữ Pháp chúng tôi. Ông tổng thống nước Cộng hòa cũng không thoát khỏi một cái gì đó hao hao như Stalin trong bức chân dung ông ta vẽ trong tường tượng. Neuilly đầu rẫy những nông trường viên. Và thành phố Paris đang vợi dần nước lụt mong trong nó một niềm xúc động đặc Nga cái đợt nghỉ xả hơi ngắn ngủi sau cái vui kết thúc một cuộc chiến tranh. Chúng tôi dạo lang thang dọc những đường phố còn ẩm ướt, đầy bùn và cát. Mọi người dọn đồ

đặc quần áo ra trước cửa để hong như người Nga thường làm sau một mùa đông mà họ bắt đầu nghĩ nó kéo dài bất tận.

Thế rồi, khi Paris rạng rỡ trở lại trong hơi xuân mát mẻ mà chúng tôi đoán được mùi vị của nó bằng trực giác một đoàn xe lửa huyền ảo do chiếc đầu máy kết hoa kéo, từ từ dừng lại ở cửa ngõ thành phố, trước tòa lầu nhà ga Ranelagh.

Một người đàn ông trẻ bận áo vét nhà binh giản dị từ toa bước xuống đi trên thảm đỏ trải dưới chân. Cạnh ông là một phụ nữ cũng rất trẻ, áo váy trắng, cổ quàng khăn lông dài kết bằng lông vũ.

Một người đàn ông nhiều tuổi hơn, mặc lễ phục, đeo bộ ria rục rờ, một cuống huân chương màu xanh cài trên ngực, tách khỏi cái đám đông long trọng đứng dưới tòa lầu tiến đến gặp đôi vợ chồng trẻ. Ngọn gió hây hây mỏng trớn những đóa hoa phong lan và mồng gà điểm trang các cây cột, thổi phơ phát chiếc lông cài trên mũ nhưng trắng người phụ nữ trẻ. Hai người đàn ông bắt tay nhau.

Ông chủ của Atlantide, thủ tướng Félix Paure, đón chào Sa hoàng nước Đại Nga Nicolas đệ Nhị và bà vợ.

Chính cặp vợ chồng hoàng đế, bao quanh là tinh hoa của nước Cộng hòa, đã dẫn dắt chúng tôi đi xuyên qua Paris Nhiều năm sau, chúng tôi mới biết rõ niên đại thật của cuộc viếng thăm tôn nghiêm này: Nicolas và Alexandra đến Pháp không phải vào mùa xuân năm 1910, sau trận lụt, mà là tháng mười 1896, nghĩa là rất lâu trước sự phục sinh của Atlantide Pháp chúng tôi. Nhưng cái lôgich thực ấy chẳng mấy quan hệ. Chỉ có cái niên biểu những câu chuyện mà bà chúng tôi kể miên man mới đang ghi nhớ: Một ngày, vào cái thời truyền thuyết của nó, Paris nhô khỏi mặt nước, mặt trời sáng chói và đồng thời chúng tôi nghe tiếng còi tàu phía xa chờ nhà vua. Cái trật tự sự kiện này chúng tôi cho cũng chính đáng chẳng khác sự xuất hiện của Proust giữa đám nông dân Neuilly.

Chiếc ban công bé bà Charlotte bay lượn trong ngọn gió thơm nồng đồng cỏ, nơi ranh giới một thành phố gái ngủ, bị cắt rời khỏi thế giới bằng

cái vắng lặng ngàn năm của thảo nguyên. Mỗi buổi chiều giống như cái bình pha lê cổ dài huyền bí của nhà luyện kim trong đó diễn ra sự biến đổi kỳ lạ của quá khứ. Các yếu tố của trò ảo thuật kia đối với chúng tôi cũng không kém huyền bí hơn các thành phần của hòn đá tạo vàng. Bà Charlotte giở một tờ báo cũ, ghé gần cây đèn có chao mây ngọc lam và đọc cho chúng tôi nghe thực bữa tiệc thết vợ chồng hoàng đế Nga lúc đến Cherbourg:

Potage

Bisque de crevettes

Truite de la Loire braisée au sauternes

Filet de Pré-Saté aux cèpes

Cailles de vigne à la Lucullus

Poulardes du Mans Cambacérès

Granités au Lunel

Punche à la romaine

Bartavelles et ortolans truffés rôtis

Pâté de foie gras de Nancy

Salade

Asperges en branches sauce mousseline

Glaces Succès

Dessert ^[8]

Làm sao giải mã được các câu thần chú bí hiểm kia cơ chứ? *Bartavellet và ortolans! Cailles de vigne à la Lucullus!* Bà chúng tôi thông cảm, tìm những từ tương đương bằng cách gọi lên các thứ thực phẩm rất sơ sài còn có thể tìm thấy ở các cửa hàng Saranza. Khoái chí, chúng tôi nếm hưởng các món ăn tương tượng nọ, điếm tuyệt bằng vị tươi mát mù sương của đại dương (Cherbourg mà lại), nhưng rồi đã phải tắt tươi đuôi theo Sa hoàng!

Như ông, chúng tôi bước vào điện Élysée, đâm hoảng trước cảnh tượng bao nhiêu những bộ lễ phục đen đứng im bất động khi ông bước tới nghĩ xem, hơi hai trăm thượng nghị sĩ và ba trăm hạ nghị sĩ chứ ít à! (Những người làm theo niên biểu chúng tôi, mới cách đây vài hôm thôi, rất cả đi họp quốc hội bằng thuyền...) Giọng bà ngoại, luôn luôn bình thản và thoáng mơ màng, lúc này khẽ rung đợm kịch tính:

- Các cháu có hình dung được không, hai thế giới gặp nhau mặt giáp mặt. (Nhìn ảnh mà xem. Tiếc là tờ báo bị gập nếp quá lâu...) Ủ, một bên là Sa hoàng, ông vua chuyên chế và bên kia các đại biểu nhân dân Pháp! Các đại biểu của nền dân chủ...

Ý nghĩa sâu xa sự đối chiếu này chúng tôi chưa hiểu nổi. Nhưng giờ đây chúng tôi phân biệt rõ, trong số năm trăm ánh mắt nhìn thẳng vào Sa hoàng có những ánh mắt không hẳn ác ý nhưng lại khước từ không tham gia sự hứng khởi chung. Và nhất là, nhân danh cái nền “dân chủ” bí ẩn này, tự cho phép mình làm như vậy! Kiểu bừa bãi xuê xoa này khiến chúng tôi sững sờ. Chúng tôi soi nhìn kỹ vào các hàng lễ phục đen nhằm phát hiện những kẻ phá đám tiềm tàng. Lẽ ra ông Tổng thống phải nhận dạng họ, trục xuất họ bằng cách lôi tuột ra khỏi thềm điện Élysée mới đúng chứ!

Chiều hôm sau, cây đèn bà ngoại lại thấp trên ban công. Chúng tôi thấy tay bà cầm mấy trang báo bà vừa lấy từ chiếc va ly Xibêri. Bà bắt đầu nói, chiếc ban công từ từ tách khỏi tường và bay là là trong bóng tối thoáng hương thơm đồng cỏ.

... Vua Nicolas ngồi ở bàn danh dự trang trí bằng những nhánh mêđiôla tuyệt đẹp. Ông lắng nghe lúc thì lời đối đáp duyên dáng của bà Faure ngồi cạnh phía bên phải, lúc thì giọng nam trung êm mượt của Tổng thống nói với Hoàng hậu. Những ánh pha lê long lanh và cốc chén bằng bạc rỗng lấp

lánh khiến các tân khách lóa mắt... Trong bữa tráng miệng, Tổng thống đứng lên nâng cốc và tuyên bố:

Sự hiện diện của Hoàng thượng giữa chúng tôi, dưới những tiếng hoan hô của tất cả một dân tộc, đã gắn bó những mối liên kết nối liền hai đất nước trong một hoạt động hài hòa và một niềm tin cậy lẫn nhau về vận mệnh chung. Mối liên kết giữa một vương quốc hùng mạnh và một nước cộng hòa cần cù... Cùng cố bởi lòng trung thành đã được thử thách... Là người truyền đạt ý chí toàn thể quốc gia, tôi xin nhắc lại với Hoàng thượng... Cho sự vĩ đại của quý triều đại... Cho hạnh phúc của Hoàng hậu... Tôi nâng cốc chúc mừng Hoàng thượng Nicolas và Hoàng hậu Alexandra Fedorovna.

Ban nhạc đội cận vệ cộng hòa tấu quốc ca Nga... Và đêm hôm ấy, dạ hội tại Opéra là một cuộc đại xung tưng tưng bừng.

Đi theo hai người cầm đuốc, cặp vợ chồng hoàng đế bước lên bậc thềm. Họ tưởng như bước tới giữa ngọn thác người: những đường cong trắng ngà bờ vai phụ nữ, những đóa hoa xòe nở gài trên áo chên, những mái tóc thơm óng ả, những đồ trang sức lấp lánh trên làn da trần, tất cả mọi cái đó trên nền các nhung phục và lễ phục. Tiếng hô “Hoàng đế muôn năm!” vang động nâng bổng vòm trần uy nghi, trộn lẫn chiếc vòm với bầu trời... Cuối buổi trình diễn khi dàn nhạc tấu bài *La Marseillaise*, Sa hoàng quay về phía Tổng thống và giơ bắt tay.

Bà tôi tắt đèn và chúng tôi ngồi ít phút trong bóng tối. Cột đèn ruồi bọ đang cố lao vào lửa đèn tìm cái chết bay đi. Dần dà mắt chúng tôi quen nhìn sự vật. Các vì sao tái tạo lại vẻ lấp lánh. Giải ngân hà đượm chất lân tinh. Và trong một góc ban công, giữa những cành nhánh đậu thơm quăn quýt, cô tiên tế tửu bị giáng trần gửi tới chúng tôi cái nụ cười bằng đá.

Bà Charlotte đứng dừng nơi ngưỡng cửa khẽ thở dài:

- Các cháu biết đây, *La Marseillaise* thực ra chỉ là một bài hành khúc không hơn không kém. Đại khái như các bài hát cách mạng Nga ấy mà. Thời bấy giờ chả ai sợ máu cả.

Bà đi vào phòng và từ trong ấy chúng tôi nghe vẳng ra mấy lời bài ca bà lầm rầm đọc như một bài kinh cầu nguyện kỳ quặc của quá khứ:

- ... *lá cờ máu tung bay... Cầu cho các luống cày thấm đẫm dòng máu thù nơ nhóp...*

Chúng tôi đợi cho vang âm những lời ấy tan vào bóng tối, đoạn đồng thanh buột kêu lên:

- Thế còn Nicolas? Còn ông Sa hoàng? Ông ta có biết bài hát nói gì không ấy nhỉ?

Nước Pháp Atlantide tỏ ra là một thang gam đầy nhạc điệu này, đầy màu sắc, hương thơm. Theo các vị dẫn đường chúng tôi khám phá ra những vẻ khác nhau hợp thành cái tính chất Pháp bí ẩn này.

Điện Élysée hiện ra trong ánh các đèn chùm rực rỡ và các gương lớn lấp lánh. Nhà hát Opéra khiến chúng tôi lóa mắt với những cánh vai trần phụ nữ, ngát ngậy vì mùi nước hoa tỏa từ các mái tóc lộng lẫy. Nhà thờ Notre Dame với chúng tôi là một cảm giác mặt đá lạnh tanh dưới bầu trời náo động. Vâng, chúng tôi hầu như sờ được vào những bức tường ram ráp, lỗ chỗ - như thế một tảng đá khổng lồ tạc bằng tài khéo xói mòn của các thế kỷ...

Các tình tiết được cảm nhận như vậy vẽ nên đường viên còn mơ hồ của vũ trụ Pháp. Cái lục địa nhô lên ấy dần dà chứa đầy sự vật và con người. Bà Hoàng hậu quý quốc một chiếc “ghế cầu kính” bí ẩn nó chẳng gọi cho chúng tôi một thực tại nào đã biết. “Đó là một thứ ghế chân cắt cụt”, bà Charlotte giải thích và hình ảnh chiếc đồ vật bị tiện cụt khiến chúng tôi ngẩn ngơ. Như nhà vua Nicolas, chúng tôi cố kìm ý muốn sờ vào chiếc áo choàng màu tía Napoléon khoác hôm làm lễ đăng quang. Chúng tôi thấy cần cái đụng chạm bất kính ấy. Cái thế giới đang thai nghén vẫn còn thiếu hụt tính vật chất. Trong nhà thờ Sainte- Chapelle, là những hạt sù sù trên mặt giấy cổ bằng da nó gọi cho chúng tôi ý muốn kia Charlotte giảng cho biết các bức thư dài kia đã được viết bằng tay cách đây một nghìn năm do

một hoàng hậu Pháp và một phụ nữ Nga, Anna Iaroslavna, vợ vua Henri đệ Nhất.

Nhưng điều hào hứng nhất Atlantide đang được thiết lập dưới mắt chúng tôi. Vua Nicolas cầm chiếc bay thợ nề bằng vàng rải vữa lên một khối đá hoa cương lớn viên đá đầu tiên cây cầu Alexandra đệ Tam... Đoạn ông trao bay cho Félix Faure: “Đến lượt Ngài, Thưa Tổng thống”. Và ngọn gió thênh thang làm gợn nước sông Seine mang đi những lời bộ trưởng bộ Thương mại cất lên vang vang mạnh mẽ có át tiếng lá cờ đập phàn phật:

Tâu Hoàng thượng! Nước Pháp muốn cung hiến một trong những công trình lớn của thủ đô để tưởng nhớ Hoàng Phụ ngài. Nhân danh chính phủ Cộng hòa, tôi mong Hoàng thượng vui lòng nhận sự bày tỏ lòng tôn kính này bằng cách cùng với ngài Tổng thống nước Cộng hòa, gắn viên gạch đầu tiên cho chiếc cầu Alexandre đệ Tam sẽ nối liền Paris với khu triển lãm 1900, và qua đó đánh dấu công cuộc văn minh và hòa bình vĩ đại được tổ chức lễ khánh thành hôm nay với sự phê chuẩn cao quý của Hoàng thượng và sự bảo trợ ân cần của Hoàng hậu.

Ông Tổng thống vừa kịp đặt hai nhát vữa tượng trưng lên khối đá hoa cương chợt xảy một sự cố không thể tưởng tượng được. Một gã không thuộc đám tùy tùng nhà vua cũng không thuộc trong đám thân hào Pháp tiến đến trước vợ chồng nhà vua, bắt chuyện thân mật với Sa hoàng, và với một cử chỉ khéo léo vô cùng hào hoa phong nhã, hôn tay hoàng hậu! Kinh ngạc vì thái độ tự do tùy tiện nhường ấy, chúng tôi như nghệt thờ.

Dần dà cảnh tượng rõ nét thêm. Những lời lẽ của anh chàng không mời mà đến kia, vượt lên sự lụi xa của quá khứ và những lỗ hổng trong tiếng Pháp chúng tôi, trở nên rõ ràng hơn. Chúng tôi cuống quýt bắt lấy vang âm của chúng.

Thưa Hoàng Đế nổi danh, con của Alexandre đệ Tam vĩ đại!

Nước Pháp hôm nay trọng đại lễ đón mừng Ngài.

Đang chào Ngài bằng tiếng nói Thánh thần, qua giọng nói của tôi.

Bởi chỉ có nhà thơ mới được chuyện trò với quân vương bằng những lời thân mật.

“Ái dà!” Chúng tôi thốt tiếng thở dài nhẹ nhõm. Cái anh chàng lố lăng hỗn xược chẳng phải ai khác hơn là nhà thơ mà bà Charlotte mách tên: José Maria de Heredia!

Và Hoàng hậu, đứng bên Người, trong hội lớn

Chỉ riêng nàng nhan sắc tuyệt trần sao.

Hãy cho tôi được chào nơi Nữ hoàng kiều diễm

Vẻ dịu hiền kia thánh thiện biết bao!

Nhịp điệu các khổ thơ khiến chúng tôi mê say. Tính vang âm vần điệu tạo trong tai những cuộc hôn phối lạ kỳ của các từ ngữ xa xôi- dòng sông- mệnh mệnh, rục rờ - hơn hử Chúng tôi cảm thấy duy chỉ có những tài khéo ngôn từ nọ mới biểu hiện được vẻ xa lạ của cái Atlantide Pháp chúng tôi:

Đây Paris! Biết bao lời tung hô đẹp đẽ

Đang dâng lên từ thành phố vui tươi cờ xí rợp trời

Thành phố ấy, từ dinh thự nguy nga đến mái lều nhỏ mọn

Đang kết chặt ba màu cờ hai nước khắp nơi nơi...

Dưới rặng cầu phong vàng, dòng sông Seine với đôi bờ mỹ lệ

Chờ tiếng reo hò của dân chúng hân hoan

Hỡi Thượng khác, bao trái tim theo mắt nhìn đang hướng về quý

vị

Nước Pháp đang chào các Ngài bằng sức trẻ cường ngaoan!

Sức mạnh sẽ hành thành những kỳ công rực sáng của Hòa bình

Và cây cầu kia đang bắc một chiếc vòm cao rộng

Từ thế kỷ đang tàn sang thế kỷ mới nhen

Chiếc cầu sinh ra cho các nhân dân và các thời đại nối liền...

Trên bãi bờ lịch sử trước khi Ngài bước xuống.

*Nếu trái tim hào phóng của Ngài đáp lời những trái tim Pháp
hôm nay.*

Trước cây cầu, xin Ngài hãy nghiêm trang trầm tư và mơ mộng

*Nước Pháp dành món quà này cho Alexandra, thân phụ của
Ngài.*

Giống như Đức Vua Cha, xin Ngài hãy oai hùng và nhân đạo.

Cứ giữ nguyên trong vỏ lưới gươm thân tôi luyện trứ danh.

Và như người chiến sĩ hòa bình tì lên đốc kiếm.

Hỡi Sa hoàng, hãy nhìn trong bàn tay Ngài trái đất vẫn xoay.

Một cử chỉ để vương giữ cân bằng cho trái đất

Cánh tay khỏe gấp hai không mệt mỗi chút nào

Bởi Alexandre, cùng với Đé Ché, đã để lại cho Ngài di sản

Là niềm vinh dự chinh phục được tình yêu một dân tộc tự do.

“Niềm vinh dự chinh phục được tình yêu một dân tộc tự do”, lời đáp này suýt trôi tuột trong dòng chảy các câu thơ du dương nó khiến chúng tôi chú ý. Dân tộc Pháp, một dân tộc tự do Bây giờ chúng tôi hiểu vì sao nhà thơ dám ban phát lời khuyên cho vị chúa tể một vương quốc hùng mạnh nhất thế giới và vì sao được các công dân nọ yêu mến lại là một vinh dự. Cái tự do kia, đêm ấy, trong không khí nóng nực thảo nguyên, hiện ra với chúng tôi như một luồng gió phùng phụt mát mẻ làm cuộn sóng sông Seine và chứa đầy phổi chúng tôi một niềm hứng khởi say sưa có hơi điên rồ...

Về sau chúng tôi sẽ biết đánh giá lỗi văn cầu kỳ hoa mỹ nặng nề này, nhưng hồi đó cái giọng khoa trương thù tạc ấy không ngăn được chúng tôi khám phá trong câu thơ một “cái gì đó rất Pháp” lúc bấy giờ chưa biết gọi là gì. Trí tuệ Pháp ư? Lịch sự Pháp ư? Chúng tôi chưa biết nói ra.

Một lúc nào đó, nhà thơ quay ra phía sông Seine và giơ tay chỉ cái nóc vòm nhà Invalides ^[9] bên kia bờ. Bài diễn văn vắn điệu của ông ta đụng đến một điểm hết sức đau thương trong quá khứ Pháp Nga: Napoléon, Mạc tư khoa bốc cháy, Bérézina... Chúng tôi hồi hộp cắn môi, rình xem giọng nói ông ta vào cái thời khắc vô cùng nguy hiểm này thế nào. Gương mặt Sa hoàng trầm xuống. Nữ hoàng Alexandra thì khép mi. Phải chăng tốt hơn nên im lặng đừng nhắc đến, làm như không có gì xảy ra hết và từ Pierre Đại đế nhảy ngay sang cuộc liên minh thân thiện có hơn không?

Nhưng Heredia dường như lại còn cao giọng hơn nữa:

Và trên bầu trời, phía xa xa, chiếc mái vòm chói sáng

Còn lưu giữ những anh hùng của thời đại qua lâu

*Mà người Pháp và người Nga, trong một trò đấu thương không
thù hận.*

Vì tính cuộc ngày mai, hai dòng máu trộn vào nhau.

Băn khoăn ngơ ngác, chúng tôi tự hỏi: “Vì sao chúng ta lại thù ghét người Đức đến vậy khi nhớ lại cuộc tấn công của bọn Teuton [10] cách đây bảy thế kỷ, dưới thời Alexandra Nevski, cũng như cuộc chiến tranh vừa rồi?” Tại sao chúng ta không thể quên những điều tàn bạo do bọn xâm lược Ba Lan và Thụy Điển gây ra cách đây ba thế kỷ rưỡi? Đây là chưa kể bọn Tartar... Và tại sao kỷ niệm về thảm họa ghê gớm năm 1812 [11] không hề làm hoen ố thanh danh người Pháp trong những đầu óc Nga? Phải chăng chính là nhờ cái thanh lịch ngôn ngữ về “trò đấu thương không thù hận” nọ?

Nhưng “cái gì đó rất Pháp” lại biểu lộ chủ yếu dưới dáng vẻ sự hiện diện của người phụ nữ. Bà Alexandra đang đứng đấy, tập trung về phía mình một sự chú ý kín đáo, được chào đón trong mỗi lời diễn văn bằng giọng ít khoa trương hơn ông chồng, chính vì vậy càng lịch thiệp. Và thậm chí giữa các bức tường Viện Hàn lâm Pháp nơi mùi các đồ gỗ cũ và các pho sách bụi bặm khiến chúng tôi nghẹt thở, cái “cái gì đó” giúp cho bà vẫn là phụ nữ. Vâng, bà là như vậy ngay giữa đám các ông già kia mà chúng tôi đoán là hay càu nhàu, thông thái rờm rờm hơi điếc lác do lông mọc trong tai. Một vị trong đám, ông giám đốc, đứng dậy, và với vẻ mặt cau có, tuyên bố khai mạc buổi họp. Rồi ông im lặng như để tập trung ý nghĩ mà chúng tôi đoán chắc chúng tất sẽ làm cho tất thảy mọi thính giả cảm thấy độ rắn các ghé gỗ đến ê ẩm cả người. Mùi bụi bặm càng nồng nặc. Đột nhiên ông giám đốc ngừng đầu một tia láu lỉnh lóe trong mắt và ông nói:

Thưa Hoàng thượng, thưa Lệnh bà! Cách đây gần hai trăm năm Pierre Đại đế một hôm bất ngờ xuất hiện nơi các viện sĩ họp và tham gia công việc của họ... Hoàng thượng hôm nay còn làm hơn thế nữa: góp thêm một vinh dự bằng cách không đến một mình (quay về phía Hoàng hậu): sự hiện diện của Lệnh bà ở đây sẽ đóng góp cho cuộc tranh luận nghiêm trang của chúng tôi một cái gì khác bất thường: Vẻ duyên dáng.

Nicolas và Alexandra trao đổi nhau một ánh mắt lạ. Và diễn giả, như thể cảm thấy đã đến lúc gọi lên điều chủ yếu, cao giọng vang vang, rất hùng biện tự đặt câu hỏi:

Tôi có được phép nói lên điều này không? Sự biểu lộ thiện cảm này hướng tới không chỉ riêng Viện Hàn lâm, mà cả với nền quốc ngữ của chúng tôi cái ngôn ngữ vốn không hề xa lạ với các ngài, và qua đó người ta cảm thấy một ý muốn hòa nhập mật thiết hơn với thâm mỹ và trí tuệ Pháp...

“Nền quốc ngữ chúng tôi”. Qua phía trên trang báo bà ngoại đang đọc, chị em tôi nhìn nhau, cùng bừng lóe một tia sáng trong đầu: “... vốn không phải một ngôn ngữ xa lạ với các ngài”. Đúng thế rồi, chìa khóa của Atlantide chúng tôi là đó! Ngôn ngữ, cái chất liệu huyền bí, vô hình mà hiện diện khắp nơi, bằng cái bản chất ngân vang, nó với tới mọi ngõ ngách của cái thế giới mà chúng tôi đang thăm dò. Cái ngôn ngữ nó nhàn nặn mọi con người, tạc hình các vật, lai láng chảy thành thơ, găm thét trên các đường phố tràn ngập đám đông, khiến một nữ hoàng trẻ đến từ bên kia quả đất nở nụ cười... Nhưng nhất là, nó phập phồng đập trong chúng tôi, như một cái mầm ghép huyền hoặc tim lúc này đã phủ đầy hoa lá, mang trong nó thành quả của một nền văn minh. Vâng, cái mầm ghép ấy, tiếng Pháp.

Và chính là nhờ cái cành nhánh vừa nảy nở trong tim mà chúng tôi tới ấy bước vào buồng lô dành cho vợ chồng nhà vua ở Nhà hát Comédie-Française. Chúng tôi giờ xem chương trình, *Một trò đồng đánh* của Musset, trích đoạn kịch *Le Cid*, màn ba vở *Các bà thông thái*. Chúng tôi chưa hề đọc những cái này thời bấy giờ. Chính là qua một chút đôi giọng của bà Charlotte mà chúng tôi đoán tầm quan trọng những cái tên kia đối với cư dân Atlantide.

Màn kéo lên. Toàn thể bạn diễn đứng trên sân khấu, mặc áo choàng lễ phục. Người cao niên trong đám bước tới, cúi mình và nói về một đất nước mà thoát đầu chúng tôi chưa nhận ra ngay:

Có một đất nước xinh tươi và rộng dài như một thế gian.

Ở nơi đó, chân trời dường như không chấm hết

Một đất nước với tâm hồn giàu đẹp

Rất lớn một thời qua, cũng lớn nữa một thời sau.

Vàng màu vàng lúa mì, trắng màu trắng tuyết phơi.

Trên đất ấy, những người con, tướng hay quân, đều bước đi với bàn chân chắc mạnh.

Cầu cho số phận nhân từ chở che cho họ

Với những màu vàng trên dải đất tinh khôi!

Lần đầu tiên trong đời, tôi nhìn đất nước tôi từ bên ngoài, từ xa, cứ như thể tôi không thuộc về nó nữa. Được chở tới một thủ đô lớn của châu Âu, tôi quay lại để ngắm vẻ mênh mông cánh đồng lúa mì và những đồng bằng phủ tuyết dưới ánh trăng. Tôi nom thấy nước Nga bằng tiếng Pháp! Tôi đang ở nơi khác. Ở ngoài đời sống Nga của tôi. Và nỗi giằng xe này vừa sắc nhọn và đồng thời hào hứng đến nỗi tôi phải nhắm mắt lại. Tôi đâm sợ không thể trở lại với bản thân mình, sợ lưu lại mãi trong cái đêm Paris này. Nheo mắt, tôi hít thở thật sâu. Ngọn gió nóng đêm thảo nguyên lại tỏa đầy trong tôi.

Hôm ấy, tôi quyết định lấy cắp cái ma lực của bà. Tôi muốn đi trước bà Charlotte, lọt vào thành phố tung bùng lễ hội trước bà, hòa mình vào đoàn tùy tùng của Sa hoàng mà không đợi cái vàng sáng mê hoặc tỏa từ chiếc chao đèn màu ngọc lam.

Ngày hôm ấy vắng lặng, xám xịt một ngày hè nhợt nhạt buồn bã, một trong những ngày, lạ thay, vẫn còn lưu trong trí nhớ. Không khí đượm mùi đất ẩm thổi phồng chiếc màn voan trắng bên cửa sổ mở - tấm màn sinh động lên, phình tướng rồi rũ xuống sau khi cho một kẻ vô hình nào đó lọt vào.

Sung sướng thấy đang có một mình mình trong phòng, tôi đem thực hiện kế hoạch. Tôi lôi chiếc vali ra chỗ tấm thảm cạnh giường. Cái nắp khóa bật lên khẽ kêu lách cách như chúng tôi từng nghe mỗi đêm. Tôi lật

ngựa vali, cúi nhìn các giấy tờ bề bộn như một tên cướp biển nhìn vào cái kho vàng chiếc hòm...

Trên mặt, tôi nhận ra vài ba bức ảnh, nom thấy Sa hoàng và Hoàng hậu trước điện Panthéon, rồi bên vờ sông Seine. Không, cái tôi tìm nằm sâu hơn phía dưới, trong cái máng đặc sệt đen sì chữ in. Như một nhà khảo cổ, tôi bóc dần từng lớp. Nicolas và Alexandra xuất hiện ở những địa điểm tôi không biết tên. Một lớp nữa, và tôi không còn gặp họ. Lúc này tôi nom thấy những chiếc tàu thiết giáp thon dài trên mặt biển lặng, những chiếc máy bay một lớp cánh, cánh ngắn ngắn nom buồn cười, những người lính trong hầm hào. Cố tìm lại dấu vết cặp vợ chồng nhà vua, tôi đào bới lung tung, xáo lộn các mảnh báo. Sa hoàng hiện ra một lát, cười ngựa, chiếc tranh thánh trong tay, trước một hàng lính bộ binh quý... Mặt ông nom như già đi, tối sầm. Riêng tôi thì cứ muốn lại thấy ông trẻ trung, đi cạnh Alexandra xinh đẹp, được đám quần chúng hoan hô, được ca ngợi bằng những câu thơ đầy hứng khởi.

Chính ở tột cùng đáy va li tôi tìm thấy lại dấu tích ông. Cái đầu đề in chữ lớn không thể nhầm được: “Vinh quang cho nước Nga!” Tôi mở trang báo đặt trên đầu gối, như bà Charlotte, và khe khẽ đánh vần những câu thơ:

Ôi, lạy Chúa, tin đâu bao tốt đẹp

Nỗi vui nào run rẩy triệu con tim

Nghe sụp đổ một thành trì lũy thép

Nơi rĩ rên nô lệ kiếp đau buồn!

Nhìn ngửng đầu một nhân dân trời dậy.

Và dương cao bó đuốc của lợi quyền!

Bạn ta hỡi, có phải ngày hội lớn

Trên những lâu đài, hãy kéo lá cờ lên!

Đọc đến cái điệp khúc tôi mới dừng lại, đắm hồ nghi: “Vinh quang cho nước Nga?” Nhưng đất nước ấy là đâu cơ chứ, cái đất nước vàng màu vàng bông lúa, trắng màu trắng tuyết phơi? Cái đất nước có tâm hồn giàu đẹp? Và cái anh nô lệ đang rên rỉ đau khổ nọ đến đây làm gì ấy nhỉ? Và ai là cái kẻ bạo chúa mà người ta hoan hô việc ông ta sụp đổ ấy nhỉ?

Bối rối, tôi đọc to đoạn điệp khúc:

Chào các bạn, xin chào tất cả

Hỡi nhân dân và binh lính nước Nga!

Chào các bạn, xin chào tất cả

Đã đứng lên cứu nước non nhà!

Chào vinh quang và chào danh dự

Viện Dounna giành lại chủ quyền

Nào, ngày mai, vì hạnh phúc mình

Hãy bẻ tan xích xiềng vĩnh viễn.

Đột nhiên những hàng tít lớn phía trên các câu thơ đập vào mắt tôi:

Vua Nicolas đệ nhị thoái vị. Cuộc cách mạng: sự kiện 89^[12] Nga. Nước Nga tìm thấy tự do, Kerensi - ông Danton^[13] Nga, chiếm nhà tù PIERREET PAUL, cái Bastille^[14] Nga. Chế độ chuyên chế kết thúc...

Phần lớn các chữ này chẳng nói với tôi điều gì. Nhưng tôi hiểu điều chủ yếu: Nicolas không còn là Sa hoàng nữa, và cái tin ông ta sụp đổ gây một niềm hân hoan điên cuồng ở những kẻ, mới chiều hôm qua thôi, hoan hô ông ta, chúc tụng ông trị vì bền lâu thịnh vượng. Đúng vậy, tôi nhớ rất rõ giọng của Heredia vẫn còn vang vọng trên ban công nhà tôi:

Vâng, cha của Ngài đã nói bằng sợi dây thân ái

Nước Pháp và nước Nga trong hy vọng cùng chung

Hỡi Sa hoàng, hãy lắng nghe hôm nay nước Nga và nước Pháp.

Câu chúc cho tên Ngài cùng với tên thánh thiện của Vua cha!

Một sự trở mặt như vậy tôi cho không thể tưởng tượng nổi. Tôi không thể tin một điều tráo trở hèn hạ đến vậy. Nhất là từ phía một ông tổng thống nước Cộng hòa!

Có tiếng đập cửa. Tôi vội vàng nhặt nhanh các giấy tờ, đóng va li lại đẩy nó xuống gầm giường.

Chiều tối vì trời mưa, bà Charlotte thắp đèn trong nhà. Chị em tôi ngồi cạnh bà như những buổi tối trên ban công. Tôi nghe bà kể: Nicolas và Alexandra trong buồng lộ, vỗ tay khi xem *Le Cid*... Tôi ngắm nhìn gương mặt họ với một niềm buồn bã chán chường trong lòng. Tôi là kẻ đã đoán thấy trước tương lai. Điều hiểu biết này đè nặng trên trái tim tôi thơ trẻ.

“Chân lý là đâu nhỉ?” tôi tự hỏi khi lơ đãng theo dõi câu chuyện (vua và hoàng hậu đứng lên, quần chúng quay nhìn hoan hô). “Các khán giả này chẳng bao nữa sẽ nguyện rửa họ. Và chẳng còn gì nữa hết về mấy cái ngày thần tiên nọ! Chẳng còn gì hết!”.

Cái kết thúc mà chẳng may tôi được biết trước, tôi cảm thấy nó phi lý quá, bất công quá, nhất là giữa cuộc lễ hội, giữa những ánh đèn Nhà hát Comédie-Francaise – đến nỗi tôi bật khóc và đẩy lùi ghế, chạy trốn vào nhà bếp. Chưa bao giờ tôi khóc nhiều đến thế. Tôi vùng vằng hất tay chị tôi khi chị cố khuyên dỗ tôi. (Tôi giận chị quá, chị vẫn biết gì sất!) Xuyên qua nước mắt tôi kêu lên tuyệt vọng:

- Mọi cái đều giả dối! Đồ phản bội, phản bội! Lão nói dối đeo râu mép... Một ông Tổng thống, đồ hèn! Đồ dối trá!

Tôi không biết bà Charlotte có đoán ra lí do vì sao tôi đau khổ tuyệt vọng không (có lẽ bà đã chú ý thấy cái bẻ bộn do tôi lục tìm trong chiếc va ly Xibêri, thậm chí đã tìm thấy cái trang báo định mệnh). Dù sao thì bà cũng tỏ ra xúc động về chuyện tôi bất ngờ bật khóc, bà tới ngồi trên giường tôi, lắng nghe một lát tôi thở dài nức nở, rồi trong bóng tối lần tìm bàn tay tôi, bà đặt vào đó một viên sỏi nhám. Tôi nắm chặt nó trong bàn tay. Không mở mắt, chỉ qua sờ mó, tôi nhận ra cái “Verdun”. Từ nay nó là của tôi.

Cuối kì nghỉ hè chúng tôi từ biệt bà. Atlantide lúc này mờ nhạt đi phía sau sương mù mùa thu và những cơn bão tuyết đầu tiên – phía sau cuộc sống Nga chúng tôi.

Là ví cái thành phố nơi chúng tôi quay về không giống chút nào với cái Saranza tĩnh lặng. Thành phố này trải dài trên hai bờ con sông Vônga và với một triệu rưỡi cư dân, những xí nghiệp chế tạo vũ khí, những đại lộ rộng rãi cùng những tòa nhà lớn theo phong cách thời Stalin. Một nhà máy thủy điện khổng lồ phía hạ lưu, một đường tàu điện ngầm đang xây dựng, một cảng sông rộng mênh mông, ghi đậm trong mắt mọi người cái hình ảnh về đồng bào chúng tôi - đang chiến thắng sức mạnh thiên nhiên, sống nhân danh một tương lai rực rỡ, đang ra sức nâng nỏ nên chẳng cần quan tâm đến các tàn tích lổ lảng quá khứ. Mặt khác, thành phố chúng tôi do vì có các xí nghiệp nên người nước ngoài không được phép vào... Vâng, đó là một thành phố nơi người ta cảm thấy rất rõ mạch đập của đất nước.

Cái nhịp điệu này, ngay khi chúng tôi trở về, liền bắt đầu chinh nhip cho mọi cử động mọi suy nghĩ của chúng tôi. Ai nấy hòa vào trong hơi thở lạnh băng của tổ quốc.

Cái mầm ghép Pháp không hề ngăn cản chị tôi lẫn bản thân tôi sống một cuộc sống giống như các bạn bè: tiếng Nga trở thành ngôn ngữ hằng ngày, trường học, đúc khuôn chúng tôi thành những thanh niên Xô viết kiêu mẫu, các trò chơi bán quân sự giúp chúng tôi quen với mùi thuốc súng, với tiếng nổ lựu đạn, với ý nghĩ về kẻ thù phương Tây mà một ngày kia chúng tôi sẽ phải chiến đấu chống lại họ.

Các buổi tối trên ban công bà ngoại chúng tôi chỉ còn coi như giấc mơ con trẻ. Và khi, trong giờ lịch sử, ông giáo nói về “Nicolas đệ Nhị, mà nhân dân đặt biệt hiệu là Nicolas khát máu”, chúng tôi coi như không hề có mối liên hệ gì giữa tên đao phủ hoang đường này với ông vua trẻ từng vỗ tay thưởng thức Le Cid. Không, đó là hai người không hề biết nhau.

Thế nhưng một hôm do tình cờ, sự gắn liền này diễn ra trong đầu tôi: tuy không ai hỏi, tự dung tôi nói về Nicolas và Alexandra, về chuyến họ đến thăm Paris. Điều tôi trình bày khiến mọi người bất ngờ và các chi tiết tiểu sử tôi dẫn ra phong phú đến mức ông giáo đâm bối rối. Mấy tiếng cười khẩy sững sờ chạy khắp lớp: bọn học sinh chẳng biết nên coi lời tôi nói như một hành động khiêu khích hoặc đơn giản chỉ là một câu chuyện điên rồ. Nhưng ông giáo đã nắm lại tình thế bằng cách dần từng tiếng:

- Chính Sa hoàng là kẻ chịu trách nhiệm về cuộc xô xát ghê gớm xảy ra trên cánh đồng Khodynka - hàng nghìn người bị giết hại. Chính ông ta đã ra lệnh bắn vào cuộc biểu tình ôn hòa ngày 9 tháng giêng 1905 - có hàng trăm nạn nhân. Chính chế độ của ông đã phạm các tội tàn sát trên sông Léna - 102 người chết. Với lại chẳng phải ngẫu nhiên mà Lénine vĩ đại đã đặt tên mình như vậy - ông muốn bằng cái bí danh ấy đả kích các tội ác chế độ Sa hoàng!

Tuy nhiên gây xúc động với tôi nhất, chẳng phải cái giọng hăng say đả kích kia. Một câu hỏi đầy hoang mang hiện ra trong đầu lúc giờ ra chơi, trong khi bọn học trò nhâu nhâu chế giễu tôi (“Xem kìa! lão có một vương miện, cái lão Sa hoàng này!” một đứa nắm tóc tôi kêu lên). Câu hỏi vẻ như thật đơn giản: “Ừ, tôi biết, đó là một bạo chúa khát máu, sách giáo khoa nói rồi. Nhưng ta làm gì đây với cái ngọn gió mát mang vị biển thổi trên sông Seine, với âm vang những câu thơ tỏa lan trong gió, tiếng sào sạo chiếc bay bằng vàng miết trên đá hoa cương - làm gì đây với cái ngày xa xôi ấy? Bởi vì tôi cảm nhận lại bầu không khí này mãnh liệt xiết bao.

Không, vấn đề với tôi không phải là khôi phục danh dự cho cái ông Nicolas đệ Nhị. Tôi tin ở cuốn sách giáo khoa, tin ông giáo. Nhưng còn cái ngày xa xôi ấy, ngọn gió ấy, cái không gian rạng rỡ ánh mặt trời ấy? Đầu tôi rối bời trong những suy nghĩ rời rạc nọ - nửa ý tưởng, nửa hình ảnh. Trong khi xưa bọn bạn đang búi quanh giễu cợt âm ỹ, tự dung tôi cảm thấy ghen tị ghê gớm với chúng: “Sung sướng thay khi không mang trong đầu mình cái ngày lộng gió ấy, cái quá khứ đậm đặc vẻ như vô dụng ấy. Ừ, chỉ một cách nhìn duy nhất thôi về cuộc sống. Không thấy như ta đang thấy...”

Cái ý tưởng cuối cùng này nó kỳ lạ đến mức tôi không chống lại cuộc tấn công của bọn chế giễu nữa và quay nhìn ra phía cửa sổ nơi thành phố

trái dài phủ đầy tuyết. Ừ nhỉ, tôi thấy cách khác! Đó là một lợi thế chăng? Hay là một điều thiệt thòi, một tí vết? Không rõ. Tôi nghĩ có thể giải thích cách nhìn này bằng hai thứ ngôn ngữ mình dùng: đúng vậy, khi tôi phát âm tiếng Nga Bapb, một bạo chúa hiện ra trước mắt, trong khi tsar tiếng Pháp chứa đầy ánh sáng, âm thanh, gió, ánh đèn chùm lóng lánh, làn vai trần phụ nữ, mùi nước hoa hỗn hợp - đây cái không khí Atlantide không gì sánh nổi. Tôi hiểu cần giấu đi cách nhìn về sự vật này, vì chỉ tỏ gây thêm trò chế nhạo xung quanh.

Cái nghĩa bí mật của từ ngữ, sau đó, một lần nữa, hiện rõ trong một tình huống bi hài tương tự như cái lần bài học sử.

Tôi đi theo một dòng người rong rảnh dài vô tận trước một cửa hàng thực phẩm, dòng người này khi vượt qua ngưỡng cửa cuộn mình vào bên trong nhà. Chắc hẳn có một món hàng hiếm gì đó cho mùa đông - cam hoặc chỉ là táo thôi, chẳng nhớ. Tôi đã vượt qua cái ranh giới tâm lý quan trọng nhất của cuộc xếp hàng - chỗ ngưỡng cửa nơi hàng tá người phía ngoài đang bị bõm trong tuyết trộn bùn. Vào lúc ấy chị tôi đến đứng cạnh: hai người thì được mua hai khẩu phần phân phối.

Không hiểu có cái gì đột nhiên khiến đám đông giận dữ. Những người đứng sau chắc tưởng chị tôi định chen ngang - một tội không thể tha thứ! Những tiếng quát hần học nổ ra, con rắn dài co lại, những bộ mặt hăm dọa vây quanh chúng tôi. Hai chúng tôi cố thanh minh chúng tôi là chị em. Nhưng đám đông có bao giờ chịu nhận là mình lầm lẫn. Những người chưa lọt qua ngưỡng cửa là những kẻ bực bội nhất hét toáng lên phần nộ, cũng chẳng còn biết nhằm vào ai. Và do vì bất cứ đám đông quần chúng nào đang vận động cũng thổi phồng quá đáng mục tiêu đầu một cách phi lý, chính là bản thân tôi lúc này bị tổng cổ ra ngoài. Con rắn rùng mình, các bả vai gồng lên. Một cú thúc, và tôi thấy mình bị bật ra khỏi hàng, cạnh chị tôi, đối mặt với cái chuỗi ken sít những bộ mặt hần học. Tôi cố chiếm lại chỗ, nhưng các cùi tay tạo thành một dãy khiên. Ngơ ngác, môi run bần bật, tôi đoán cả hai chị em chúng tôi lúc này rất dễ bị thất thế. Hơn tôi hai tuổi, chị suýt soát mười lăm, chưa có con chủ bài nào của người phụ nữ trẻ, lại đã mất những lợi thế tuổi thơ lẽ ra đã có thể làm mềm lòng cái đám đông sắt đá kia. Với tôi cũng vậy: tuổi mới mười hai rưỡi, tôi không thể làm dữ như

mấy gã mười bốn mười lăm vốn cậy thói ngỗ ngáo vô trách nhiệm của tuổi thanh xuân.

Chúng tôi đi men đám xếp hàng hy vọng được xếp ít ra cách vài mét chỗ bị mất. Nhưng các thân hình chen khít vào nhau khi chúng tôi đi qua nên chẳng mấy lúc chúng tôi bị lọt hẳn ra ngoài, trong bãi tuyết loãng. Mặc dù chị mậ dịch gọi ra: “Này, những ai đứng ngoài cửa đừng đợi nữa nhé, không còn đủ cho cả mọi người đâu!” người ta vẫn cứ dòn tôi.

Hai chị em đứng cuối hàng, như mê man đi trước cái quyền lực vô danh của đám đông. Tôi không dám ngược mắt, không dám cựa quậy, tay thọc sâu trong túi run rẩy. Và chợt nghe giọng nói chị tôi cứ như tới từ một hành tinh khác - mấy tiếng đượm một nỗi buồn rầu vui vui:

- Em có nhớ không: *Bartavelles et ortolans truffés rôtis?* ^[15]

Chị cười khe khẽ.

Còn tôi, khi nhìn gương mặt xanh xao của chị với đôi mắt phản chiếu bầu trời đông, tôi cảm thấy ngực mình tràn căng một làn không khí hoàn toàn mới - không khí Cherbourg - mang mùi vị sương mù mẩn mẩn, mùi vị những viên sỏi ướt đẫm trên bãi biển, và tiếng kêu lạnh lốt của những con hải âu mênh mông biển cả. Tôi đứng một lát như thảng mù. Đám xếp hàng tiến dần từ từ đẩy tôi về phía cửa ra vào. Tôi để mặc cho họ xô đẩy, không rời bỏ cái giây phút rực sáng đang bùng nổ trong tôi.

Đa đa đỏ và chim sẻ vườn... Tôi mỉm cười và nháy mắt kín đáo về phía chị tôi.

Không, chúng tôi không cảm thấy cao hơn đám người đang chen chúc. Chúng tôi giống họ, dễ thường còn sống xoàng xĩnh hơn nhiều người trong đám. Tất thấy chúng ta thuộc cùng một giai cấp: giai cấp những kẻ đang bị bõm trong làn tuyết bị dẫm xéo giữa một thành phố công nghiệp lớn, trước cửa một nhà hàng, mong chắt đầy túi hai cân cam.

Thế nhưng, khi nghe mấy cái tiếng thần diệu kia, được biết qua bữa tiệc ở Cherbourg, tôi cảm thấy là mình khác họ, chẳng phải vì tôi uyên bác gì hơn (dạo ấy tôi chưa hiểu những cái bartavelle và ortolan cừ khôi nọ mặt mũi nó thế nào). Đơn giản là cái giây phút chợt đến trong tôi - với những luồng ánh sáng mù sương và mùi biển mặn của nó - đã khiến cho mọi cái quanh mình đều trở thành tương đối: cái thành phố này với vóc dáng rất Staline, cảnh chờ đợi căng thẳng này và thói dử dần cùn bướng của đám đông. Thay vì nổi giận với những kẻ đã gạt đẩy mình, giờ đây tôi cảm thấy một niềm thương hại lạ lùng đối với họ: họ không thể nheo mắt mà thâm nhập được vào cái ngày đầy những vị rong rêu man mát, những tiếng chim hải âu, ánh mặt trời mây phủ kia... Tôi bỗng nảy ý muốn lạ kỳ nói điều này ra cho tất cả mọi người. Nhưng nói thế này đây? Tôi phải phát minh ra một ngôn ngữ chưa hề có mà lúc này mình cũng chỉ mới biết có hai từ đầu tiên: Bartavelle và Ortolan...

Sau khi cụ cố Norbert tôi qua đời, cái mênh mông trắng của Xibêri dần khép lại trên cuộc sống bà Albertine. Quả còn có vài ba lần bà trở lại Paris mang theo Charlotte, nhưng mảnh hành tinh tuyết phủ này chẳng bao giờ buông tha những linh hồn bị khoảng không gian không cột mốc và thời gian uể oải biếng lười của nó quyến rũ mê hoặc.

Vả lại, những ngày bà ghé Paris bị ghi dấu bằng một niềm chua chát mà những chuyện bà tôi kể không giấu giếm nổi. Một sự bất hòa nào đó trong gia đình, chúng tôi không được phép biết nguyên do chẳng? Hoặc một thái độ lạnh lùng mang tính rất châu Âu trong quan hệ người thân, mà dân Nga chúng tôi không thể hình dung được, bởi quen với lối sống tập thể tràn trề chan chứa? Hoặc đơn giản chỉ là thái độ dễ hiểu của những con người bình thường đối với một trong bốn chị em trong gia đình, cái cô thích phiêu lưu thể rồi thay vì giấc mộng đẹp, mỗi lần lại chỉ mang về nỗi khắc khoải của một xứ sở hoang mạc và một cuộc đời tan vỡ.

Dù sao thì việc bà Albertine thích sống ở trong phòng cậu em hơn là trong nhà gia đình ở Neuilly không thể không làm cho mọi người chú ý, cả với đám trẻ chúng tôi.

Cứ mỗi lần trở về Nga, bà thấy cái xứ Xibêri này càng thêm mê hoặc không thể nào tránh khỏi, hòa lẫn với số phận mình. Không phải chỉ ngôi mộ ông Norbert ràng buộc bà với mảnh đất băng giá kia, mà còn là cái cảnh sống Nga âm u từng ném trái mà bà cảm thấy chất thuốc độc say người của nó ngấm sâu trong mạch máu.

Vốn là vợ một thầy thuốc đáng kính, được cả thành phố biết tiếng, bà Albertine đã biến thành một góa phụ khá kì quặc - một phụ nữ Pháp dường như chẳng muốn quyết định trở về quê hương. Tệ hơn, cứ mỗi lần bà lại từ đó quay về!

Bà vẫn còn quá trẻ và quá đẹp nên không thể tránh khỏi những điều dèm pha của giới ăn chơi đài diễn ở Boiarsk. Quá kỳ lạ để người ta chấp nhận bà như vốn có. Và chẳng bao lâu sau là quá nghèo.

Charlotte nhận thấy mỗi lần đi Paris về, hai mẹ con về ở một căn nhà ngày càng bé. Ở nhà trường nơi Charlotte được nhận vào học nhờ một bệnh nhân cũ của bố, cô bé nhanh chóng trở thành “cái con Lemonnier”. Một hôm bà giáo chủ nhiệm gọi cô lên bảng - nhưng không phải để truy bài... Khi Charlotte đã đứng trước mặt, bà ngắm nghía cô bé từ chân đến đầu và với một nụ cười khinh khinh cất tiếng hỏi:

- Em có gì ở chân vậy, hả em Lemonnier?

Ba chục cô học sinh nhòm khỏi ghế, nghênh cổ giương to mắt. Trên sàn xi bóng lộn, họ thấy hai cái bao bằng len, hai chiếc “giày” do Charlotte tự tạo, bị dẫm nát dưới ngàn ấy luồng mắt, Charlotte cúi gằm mặt và vô tình quặp chặt ngón chân trong bao giày cứ như thể muốn làm cho chân biến mất...

Vào thời ấy Charlotte cũng đã phải sống trong một ngôi nhà gỗ cũ kỹ ở rìa thành phố. Charlotte chẳng còn lạ mắt thấy mẹ mình hầu như luôn luôn ngồi ủ rũ trên chiếc giường cao nông dân, sau tấm màn. Khi bà Albertine đứng dậy, trong con mắt bà, tuy mở, thấy những bóng đen chiêm bao lúc nhúc. Bà thậm chí chẳng còn gượng cười với con gái. Với cái muôi bằng đồng bà múc nước trong xô, uông giầy lâu rồi đi ra. Charlotte vốn biết lâu nay hai mẹ con sống sót là nhờ mấy đồ nữ trang lấp lánh trong cái hộp nhỏ khám xà cừ...

Chiếc nhà gỗ ghép ấy nằm cách xa các khu phố sang trọng thành phố Boiarsk, nên được Charlotte ưa thích. Người ta ít nhận rõ hơn cảnh khốn khổ của hai mẹ con giữa những ngã đường hẹp cong queo ngập tuyết. Với lại, thú vị biết bao lúc ở trường về, bước lên bậc tam cấp cũ kỹ bằng gỗ kê cốt kết dưới chân, đi qua một lối vào âm âm tối hai bên tường ghép bằng những súc gỗ tròn lớn phủ lớp giá dày, và đẩy cánh cửa nặng khiến nó rít lên một tiếng rên rĩ ngắn hết như tiếng người. Và ở đó, trong ngăn buồng, có thể ngồi một lát không châm đèn, nhìn ra cửa sổ thấp chứa đầy hoàng hôn tím, lắng nghe những luồng tuyết gõ ràn rạt vào ô kính. Tựa lưng lên bọ

sườn nồng ấm chiếc lò sưởi lớn, Charlotte cảm thấy hơi nóng lan dần dưới áo khoác. Cô áp bàn tay tê cứng lên mặt đá âm ấm - chiếc lò sưởi cô thấy nó như quả tim khổng lồ của căn nhà gỗ cũ kỹ này. Và dưới gót giày ni những mảnh băng cuối cùng tan chảy.

Một hôm một mảnh băng vỡ ra dưới chân với tiếng răng rắc bất thường. Charlotte ngạc nhiên – cô về đã hơn nửa tiếng, bao nhiêu tuyết trên áo khoác và mũ lông đã tan và khô ráo từ lâu. Thế còn cái mảnh băng này... Cô cúi nhặt. Hóa ra một mảnh thủy tinh! Mảnh thủy tinh vỡ một ống thuốc, rất sắc...

Và như vậy đó mà cái từ khinh khỉnh “moóc phin” bước vào cuộc sống của Charlotte. Nó giải thích về cảm lạnh bà mẹ sau tấm màn, những bóng mờ lúc nhúc trong mắt mẹ, giải thích cái vùng đất Xibêri phi lý và không thể tránh khỏi, cứ như số mệnh vậy.

Bà Albertine chẳng còn có gì để giấu giếm cô con gái. Chính Charlotte là người mà từ nay người ta thấy bước vào hiệu thuốc và rụt rè khẽ nói: “Cháu mua thuốc cho bà Lemonnier...”

Cô bao giờ cũng trở về một mình, đi xuyên qua những khu đất hoang mênh mông ngăn cách thị trấn nhỏ nơi đang ở với những đường phố cuối của thành phố có cửa hàng và điện sáng. Một cơn bão tuyết thường hay kéo đến trên những khoảng trống vắng vẻ kia. Một nhòai vì phải chống đỡ với ngọn gió mang đầy bông tuyết, ù tai vì tiếng gió rít, một đêm Charlotte đứng dừng, quay lưng với gió táp, mắt mờ mịt đi trong làn tuyết bay vun vút. Cô cảm nhận cuộc đời mình một cách mãnh liệt, cảm nhận cái hơi nóng cơ thể gầy gò tụ thành một cái tôi bé xíu. Cô cảm thấy cái mon man do một giọt nước rỉ từ mảnh che tai chiếc mũ lông, cảm thấy tiếng đập của trái tim và cạnh trái tim. Đột nhiên một tiếng nói thẳm thĩ dội trong cô: “Chính là ta, là ta đây đang ở nơi này, giữa những cơn lốc tuyết nơi tận cùng thế giới, trong cái xứ Xibêri này, ta, Charlotte Lemonnier, ta là kẻ vốn không có liên quan gì với cái nơi hoang vắng này, cái bầu trời này, cái mảnh đất đóng băng này. Cũng chẳng có liên quan gì với đám người kia. Ta ở đây, một thân một mình, và ta đem moóc phin về cho mẹ ta...” Cô tưởng như đầu óc mình chao đảo, rồi cả người đổ xiêu rơi xuống một cái vực nơi tất cả cái phi lý vừa đột nhiên phát hiện kia sắp trở thành đương nhiên. Cô cự mình:

không, cái hoang mạc Xibêri này tất phải chấm dứt một nơi nào đó, và ở đó, có một thành phố với những đại lộ hai bên trồng cây dẻ, những quán cà phê sáng đèn, có căn nhà ông cậu và tất cả các pho sách mở ra bằng những từ ngữ thân thiết biết bao chỉ cần nhìn vào dạng chữ. Có nước Pháp...

Cái thành phố có đại lộ hai bên trồng dẻ biến thành một vẩy vàng mỏng manh lung linh trong ánh mắt Charlotte mà không ai nhận thấy. Charlotte lại còn nhận ra hồi quang của nó trong cái lấp lánh nơi chiếc ghim cài đẹp đẽ trên áo một cô gái trẻ có nụ cười đồng đánh kiêu kỳ - cô này ngồi trong chiếc ghế bành sang trọng, giữa một phòng lớn đồ đạc lịch sự, cửa sổ treo màn lụa.

- La raison du plus fort est toujours meilleurem cô ta nói bằng giọng kiêu cách [\[16\]](#)

- ... est toujours *la* meilleure, Charlotte kín đáo sửa lại, và cúi nhìn xuống, nói thêm:

- Có lẽ nên phát âm là “meilleure” thì đúng hơn “meillaire” Meill-eu-eure... [\[17\]](#)

Charlotte tròn môi và kéo dài cái âm tiết cuối lịm dần trong một âm “r” mượt mà. Cô học trò, vẻ mặt cau có, lại đọc tiếp:

- Nous l’allons vous montrer tout à l’heure... [\[18\]](#)

Cô này là con gái ông thị trưởng Boiarsk. Charlotte dạy cô học tiếng Pháp thứ tư hàng tuần. Charlotte lúc đầu hy vọng sẽ là bạn của cô thiếu nữ ăn mặc chau chuốt, tuổi chỉ nhỉnh hơn mình tí chút này. Giờ đây, chẳng còn ước mong gì nữa, cô chỉ còn lo dạy cho tốt. Những cái liếc mắt khinh khỉnh của cô học trò chẳng còn làm cô bận tâm. Charlotte nghe cô ta nói, thỉnh thoảng nhắc nhở, nhưng luồng mắt hướng về ánh lấp lánh của chiếc ghim cài áo xinh xinh bằng hồ phách kia. Chỉ có con gái ông thị trưởng mới được phép mặc áo hở cổ với vật nữ trang ấy ở giữa. Tỉ mỉ chu đáo, Charlotte nêu

từng lỗi phát âm hoặc ngữ pháp. Từ chiều sâu vàng óng của hồ phách vụt hiện lên một thành phố có cây cối mùa thu đẹp đẽ. Cô hiểu mình phải chịu đựng cả một tiếng đồng hồ trò nhảm nhí của cô bé lớn, người mập mạp và ăn mặc cực kỳ sang trọng ấy, để rồi vào bếp nhận từ tay chị người ở cái gói của cô, đựng những thức ăn thừa, rồi đứng nơi đường phố chờ dịp chỉ có một mình đối mặt với bà dược sĩ, thì thầm: “Làm ơn cho tôi mua thuốc cho bà Lemonnier”.

Chút hơi ẩm đánh cắp trong hiệu thuốc liền đó sẽ bị đánh bật khỏi làn áo khoác bởi ngọn gió tê buốt trên các khoảng đất trống.

Khi bà Albertine xuất hiện trên bậc tam cấp, bác xà ích rướn mày và nhồm dầy trên ghế. Bác chẳng ngờ được chuyện này. Cái nhà gỗ mái sứt đầy rêu kia, cái bậc tam cấp mỗi một mọc đầy cây tầm ma kia. Và nhất là cái thị trấn với các ngã phố vùi trong cát xám.

Cánh cửa mở trong khung cửa xiêu vẹo, một người đàn bà bỗng xuất hiện. Bà bận chiếc váy dài cắt rất trang nhã, kiểu áo mà bác xà ích chỉ nom thấy ở các bà xinh đẹp đêm đêm ở nhà hát trung tâm thành phố bước ra. Mái tóc bà búi gọn - một chiếc mũ rộng trùm vòng quanh. Ngọn gió xuân thổi chiếc khăn voan bay phơ phất lượn song bên vàng mũ bẻ uốn duyên dáng.

- Chúng ta ra ga, bà nói và bác xà ích càng ngạc nhiên hơn vì cái giọng rung vang lạnh lạnh rất lạ tai của bà.

- ... Ra ga, cô bé vừa ra gọi bác ngoài phố hồi nãy lặp lại. Cô này thì nói giọng đặc Nga, điểm tí chút giọng Xibêri...

Charlotte hiểu được việc bà Albertine xuất hiện trên tam cấp vốn là kết quả một cuộc chiến đấu nội tâm dài và đau đớn, qua những dằn vặt trở đi trở lại. Giống như cảnh vật lộn của người đàn ông kia giữa băng tuyết, trên một hố sâu đen ngòm, một hôm cô nom thấy giữa mùa xuân, khi đi qua cầu. Bám chặt một cành cây dài được người ta chia cho, ông ta bò lên dốc bờ trơn trượt, bụng áp vào mặt băng, nhích từng xăng ti mét một và đã giờ bàn

tay bám đở với được tay người cứu. Đột nhiên, chẳng hiểu vì sao, ông giật nảy người và tuột xuống, rơi tồm vào hố nước đen thẳm. Giòng nước cuốn ông ra xa chút ít. Lại phải bắt đầu lại tất cả. Vâng, giống như cái người đàn ông nọ.

Nhưng vào cái buổi chiều hè tràn đầy ánh sáng và cây xanh ấy, hai mẹ con chuẩn bị về với vẻ hoàn toàn nhẹ nhàng thanh thản.

- Thế còn cái va ly to hả mẹ? Charlotte hỏi khi đã lên xe.

- Để lại thôi. Chỉ có mấy thứ giấy tờ cũ với lại báo của cậu con ... Chúng ta sẽ trở về lấy.

Hai mẹ con vượt qua cầu, đi qua cạnh nhà ông thị trưởng. Cái thành phố Xibêri này tựa hồ như đã trải lùi về một quá khứ kỳ quặc, nơi người ta dễ mở lòng tha thứ kèm thêm một nụ cười.

Đúng vậy, đúng là với cái ánh mắt không thù hận mà hai mẹ con khi về lại Paris nhìn lại Boiarsk. Và lúc sang hè, khi Albertine tỏ ý muốn quay về sống ở Nga (để kết thúc hẳn giai đoạn Xibêri đời mình, như người thân nghĩ), Charlotte thậm chí còn hơi ganh tị với mẹ: cô cũng muốn được dịp lưu lại một hai tuần trong cái thành phố từ nay trong ký ức chứa đầy những nhân vật của quá khứ, nơi các ngôi nhà, nhất là các isbas^[19] trở thành những công trình kỷ niệm của thời xưa cũ. Một thành phố nơi chẳng có gì có thể làm cô tổn thương nữa.

- Mẹ ơi, mẹ chú ý xem có còn cái tổ chuột nhất không, ở cạnh lò sưởi ấy, mẹ nhớ chứ? Cô gọi với theo bà mẹ ngồi cạnh cửa sổ mở toa tàu.

Đó là vào tháng bảy năm 1914. Charlotte bảy giờ mười một tuổi.

Cuộc đời cô chẳng hề xảy đứt đoạn. Riêng câu nói ấy (“Mẹ chú ý đàn chuột nhất!”), với thời gian Charlotte ngày càng nhận thấy nó ngớ ngẩn, trở

con. Lẽ ra phải lặng im và nhìn kỹ gương mặt kia cạnh cửa sổ toa tàu, chất đầy ánh mắt mẹ. Bao nhiêu tháng, bao nhiêu năm trôi qua, và câu nói cuối cùng ấy vẫn còn mang nguyên vẹn vang âm một niềm hạnh phúc ngây ngô. Sự chờ đợi trở thành cái thời gian duy nhất cuộc đời Charlotte.

Thời bấy giờ (“lúc thời chiến”, báo chí viết vậy) giống như một buổi chiều xám, một ngày chủ nhật trong các phố vắng thành phố tỉnh lẻ: một cơn gió đột nhiên dấy lên từ góc nhà, cuộn thành cơn lốc bụi, một cánh cửa kẽ giật, con người dễ hòa tan trong làn không khí không màu sắc, biến mất không lý do.

Chính là như vậy mà ông cậu của Charlotte biến đi - “ngã xuống chiến trường”, “chết cho nước Pháp”, theo lối nói báo chí. Và cái ngữ điệu này khiến cho sự vắng mặt của ông càng gây thêm bối rối - như cái gọt bút chì kia trên bàn viết, với chiếc bút tra nguyên trong lỗ và vài vụn vỏ bào, nó nằm đó bất động từ khi ông mất đi. Chính là như vậy mà căn nhà ở Neuilly trống vắng dần - các ông các bà cúi hôn bé Charlotte và với vẻ rất nghiêm chỉnh nhắc nhở bé phải cho ngoan.

Cái thời gian kỳ quặc này có những thói thất thường của nó. Bỗng nhiên, với kiểu mau lẹ nhảy nhót như trong phim, một bà dì Charlotte vận váy áo trắng, quanh mình là các bà con thân thích tụ tập cũng với kiểu hối hả của điện ảnh bấy giờ, để đi bằng dáng đi nhanh nhẹn giật giật tới một nhà thờ nơi bà dì đứng bên một người đàn ông đeo râu mép, tóc chải dầu trơn mượt. Và hầu như ngay sau đó - trong kí ức Charlotte thậm chí họ cũng chưa có thời gian rời khỏi nhà thờ - cô dâu mới vận bộ đồ đen vào và không ngược nổi cặp mắt đầy lệ. Sự biến đổi quá ư nhanh chóng, cứ như thể ngay từ khi ra khỏi nhà thờ, bà ta chỉ có một mình, mang tang chồng và giấu cặp mắt đỏ hoe. Hai ngày đó chập lờm - cái ngày nhuộm màu bầu trời rạng rỡ, rộn tiếng chuông ngân và lộng gió hè, ngọn gió thổi dường như càng thúc đẩy nhanh hơn bước tới lui qua lại của khách khứa. Và hơi nóng của nó dánбет lên mặt người phụ nữ trẻ lúc thì chiếc khăn voan trắng cô dâu, lúc thì chiếc khăn trùm đen góa phụ.

Về sau, cái thời gian lạ lùng ấy trở về với dòng chảy bình thường và được ghi dấu bằng những đêm không ngủ và dãy dài những thân thể què cụt điếu qua. Giờ giấc lúc này rộn ràng như trong những phòng học lớn trường

trung học Neuilly. Sự hiểu biết đầu tiên của cô về thân thể đàn ông là hình ảnh thứ thịt da rắn chắc bị dập xé máu me kia. Và bầu trời đêm những năm ấy chứa đầy vỹ viễn hình bóng quái gở hai khinh khí cầu Đức màu xám nhạt giữa những tia đèn chiếu mọc lên trời như những mảng đá.

Cuối cùng rồi cũng có một ngày, cái ngày 14 tháng bảy 1919, rất đông binh lính không đếm xuể kéo qua Neuilly tiến về thủ đô. Trang phục chau chuốt, ánh mắt hiên ngang, giày đánh xi bóng loáng - chiến tranh lấy lại dáng vẻ diễu binh của nó. Anh ta có trong số đó không ấy nhỉ, cái anh chàng chiến binh sẽ đặt vào tay Charlotte một viên sỏi con, cái mảnh đạn pháo đầy gì? Hai người có yêu nhau không ấy nhỉ? Hoặc là đã hứa hôn?

Cuộc gặp gỡ này không thay đổi gì quyết định của Charlotte, vốn sắp sẵn từ nhiều năm trước. Có dịp đến đầu tiên, may mắn lạ thường, cô liền đi sang Nga. Chưa hề có mối liên hệ nào gắn bó cô với cái đất nước bị nội chiến tàn phá này. Năm ấy là năm 1921. Một phái đoàn Chữ Thập Đỏ chuẩn bị đi đến vùng Vonga nơi xảy những vụ chết đói. Charlotte được nhận vào làm y tá. Đề nghị của cô nhanh chóng được chấp nhận do hiếm người tình nguyện. Nhưng nhất là do cô nói được tiếng Nga.

Chính ở nơi đây cô mục kích bao cảnh nhọc nhằn. Từ xa, cái nơi nhọc nhằn này nom cũng giống như những làng Nga yên tĩnh - nhà ghép gỗ, giếng, hàng rào - chìm trong sương mù tỏa từ dòng sông lớn. Lại gần, nó đứng yên bất động trong những cảnh chụp do người thợ ảnh lấy ra từ những ngày tẻ nhạt kia: một nhóm nam nữ nông dân mặc áo da cừu, đứng im lìm trước một đống những bộ xương người, những thân thể xé từng mảnh, những mảng thịt chẳng còn nhận ra hình thù. Rồi cái thằng bé trần truồng trong tuyết - tóc dài rối bời, mắt sắc như mắt ông già, thân hình teo tóp như con bọ. Cuối cùng, trên mặt băng chỗ đường cái, một cái đầu lăn lóc, mắt mờ mờ đục. Tệ nhất là các cảnh chụp ấy không cố định. Do vì anh thợ ảnh gập cái giá ba chân và đám nông dân đi ra khỏi khung ảnh, nên họ lại trở về sống trong cái kiểu đơn giản đến lạ lùng của những cử chỉ thường ngày. Phải, họ vẫn tiếp tục sống! Một người đàn bà cúi xuống thằng bé và nhận ra đó là con mình. Và chị chẳng biết làm gì với cái ông già - sâu bọ. Thế rồi ông ta nghe từ cổ họng chị thốt ra tiếng tru như của chó sói. Không có bức ảnh nào có thể ghi lại được tiếng tru ấy... Một bác nông dân nhìn thẳng vào

mắt chiếc đầu vút trên đường. Rồi cúi xuống vụng về nhặt nó bỏ vào túi vải len thô, lẩm bẩm: “Để phải đem chôn”.

Rồi lại phải đi vào các ngôi nhà gỗ của cái cảnh đói khổ bình yên này để phát hiện ra là cái bà già đang nhìn ra đường qua mặt kính, thực ra là xác khô đét một cô gái chết cách đây nhiều tuần, ngồi cạnh cửa sổ với chút hy vọng sống còn đầy tuyệt vọng.

Charlotte rời phái đoàn ngay khi trở về Mạc tư khoa. Từ khách sạn đi ra, cô hòa vào trong đám đông ồn ào hỗn tạp nơi quảng trường và biển mất. Ở chợ Soukharevka chuyên nghề đổi chác, cô đổi đồng năm frăng bằng bạc (anh bán hàng ghé răng cắn rồi gõ gõ vào lưỡi rìu để thử) lấy hai chiếc bánh mì tròn làm lương ăn cho những ngày đầu đi đường. Cô đã ăn vận như một người Nga, và tại nhà ga xe lửa trong cảnh chen chúc hỗn độn lên toa, chẳng ai chú ý đến người đàn bà trẻ đang vừa sửa lại xác đeo lưng vừa đánh vật với cảnh xô đẩy hoảng loạn của đám đông lung nhùng.

Cô đi rong ruổi, và trông thấy tất cả. Cô bắt chập cái vô tận của đất nước này, bắt chập cái không gian càng lúc càng lùi xa trong đó những ngày những năm tháng sa lầy. Mặc dầu tất cả, cô vẫn cứ đi, lợi bì bõm trong cái thời gian tù hãm. Bằng xe lửa, xe ngựa, đi bộ...

Cô trông thấy tất cả. Cả một bầy ngựa trắng yên cương mà không có người cưỡi phi trên cánh đồng, dừng chốc lát rồi hoảng hốt lại phóng điên cuồng vừa sung sướng vừa kinh hãi vì cái tự do vừa giành được. Trong đám ngựa có một con khiến mọi người chú ý. Một thanh kiếm cắm ngấp vào yên, dựng đứng trên lưng nó. Con vật phi và chiếc lưỡi dài cây gươm cắm chặt trong tấm da thuộc dày đung đưa mềm mại, lóng lánh lên dưới mặt trời xé. Mọi người đưa mắt dõi theo những ánh đỏ tía kia cứ mờ dần trong sương mù cánh đồng. Họ hiểu là thanh kiếm, cán đúc chì, hẳn đã chẻ một thân người.

Cô cũng nom thấy những xác ngựa chết được kéo từ giếng lên. Và thấy những cái giếng mới đào trong đất mỡ màng dịn chặt. Các súc gỗ tròn đưa xuống lót bụng giếng còn thơm mùi gỗ mới.

Cô trông thấy một đám dân làng, dưới sự chỉ huy của một người đàn ông khoác áo da màu đen, đang hè nhau kéo một sợi giây thừng lớn quấn quanh cái nóc tròn một ngôi nhà thờ với cây thánh giá. Tiếng đồ võ răng rắc liên tục dường như kích thích họ hăng thêm. Trong một làng khác, mới tinh mơ, cô thấy một bà già quỳ trước một chiếc vòm củ hành nhà thờ vút chơ chổng giữa các nắm mồ một khu nghĩa địa không có hàng rào nhìn trông trơn ra cánh đồng.

Cô đi qua những làng mạc hoang vắng có những mảnh vườn quả chín nẫu rụng xuống cỏ hoặc khô quắt trên cành. Trong một thành phố có hôm, ở chợ, một người bán hàng chặt tay một đứa trẻ định đánh cắp một quả táo. Tất cả những con người cô gặp dường như hoặc đang lao về một mục tiêu không rõ, bằng cách chen chúc nhảy lên tàu và các bên đò, hoặc là chờ đợi, chẳng biết đợi ai - trước những nhà hàng cửa đóng kín, cạnh những cánh cổng có lính gác hoặc đôi khi chỉ là đứng đợi ngay cạnh đường.

Khoảng không gian nơi cô xông pha vào không biết đến sự trung dung: cảnh người người lớp lớp chông chát không thể tưởng tượng nổi bỗng nhiên nhường chỗ cho cảnh hoang vắng hoàn toàn nơi cái mênh mông bầu trời, cái thẳm sâu rừng núi khiến sự hiện diện của con người là không thể hình dung được. Thế rồi cái trống rỗng ấy, không hề có sự chuyển tiếp, dẫn tới một cảnh chen lấn ác liệt đám nông dân đang lội bì bõm trong cái bờ đất một con sông dềnh lên do mưa rào mùa thu. Vâng, Charlotte cũng nom thấy điều đó. Những người nông dân giận dữ nọ dùng cây sào dài, gạt đẩy một cái xà lan trên đó dậy lên tiếng rên rỉ bất tận. Người ta nom thấy những bóng người trong xà lan giơ cánh tay gầy đét về phía bờ. Đó là những người mắc bệnh sốt chấy rận bị ruồng bỏ đang trôi giạt trên cái trên cái nghĩa địa nổi đã nhiều ngày. Cứ mỗi lần chiếc xà lan gặng cập bờ, người trên bờ lại hùa nhau xô ra. Chiếc xà lan lại tiếp tục cuộc nổi trôi tang tóc, lúc này có cả những người chết vì đói. Chẳng bao lâu họ cũng chẳng còn sức cố gắng đáp vào bờ, và những người sống sót cuối cùng, một hôm nào đó bị đánh thức bởi tiếng sóng âm ào đều đặn, sẽ nom thấy xa xa đường chân trời dừng dung lạnh lẽo biển Caspienne.

Ở một cửa rừng, vào một sáng lóng lánh sương giá, cô nom thấy những bóng người lủng lẳng trên cành cây, cái cười nhăn nhó tiêu tụy của những kẻ bị treo cổ mà chẳng ai nghĩ đến chôn cất. Và cao tít trên bầu trời xanh

lộng nãng, bóng một đàn chim di cư mờ tan dần, tăng thêm vẻ vắng lặng bằng tiếng hót lạnh lớt dội về.

Cái hơi thở nồng nặc ngừng ngắt từng quãng của cái thế giới Nga này không làm cô kinh hãi nữa. Cô đã học được bao nhiêu điều từ ngày ra đi. Cô biết mẹo khi ngồi trong toa tàu hay đi xe ngựa nên mang theo một cái túi nhét đầy rơm và mấy hòn sỏi dưới đáy. Bọn cướp đêm sẽ giằng lấy cái túi này là chủ yếu. Cô biết khi ngồi trên nóc toa chỗ tốt nhất là cạnh lỗ thông hơi: từ cái lỗ này người ta buộc thùng để tụt xuống hoặc leo lên nhanh chóng. Và khi may mắn tìm được chỗ trong hành lang toa tàu chật ních, chẳng việc gì phải ngạc nhiên nếu thấy những người chen chúc trên sàn chuyền tay nhau một đứa bé vẻ hốt ha hốt hải ra phía cửa. Những người đang co ro gần chỗ đó mở cửa ra và giữ đứa bé phía trên bậc lên xuống một lát để nó tiêu tiện hoặc đại tiện. Việc dịch chuyển này có vẻ khiến họ vui vui thật sự, họ mỉm cười, mũi lòng vì cái sinh linh nhỏ bé ấy lặng lẽ để mặc cho người ta làm, họ xúc động trước cái chuyện mót ỉa đái nó là tự nhiên biết bao giữa cái thế giới bất nhân này... Cũng chẳng cần ngạc nhiên, khi nghe tiếng thì thầm nổi lên giữa tiếng tàu giằng rầm rập trên đường ray: người ta chuyền tin cho nhau về cái chết của một hành khách vùi trong tầng sâu những cuộc đời lẫn lộn mù mịt.

Chỉ có một lần, trong chuyến đi xuyên dài ngày cắm mốc bằng bao nhiêu đau đớn, máu me, bệnh tật, bần lây, cô tưởng như thoáng thấy một mảnh của niềm thanh thản và hiền minh. Đã là phía bên kia dãy Ural. Vừa ra khỏi một thị trấn hỏa hoạn thiêu hủy mất một nửa, cô nom thấy mấy người ngồi trên một cái gò phủ đầy lá rụng. Gương mặt xanh xao của họ hướng về phía mặt trời dịu dịu cuối thu biểu lộ một vẻ bình thản chứa chan hạnh phúc. Bác nông dân đánh chiếc xe ngựa gật gù khẽ mách: “Tội nghiệp. Có đến mười hai người đi lang thang ở đây. Nhà thương của họ đã bị cháy. Dân mắc chứng điên ấy mà”.

Không, chẳng còn có gì có thể làm cô ngạc nhiên.

Thường khi, bị ép chặt trong bóng tối ngột ngạt toa tàu, có mơ thấy một giấc mơ ngắn, chói lòa và hoàn toàn huyền hoặc. Chẳng hạn như nom thấy mấy con lạc đà to lớn đi dưới tuyết, đang quay đầu khùng khinh nhìn về phía một ngôi nhà thờ. Bốn người lính đi ra khỏi cửa nhà thờ giắt theo một

ông mục sư đang thuyết giảng họ bằng giọng run run. Những con lạc đà bươu phủ đầy tuyết, cái nhà thờ, đám đông hớn hở... Trong giấc ngủ Charlotte nhớ ra rằng xưa kia những cái hình bóng nổi bươu gù kia bao giờ cũng gắn liền với cây cọ, sa mạc, ốc đảo...

Và chính lúc bấy giờ cô nhô ra khỏi con trì độn, không, chẳng phải mơ đâu! Cô đang đứng giữa một cái chợ thuộc một thành phố không quen biết. Tuyết rơi dày bám trên lông mi. Khách qua đường đến gần sờ vào chiếc mặt giầy chuyền bằng bạc mà cô tính đem đổi bánh mì. Những con lạc đà vượt cao hẳn đám mua bán lúc nhúc, nom như những chiếc thuyền rồng kỳ quặc đặt trên giá. Và dưới con mắt đám đông thích thú, mấy người lính đẩy ông mục sư lên một chiếc xe quệt độn rom.

Sau cái giấc mơ hư hư thực thực ấy, cuộc đi dạo buổi chiều quả là rất thường ngày, rất thực. Cô đi ngang qua một đường phố có vỉa hè loang loáng dưới ánh cây đèn đường lù mù. Đây cửa một cửa hàng bánh mì. Trong nhà ấm cúng, sáng đèn, nom có vẻ thân thuộc từ màu gỗ quầy hàng đánh véc ni cho đến cách bày bánh ngọt và sô cô la trong tủ kính. Bà nhà hàng mỉm cười nhã nhặn với cô như với khách quen và trao cho cô chiếc bánh mì. Trở ra đường, Charlotte chột đứng dừng, bối rối: đáng lẽ phải mua nhiều bánh hơn nữa chứ! Hai, ba, không, bốn chiếc bánh tròn! Lại cũng phải nhớ tên đường phố có cái hiệu bánh tuyết vời này. Cô đến trước ngôi nhà góc phố, ng[ữ]ng nhìn. Nhưng các con chữ có một dáng vẻ kỳ quặc, lờ mờ, chúng quán quýt vào nhau, nhấp nha nhấp nháy “Ngốc ơi là ngốc! cô nghĩ bụng. Phố này là phố cậu mình ở đây mà...”

Charlotte giật mình tỉnh thức. Đoàn tàu bị chặn giữa cánh đồng, đầy những tiếng lao xao nháo nhác: một băng cướp đã giết bác lái tàu và lúc này đang đi lục lọi các toa giật lấy tất cả những gì tìm thấy. Cô cởi khăn san trùm lên đầu buộc các góc dưới cằm như bà già nông dân thường làm. Đoạn, vẫn còn mồm mỉm cười nhớ lại giấc mơ vừa rồi, cô đặt lên đầu gói các túi nhét đầy giẻ bọc quanh hòn đá...

Và nếu cô thoát để được sống sót trong hai tháng trời đi đường ấy, thì chỉ là vì cái lục địa mệnh mang nơi cô đi qua đã no nê máu. Cái chết, ít ra trong vài ba năm, mất vẻ hấp dẫn của nó, trở nên quá nhàm và chẳng đáng để ra tay.

Charlotte đi xuyên qua Boiarsk, cái thành phố Xibêri của tuổi thơ, và cũng không buồn tự hỏi đây vẫn là giấc mơ hay đây là sự thực. Cô thấy yếu mệt quá rồi chẳng còn muốn suy nghĩ nữa.

Tại nhà ông thị trưởng, phía trên cửa ra vào, treo một lá cờ đỏ. Hai người lính cầm súng dẫm trong tuyết đi đi lại lại hai bên cửa... Vài cửa sổ nhà hát đã bị phá vỡ và vì không tìm ra gì hơn được bít tạm bằng mấy mảnh phong bài trí bằng gỗ dán: chỗ thì lá cành điểm hoa trắng, chắc là cảnh trong kịch *Vườn anh đào*, chỗ thì cảnh mặt tiền một nhà nghỉ nông thôn. Phía trên cổng, hai người thợ đang chằng một tấm biểu ngữ dài vải đỏ: “Tất cả tham gia mít tinh quần chúng xã hội vô thần!” Charlotte đi chậm lại một chút thử đọc. Một người thợ rút chiếc đinh cấn trong miệng và đóng vào cạnh cái dấu chấm than.

- Chúng mình thế nào cũng làm xong trước tối nhá, lạy trời! Anh ta nói to với cậu bạn.

Charlotte mỉm cười đi tiếp. Không, cô chẳng nằm mơ đâu.

Một anh lính gác cạnh cầu ngăn cô lại hỏi giấy. Charlotte làm theo. Anh ta cầm giấy nhưng chắc hẳn không biết đọc nên quyết định giữ lại. Và chẳng anh ta cũng có vẻ ngạc nhiên vì cái quyết định của chính mình. “Cô sẽ được nhận lại sau khi ủy ban cách mạng đã xem xét”, anh ta bảo, rõ ràng có vẻ như lặp lại lời ai đó. Charlotte chẳng còn hơi sức đâu tranh cãi.

Ở nơi đây, Boiarsk, mùa đông đã đến từ lâu. Nhưng hôm ấy trời âm, lớp băng dưới cầu phủ những mảng lớn ẩm ướt. Dấu hiệu trở âm đầu tiên. Và có những bông tuyết lớn lười biếng bay nhờn nhờn trong cái lặng im trắng toát của những khu đất hoang mà cô đã bao lần đi qua hồi bé.

Bằng hai cửa sổ bé như hai con mắt ngôi nhà gỗ dường như đã nhận ra cô từ xa. Vâng, ngôi nhà nhìn cô đi tới gần, gương mặt nó đầy nét nhăn rạn lên một cái cười nhăn nhó khó nhận ra, một niềm vui cay đắng của cảnh gặp lại.

Charlotte chẳng trông đợi gì nhiều về cuộc thăm viếng này. Cô đã chuẩn bị tinh thần từ lâu để đón nhận những tin không vui: chết chóc, phát điên, biến mất. Hoặc là một sự vắng mặt đơn thuần, không thể giải thích, tự nhiên như không, chẳng làm ai ngạc nhiên. Cô tự ngăn cấm mình hy vọng mà vẫn cứ hy vọng.

Những ngày cuối đi đường, sức đã kiệt quệ quá chừng cô chỉ còn nghĩ đến cái hơi nóng lò sưởi lớn nơi cô sẽ đến tựa vào và ngã lăn đùng xuống sàn nhà.

Từ tam cấp ngôi nhà, cô nom thấy dưới gốc táo cần cỗi một bà cụ già, đầu trùm kín mít trong chiếc khăn quàng đen. Còng lưng, bà cụ lồi một cành cây to vùi trong tuyết. Charlotte cất tiếng gọi. Nhưng bà cụ không quay lại. Giọng cô yếu ớt quá và tan nhanh trong không khí trầm đục của thời tiết trở ẩm. Cô cảm thấy không còn sức gọi thêm lần nữa.

Cô ghé vai đẩy cửa. Chỗ lối vào, tối và lạnh, thấy cả một đồng gỗ dự trữ - ván thùng, ván sàn và thậm chí cả những phím dương cầm dồn một đồng nhỏ đen trắng. Charlotte nhớ lại chính đàn dương cầm trong các nhà giàu là cái chủ yếu gây tức giận của hàng xóm. Cô đã nom thấy một chiếc bị riu đập vỡ, kẹt trong băng trong một con sông...

Khi cô bước vào trong nhà, cử chỉ đầu tiên là sờ vào mấy hòn đá lò sưởi. Nó vẫn còn âm ẩm. Cô cảm thấy bàng hoàng dễ chịu. Đã định tiến đến gần lò sưởi cô bỗng nom thấy một cuốn sách mở đặt trên chiếc bàn ghép bằng ván gỗ nâu sẫm theo thời gian. Một cuốn sách nhỏ giấy ram ráp. Ngồi tựa trên chiếc ghế dài, cô cúi nhìn xuống các trang mở. Kỳ quặc thay, các con chữ bỗng chập chà chập chờn, hòa tan đi - hết như cái đêm trong toa tàu cô đã mơ thấy đường phố Paris nơi ông cậu ở. Lần này thì chẳng phải giấc mơ, mà là nước mắt. Đó là một cuốn sách Pháp.

Bà cụ trùm khăn đen bước vào và vẻ như chẳng hề ngạc nhiên khi nom thấy người phụ nữ trẻ mảnh mai kia đang từ ghế đứng dậy. Những cành cây khô bà cụ ôm trong tay rõ từng sợi tuyết dài xuống sàn nhà. Gương mặt tàn tạ nom giống bất cứ gương mặt bà cụ nông dân nào trong vùng Xibêri này. Cặp môi đầy một mạng li ti những nếp nhăn rung lên. Và từ chính cái

miệng kia, từ bộ ngực lép kẹp của con người khó nhận ra kia buột lên giọng nói của bà Albertine, một giọng không hề thay đổi lấy một ly:

- Mấy năm nay, mẹ chỉ sợ có một điều: là mày trở về đây!

Vâng, đó là câu đầu tiên bà Albertine nói với con gái. Và Charlotte hiểu ra: những điều hai mẹ con đã trải từ ngày già biệt trên sân ga, cách đây tám năm, vô số những cử chỉ, gương mặt, lời nói, khổ đau, thiếu thốn, hy vọng, lo buồn, kêu thương, nước mắt - toàn bộ cái ảm ì sự sống vang lên trên nền một tiếng vọng không chịu tắt: cái cuộc gặp gỡ này, mong mỗi biết bao, đáng sợ biết chừng nào.

- Mẹ tính nhờ ai viết thư cho con bảo rằng mẹ đã chết. Nhưng rồi xảy chiến tranh, rồi cách mạng. Rồi lại chiến tranh nữa. Thế rồi...

- Thư có viết thế con cũng chẳng tin đâu...

- Ủ, vả chăng mẹ cũng nghĩ là dù thế nào con cũng không tin...

Bà cụ đặt bó cành cây cạnh lò sưởi và đến gần Charlotte. Lần ở Paris bà nhìn con gái mình qua cửa sổ toa tàu, cô bé lên mười một tuổi. Giờ đây cô sắp sửa tuổi hai mươi.

- Con có nghe thấy không, bà Albertine thì thào, mặt tươi rạng lên và bà quay về phía bếp lò. Đàn chuột nhắt, con còn nhớ không? Nó vẫn còn đấy...

Lát sau, ngòi xôm trước ngọn lửa đang bùng lên sau cánh cửa nhỏ bằng gang, bà Albertine lẩm bẫm như nói một mình, không nhìn Charlotte nằm trên ghế dài vẻ thiu thiu:

- Cái đất nước này là thế. Vào thì dễ nhưng chẳng bao giờ ra khỏi được đâu...

Nước nóng dường như một chất liệu mới tinh, chưa hề biết. Charlotte giơ tay đón dòng nước bà mẹ rót từ từ lên vai lên lưng từ một chiếc gáo bằng đồng. Trong bóng tối căn phòng chiếu bằng ngọn lửa liu liu một mảnh

vỏ bào, những giọt nước nóng tựa như giọt nhựa thông. Nước mơn man thật dễ chịu khắp cơ thể mà Charlotte kỳ cọ bằng cục đất thó xanh. Cái khoản xà phòng chỉ còn là một kỷ niệm mơ hồ.

- Con gây đi nhiều quá, bà Albertine thì thào, giọng ghen hằn đi.

Charlotte cười khẽ. Và ngửa đầu với mái tóc ướt, cô thấy những giọt nước mắt cũng cái màu hổ phách ấy long lanh trong mắt lờ đờ của mẹ.

Những ngày sau đó, Charlotte thử hỏi xem bằng cách nào hai mẹ con có thể rời Xibêri (vì mê tín, cô không dám nói: trở về Pháp). Cô đi vào nhà ông thị trưởng cũ. Mấy người gác cửa mỉm cười với cô: dấu hiệu tốt chăng? Chị thư ký ông chủ tịch mới của Boiarsk bảo chị ngồi chờ ở một gian phòng bé - nơi mình ngày xưa chờ cái túi đựng thức ăn thừa. Charlotte nghĩ.

Ông lãnh đạo tiếp cô, ngồi sau chiếc bàn giấy to nặng, cô đã bước hẳn vào nhưng ông ta, cặp lông mày cau cau, vẫn tiếp tục gạch rất mạnh bằng bút chì đỏ lên các trang một cuốn sách. Có cả một chồng sách mỏng tương tự nằm trên bàn.

- Chào nữ công dân! Cuối cùng ông ta nói và chìa tay.

Hai người nói chuyện. Với một niềm kinh hãi chen nghi hoặc, Charlotte nhận thấy những lời đáp của vị viên chức giống như tiếng dội méo mó các câu hỏi của cô. Cô nói về Ủy ban Cứu tế Pháp và nghe dội lại một bài diễn văn ngắn về những mưu đồ đế quốc của Phương Tây dưới danh nghĩa nhân đạo tư sản. Cô nêu nguyện vọng đi Matxcova và rồi... Tiếng dội ngắt lời cô: các lực lượng can thiệp của ngoại bang và các kẻ thù nội địa đang phá hoại cuộc sống tái thiết trong nước cộng hòa Xô viết trẻ tuổi.

Sau mười lăm phút trao đổi kiểu như vậy, Charlotte cứ muốn buột kêu lên: “Tôi muốn đi! Thế thôi!” Nhưng cái lô gích phi lý của câu chuyện vẫn chưa buông tha cô.

- Một chuyến tàu đi Matxcova...

- Thủ đoạn phá hoại của bọn chuyên gia tư sản trong ngành đường sắt...
- Tình trạng sức khỏe mẹ tôi kém sút...
- Cái di sản kinh tế và văn hóa kinh khủng do chế độ Xa hoàng để lại...

Cuối cùng, kiệt lực, cô thì thào:

- Vâng, thế thì xin ông cho tôi lại giấy tờ...

Giọng ông lãnh đạo tựa hồ vấp phải một vật chướng ngại. Một nét co rúm nhanh chạy qua trên bộ mặt. Ông ta lảng lảng đi ra khỏi bàn giấy. Lợi dụng lúc ông vắng mặt, Charlotte liếc nhìn cái chồng sách mỏng. Đầu đề khiến cô bối rối vô cùng tận: *Để chấm dứt thói buông thả tình dục trong chi bộ Đảng (chỉ thị)*.

- Đúng là những chỉ thị như vậy mà ông lãnh đạo gạch dưới bằng bút đỏ.

- Chúng tôi không tìm thấy giấy tờ của cô, ông ta đi vào nói.

Charlotte cô đòi. Việc xảy ra lúc đó vừa khó tin vừa thật là lô gích. Ông lãnh đạo tuôn ra một tràng chửi rủa đến nỗi hai tháng sau cái dận trong toa tàu lèn chặt, lúc này cô vẫn còn choáng váng. Ông vẫn tiếp tục quát lác khi cô đã nắm quả đấm cửa. Đoạn ghé sát mặt vào mặt cô, ông ta thì thào:

- Tôi có thể bắt cô đem xử bắn ngay trong sân này, sau nhà xí ấy. Hiểu không, đồ gián điệp!

Lúc về, trong khi bước giữa cánh đồng tuyết phủ, Charlotte tự nhủ có một ngôn ngữ mới đang nảy sinh ở đất nước này. Một ngôn ngữ cô không hề biết, và vì thế cuộc đối thoại trong phòng giấy ông thị trưởng cũ cô cảm thấy như không thể tin nổi. Không, mọi việc đều có ý nghĩa riêng của nó: nào cái giọng hùng biện cách mạng đột nhiên trượt sang thứ ngôn ngữ thô lỗ, nào cái “con mẹ công dân gián điệp”, nào cuốn sách nhỏ quy định đời sống tình dục đảng viên. Đúng rồi, một trật tự sự vật mới đang được an bài.

Mọi chuyện trong cái thế giới này, tuy thật quen thuộc, sắp đội một cái tên mới, người ta sắp áp dụng cho mỗi vật, mỗi con người một cái nhãn khác.

“Thế còn cái làn tuyết rơi chậm rãi này, cô nghĩ, những cái bông tuyết bay lửng lơ buổi trở ấm trong bầu trời chiều màu tím này?” Cô nhớ hồi còn bé đã vui sướng biết bao khi thấy lại tuyết trên đường phố, sau buổi dạy con gái ông thị trưởng. “Cũng như hôm nay vậy...” Cô tự nhủ và hít thở thật sâu.

Ít hôm sau, cuộc sống đông cứng lại. Vào một đêm trong trẻo, cái lạnh bắc cực tràn xuống từ trên trời. Thế giới chung quanh biến thành một khối pha lê nước đá trong đó khảm những cây cối lờ mờ sương giá, những cột trắng bất động phía trên các ống khói, nét lóng lánh bạc rùng taiga nơi chân trời, ông mặt trời viền một quầng có vân long lanh. Giọng nói không đi xa được, hơi nước ngưng đọng trên môi.

Hai mẹ con chỉ còn lo sống từng ngày một, bằng cách duy trì một khu vực nhiệt bé tẹo quanh thân mình.

Chính cái nhà gỗ *isba* đã cứu sống họ. Mọi sự đã được thiết kế để chống lại những mùa đông liên miên không dứt, những đêm sâu không đáy. Phải nói chính là chất gỗ các súc cây tròn lớn vốn chứa đựng cái từng trải gian khổ của bao nhiêu thế hệ người dân Xibêri. Bà Albertine đã cảm nhận ra cái hơi thở thềm kín của ngôi nhà cũ này, đã học cách sống mật thiết với nhịp sống chậm rãi nồng ấm của chiếc lò sưởi lớn chiếm nửa căn phòng, với cái vắng lặng rất sinh động của nó. Còn Charlotte khi quan sát các cử chỉ thường ngày của mẹ, thường hay mỉm cười nghĩ: “Bà cụ là một dân Xibêri thực thụ rồi!” Ở lối ra vào ngay từ hôm đầu cô đã chú ý có những bó cỏ khô. Chúng làm nhớ đến những cụm lá người Nga dùng để quét lên người trong các nhà tắm. Khi đã ăn hết khoanh bánh mì cuối cùng cô mới khám phá ra tác dụng thật sự các bó cỏ kia. Bà Albertine ngâm vào nước nóng và đến chiều, hai mẹ con ăn cái món mà về sau họ gọi vui là: “Món canh Xibêri” - lộn nhón những nhánh, hạt và rễ. “Mẹ bắt đầu thuộc lòng tên các cây cỏ rừng taiga”, bà Albertine vừa nói vừa múc canh vào đĩa. “Mẹ đang tự hỏi tại sao người ở đây ít tận dụng nó phí vậy”.

Cái điều cứu sống họ còn là sự có mặt của con bé kia, con bé Di-gan một hôm hai mẹ con bắt gặp trên bậc tam cấp, hầu như rét cóng. Nó cào lên ván cửa lạnh cứng bằng các ngón tay cóng đờ bầm tím...

Để nuôi nó, Charlotte làm những việc mà cô sẽ chẳng bao giờ làm cho chính mình. Cô ra chợ ăn xin một củ hành, ít củ khoai tây quắt, tí mỡ lợn. Cô moi trong thùng rác gần nhà ăn của cơ quan Đảng, không xa mấy nơi ông lãnh đạo dọa bắn chết cô. Có lúc cô giúp đỡ hàng từ toa tàu xuống để nhận lấy chiếc bánh mì. Con bé, chỉ còn bộ xương bọc da, mấy ngày đầu lay lắt nơi biên giới mỏng manh giữa ánh sáng hư vô, rồi dần dà, với một sự ngạc nhiên ngập ngừng, lại tuôn nhập theo cái dòng chảy kỳ lạ những tháng ngày, lời nói, mùi vị - cái mà người ta gọi là sự sống...

Sang tháng ba, vào một ngày đầy nắng và đầy tiếng sào sạo bước chân khách bộ hành trên tuyết, một người đàn bà (mẹ hay chị?) đến tìm con bé và chẳng giải thích gì hết, mang nó đi. Charlotte chạy theo đến tận lối ra thị trấn và trao cho đứa bé Di-gan con búp bê to má bị tróc rạn nó vẫn thường chơi suốt những đêm đông dài... Con búp bê này vốn xưa kia đến từ Paris và cùng với những báo chí cũ trong chiếc va ly là một trong những di tích cuộc đời xưa cũ mẹ con cô.

Cái đói thực thụ, bà Albertine vốn biết, sẽ đến vào mùa xuân... Chẳng còn lấy một bó cỏ ở lối vào, chợ búa vắng tanh. Sang tháng năm, hai mẹ con trốn khỏi ngôi nhà gỗ mà chẳng biết đi đâu. Hai người đi trên con đường còn ẩm ướt mùa xuân, chốc chốc cúi xuống ngắt những ngọn rau chua me mới nhú.

Một phú nông nhận cho mẹ con vào làm công nhật trong trang trại của lão. Đó là một người dân Xibêri gầy mà khỏe, mặt lấp một nửa sau chòm râu thỉnh thoảng để lộ vài lời cụt lủn hiếm hoi quyết đoán.

- Chẳng tiền nong gì đâu nhá, lão nói không úp mở. Có chỗ ăn, chỗ ngủ. Ta nhận hai mẹ con mụ chẳng phải vì là người đẹp. Ta cần nhân công.

Hai mẹ con không còn con đường nào khác. Những ngày đầu, khi trở về, Charlotte bỏ ngoài nằm như chết trên chiếc giường mọt, tay đầy nốt

phông bị vỡ. Bà Albertine suốt ngày khâu bì cho vụ thu hoạch sắp tới và tận tình săn sóc con gái. Một tối, Charlotte mệt rũ đến mức gặp bác chủ trại, cô buột nói bằng tiếng Pháp. Bộ râu bác nông dân linh hoạt lên làm chuyển động cả gương mặt, mắt giãn dài - lão mỉm cười.

- Tốt, mai cháu có thể nghỉ. Nếu mẹ cháu muốn lên phố thì mẹ con cứ đi...

Lão bước ít bước rồi quay mình:

- Bọn trẻ trong làng chúng nó nhảy hàng đêm đấy, cháu có biết không? Cháu thích thì cứ đến...

Như đã giao hẹn, bác nông dân chẳng tính tiền nông gì hết. Sang thu, khi hai mẹ con chuẩn bị trở về thành phố, lão trở chiếc xe ngựa chở hàng hóa phủ tấm bạt bằng len thô.

- Ông lão này sẽ đánh xe, bác nói và nhìn về ông cụ nông dân ngồi trên ghế đằng trước.

Bà Albertine và Charlotte cảm ơn và leo lên xe ngồi cạnh thành chiếc xe chở đầy những sọt, những túi, gói.

- Bác chở mọi cái này ra chợ à bác? Charlotte hỏi để khóa lấp cái im lặng ngượng nghịu lúc chia tay.

- Không. Giả công cho hai mẹ con đấy.

Hai người không kịp đáp. Lão đánh xe giật giây cương, chiếc xe lắc lư rồi lăn trong làn bụi nóng dọc cánh đồng. Dưới làn vải bạt, Charlotte và bà cụ khám phá ra ba túi khoai tây, hai bì lúa mì, một thùng con mật ong, bốn quả bí ngô to tướng và nhiều sọt rau, đậu táo. Trong một góc có nửa tá gà mái chân bị trói, giữa đám là một anh gà trống gương cặp mắt tức tối bất bình.

Bà Albertine nhìn mãi không chán mắt, cuối cùng mới nói:

- Mẹ cũng cứ phải nhặt phơi vài bó cỏ. Rồi đây chẳng biết thế nào.

Hai năm sau bà qua đời. Bây giờ là một buổi chiều tháng tám, bình lặng trong trẻo. Charlotte đi làm ở thư viện về, cô nhận công việc nghiên cứu hàng núi sách tịch thu từ các khu nhà quý tộc bị phá... Bà mẹ đang ngồi trên chiếc ghế băng nhỏ sát cạnh tường, đầu dựa trên những súc gỗ tròn trơn láng. Chắc bà đã thiếp đi và tắt nghỉ trong giấc ngủ. Một cơn gió nhẹ vùng tai-ga thổi bay bay các trang một cuốn sách mở đặt trên đầu gối. Cũng vẫn là cuốn sách nhỏ bằng tiếng Pháp gáy mạ vàng đã sờn.

Hai người cưới nhau vào mùa xuân năm sau. Anh chồng vốn quê một làng bên bờ Biển Trắng, cách mười nghìn cây số cái thành phố Xibêri nơi cuộc nội chiến đã đưa anh lưu lạc đến. Charlotte nhanh chóng nhận ra rằng ở chồng, xen lẫn mỗi tự hào là một “thảm phán nhân dân”, có một tâm lý bất ổn mơ hồ nào đấy mà lúc bấy giờ hẳn anh cũng chẳng thể phân tích lý do. Trong bữa tiệc cưới, một ông khách đề nghị đứng mặc niệm một phút để tưởng nhớ ngày Lenin qua đời. Mọi người đứng dậy... Ba tháng sau lễ cưới, anh được bổ nhiệm đến tận đầu mút kia xứ sở, tại Boukhara. Charlotte khăng khăng đòi mang theo cái va ly to đầy những tờ báo Pháp. Anh chồng không phản đối, nhưng trong toa tàu, chẳng thể giấu kín cái tâm lý bất ổn dai dẳng, anh giảng giải cho vợ hiểu là một đường ranh giới, khó vượt qua hơn bất cứ rặng núi nào, từ nay sẽ dựng lên giữa đời sống Pháp của cô và đời sống hai người. Anh tìm chữ để nói cái điều chẳng bao lâu nữa sẽ thành tự nhiên biết bao: cái màn sắt.

PHẦN II

1

Hè năm ấy, tôi rất sợ sẽ gặp lại lần nữa ông Sa hoàng... Vâng, sợ thấy lại ông vua trẻ tuổi cùng với vợ ông ta giữa thành phố Paris. Cũng sợ như người ta sợ gặp một cậu bạn mà thầy thuốc mách với anh cậu ta sắp chết chỉ ngày một ngày hai thôi, cái cậu từng thổ lộ cùng anh những dự định của mình, trong một tâm trạng tươi vui vì không hay biết gì hết.

Quả vậy, làm sao tôi có thể đi theo Nikolai và Alexandra nếu tôi biết rằng trước sau họ sẽ chết? Nếu tôi biết rằng cả đến con gái Olga của họ cũng sẽ không được miễn. Và cả đến những đứa con khác mà Alexandra chưa sinh hạ cũng sẽ chịu cái số phận bi thảm tương tự.

Với một niềm vui kín đáo tôi nhìn thấy tối hôm ấy một tập thơ nhỏ mà bà tôi, ngồi giữa những bông hoa trên ban công, giờ xem đặt trên đầu gối. Bà có cảm thấy tôi lúng túng không, do nhớ lại sự việc hè năm ngoái? Hoặc đơn giản là bà muốn đọc cho chúng tôi một trong những bài thơ yêu thích?

Tôi đến ngồi xếp ngay trên đất cạnh bà, tựa khuỷu tay lên đầu cô tiên dâng rượu bằng đá. Chị tôi ngồi phía bên kia, dựa lưng lên bao lơn, mắt đắm chìm trong sương mù nóng nực thảo nguyên.

Giọng bà Charlotte trầm bổng du dương như nội dung câu thơ:

Có một điệu hát tôi sẵn sàng đánh đổi

Cả Rossini, Mozart và cả Weber

Một điệu hát cổ xưa, u buồn thảm thiết

Với riêng tôi quuyến rũ si mê...

Ma lực bài thơ Nerval này làm dậy lên từ bóng chiều hình ảnh một tòa lâu đài thời vua Louis Mười Ba và bà quý tộc “tóc vàng mắt đen huyền, trong bộ trang phục cổ”...

Vừa lúc ấy, tiếng cô chị đưa tôi ra khỏi cơn trầm tư mặc tưởng thi ca.

- Thế còn cái ông Félix Faure, rồi sau ông ta thế nào hả bà?

Chị vẫn đứng chỗ góc ban công, hơi cúi mình trên bao lơn. Tay lơ đãng chốc chốc bứt một bông hoa bìm bìm héo ném xuống, chị nhìn dõi nó xoáy tròn trong hơi đêm. Đắm mình trong cơn mơ mộng thiếu nữ, chị đã không chú ý nghe bà đọc thơ. Hè năm ấy chị mười lăm tuổi... Vì sao chị đã nhớ đến ông Tổng thống? Chắc hẳn cái người đàn ông đẹp đẽ, oai vệ, với bộ râu mép thanh lịch, cặp mắt to trầm tĩnh, bỗng dung tập trung nơi ông ta, do một ý thích thoáng qua nào đó của tuổi mơ mộng yêu đương thiếu nữ, cái dáng vẻ đàn ông mường tượng sẵn. Và chị hỏi thêm bằng tiếng Nga - như để diễn đạt rõ hơn điều bí ẩn đầy pháp phông của sự hiện diện xiết bao mơ ước kia: “Thế còn cái ông Félix Faure, rồi sau ông ấy thế nào?”

Bà Charlotte liếc nhanh sang tôi miệng thoáng cười. Rồi bà gập cuốn sách trên đùi, khẽ thờ dài nhìn ra xa, ra phía cái chân trời nơi cách đây một năm chúng tôi đã thấy Atlantide nhô lên.

- Vài năm sau cuộc viếng thăm của vua Nicholas Đệ Nhị đến Paris, Tổng thống đã qua đời...

Có một chút ngần ngừ, một giây tạm ngừng không chú ý, khiến chúng tôi càng thêm háo hức...

- Ông ta chết đột ngột trong điện Elysée. Trong vòng tay cô nhân tình, Marguerite Steinheil...

Chính câu nói này đã đánh tiếng chuông báo tử cho tuổi thơ ấu của tôi. “Ông ta chết trong vòng tay cô nhân tình...”

Vẻ đẹp bi thảm trong mấy từ này làm tôi đâm thảng thốt. Cả một thế giới mới lạ ào vào trong tôi.

Mặt khác, điều tiết lộ này trước hết khiến tôi kinh ngạc bởi khung cảnh của nó: cái cảnh tình ái chết người này đã diễn ra ở Elysée! Ở lâu đài tổng thống! Ở đỉnh tháp chớp của quyền lực, của vinh quang, của danh vọng thế giới... Tôi hình dung một gian buồng xa hoa với những thảm quý, những lớp vàng mạ, những dãy gương lớn. Giữa những nguy nga tráng lệ ấy - một người đàn ông (ông tổng thống nước Cộng hòa!) và người đàn bà quần quýt lấy nhau dữ dội...

“Ông tổng thống chết trong điện Elysée, trong vòng tay cô nhân tình, Marguerite Steinheil...” Câu này có vẻ như một thông điệp mã hóa vọng từ một hệ tinh cầu khác. Hơn bao giờ hết, cái Atlantide Pháp của bà tôi như một *terra incognita*^[20] nơi những khái niệm kiểu Nga của chúng tôi chẳng còn thích hợp nữa.

Cái chết của Félix Faure giúp chúng tôi ý thức về lứa tuổi của mình: đã mười ba tuổi, tôi đoán “chết trong vòng tay một người đàn bà” nghĩa là thế nào, và từ nay người ta có thể trò chuyện với tôi về những đề tài tương tự. Và chẳng, tính dũng cảm và tuyệt đối không dung thói đạo đức giả trong câu chuyện của bà Charlotte chứng minh thêm điều tôi đã biết: bà không phải một bà ngoại như mọi người. Không, chẳng có một bà già Nga nào lại dám liều trò chuyện với cháu mình kiểu như vậy. Tôi mang máng cảm thấy trong cách nói năng thoải mái ấy một cách nhìn riêng biệt về thân thể, về tình dục, về quan hệ giữa đàn ông đàn bà - một “cái nhìn Pháp”.

Buổi sáng, tôi đi vào thảo nguyên để lan man suy nghĩ một mình về cái đột biến lạ thường diễn ra trong đời tôi do cái chết của ông tổng thống. Ngạc nhiên biết bao, nhớ lại qua tiếng Nga, sự việc này chẳng còn đáng gì để nói. Thậm chí không thể nói! Bị kiểm duyệt bởi một sự e thẹn khó thể giải thích về ngôn từ, gạch xóa bởi một thứ luân lý kỳ quặc coi như bị xúc phạm. Cuối cùng được nói ra, nó ngập ngừng giữa cái tính tục tĩu bệnh

hoạn và những uyển ngữ biến cặp tình nhân này thành nhân vật một tiểu thuyết tình cảm dịch vụ.

“Không, tôi nghĩ bụng, nằm dài trên bãi cỏ nhấp nhô dưới làn gió nóng, chỉ có bằng tiếng Pháp ông ta mới có thể chết trong vòng tay của Marguerite Steinheil...”

Nhờ cặp tình nhân ở điện Elysée, tôi hiểu ra điều bí mật của cô hầu trẻ nọ, người bất ngờ bị chủ trông thấy trong bồn tắm, trao thân cho ông ta với niềm hốt hoảng và cơn cuồng si của một giấc mơ cuối cùng thành sự thực. Vâng, trước đó đã có cái bộ ba kỳ quặc được miêu tả trong một cuốn tiểu thuyết Maupassant tôi đọc dạo mùa xuân. Một anh công tử bột dân Paris trong suốt cuốn sách thèm ước tình yêu không thể lay chuyển của một nhân vật nữ vốn ưa thích những kiểu cầu kỳ sa đọa, anh chàng tìm cách chiếm trái tim của cô kỹ nữ thuần lý trí, lờ đờ uể oải, tựa hồ một bông lan mảnh dẻ, thành thử anh ta cứ suốt đời hy vọng uổng công. Và bên cạnh họ - cô đầy tớ, cô gái trẻ trong buồng tắm, thân hình đầy đà lạnh mạnh. Đọc lần đầu, tôi chỉ cảm nhận cái bộ ba này xem ra giả tạo không sức sống: thật vậy, hai người phụ nữ này thậm chí không thể coi là tình địch...

Từ này tôi nhìn bằng con mắt hoàn toàn mới cái bộ ba dân Paris kia. Họ trở nên cụ thể, có da thịt sờ mó được - họ sống! Bây giờ tôi cảm nhận được niềm hoảng hốt vui sướng của cô đầy tớ trẻ lúc bị lôi khỏi bồn tắm và bé đến giường, người còn ướt sũng. Tôi cảm thấy những giọt nước rỏ quanh co buồn buồn trên ngực cô mềm mại, cặp hông cô đè nặng trong cánh tay người đàn ông, tôi lại còn trông thấy cả cái dập dềnh đều đặn mặt nước trong bồn nơi thân mình cô vừa được bé xóc lên. Làn nước dần dần lạnh... Còn cô kia, cái cô ăn chơi kiêu thượng lưu, kiêu kỳ không thể với tới, con người trước kia tôi hình dung như một bông hoa khô ép trong sách, giờ đây hiện ra trong đầu tôi mang tính nhục cảm ngấm, bí hiểm. Thân thể cô ủ một hơi nóng ngan ngát, một mùi thơm khêu gợi làm bằng nhịp đập của máu, ve trơn mịn làn da, cách nói chậm rãi đầy cảm dỗ.

Cuộc tình chết người làm nổ trái tim ông Tổng thống đã uốn nắn lại hình ảnh nước Pháp trong tôi. Hình ảnh này trước kia chủ yếu đượm sắc màu tiểu thuyết. Các nhân vật văn học sống kề cạnh trên các ngã đường đất

nước xa xôi kia, trong cái đêm đáng ghi nhớ này dường như thức dậy từ một giấc ngủ dài. Trước kia cho dù họ tha hồ vung kiếm, leo thang dây, nuốt thạch tín, tỏ tình, ngồi trên xe ngựa bốn bánh ôm trên đùi cái đầu cụt của người yêu - họ vẫn không rời khỏi cái thế giới ảo của mình. Xa lạ, bóng bẩy, có lẽ ngò ngộ nữa, họ vẫn không làm tôi xúc động. Giống như cái ông linh mục trong truyện của Flaubert, cái ông cha xứ tỉnh lẻ mà Emma thổ lộ những điều dấn vật riêng tư, trước đây tôi cũng không hiểu người phụ nữ này: “Chị ta còn muốn gì nữa cơ chứ, chị có ngôi nhà đẹp, một người chồng cần cù, được láng giềng kính trọng...”

Cặp tình nhân trong điện Elysée giúp tôi hiểu *Bà Bovary*. Trong một chớp trực cảm sáng lòa, tôi ghi nhận tình tiết này: Những ngón tay bóng nhẫy của anh thợ uốn tóc đang khéo léo chải duỗi và bôi trơn mái tóc Emma. Trong cái phòng khách hẹp này, không khí u trệ, các ngọn nến xua bóng đêm chỉ tỏa ánh lờ mờ. Người đàn bà kia, ngồi trước gương, vừa từ giã anh tình nhân trẻ và bây giờ chuẩn bị về nhà. Vâng, tôi đoán một người đàn bà ngoại tình có thể cảm nghĩ gì, buổi tối ấy ở hiệu làm tóc, giữa cái hôn cuối cuộc gặp gỡ ở khách sạn và những câu đầu tiên, rất thường ngày, cần phải nói với chồng... Không thể tự giải thích cái điều này, tôi nghe như có một sợi dây rung lên trong tâm hồn người đàn bà nọ. Trái tim tôi hòa điệu. “Emma Bovary là tôi!”^[21] một giọng nói tươi vui thì thảo bên tai tôi, đến từ những câu chuyện của bà Charlotte.

Cái thời gian trôi trong Atlantide của chúng tôi có những quy luật riêng. Nói chính xác hơn, nó không trôi mà uốn lượn nhấp nhô quanh mỗi sự kiện bà Charlotte kể. Mỗi sự việc, dù là hoàn toàn ngẫu nhiên, khắc sâu vĩnh viễn vào cái thường ngày đất nước kia. Bầu trời đêm của nó luôn luôn có một ngôi sao chổi bay qua, tuy rằng bà chúng tôi, căn cứ vào một mẫu báo cáo, nói ngày ngôi sao xuất hiện chính xác là ngày 17 tháng mười 1882. Chúng tôi không thể hình dung tháp Eiffel mà không nom thấy anh chàng người Áo điên rồ nhảy từ cái mũi tên răng cưa và bị dù trôi dạt, rơi thịch xuống giữa một đám đông dân hiếu kỳ. Khu Père – Lachaise với chúng tôi không hề là một khu nghĩa trang tĩnh lặng, sinh động lên tí chút với tiếng thảm thì kính cẩn của vài ba du khách. Không, giữa các ngôi mộ, những kẻ mang vũ khí chạy tứ tung nấp sau các bia mộ trao đổi những phát súng.

Được kể lại một lần, cuộc chiến đấu giữa phe Communards và phe Versaillais gắn liền trong đầu óc chúng tôi với cái tên Père - Lachaise. Mặt khác, tôi cũng nghe tiếng dội cuộc đọ súng ấy trong các hầm mộ của Paris. Vì, theo bà Charlotte kể, học đánh nhau trong các mê cung kia, và đạn nổ vỡ toác sọ người chết đã hàng thế kỷ. Và nếu bầu trời đêm được chiếu sáng bằng ngôi sao chổi các khinh khí cầu Đức, không trung xanh mát ban ngày vang động tiếng rè rè đều đặn của chiếc máy bay một lớp cánh: một ông Louis Blériot nào đó bay qua eo biển Manche.

Việc lựa chọn các sự kiện thường ít nhiều mang tính chủ quan. Trật tự trước sau của chúng vâng theo ý muốn say sưa tìm hiểu, những câu hỏi lộn xộn của chúng tôi. Nhưng tầm quan trọng của các sự kiện như thế nào mặc, chúng không bao giờ ra khỏi cái lệ chung: bộ đèn chùm rót từ trên trần đêm diễn vở *Faust* ở nhà Opéra ngay tức thời rót ào ào tiếng nổ vỡ trong treo trong tất cả các rạp hát ở Paris. Rạp hát thực thụ theo chúng tôi quan niệm là tiếng lanh canh khe khẽ của chùm pha lê to nặng đến độ chín tới để rung khỏi trần nhà theo âm thanh một nốt nhạc đệm tài hoa hoặc một câu thơ mười hai âm tiết... Còn cái trò xiếc thực thụ, chúng tôi biết là người dạy thú bao giờ cũng bị thú vồ, như cái “anh da đen tên Delmonico” bị bảy con sư tử cái tấn công.

Bà Charlotte sưu tầm những hiểu biết kia khi thì từ chiếc va ly Xibêri, khi thì từ kỷ niệm thời thơ ấu. Nhiều chuyện bà kể lần lên một thời kỳ còn xa xưa hơn nữa, do ông cậu kể hoặc do cụ cố Albertine, hai người này lại cũng qua bố mẹ mình kể lại.

Nhưng chúng tôi thì chẳng quan tâm đến niên đại chính xác! Cái thời gian của Atlantide chỉ biết đến tính đồng thời kỳ diệu của hiện tại. Giọng nam trung diễn Faust vang âm cả gian phòng: “Hãy cho tôi, hãy cho tôi ngắm nghĩa dung nhan nàng ...”, cỗ đèn chùm rót xuống, mấy con sư tử cái xông tới hồ Delmonico, ngôi sao chổi vạch ngang bầu trời đêm, anh chàng nhảy dù lao từ tháp Eiffel, hai tên trộm lợi dụng cái uể oải mùa hè đánh cắp tranh *La Joconde* trong bảo tàng *Le Louvre* lúc ban đêm, hoàng tử Borghese ưỡn ngực, hết sức tự hào chiếm giải trong cuộc đua ô tô lần thứ nhất ở Bắc Kinh – Pari xuyên qua Mạc tư khoa. Và ở nơi nào đó trong bóng mờ mờ một phòng khách kín đáo điện Elysée, một người đàn ông mang bộ ria bạc đẹp ôm cô nhân tình và ngạt thở luôn trong nụ hôn cuối cùng.

Cái hiện tại này, cái thời gian mà các cử chỉ lặp đi lặp lại vô cùng tận dĩ nhiên chỉ là một ảo ảnh thị giác. Nhưng chính nhờ cái nhãn quan mờ ảo ấy mà tôi khám phá ra vài nét tính cách chủ yếu ở các cư dân Atlantide chúng tôi. Đường phố Paris, trong các chuyện kể, luôn luôn chấn động vì các vụ bom nổ. Bọn vô chính phủ đặt bom chắc hẳn cũng đông như các cô gái nhà nghèo lẳng lơ hay như các bác xà ích đánh xe ngựa thuê. Một số những kẻ thù của trật tự xã hội ấy còn lưu giữ lâu trong đầu tôi, cũng với tên của chúng, tiếng bom nổ âm âm hoặc tiếng súng nổ đi đoàn: Ravachol, Santo Caserio ...

Vâng, chính là trong các phố xá âm âm như sấm ấy mà một trong những đặc điểm dân tộc này biểu lộ ra: họ đang yêu sách, không bao giờ bằng lòng với cái *Statu quo* ^[22] đã có, bất cứ lúc nào cũng sẵn sàng ào xuống các ngã đường để hát đờ, giũ bỏ, đòi hỏi. Trong cái bình lặng tuyệt vời của tổ quốc chúng tôi, những người dân Pháp ấy có vẻ như những kẻ nổi loạn bẩm sinh, những kẻ tranh chấp xác tín, những kẻ chống cãi chuyện nghiệp. Chiếc va ly Xibêri đựng những báo chí nói về các vụ đình công, mưu sát, chiến đấu trên chướng ngại vật, bản thân nó cũng giống như một quả bom lớn giữa cảnh êm ả thiu thiu nơi thị trấn Saranza.

Thế rồi, cách nơi nổ bom vài ba phố, vẫn trong cái hiện tại chưa chịu trôi đi, chúng tôi bắt gặp cái quán rượu bình lặng mà bà Charlotte, nhớ lại trong kỷ niệm, cười cười đọc cho nghe cái tên biển dòn dã và hơi lạ tai: “Au Ratafia de Neuilly (Quán rượu mùi Neuilly). “Thứ rượu mùi tự chế này, bà nói thêm, ông chủ quán dọn mời trong những vỏ ốc bằng bạc”.

Các cư dân của Atlantide chúng tôi vậy là có thể cảm thấy gắn bó tình cảm với một tiệm cà phê, yêu cái tên biển, nhận ra cái không khí riêng biệt của nó. Và tên biển, nhận ra cái không khí riêng biệt của nó. Và lưu giữ suốt cuộc đời cái kỷ niệm là chính ở đó, tại một góc phố, người ta uống thứ rượu mùi tự chế ratafia trong những vỏ ốc bằng bạc. Vâng, chẳng phải trong những cốc pha lê cầu kỳ, hoặc những ly tròn có chân, mà trong những vỏ ốc thanh mảnh. Đó là một phát minh mới mẻ: cái khoa học huyền bí kết hợp làm một vừa địa điểm ăn uống, vừa nghi thức bữa ăn lại vừa màu sắc tâm

lý. Chúng tôi tự hỏi: “Quán rượu quen thuộc của họ, phải chăng có một linh hồn, hoặc ít ra, một diện mạo riêng biệt?” Ở Saranza chỉ có một quán cà phê duy nhất. Dù mang một cái tên đẹp, *Bông Tuyết*, nó chẳng gọi ở chúng tôi một xúc cảm đặc biệt nào cả, cũng y như cái cửa hàng đồ gỗ bên cạnh, hoặc như cái quầy tiết kiệm trước mặt. Tiệm này cứ tám giờ tối là đóng cửa, và nếu cái gì đó còn gọi sự tò mò của chúng tôi ghé nhìn thì đó là cái bóng tối trong lòng nhà, với con mắt xanh biếc ngọn đèn đêm. Còn như năm sáu cái tiệm cao lâu trong thành phố bên sông Vôn ga nơi gia đình chúng tôi ở, chúng giống hệt nhau: đúng bảy giờ, một nhân viên phục vụ ra mở cửa trước một đám đông đang sốt ruột chờ đợi, nhạc nổi ầm ầm như sấm chen nốt khàn khàn tràn ra khắp phố, và đến mười một giờ cũng cái đám đông ấy, một oải phờ phạc, tuôn ra chỗ tam cấp, nơi cạnh đó một chiếc ô tô cảnh sát gắn đèn quay réo còi liên tục góp thêm một nốt phóng túng cho cái nhịp điệu không thay đổi kia ... “Vô ớc bịt bạc tiệm “Au ratafia de Neuilly”, chúng tôi nhắc thềm lặng lẽ.

Bà Charlotte giảng cho chúng tôi nghe thành phần thứ rượu đặc biệt này. Lời bà kể, rất tự nhiên, đề cập đến thế giới các loại rượu. Và chính qua đó, bị mê man cuốn hút trong một tràng đầy màu sắc những tên gọi, mùi vị, hương thơm, chúng tôi làm quen với các con người kỳ lạ có tài nếm thử và phân biệt mọi sắc thái tinh vi. Ấy vậy mà cũng chính là những người từng dựng chướng ngại vật đầy thôi! Và giờ đây nhớ lại nhãn mấy loại rượu bày trên gian hàng tiệm *Bông Tuyết* chúng tôi nhận ra rằng đó là những tên thuần Pháp, nào Champanskoé, Koniak, Silvaner, Aligoté, nào Mouscat, Kagor...

Phải, chính điều mâu thuẫn này khiến chúng tôi bối rối: những người vô chính phủ kia đã biết chế biến ra một hệ thống đồ uống vừa thuần nhất vừa phức tạp đến vậy. Hơn nữa, bao nhiêu loại rượu nhiều vô số ấy, theo bà Charlotte, lại còn tạo ra những kiểu ăn uống kết hợp nhiều vô tận với các loại phó mát! Và các thứ phó mát này, đến lượt chúng, làm thành một bọn bách khoa toàn thư về khẩu vị, màu sắc địa phương, hầu như cả về thiên hướng cá nhân nữa... Rabelais ông nhà văn chúng tôi thường đọc mê mải trong những đêm thảo nguyên, quả không nói dối.

Chúng tôi khám phá ra là bữa cơm, vâng, cái việc đơn giản đưa thức ăn vào bụng, có thể trở thành một công trình đạo diễn, một nghi lễ, một nghệ

thuật. Chẳng hạn như tại tiệm *Cà phê Anh* ở phố Italiens, nơi ông cậu bà Charlotte thường ăn tối với bạn bè. Chính ông đã kể cho cháu ông chuyện người ta tính tiền mười nghìn frăng cho một xâu ếch! Ông nhớ lại: “Trời rét đậm, sông đều đóng băng. Đã phải gọi năm chục thợ để bở các tảng băng và tìm ếch ...” Tôi không biết cái gì là chúng tôi kinh ngạc hơn cả: cái đĩa thức ăn khó tượng tượng nổi, đi ngược lại tất cả mọi khái niệm về ẩm thực, hoặc cảnh một trung đoàn mu gích (chúng tôi hình dung vậy) đang đập vỡ các tảng băng trên một con sông Seine đông cứng.

Thật ra mà nói, chúng tôi đã bắt đầu rối trí đến phát điên phát cuồng lên: nào điện Le Louvre, kịch *Le Cid* ở nhà hát *Comédie Francaise*, những chương ngại vật, vụ bắn nhau trong hầm mộ, viện Hàn lâm, các nghị sĩ trong chiếc thuyền, nào ngôi sao chổi, các đèn chum thi nhau rớt cái này đến cái khác, rồi dòng thác các thứ rượu, cái hôn cuối cùng của Tổng thống ... Lại còn các con ếch bị quấy rầy trong giấc ngủ đông! Chúng tôi có việc phải giải quyết với một dân tộc nhiều màu nhiều vẻ đến kỳ lạ về tình cảm, thái độ, cách nhìn, cách ăn nói, sáng tạo, yêu đương.

Thế rồi, theo Charlotte, lại có chuyện các đầu bếp nổi tiếng Urbain Dubois tặng nữ diễn viên Sarah Bernhardt món canh tôm măng tây. Chúng tôi cứ phải thử hình dung món canh bortsh Nga tặng ai đó, kiểu như tặng cuốn sách... Một hôm, trong đường phố Atlantide chúng tôi đi theo một anh chàng công tử vào tiệm *Weber*, một tiệm rất thời thượng, theo lời ông cậu bà Charlotte. Anh ta gọi những thứ anh thường gọi: một chùm nho và một cốc nước. Đó là nhà văn Marcel Proust. Chúng tôi quan sát chùm nho và cốc nước ấy, dưới con mắt chúng tôi bị mê hoặc, chúng biến thành một món ăn vô cùng thanh lịch. Có nghĩa cái đáng kể chẳng phải tính đa dạng các loại rượu hoặc lượng dồi dào thức ăn, mà ...

Chúng tôi quay lại nghĩ về các tinh thần Pháp, cố tìm hiểu cái bí quyết của nó. Và bà Charlotte, cứ như thể muốn làm cho việc tìm kiếm của chúng tôi càng thêm mê mải, đang nó với chúng tôi về khách sạn Paillard ở đường Chaussée – d’Antin. Ở đó, một đêm, cô công chúa Caramas – Chimay bị anh chàng digan Rigo chơi vi ô lông bắt cóc.

Vẫn chưa dám tin, tôi lặng lẽ tự hỏi: cái tinh hoa Pháp rất đổi được ưa chuộng kia – phải chăng nó bắt nguồn từ tình yêu? Vì tất thảy mọi ngả

đường Atlantide chúng tôi dường như đều gặp nhau ở xứ sở miền Âu yếm.

Saraza đắm chìm trong hương đêm nồng nàn thảo nguyên. Mùi thơm cây cỏ của nó hòa lẫn với hương thơm ướp cái tấm thân phụ nữ nọ đeo đầy đá quý và khoác khăn lông chôn. Bà Charlotte thuật chuyện về các hành động ngông cuồng của nàng Otero tuyệt trần xinh đẹp. Lòng ngạc nhiên nghi hoặc, tôi ngắm nhìn kỹ nữ nổi tiếng cuối cùng này, dáng vẻ yêu kiều trên chiếc trường kỷ hình thù kiêu cách. Cuộc đời ngông cuồng của nàng chỉ dành riêng cho tình yêu. Và quanh chiếc ngai kia đám đàn ông quay cuồng nhận nhịp – kẻ thì đếm vài ba đồng bạc còn sót của món tài sản phá tán, kẻ thì từ từ dí khẩu súng lục lên thái dương. Thậm chí trong cái cử chỉ tối hậu này họ còn biết chứng tỏ một thái độ thanh lịch xứng đáng với chòm nho của Proust: một trong những tình nhân đau khổ kia đã tự vẫn ở nơi trông thấy Caroline Otéro lần đầu tiên!

Và chẳng, trong cái đất nước xa lạ này, sự tôn thờ tình yêu không biết đến những ranh giới xã hội, và chúng tôi thấy tại các ngoại ô bình dân, cách xa những tư thất xa hoa đài các, hai băng kinh địch ở Belleville chem. Giết nhau vì một người đàn bà. Điểm khác nhau duy nhất: mái tóc người đẹp Otero ánh lên biêng biếc như cánh chim quạ, còn tóc của cô gái bị giành giật thì óng ả màu lúa chín trong ánh chiều tà. Đến đây ý thức phê bình trong đầu chúng tôi chợt nổi loạn. Chúng tôi sẵn sàng tin có những người ăn ếch nhái nhưng thử hình dung những tên gangster diệt trừ lẫn nhau vì một người phụ nữ đẹp xem nào!

Suy cho cùng điều này chẳng có gì lạ với Atlantide chúng tôi: chẳng phải chúng tôi đã nom thấy ông cậu bà Charlotte lão đảo ra khỏi chiếc xe ngựa thuê, mắt mờ đục, cánh tay cột chiếc khăn quàng cổ đẫm máu – ông vừa mới đấu gươm trong khu rừng Marly, để bảo vệ danh dự một phu nhân... Lại nữa, tướng Boulanger, vị độc tài bị đánh đổ, chẳng đã tự sát bằng súng trên mộ người tình đó sao?

Một hôm đi dạo về, cả ba bà cháu mắc cơn mưa rào... Chúng tôi đang đi giữa những đường phố cổ gồm toàn những căn nhà lớn ghép gỗ đen sì màu thời gian, vội ghé trú mưa dưới một mái hiên. Đường phố vừa cách đây một phút nồng nực lên vì nắng, bỗng chìm vào một hoàng hôn lạnh, từng trận mưa đã quét qua. Mặt đường lát kiểu cổ bằng những hòn đá hoa

cương tròn lớn. Nước mưa làm bốc mùi hơi nồng nặc. Cảnh sắc nhà cửa mờ đi sau màn mưa – và nhờ cái mùi ấy, có thể tưởng như mình đang ở trong một thành phố lớn, ban đêm dưới một cơn mưa mùa thu. Giọng bà Charlotte, thoát đầu chỉ vượt lên chút ít tiếng mưa, vẻ như một tiếng dội trầm trầm.

- Cũng do một cơn mưa mà bà phát hiện ra mấy dòng khắc trên bức tường sũng ướt một ngôi nhà ở đường Arbalétriers ở Paris. Hai mẹ con bà núp dưới một cái cổng chờ ngớt mưa, liên chú ý thấy cái bảng kỷ niệm này ngay trước mắt, bà còn nhớ thuộc lòng: “Trong ngõ này, khi vừa ra khỏi lâu đài Barbette công tước Louis d’Orléans, em vua Charles VI, đã bị Jean sans Peur, công tước Bourgogne, ám sát trong đêm 23 rạng sáng ngày 24 tháng mười một 1407”... ông ta vừa đi khỏi nhà hoàng hậu Isabeau de Bavière...

Bà ngừng nói, nhưng trong tiếng mưa rả rích chúng tôi vẫn nghe những cái tên huyền hoặc nọ đan dệt thành một thứ chữ kết bị thương thắm đẫm tình yêu và chết chóc: Louis d’Orléans, Isabeau de Bavière, Jean sans Peur ...

Đột nhiên, chẳng hiểu vì sao tôi nhớ đến ông Tổng thống. Một ý nghĩ thật rõ rệt, thật đơn giản, hiển nhiên: là suốt trong tất cả mọi nghi lễ đón tiếp vợ chồng nhà vua, vâng, trong đám tiếp rước tại Champs – Elysée, và trước mộ Napoléon, và tại nhà hát Opéra – ông ta không ngớt nghĩ đến cô nàng, đến người tình, đến Marguerite Steinheil. Ông ta trò chuyện với Xa hoàng, đọc diễn văn, trả lời nữ hoàng, đưa mắt nhìn vợ. Nhưng cô kia, bất cứ lúc nào, cũng có đó.

Mưa xối trên mái rêu ngôi nhà gỗ cũ kỹ nơi chúng tôi trú dưới hàng hiên. Tôi quên mình đang ở đâu. Cái thành phố mà trước kia tôi đi thăm bên cạnh Xa hoàng chợt biến hình đi trông thấy. Giờ đây tôi quan sát nó với con mắt của ông Tổng thống đa tình.

Lần này, khi rời Saranza, tôi có cảm giác từ một cuộc thám hiểm trở về. Tôi mang theo một tổng cộng các kiến thức, một đại dương về phong tục tập quán, một bức tranh mô tả, còn thiếu sót, về cái nền văn minh bí ẩn đêm đêm lại hồi sinh ở chón hang cùng ngõ hẻm trên thảo nguyên.

Thanh niên thường có thói quen phân loại – kiểu phản xạ tự vệ trước cái phức tạp của thế giới người lớn nó thu hút anh ta vào ngay từ tuổi ấu thơ. Có lẽ tôi nhiễm cái thói ấy hơn các người khác. Vì cái đất nước mà tôi định thăm dò không còn tồn tại, và tôi phải khôi phục lại địa hình những điểm cao và những điểm thiêng của nó xuyên qua làn sương mù quá khứ dày đặc.

Đặc biệt tôi tự hào về một loại mẫu người tôi có trong sưu tập. Ngoài ông Tổng thống – tình nhân, các nghị sĩ trong chiếc thuyền và anh chàng công tử với chùm nho, có những nhân vật hèn mọn hơn nhiều nhưng không kém kỳ lạ. Chẳng hạn những đứa trẻ kia, công nhân lò ít tuổi, với nụ cười vẽ một vòng đen. Một bác xén lông chó hành nghề ở các bến. Những thợ đình công ngồi quanh bữa ăn công cộng. Và cả một bác bán phân chó. Tôi rất khoái chí biết rằng cái món hàng kỳ lạ ấy thời bấy giờ dùng để làm mềm da thuộc.

Nhưng điều khai tâm lớn nhất của tôi trong mùa hè này là hiểu ra người ta có thể là người Pháp như thế nào. Các khía cạnh nhiều vô kể của cái bản sắc thấp thoáng này đã hợp thành một toàn thể sinh động. Đó là một cách thức tồn tại rất là trật tự mặc dầu các khía cạnh kỳ quặc của nó.

Nước Pháp với tôi chẳng còn đơn giản là một phòng trưng bày vật lạ, mà là một sinh vật mẫn cảm và cô đặc, với một mảnh của sinh vật này hôm nào đó đã cấy ghép vào người tôi.

- Thật, cái điều tôi không hiểu, là tại làm sao bà ấy cứ muốn chôn vùi ở cái thị trấn Saranza cơ chứ. Lẽ ra bà có thể về sống ở đây, cạnh mọi người.

Suýt nữa tôi nhảy bỏ khỏi chiếc ghế đầu cạnh máy truyền hình. Là vì tôi hiểu quá rõ vì sao và lại thiết tha với cái thành phố tĩnh lặng của bà đến vậy. Để giải thích bao nhiêu sự lựa chọn của bà cho đám người lớn tụ họp trong nhà bếp.

Tôi sẽ nói về cái bầu trời thảo nguyên khô ráo chung cất quá khứ qua làn không khí trong suốt âm lặng. Tôi sẽ nói về những con đường bụi bặm không dẫn đến đâu cả và tất cả đều đổ ra cùng một cánh đồng vô cùng tận. Về cái thành phố nơi mà lịch sử, bằng cách cắt đứt các nhà thờ và bút bỏ mọi “ thừa thãi kiến trúc”, đã xua đi mọi ý niệm thời gian. Cái thành phố nơi mà sống có nghĩa là không ngớt sống lại quá khứ của mình trong khi vẫn thực hiện đầy đủ như cái máy các cử chỉ thường nhật.

Tôi không nói gì cả. Tôi sợ bị trục xuất khỏi nhà bếp. Đám người lớn, như tôi đã nhận thấy ít lâu nay, dễ dàng dung thứ hơn việc tôi có mặt tái đó. Dường như với tuổi mười lăm tôi đã chiếm được quyền tham sự vào các cuộc trò chuyện khuya đêm của họ. Với điều kiện là không lộ mặt. Vui thích về sự thay đổi thái độ như vậy, tôi quan tâm đặc biệt chớ để đánh mất cái đặc quyền này đi.

Tên bà Charlotte vẫn năng trở đi trở lại trong những buổi trò chuyện đêm đông ấy như trước. Vâng, như hồi trước, cuộc đời bà ngoại tôi cung cấp cho khách khứa một đề tài trò chuyện mà không đụng chạm đến lòng tự ái một ai.

Mặt khác, người đàn bà Pháp trẻ ấy có lợi thế là tập trung trong cuộc đời mình những giai đoạn mấu chốt trong lịch sử đất nước chúng tôi. Bà đã sống dưới thời Sa hoàng và sống sót qua các vụ cải hóa, bà đã trải qua chiến tranh và chứng kiến sự sụp đổ của biết bao thần tượng. Lời bà, được vẽ

phóng trên nền cái thế kỷ đẫm máu nhất của vương quốc, đạt tới một kích cỡ sử thi dưới mắt họ.

Chính bà, người phụ nữ Pháp ở đầu mút kia trái đất, đã nhìn bằng con mắt vô hồn những đụn cát nhấp nhô qua cửa sổ toa tàu (“Thế quái nào bà ấy lại cứ bám lấy cái vùng sa mạc chết tiệt kia mới được chứ?” Một hôm một ông bạn bố tôi, ông hoa tiêu lái máy bay, đã kêu lên). Cạnh bà, cũng ngồi bất động, là ông Fiodor chồng bà. Gió lùa qua toa tàu chẳng đem được tí hơi mát nào mặc dù tàu phóng nhanh. Hai người ngồi lất lêu trong khung ánh sáng và nóng ực này.. Gió cọ lên vàng trán đọng mồ hôi râm rấp nom nhấp nhánh như tờ giấy rách. Mặt trời dội vào mắt nẩy thành vô vàn tia chói. Nhưng hai ông bà không động đậy, cứ như thế thắm mong cái quá khứ nhọc nhằn kia sẽ xóa đi bằng sự cọ xát và cái chói chang kia. Ông bà vừa rời khỏi Boukhara.

Chính bà, người sau chuyến quay trở về Xibêri, ngồi hàng giờ dằng dặc vô tận cạnh cửa sổ đen sạm, chốc chốc hà hơi lên lớp giá dày tạo một vòng trong nhỏ tan giá. Xuyên qua cái lỗ nhìn uơn uớt ấy, bà thấy một con đường trắng đẫm bóng đêm. Thỉnh thoảng một chiếc ô tô chạy từ từ, tới trước nhà rồi sau một lát phân vân, bỏ đi. Đồng hồ điểm ba giờ sáng và ít phút sau bà nghe tiếng giày dẫm sào sạo lên tuyết chỗ tam cấp. Bà nhắm mắt chốc lát đoạn ra mở cửa. Chồng bà bao giờ cũng trở về vào giờ này... Có những kẻ tự dung biến mất hoặc khi đang làm việc, hoặc giữa đêm khuya tại nhà, sau khi một chiếc ô tô đen xịch tới trên đường phố đầy tuyết. Bà tin tưởng rằng chừng nào mình ngồi đợi chồng cạnh cửa sổ và thổi lên lớp giá, sẽ không có gì xảy đến cho ông chồng. Ba giờ sáng ông đứng lên, xếp lại hồ sơ trên bàn giấy, đi ra. Cũng như tất cả các viên chức khác khắp cái vương quốc mênh mông này. Họ biết rằng trong điện Kremlin, ông chủ của đất nước làm xong công việc hằng ngày lúc ba giờ. Không suy nghĩ, mọi người vội vàng bắt chước thời gian biểu của ông. Thậm chí người ta không nghĩ rằng từ Matsxcova đến Xibêri, vượt qua nhiều múi giờ, cái “ba giờ sáng” ấy chẳng còn tương ứng với cái gì sắt. Rằng Stalin thức dậy từ trên giường và mỗi điều thuốc tẩu trong ngày và tại một thành phố Xibêri, lúc đầu hôm, các thần dân trung thành của ông chống lại giấc ngủ trên ghé của mình. Từ điện Kremlin, ông chủ dường như áp đặt đơn vị đo đạc của bàn chân cho dòng thời gian thậm chí cho cả mặt trời. Khi ông đi nằm, tất cả mọi đồng hồ trên hành tinh chỉ ba giờ sáng. Ít ra thì mọi người hồi bảy giờ đều nghĩ vậy.

Một hôm, bà Charlotte, mệt bã vì những đêm chờ đợi như thế, chợp đi vài ba phút trước cái giờ của hành tinh. Lát sau giật mình tỉnh thức, bà nghe thấy bước chân ông chồng trong buồng trẻ con. Bà đi vào và thấy chồng cúi xuống giường con trai. cái anh con trai tóc đen mềm chẳng giống bất cứ ai trong gia đình...

Họ bắt ông Ficodor không phải tại bàn giấy giữa ban ngày, cũng không phải vào buổi sáng tinh mơ bằng tiếng đấm của rầm rầm đánh thức ông dậy. Không, việc đó xảy ra vào đêm giáng sinh. Ông đã khoác chiếc áo choàng đỏ ông già Nô en và gương mặt ông, không thể nhận ra dưới bộ râu dài, khiến con cái thích thú: anh con trai mười hai tuổi cũng có em gái - mẹ tôi. Bà Charlotte đang sửa lại chiếc mũ lông trên đầu chồng thì họ bước vào. Họ vào không phải đập cửa vì cửa đang mở, mọi người đang đợi khách.

Và cái cảnh bắt bớ kia, đêm nay có bối cảnh là cây thông Nô en với hai đứa trẻ đeo mặt nạ bằng bìa – anh con trai, chú thỏ, cô con gái, chú sóc. Ở giữa cảnh trí là ông già Nô en kia, sững sờ, đoán rất rõ cái gì sẽ xảy ra và hầu như vui sướng là bọn trẻ không thấy được da mặt mình tái đi dưới bộ râu bằng bông. Bà Charlotte, bằng giọng rất bình tĩnh, bảo với chú thỏ và chú sóc đang nhìn những kẻ lạ mà không bỏ mặt nạ: - Nào các con, ta sang phòng bên. Chúng mình đốt pháo bông nhé.

Bà nói bằng tiếng Pháp. Hai cảnh sát liếc nhìn nhau một cái nhìn đầy ẩn ý.

Ông Ficodor thoát hiểm nhờ cái điều mà đứng về mặt lôgich đã có thể hại ông: quốc tịch của vợ... Trước đây mấy năm, khi bao người bắt đầu biến mất, cứ từng gia đình, từng nhà một, ông đã nghĩ ngay đến điều ấy. Charlotte mang trong bản thân hai khuyết điểm nghiêm trọng thường gán cho “kẻ thù nhân dân”: gốc gác “tư sản” và quan hệ với người nước ngoài. Lấy vợ là một phần tử “tư sản”, Ông thấy mình đương nhiên mắc cái tội làm “tay sai cho đế quốc Anh Mỹ”. Công thức này với thời gian đã thành chuyện thông thường...

Nhưng ông Ficodor chẳng giấu giếm gì hết. Hộ chiếu bà Charlotte ghi rành mạch quốc tịch: Pháp. Thành phố nơi sinh, Neuilly - sur - Seine, phiên âm sang tiếng Nga, chỉ càng làm tăng thêm vẻ khác thường của nó. Các chuyến đi của bà sang Pháp, đám anh em họ “tư sản” đang luôn luôn sống ở đây, con cái bà vừa nói tiếng Pháp vừa nói tiếng Nga - mọi chuyện đều quá rõ ràng. Những lời thú nhận giả mà thông thường người ta giành giật được bằng tra khảo sau hàng tuần hỏi cung, lần này đã được tự nguyện khai ra ngay từ đầu. Bộ máy dẫm chân tại chỗ. Ông Ficodor bị giam giữ, rồi càng ngày càng thêm vướng víu đối với nhà cầm quyền, ông bị chuyển chuyên đến đầu mút kia vương quốc, trong một thành phố sáp nhập của Ba Lan.

Hai ông bà sống bên nhau một tuần. Sáu ngày đi tàu xuyên qua đất nước cộng một ngày dọn nhà lâu lắc hỗn độn. Hôm sau ông Ficodor lên đường đi Matxcova để xin phục hồi đảng tịch vì ông trước đây đã bị khai trừ chóng vánh. “Vài ngày là xong”, Ông nói với vợ đi tiễn ra ga. Lúc quay về, bà chợt nhận ra ông quên không mang theo cái hộp đựng thuốc lá. “Chẳng can hệ, bà nghĩ, chỉ hai ngày...” Vào cái ngày rất gần ấy (ông Ficodor sẽ bước vào nhà, thấy hộp đựng thuốc lá trên bàn và vỗ trán kêu lên: “Ngốc quá! Thế mà tôi tìm khắp...”), phải, cái buổi sáng tháng sáu ấy sẽ là ngày đầu tiên một chuỗi ngày dài chứa chan hạnh phúc.

Hai người gặp lại nhau sau bốn năm. Và ông Ficodor sẽ chẳng hao giờ tìm thấy lại cái hộp đựng thuốc lá. Giữa những ngày chiến tranh, bà Charlotte đã đánh đổi lấy chiếc bánh mì đen.

Đám người lớn chuyện trò. Đài truyền hình với các tin thời sự tươi vui, tường thuật thành tựu mới nhất nền công nghiệp quốc gia, buổi hòa nhạc ở rạp Bol-choi, tạo thành một cái nền âm thanh êm ả. Rượu vốt ca pha dịu nổi đắng cay quá khứ. Và tôi cảm thấy là đám khách khứa, cả đến những ông khách mới tất cả đều yêu mến người đàn bà Pháp đã từng thản nhiên chấp nhận số phận đất nước họ.

Các câu chuyện ấy giúp tôi hiểu rất nhiều điều. Giờ đây tôi hiểu vì sao những ngày lễ đầu năm trong gia đình đượm chút lo lắng mơ hồ giống như một làn gió lén giập cửa ngôi nhà hoang lúc hoàng hôn. Mặc dù về mặt vui tươi của bố, mặc dù mọi quà cáp, tiếng pháo nổ hoặc giấy trang kim lấp lánh trên cây thông, niềm bất ổn vẫn cứ có đấy. Cứ như thể giữa những

cuộc nâng cốc, những tiếng nút chai nổ và tiếng cười, người ta chờ đợi một ai đấy đến. Thậm chí tôi còn nghĩ là những người thân tín, không hề tự thú, đón chào cái yên bình tuyệt phủ thường nhật những ngày ra giêng với một tâm trạng nhẹ nhõm nào đấy. Dù sao mặc lòng, đúng là cái thời điểm sau lễ tết ấy chị em tôi thích hơn là bản thân ngày tết.

Những ngày Nga của bà tôi - những ngày một lúc nào đó đơn giản trở thành cuộc đời bà chứ không phải một “giai đoạn Nga” trước khi quay về Pháp - đối với tôi có một sắc điệu kín đáo mà người khác không thể nhận thấy. Đó là một thứ vàng sáng vô hình bao quanh bà Charlotte xuyên qua cái quá khứ đang trôi dạt trong nhà bếp ám khói. Tôi vừa kinh ngạc vừa thần phục tự hỏi: “Người đàn bà đã từng đợi hàng tháng hàng tháng cái thời điểm trú danh ba giờ sáng trước cửa sổ phủ đầy băng, cũng lại là người vừa bí ẩn vừa gần gũi xiết bao đã từng một hôm trông thấy những chiếc vỏ ốc bịt bạc trong một tiệm cà phê ở Neuilly!

Khi nói về bà Charlotte, không bao giờ họ quên nhắc đến cái buổi sáng nọ.

Chính anh con trai bà đã đột nhiên thức giấc lúc nửa đêm. Anh nhảy ra khỏi giường xếp và chân trần tay huơ huơ ra trước, đi tới phía cửa sổ. Khi đi ngang phòng trong bóng tối, anh vấp phải giường cô em. Bà Charlotte cũng chưa ngủ. Bà đang nằm chong mắt trong đêm tối, cố đoán xem từ đâu mà có cái tiếng âm ỉ nặng nề đơn điệu khiến tường vách rung lên. Bà cảm thấy cả thân mình, đầu mình cũng rung bần bật trong cái tiếng động ri ri quánh đặc. Hai người con thức giấc chạy ra cửa sổ. Charlotte nghe tiếng con gái ngạc nhiên kêu lên:

- A! Bao nhiêu là sao!?! Nhưng hình như chúng di chuyển...

Không bật đèn. Charlotte tới cạnh các con. Trên lối đi bà thấy trên bàn một ánh mờ mờ kim loại: Hộp đựng thuốc lá của ông Ficodor. Chồng bà đi Mạc tu khoa sáng mai là về. Bà thấy hàng dãy chấm sáng đang từ từ trôi trong bầu trời đêm.

- Máy bay đấy, anh con trai nói bằng giọng bình tĩnh không hề thay đổi. Từng phi đội một.

- Nhưng chúng bay đi đâu thế nhỉ? Cô em thì thào, cố mở to mắt ngái ngủ.

Bà Charlotte nắm vai các con.

- Các con đi ngủ đi! Chắc bộ đội mình tập trận đây. Biên giới rất gần đây. Họ tập trận hoặc là tập thao diễn không quân...

Anh con trai húng hắng ho và nói khẽ khàng, vẫn như nói với mình và vẫn cái giọng buồn buồn bình thản nghe thật lạ tai ở người thanh niên ấy:

- Hoặc giả là đánh nhau chẳng...

- Serguei, không được nói linh tinh, bà Charlotte mắng.

Thôi đi ngủ đi. Mai ra ga đón bố.

Bật ngọn đèn giường, bà nhìn đồng hồ quả quýt: Hai giờ rưỡi sáng. Thế là sang ngày hôm nay rồi đây..."

Mấy mẹ con không kịp ngủ lại. Những quả bom đầu tiên xé màn đêm. Các phi đội bay qua thành phố đã hơn một tiếng đồng hồ, hướng tới mục tiêu là những vùng xa hơn, sâu trong nội địa, nơi cuộc tấn công của chúng giống như một trận động đất. Chỉ đến ba giờ rưỡi sáng bọn Đức mới bắt đầu đánh bom ngay vùng giới tuyến để dọn đường cho bộ binh. Và cô thiếu nữ ngái ngủ, tức là mẹ tôi, mê man đi trước cảnh tượng những chùm sao di chuyển vô cùng trật tự, trên thực tế thấy mình đang ở trong cái vòng ngoặc nhói đau giữa hòa bình và chiến tranh.

Hầu như không thể nào đi ra khỏi nhà. Mặt đất bỗng bênh, ngói thì nhau rớt từ mái hàng loạt vỡ rãng rắc trên bậc tam cấp. Tiếng nổ bao bọc các cử chỉ lời nói trong cái điếc đặc.

Bà Charlotte cuối cùng lừa được các con ra ngoài, bà cũng chạy ra xách theo chiếc va ly to nặng chịch. Các tòa nhà trước mặt đã bay mất kính. Một

tấm rèm cửa uốn lượn dưới làn gió vừa mới dậy lên. Tấm vải màu sáng vẫn còn giữ vẻ phát phơ êm ả những buổi sớm thanh bình.

Con đường ra ga rải đầy mảnh kính, cành cây gãy. Đôi chỗ một thân cây đổ ngang chặn mất lối. Ở nơi nào đó họ phải đi vòng quanh một hố bom to tướng.

Chính ở đây người chạy loạn dồn lại đông đặc hơn. Tránh xa cái hố, đám người đeo túi xách bị xô đẩy nhau, và bỗng nhận ra nhau. Họ cố hỏi chuyện, nhưng hơi bom chạy quanh các ngôi nhà đột nhiên phụt tới và tiếng nổ điếc tai khiến mọi người im thít. Họ khua tay bắt lục, lại bỏ chạy.

Khi tới đầu phố bà Charlotte nhận ra nhà ga, bà liền cảm thấy trong từng đường gân thớ thịt là cuộc đời hôm qua của mình đang rơi tòm tòm mãi mãi vào dĩ vãng. Chỉ có lúc tưởng mặt nhà ga còn đứng vững và qua các hốc mắt cửa sổ trống rỗng có thể nom thấy bầu trời mai nhợt nhạt.

Cái tin tức được hàng trăm miệng nhắc lại rớt cuộc vượt lên được tiếng bom. Chuyến tàu cuối cùng đi về phía đông vừa chạy, tuân thủ một cách phi lý giờ giấc thông thường. Đám đông húc phải đồng hồ nát nhà ga. đứng lại bất động, rồi bị tiếng máy bay rú rít đè nát, họ tàn mạt ra các ngã phố chung quanh hoặc dưới các gốc cây một công viên.

Bà Charlotte ngẩn ngơ nhìn quanh. Một tấm biển lê la dưới chân: “Không đi qua đường tàu! Nguy hiểm!”. Nhưng đường tàu bị bom quật, chỉ còn là những mẩu đường ray hỗn độn dựng cong cong cứng ngắc lên bệ bê tông chiếc cầu cạn. Chúng chông lên trời và chuỗi tà vẹt tựa hồ như một chiếc thang kỳ quặc bắc thẳng lên mây.

“Mới có một chuyến tàu hàng sắp chạy kia kia”, bà Charlotte chợt nghe con trai thì thầm bằng giọng bình thản và như thể chán chường.

Phía xa bà nom thấy một đoàn toa lớn sơn nâu chung quanh có bóng người láo nháo. Charlotte liền tóm quai va ly, hai con cũng xách túi chạy tới.

Khi ba người đến trước toa cuối cùng, tàu đang chuyển bánh và người ta nghe tiếng thở dài mừng vui lẫn hồi hộp chào đón cuộc khởi hành. Một đám người đông đặc hốt hoảng bám vào các cửa sổ toa. Thấy mình chậm chạp quá chừng đến tuyệt vọng, bà Charlotte đẩy hai con qua cái cửa sổ đang từ từ di chuyển. Anh con trai leo lên, túm lấy chiếc vali. Cô em phải chạy nhanh theo để nắm lấy bàn tay anh mình đang vơi xuống. Charlotte ôm xóc con bé nâng lên, cho nó bám được vào thành chiếc toa chật ních, còn bà thì cũng chạy theo cố túm chặt cái thanh sắt ngang. Sự việc xảy ra chỉ một giây đồng hồ nhưng bà còn kịp nhận thấy gương mặt im lìm những người thoát nạn, giọt nước mắt con gái và rõ nét một cách lạ lùng cái vết nứt ở thành toa tàu...

Bà lão đảo ngả quy. Điều xảy ra sau đó quá nhanh đến mức bà tưởng không chạm chân được lên lớp đá trắng đắp nền. Có hai bàn tay túm chặt hông bà nhấc bổng, bầu trời bổng nhúi nghiêng, bà cảm thấy được phóng vào trong toa. Và trong một ánh chớp sáng lòa, bà thoát nhận ra một chiếc mũ cát kết công nhân xe lửa, một hình người trong thoáng giây in sấp bóng giữa khe nứt thành toa...

Trưa, tàu đi qua Minsk. Trong làn khói đặc, mặt trời cháy đỏ lên như của một hành tinh khác. Và những chiếc bướm đen tang tóc kỳ lạ - những cái chuông lớn bằng tro - bay chấp chới trong không trung. Chẳng ai có thể hiểu chỉ trong vài giờ chiến tranh, làm sao thành phố này đã biến thành một dãy bộ khung đen sì đến vậy.

Con tàu tiến từ từ như đang mò mẫm trong hoàng hôn đen kịt màu than, dưới một mặt trời không còn chói mắt. Họ đã quen với kiểu con tàu chạy ngập ngà ngập ngừng, với bầu trời đầy tiếng máy bay rú rít. Và cả với tiếng huýt chói tai phía trên toa tàu tiếp theo loạt đạn xia xuống nóc toa.

Trong khi rời thành phố cháy thành than, họ hắt gặp đồng hành cốt một đoàn tàu bị bom đánh vỡ toác. Nhiều toa đổ nghiêng trên nền đường, các toa khác đâm lòn vào nhau dữ dội, nằm ngổn ngang trên đường sắt. Mấy cô y tá, mục mị đi vì cảm thấy bất lực trước số nạn nhân quá lớn, đi men dọc đoàn tàu. Phía trong các toa tối đen thấy loáng thoáng những hình người, đôi khi một cánh tay lủng lẳng bên cửa sổ vỡ. Mặt đất phủ đầy hành lý rải rác. Lạ lùng nhất là có hàng mớ búp bê nằm lăn lóc trên tà vẹt và trong cỏ...

Một trong các to vắn đứng trên đường ray mang chiếc biển trắng men ghi nơi đến. Bà hoàng bà Charlotte nhận ra chính là đoàn tàu máy mẹ con bị nhỡ hồi sáng. Phải rồi, cái chuyến tàu cuối cùng đi về phía Đông, đã khởi hành đúng theo giờ giấc trước thời chiến.

Lúc đêm sắp buông xuống, tàu lao nhanh hơn. Bà Charlotte cảm thấy con gái ép sát vào vai mình run rẩy. Bà liền đứng dậy để lôi chiếc va ly to đang lót ngồi. Phải chuẩn bị cho ban đêm, lấy quần áo ấm và hai túi bánh quy ra. Bà mở nắp, khươ tay vào va ly chọt sừng sốt, không tìm được tiếng kêu khiến chung quanh tỉnh thức.

Va ly chứa đây báo cũ! Trong cơn hoảng hốt sáng nay, bà đã xách nhầm chiếc va ly Xibêri.

Như không tin ở mắt mình, bà rút ra một tờ giấy ố vàng và trong ánh sáng hoàng hôn mờ xám, đọc thấy: “Các thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ không phân biệt chính kiến đã sốt sắng đáp lời triệu tập của ông Loubet và ông Brisson... Các vị đại diện thuộc các viện lớn Quốc gia tụ hội trong phòng lớn Murat...”

Như kẻ mộng du, bà Charlotte dậy va ly, ngồi xuống vừa nhìn chung quanh vừa khẽ cựa quậy đầu như muốn gạt bỏ một sự hiển nhiên.

- Con có chiếc áo khoác cũ trong túi của con ấy...Vớ lại lúc đi con có nhặt thêm cái bánh mì trong nhà bếp...

Bà nhận ra tiếng con trai. Chắc nó đã đoán được bà đang hoang mang.

Đêm, bà Charlotte thiếp đi chốc lát, vừa đủ mơ một giấc mơ ngắn, trộn lộn những âm thanh sắc màu xưa cũ... Ai đó trong lúc lên đi ra, làm bà thức giấc. Tàu đã đứng dừng ở giữa một cánh đồng. Không khí ban đêm ở đây không đến nỗi đặc đen như trong thành phố nơi họ vừa trốn chạy. Cánh đồng trải rộng phía ngoài khung chữ nhật mờ mờ chiếc cửa ra vào để mở, nom vẫn giữ cái màu xám tro những đêm phương Bắc. Khi mắt đã quen bóng tối, bà nom thấy bên đường tàu, dưới lùm cây, hình bóng một ngôi nhà isba đang yên giấc. Và phía trước, trong bãi có chạy dọc đường tàu, bà thấy một con ngựa. Tất cả đều im ắng đến nỗi nghe rõ tiếng có bị rứt roàn roạt và

tiếng vó ngựa dầm êm êm trên đất ẩm. Với một tâm trạng thanh thản pha chút chua chát khiến chính mình cũng ngạc nhiên, bà Charlotte nghe một ý nghĩ rõ rệt nảy sinh và vang lên trong óc: “Đã có cái cảnh địa ngục các thành phố bốc cháy và vài tiếng đồng hồ sau - là con ngựa đang ăn cỏ đẫm sương này, trong hơi mát ban đêm. Đất nước này ta rộng vô cùng, chúng nó chẳng thể thắng nổi đâu. Cái vắng lặng cánh đồng vô tận này sẽ kháng cự lại được với bom đạn của chúng...”

Chưa bao giờ bà cảm thấy gần gũi với mảnh đất này đến vậy.

Những tháng chiến tranh đầu tiên, giấc ngủ bà luôn bị xuyên qua bởi cuộc diễu hành dài dằng dặc những thân thể què cụt do bà chăm sóc mười bốn tiếng mỗi ngày. Trong thành phố này, cách xa mặt trận một trăm cây số, người ta chờ từng đoàn xe đầy ắp thương binh về. Bà Charlotte thường theo bác sĩ ra ga đón các chuyến tàu chở những khối thịt da bầm giập. Bà lại có dịp nom thấy, trên đường tàu chạy song song, một chuyến tàu khác đầy tân binh mới vừa được động viên đang tiến về phía ngược lại, ra mặt trận.

Điều quay tròn các thân thể què cụt vẫn không ngừng ngay cả trong giấc ngủ. Chúng xuyên qua các giấc mơ, tụ hội nhau nơi biên giới hằng đêm của bà và chờ đợi bà: anh lính bộ binh trẻ kia hàm dưới vỡ nát và lưỡi thè trong mớ bông băng bần thủ, anh khác - không mắt, không mặt mũi... Nhưng nhất là cái đám thương binh ngày càng đông mất tay chân - những thân mình khủng khiếp không có các chi, ánh mắt như mờ mịt vì đau đớn và tuyệt vọng.

Vâng, nhất là những con mắt kia đã xé toang bức màn mỏng mảnh giấc mơ của bà. Chúng làm thành những ngôi sao lóng lánh trong bóng tối, theo bà khắp nơi, lặng lẽ trò chuyện với bà.

Một đêm (những đoàn xe tăng dài vô tận đi qua thành phố) giấc ngủ của bà chập chờn hơn bao giờ hết - một loạt quăng thiêm thiếp ngắn rồi giật mình tỉnh thức giữa tiếng bánh xích nghiền răng rắc nghe như tiếng cười. Chính là trên cái phông nhợt nhạt một trong những giấc mơ như vậy mà bà Charlotte bắt đầu nhận ra những chùm con mắt kia. Đúng, bà đã thấy chúng một ngày nào đó trong một thành phố khác. Trong một cuộc đời khác. Bà thức giấc, ngạc nhiên chẳng nghe thấy một tiếng ồn nào. Đoàn tăng đã đi

khỏi phố. Cái im lặng khiến ù ù đỉnh tai. Và trong bóng tối dày đặc cảm lạnh, bà nom thấy lại mắt những người bị thương hồi Đại Chiến. Cái thời ở bệnh viện Neuilly bỗng nhiên xích gần lại. “Cứ như mới hôm qua”, Charlotte nghĩ.

Bà đứng dậy đi ra cửa sổ để khép một lá cửa con. Tay bà dừng lại nửa chừng. Con bão trắng (trận tuyết rơi đầu tiên của cái năm chiến tranh đầu tiên này) bay từng luồng lớn phủ lên mặt đất vẫn còn đen sẫm. Bầu trời bị nhào trộn trong những làn sóng tuyết thu hút tầm nhìn vào những cõi sâu nào động. Bà nghĩ đến cuộc sống những con người. Đến cái chết của họ. Đến sự hiện diện nơi nào đó dưới bầu trời hỗn độn này của những sinh vật không tay không chân, đến cặp mắt họ mò trùng trùng trong đêm tối.

Cuộc sống hiện ra như một chuỗi đơn điệu những cuộc chiến tranh, một công việc băng bó liên miên vô tận những vết thương luôn luôn mở hoác. Và tiếng âm âm sắt thép trên mặt đường... Bà cảm thấy một bông tuyết bám trên cánh tay. Vâng, những cuộc chiến không dứt, những vết thương, và giữa mọi cái đó. Trong niềm chờ đợi âm thầm, cái khoảnh khắc tuyết rơi đầu tiên này.

Ánh mắt những thương binh trong giấc mơ của bà chỉ xóa mờ đi hai lần trong thời chiến tranh. Trước hết là lần cô con gái mắc bệnh, với chảy rận và phải kiếm cho được bằng bất cứ giá nào bánh mì và sữa (cả nhà mấy tháng nay ăn toàn vỏ khoai). Lần thứ hai, khi bà nhận được giấy báo tử... Sáng đến bệnh viện, bà ở lại đây suốt đêm, hy vọng một nhòai làm cho mê đi, vì sợ phải về nhà, gặp các con, nói chuyện với chúng. Cuối cùng khoảng nửa đêm bà đến ngồi cạnh lò sưởi, đầu tựa vào tường, nhắm mắt và ngay tức khắc đi vào một đường phố... Bà nghe cái vang động buổi sáng trên vệ hè, thở làn không khí soi rọi bằng một mặt trời nghiêng nghiêng nhọt nhạt. Đi trong cái thành phố còn đang mê ngủ này, cứ mỗi bước bà nhận ra cái địa hình quen thuộc của nó: tiệm cà phê nhà ga, nhà thờ, quảng trường chợ... Bà cảm thấy một niềm vui kỳ lạ đọc các tên phố, nhìn ánh phản chiếu các cửa sổ, tán lá trong công viên nhỏ sau nhà ga. Một người đi cạnh yêu cầu bà dịch hộ một tên phố. Lúc bảy giờ bà đoán ra cái gì đã khiến bà vui sướng đến vậy trong cuộc đi dạo trong thành phố lúc sáng sớm...

Bà Charlotte ra khỏi giấc ngủ trên môi còn giữ cái mấp máy những lời cuối vừa nói ở nơi ấy. Và khi chợt hiểu ra điều khó tin của giấc mơ - bà cùng Ông Fiodor đi trong một thành phố Pháp vào một sớm thu trong trẻo, khi bà thấm thía tính hư ảo tuyệt đối của cuộc đi dạo này (kể ra cũng đơn giản biết bao), bà rút từ túi ra một mảnh giấy nhỏ hình chữ nhật và đọc lại lần thứ một trăm cái chết in bằng chữ mờ mờ và tên ông chồng viết hàng mực tím. Có ai lại đã gọi bà từ đâu kia hành lang. Đoàn xe nữa chờ thương binh sắp về.

Đám khách khứa nói về chuyện ấy với một vẻ bất cần kỳ cục, vừa đùa cợt vừa xen chua chát.

Kể lại cuộc đời bà Charlotte với họ cũng là một cách tránh giải bày những vết thương, những khổ đau của chính họ. Nhất là vì bệnh viện của bà, trong khi giải quyết cho hàng trăm binh sĩ đến từ mọi mặt trận, đã cô đọng lại biết bao số phận nhiều không kể xiết, dồn tụ lại biết bao câu chuyện riêng tư.

Chẳng hạn người lính nọ, khiến tôi luôn luôn bị ấn tượng bởi cái cẳng chân nhồi... gỗ của anh ta. Một mảnh đạn cắm vào đuôi đầu gối đã đập vỡ chiếc thìa gỗ anh vốn đặt trong ống giày ủng. Vết thương không có gì trầm trọng nhưng phải gấp bằng hết các mảnh ra. “Bằng hết các giẻ”, như bà Charlotte nói.

Một thương binh khác suốt ngày rên rảm là cẳng chân bó bột ngựa “cứ như bị rút từng khúc ruột”. Anh ta quấn quai gãi vào cái mai rùa trắng cứ như móng tay có thể cào vào tận vết thương, van ví: “Bóc ra cho tôi. Như tra tấn ấy không chịu nổi! Bóc ra, không có tôi lấy dao đập vỡ cho mà xem!” Ông bác sĩ trưởng bệnh cầm dao mổ suốt mười hai giờ một ngày chẳng chịu để lọt tại, cho là một thằng cha tính hay ca cẩm. Chính bà Charlotte đã thuyết phục được ông thử rạch một khe bé bé trong lần thạch cao. Thế rồi cũng chính bà dùng cái cặp nhỏ gấp ra từ lớp thịt máu me những con dòi, và rửa vết thương.

Nghe kể vậy, mọi chuyện đều khiến tôi phẫn nộ. Người tôi rùng mình kinh tởm trước hình ảnh sự tan rã kia. Tôi cảm thấy rất cụ thể trên làn da mình cái chết đang sờ tay vào.

Mắt mở to, tôi quan sát đám người lớn mà các mẩu chuyện kia, theo họ tất cả đều giống hệt nhau thôi, khiến họ vui vui: những mảnh gỗ trong vết thương, những con dòi...

Thế rồi lại có cái vết thương không chịu khép miệng. Thật ra nó đã đóng sẹo người lính về bình tĩnh nghiêm túc, nằm yên trên giường, khác với các thương binh khác vừa mở xong đã lê la khắp các hành lang. Ông bác sĩ cúi nhìn căng chân anh ta và lắc đầu. Dưới làn bông băng, cái vết thương hôm qua đã mọc da non lại cháy máu, hai mép sẫm bầm nom giống như mảnh dăng ten bị rách. “Kỳ quặc!” ông bác sĩ kêu lên, nhưng ông không thể dừng lại xem xét lâu hơn. “Thay lại băng đi!” ông vừa nói với bà y tá trực vừa len lỏi giữa các giường sát cạnh nhau... Chính đêm sau bà Charlotte vô tình bắt được quả tang anh thương binh. Các nữ y tá đều đi giày gót da gõ lên sàn tiếng càn càn vôi vôi. Riêng bà Charlotte trong đôi giày khâu bằng ni di lại không tiếng động. Anh ta không nghe bà bước vào. Bà đi vào căn phòng tối, dừng ở cửa. Bóng người lính ngồi trên giường in rõ lên các ô kính sáng mờ mờ do có tuyết. Phải ít giây sau bà Charlotte mới đoán ra: anh lính đang dùng một miếng bột biển cọ lên vết thương. Trên gối thấy cuộn bông băng anh vừa gỡ ra... Sáng bà kể lại chuyện với bác sĩ trưởng. Ông này, sau một đêm không chợp mắt, nhìn bà như qua làn sương mù, không hiểu. Rồi rũ con đờ đẫn, ném bằng giọng khàn khàn:

- Thế thì làm gì bây giờ mới được chứ? Tôi sẽ gọi điện thoại để đưa hấn đi. Đây là tội tự cắt cụt.

- Anh ta sẽ bị đưa ra tòa án quân sự ...

- Thì sao? Hấn có đáng tội không, hả? Trong lúc bao người khác đang ngắc ngoải trong các hầm hào. Hấn... thằng đào binh!

Có một lát im lặng. Ông thầy thuốc ngồi xuống, xoa xoa mặt với hai bàn tay đầy thuốc đỏ.

- Hay là bó bột cho anh ta? Charlotte nói.

Gương mặt ông thầy thuốc hiện ra sau bàn tay trong một cái nhăn nhúm giận dữ. Ông đã mấp máy miệng, chột nghĩ lại. Cặp mắt đỏ ngầu linh hoạt nhìn, ông mỉm cười.

- Vẫn lại cái chuyện bó bột của cô. Người này thì đập bột đi vì ngứa ngứa muốn kỳ cọ, người khác lại đắp bột vào để khỏi kỳ cọ ngứa ngứa. Cô thật là kỳ khôi có một, cô Charlota Norbertina ạ!

Trong giờ khám, ông xem xét lại vết thương và bằng giọng hết sức tự nhiên bảo cô y tá:

- Phải bó bột cho anh ta. Một lượt mỏng thôi. Giao cho có Charlota làm việc này trước khi về.

Hy vọng tại trở lại khi một năm rưỡi sau lần nhận giấy báo tử đầu tiên, bà nhận được giấy thứ hai. Ông Fiodor không thể bị giết hai lần, bà nghĩ, thế thì có lẽ ông còn sống. Cái chết kép kia trở thành một hứa hẹn sống sót. Bà Charlotte, không nói gì với ai, lại bắt đầu mong đợi.

Ông chồng trở về, không phải từ phía Tây vào đầu mùa hè như phần đông binh sĩ, mà từ Viễn Đông, vào tháng chín, sau khi Nhật Bản bại trận...

Saranza, từ là một thành phố kề mặt trận, lại biến thành nơi êm ả, trở về với giấc ngủ thảo nguyên, phía sau sông Vôn ga. Bà Charlotte sống ở đây một mình: anh con trai (cậu Serguei tôi) đã vào một trường học quân sự, chị em gái (mẹ tôi) – thì đi sang thành phố bên, cũng như các học sinh muốn tiếp tục việc học tập.

Vào một buổi chiều tháng chín âm áp, bà ra khỏi nhà bước trong một đường phố vắng. Bà tính chuyện nhân trời còn sáng hái ở phía rìa thảo nguyên ít ngọn thì là để muối. Lúc quay về bà nom thấy ông. Bà đang ôm một bó thì là dài đầu điểm những tán hoa vàng. Áo váy, thân thể bà đượm đầy vẻ thanh khiết của những cánh đồng vắng lặng và của làn ánh sáng óng ả buổi chiều tà. Ngón tay còn thơm mùi thì là và cỏ khô. Bà từng hiểu là cuộc sống này, mặc dầu bao nhiêu đau khổ, vẫn có thể sống được, và phải thông thả bước xuyên qua cuộc sống ấy bằng cách đi từ cảnh mặt trời tà này đến mùi vị thâm thía loài cây cỏ, từ vẻ bình lặng vô cùng của cánh đồng đến

tiếng ríu rít một cánh chim đang hòa lẫn vào bầu trời, đúng vậy, bằng cách đi từ bầu trời này đến cái ánh phản chiếu sâu xa của nó mà bà cảm nhận trong lồng ngực như một sự hiện diện ân cần và sinh động. Vâng, quan tâm cả đến cái hơi nồng ấm của làn bụi con đường nhỏ dẫn đến Saranza...

Bà ngừng nhìn và nom thấy ông. Ông bước tới phía bà, ông vẫn còn ở xa, tận đầu góc phố. Giá như bà Charlotte đón ông nơi ngưỡng cửa, giá như ông đẩy cửa đi vào, như bà đã hình dung điều này từ bao lâu, như tất thấy các người lính đều làm khi từ chiến tranh trở về, trong đời sống thực hoặc như trong phim. Hả bà đã kêu lên một tiếng, lao tới bấu vào dây đeo súng ở ngực ông và khóc òa.

Nhưng ông hiện ra rất xa, để được nhận ra dần dần. Để cho vợ có thời gian tập làm quen với con đường lúc này đã thành không thể nhận ra do có bóng dáng một người đàn ông mà bà chú ý thấy nụ cười mập mờ lưỡng lự làm sao ấy. Hai người không chạy tới, không trao đổi lấy một lời, không ôm hôn nhau. Họ tưởng như đã bước tới nhau từ vạn cổ. Đường vắng, nắng chiều dát ánh vàng lên cành lá - nom trong veo không thực. Đứng dừng cạnh ông, bà vợ khẽ hươ hươ bó cây. Ông gật gù như muốn nói: “Vâng vâng, tôi hiểu”. Vai ông không khoác quai súng, ngang người chỉ thắt chiếc thắt lưng da với cái vòng bằng đồng màu xỉn. Đôi ủng đỏ quạch bụi đường.

Charlotte ở tầng trệt một ngôi nhà gỗ cũ kỹ. Năm này qua năm khác, từ một thế kỷ nay, mặt đất bồi lên từng ly một, nhà thì lún xuống, hóa nên của số chỉ cao hơn vỉa hè chút ít. Hai người lặng lẽ bước vào. Fiodor đặt cái túi trên ghế đầu, muốn nói, nhưng không thốt lời nào, chỉ húng hắng ho, đưa tay lên che miệng. Bà Charlotte liền đi lo bữa ăn.

Bà bắt chợt thấy mình đang trả lời những điều ông hỏi, trả lời mà không hề nghĩ (hai người nói chuyện bánh mì, phiếu phân phối, đời sống ở Saranza), đang hỏi ông có uống trà không, đang mỉm cười khi nghe ông nói phải mài lại tất cả mọi con dao trong nhà. Nhưng trong lúc tham gia câu chuyện đầu tiên còn ngập ngà ngập ngừng này, bà đang ở nơi khác. Ở một miền xa vắng mênh mông nơi vang lên những lời lẽ khác hẳn: “Người đàn ông tóc ngắn và như rắc phấn này là chồng ta. Ta không giáp mặt anh ấy đã bốn năm. Người ta đã chôn anh ấy hai lần - lần đầu trong trận chiến Mạc tư khoa rồi sau ở Ukren. Anh ấy đang đứng đó, anh ấy đã trở về. Ta phải khóc

lên vì vui mừng mới phải. Ta phải... Tóc anh ấy đã hoa râm...” Bà đoán là cả ông nữa cũng đang ở cách xa cái câu chuyện tem phân phối. Ông trở về lúc pháo hoa mừng chiến thắng đã tắt từ lâu. Cuộc sống chảy theo dòng chảy hằng ngày của nó. Anh ấy về quá muộn. Như một người đăng trí được mời dự cơm trưa lại đến vào giờ ăn tối, bắt gặp bà chủ nhà đang chào từ biệt các khách khứa ra về muộn. “Chắc là anh ấy thấy mình già lắm”, đột nhiên bà nghĩ, nhưng cả đến ý nghĩ này cũng không phá vỡ được tâm trạng thiếu xúc động trong tim bà, nổi dưng dưng khiến bà phân vân bối rối.

Bà chỉ khóc lúc nhìn thấy thân thể chồng. Sau bữa cơm bà đun nước, bê vào một chậu thiếc, cái chậu tắm của trẻ con đặt giữa phòng. Ông Fiodor co rúm trong cái chậu màu xám đáy bị thủng vỡ răng rắc dưới chân. Và trong khi rót dòng nước nóng lên người ông chồng đang vụng về kỳ cọ vai ngực, bà Charlotte bật khóc. Nước mắt chảy ròng ròng trên khuôn mặt bà bất động và rơi xuống hòa lẫn với nước xà phòng trong chậu.

Thân hình ấy là thân hình một người đàn ông mà bà không hề biết. Một thân hình chi chít những vết sẹo, vết rạch dài - có chỗ rất, mép đùn thịt nom như cặp môi dày hám ăn, chỗ thì nhẵn bóng như vệt bò con ốc sên. Ở một bên xương bả vai, có một khoang hõm xuống – bà Charlotte hiểu là các mảnh nhỏ lăm nhăm đã gây nên vết cào cấu như vậy. Những vết khâu chỉ màu hồng bọc quanh một bên bả vai, khuất dần trên ngực...

Qua nước mắt bà nhìn căn phòng như mới thấy lần đầu: chiếc cửa sổ ngang sè: mặt đất, bó thì là tưởng như đến từ một thời kỳ khác của đời mình, chiếc ba lô lính trên ghế đầu cạnh cửa ra vào, cặp ủng to đầy bụi màu đỏ. Và dưới chiếc bóng điện trần trụi mờ xỉn, giữa cái căn phòng một nửa vùi trong đất - cái thân hình khó nhận ra này, cứ như thể bị nghiền trong bánh răng cưa cỡ máy. Có những tiếng đợm ngạc nhiên hiện ra trong đầu mà bà không hay. “Ta, Charlotte Lemonnier, ta đang ở đây, trong cái nhà gỗ vùi lấp trong đám cỏ thảo nguyên, với người đàn ông này, cha những đứa con ta, người đàn ông mà ta yêu thương xiết bao... Ta, Charlotte Lemonnier ...”.

Một bên lông mày Ông Fiodor mang một vết chém. rộng màu trắng bệch, vết chém nhạt đầu, chắn ngang trán. Luồng nhìn của ông do đó về

như luôn luôn ngạc nhiên. Cứ như ông không thể quen được với cảnh sống thời hậu chiến.

Ông sống không đầy một năm... Sang mùa đông, hai ông bà dọn đến một căn phòng nơi mà thời còn bé chúng tôi về ở với bà Charlotte mỗi mùa hè. Ông bà cũng không kịp sắm xoong nồi mới và bát đĩa. Ông Fiodor cắt hành với con dao mang từ mặt trận về - làm bằng chiếc lưỡi lê mài lại...

Nghe chuyện người lớn kể, tôi hình dung cảnh ông chúng tôi trong thời gian trở về gặp lại gia đình gần gũi lạ thường ấy như thế này: một người lính bước lên tam cấp ngôi nhà gỗ, ánh mắt anh đắm chìm trong ánh mắt vợ, và anh chỉ còn kịp nói: “Anh đã về, em thấy đấy...”, trước khi ngã xuống và qua đời do các vết thương.

Nước Pháp năm ấy, bao quanh tôi trong cảnh sống đơn độc tận cùng và cần cù tìm hiểu. Cuối hè, tôi từ Saranza trở về thành phố Nga bên sông Vôn ga, như một nhà thám hiểm trẻ với ngàn lẻ một khám phá trong hành lý – từ chùm nho của Proust tới tấm biển ghi cái chết bi thảm của ông tước Orléans. Vào mùa thu và nhất là mùa đông, tôi biến mình thành một anh cuồng si học đòi trò uyên bác, một anh nhân viên lưu trữ nhật nhạn như điên mọi chỉ dẫn về cái đất nước mà anh ta chỉ mới năm được sơ sơ điều bí mật qua cuộc tham quan mùa hè.

Tôi tìm đọc tất cả những gì lý thú nói về nước Pháp mà thư viện nhà trường chúng tôi có. Tôi thọc sâu vào các giá sách rộng lớn hơn của thư viện thành phố. Đối lập với các câu chuyện châm phá ẩn tượng chủ nghĩa của bà Charlotte, tôi muốn xây dựng một công trình nghiên cứu có hệ thống, đi từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, từ một vua Louis sang ông vua tiếp theo. Từ một nhà tiểu thuyết sang các đồng nghiệp của ông, đệ tử hoặc người học đòi bắt chước.

Những ngày mài miệt giữa các lối đi nhằng nhịt bụi bặm đầy sách hẳn là chúng tương ứng với một kiểu sống tu hành mọi người đều có ở cái tuổi này. Người ta tìm sự thoát ly trước khi bị cuốn vào khớp răng cửa của đời sống người lớn, người ta một mình tưởng tượng ra những trò phiêu lưu tình ái sắp tới. Cảnh chờ đợi này, cảnh sống ở ẩn này, mau chóng trở thành nặng nhọc. Do đó mới có kiểu sống tập thể lúc nha lúc nhúc mang tính bộ lạc của thanh niên – tâm trạng háo hức không chờ đến tuổi mà muốn đóng ngay các kịch bản của xã hội người lớn. Hiếm có những kẻ ở tuổi mười ba mười bốn biết chống lại các trò chơi vai diễn kiểu như vậy áp đặt cho những con người thích cô đơn hoặc trầm tư, do thói tàn ác và không khoan dung của những kẻ đồng lứa hôm qua vốn là những đứa trẻ...

Chính nhờ việc chăm chú tìm hiểu nước Pháp mà tôi bảo vệ được kiểu sống cô đơn lúc đang tuổi thanh niên.

Cái xã hội thu nhỏ gồm bọn bạn học biểu lộ đối với tôi khi thì một thái độ đàn anh về không thèm đếm xỉa (tôi là thằng “non choẹt”, không hút thuốc, không kể những chuyện bậy bạ lấy nhân vật chủ yếu là bộ phận sinh dục nam nữ), khi thì một hành động vào hùa khiêu khích dữ dội khiến tôi sừng sốt: tôi cảm thấy mình rất ít khác kẻ khác, mình không xứng đáng bị coi như thù địch đến vậy. Quả thật là tôi không ca ngợi hết lời những phim được cái xã hội mini này bình luận trong giờ ra chơi, tôi không phân biệt các câu lạc bộ bóng đá mà chúng là những cổ động viên hăng hái. Sự kém hiểu biết này làm chúng tức giận, coi như là thách thức. Chúng tấn công bằng chế giễu, bằng quả đấm. Chính trong mùa đông này tôi bắt đầu biện biệt ra một cái chân lý đầy hoang mang: mang trong mình cái quá khứ kia, thả hồn mình trong cái Atlantide hoang đường kia, đâu phải là vô tội. Phải, quả đúng làm một thách thức, một sự khiêu khích trước mắt những kẻ sống với hiện tại. Một hôm tức mình vì bị chúng ăn hiếp, tôi làm ra vẻ quan tâm đến tỷ số trận đấu bóng vừa rồi và chen vào câu chuyện của chúng, tôi kể tên mấy cầu thủ vừa học nhằm tới qua. Nhưng bọn chúng đánh hơi ra trò gian lận. Cuộc tranh cãi chấm dứt. Cái xã hội mini giải tán. Tôi được hưởng vài ba ánh mắt hầu như thương hại. Và càng cảm thấy tự ti.

Sau cái trò thử thăm hại ấy, tôi càng lún sâu vào công việc tìm kiếm và đọc sách. Những ánh hồi quang thấp tha thấp thoang miền đất Atlantide trong dòng thời gian chẳng còn làm tôi thỏa mãn. Từ nay, tôi thiết tha muốn biết chiều sâu tâm tư lịch sử của nó. Đi lang thang trong những hang động của thư viện cổ thành phố, tôi cố tìm hiểu tại sao lại có cuộc hôn nhân kỳ cục giữa vua Henri đệ nhất và công chúa Nga Anna. Tôi muốn biết bố cô ta, ông Jaroslav hiền minh nổi tiếng đã cho cô bao nhiêu làm của hồi môn. Và cách thế nào mà ông đưa được từ Kiev những đàn ngựa cho anh con rể Pháo bị bọn thù địch tấn công. Và Anna Jaroslavna hằng ngày tiêu khiển cho qua thì giờ như thế nào trong tòa lâu đài âm u kiểu Trung cổ nơi cô ta luyện nhớ biết bao những nhà tắm Nga... Tôi không còn thỏa mãn với câu chuyện bi thảm miêu tả cái chết của công tước Orléans dưới cửa sổ người đẹp Isabeau. Không, giờ đây tôi lao mình đuổi theo kẻ sát nhân, cái anh chàng Jean sans Peur mà tôi phải lần tìm lên dòng dõi, kiểm chứng lại mọi chiến công, phục hồi lại trang phục và vũ khí, soát lại vị trí các mảnh đất phong ... Tôi nghiên cứu tại làm sao các sư đoàn tướng Grouchy đến chậm, vài giờ thôi mà gây nguy hại chết người cho Napoléon ở Waterloo...

Dĩ nhiên thư viện thành phố, bị ý thức hệ chỉ phối, gồm những loại sách phân định rất không đồng đều: tôi chỉ tìm thấy một cuốn về thời vua Louis Mười Bốn, trong khi ở tủ bên cạnh có tới vài chục cuốn dành cho Công xã Paris và mười hai cuốn cho sự thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Thế nhưng, vốn ham hiểu biết, tôi biết cách làm thất bại cái thủ thuật lịch sử kia. Tôi hương sang văn học. Các nhà cổ điển lớn của Pháp có mặt ở đó và ngoài vài ba vị đặc biệt xứ như Restif de La Bretonne, Sade hoặc Gide, nói chung họ thoát được vòng kiểm duyệt.

Tuổi trẻ kèm với sự thiếu kinh nghiệm biến tôi thành một kẻ bái vật giáo: tôi sưu tập hơn là đi sâu tìm hiểu gương mặt thời gian lịch sử. Tôi lục tìm chủ yếu những mẫu chuyện vặt giống như các mẫu chuyện người hướng dẫn kể cho khách du lịch trước các công trình nghệ thuật hoặc phong cảnh. Trong sưu tập của tôi có chiếc gi lê đỏ Thesophile Gautier mặc hôm biểu diễn đầu *Hernani*, những chiếc gậy của Balzac, chiếc điều ông của George Sand và cảnh bà bày phụ bạc Musset trong vòng tay ông thầy thuốc coi như đang chữa bệnh cho nhà thơ. Tôi thán phục thái độ lịch sử của bà khi bà tặng cho người tình đề tài vở *Lorenzac – cio*. Tôi không chán mắt đọc đi đọc lại các trường đoạn đầy hình ảnh mà trí nhớ tôi quả rất lộn xộn ghi lại.

Chẳng hạn cảnh Victor Hugo, vị lão trưởng tóc ngà hoa râm và nét mặt u sầu, gặp Leconte de Lisle dưới vòm lá trong một khu vườn. “Ông biết tôi đang nghĩ gì không?” Lão trưởng hỏi. Và trước vẻ lúng túng của người đối thoại, ông tiếp, giọng khoa trương: “Tôi nghĩ sẽ nói gì với Chúa khi tôi về với nước Chúa, có thể là cũng chẳng bao lâu nữa đâu...” Và Leconte de Lisle, vẻ vừa châm biếm vừa tôn kính, bèn đáp giọng tin tưởng: “Vâng, cụ sẽ nói: Bạn đồng nghiệp thân mến...”)

Điều ngược đời, chính một thằng cha chẳng biết gì về nước Pháp, chưa hề đọc cuốn sách nào của nhà văn Pháp, một thằng cha học dốt, không biết chỉ vị trí nước này trên bản đồ, tôi chắc vậy, vâng, chính hắn đã vô tình giúp tôi thoát khỏi thói sưu tập mẫu chuyện bằng cách hương sự tìm tòi của tôi sang một ngã hoàn toàn mới. Tên hắn là Pachka. Cái xã hội mini lớp chúng tôi tỏ ra coi thường hắn cũng bằng như coi thường tôi, nhưng vì những lý do khác hẳn. Chúng ghét hắn vì hắn phản chiếu lại cho chúng một hình ảnh rất phiền chán về người lớn. Hơn chúng tôi hai tuổi, tức là ở giữa cái tuổi mà bọn học sinh nhăm nháp trước các thứ tự do, thằng bạn lười học của tôi

cũng chẳng hề biết lợi dụng điều đó. Thằng Pachka sống lối sống của những anh mu gich kỳ quặc vẫn giữ trong mình một phần trẻ nít cho đến khi chết, điều hết sức tương phản với cái vẻ ngoài man rợ và trai tráng của chúng. Chúng khăng khăng trốn bỏ thành phố xã hội, tiện nghi, hòa tan vào núi rừng và hoặc làm thợ săn hoặc đi lang thang, thường kết thúc cuộc đời luôn trong đó. Thằng Pachka mang theo vào lớp mùi cá, mùi tuyết và lúc thời tiết ấm lại, mùi đất chó. Suốt ngày hắn lội bì bõm dọc sông Vôn ga. Và nếu hắn đến trường là để mẹ hắn khỏi phiền lòng. Bao giờ cũng đến muộn, chẳng thèm để ý những ánh mắt khinh khi của bọn bạn sắp thành người lớn, hắn đi ngang qua lớp học và luồn vào sau bàn học tận cuối lớp. Bọn học trò cố ý khịt khịt mũi âm ỉ khi hắn đi qua, cô giáo thở dài ngược mắt lên trời. Mùi tuyết và mùi đất thó dần dà tỏa đầu phòng học. Lâu dần cái cương vị chung là hạng tiện dân trong quần thể lớp học gắn bó hai đứa chúng tôi với nhau. Chẳng hề là bạn thân theo đúng nghĩa, chúng tôi chú ý đến cảnh cô đơn của nhau, thấy ở đó như một dấu hiệu để nhận ra nhau. Từ đó tôi thường hay đánh bạn với Pachka trong các cuộc xuất hành đi câu cá. Hắn dùng một cái khoan quay tay thật khỏe khoan trong tảng băng, thả dây câu vào và đứng lặng phắc trên cái lỗ hồng tròn qua đó nom thấy được chiều dày tảng băng màu xanh nhạt. Tôi hình dung con cá phía dưới cái đường hầm hẹp có khi dài một mét, mon men đến bên chiếc mồi ... Những chú mang giở lưng vằn, những chú cá măng có chấm, những chú cá gạc đuôi đỏ thắm vọt xuất hiện từ lỗ khoan và được gỡ khỏi lưỡi câu, vớt trên tuyết. Sau ít cái cựa quậy, thân chúng cứng đờ, lạnh cóng trong giá buốt, vây sườn của chúng phủ đầy tinh thể nom như những viên ngọc lung linh trên mũ miện. Chúng tôi ít trò chuyện. Cảnh yên bình mênh mông trên những cánh đồng phủ tuyết, giấc ngủ sâu của dòng sông lớn khiến mọi lời nói là thừa.

Đôi khi thằng Pachka, để tìm nơi nhiều cá hơn, mạo hiểm đến gần những tảng băng dài màu sẫm, ướt át, bị dòng nước xói ... Nghe tiếng vỡ rãng rắc tôi quay lại thấy thằng bạn đang vẫy vùng trong nước, tay xò rộng cố bấu vào mặt tuyết lỏn nhỏn. Tôi liền chạy tới cách cái đoạn nứt rạn vài mét và nằm bẹp xuống ném cho hắn múi khăn quàng. Thường thì Pachka thoát mà không cần tôi giúp đỡ. Như con cá heo, hắn cố vọt khỏi mặt nước và ngã xuống, ngực đập lên tuyết, bò bò vể một vệt dài ướt sũng. Nhưng đôi khi, hắn cốt làm tôi vui long, hắn túm lấy khăn để tôi lôi lên.

Sau một phen giằm nước như thế, hai chúng tôi đi về phía một trong những cái sườn thuyền nát mà người ta thấy nằm chơ chỏng giữa những đống tuyết bị gió đùn. Chúng tôi nấp trong lòng thuyền cháy đen chụm một đống lửa lớn. Pachka lột đôi ủng nỉ to kèn, chiếc quần lót bông, đặt cạnh lửa rồi gác chân trần trên tấm ván, hẩn bắt đầu nướng cá.

Ngồi quanh ngọn lửa củi kia chúng tôi chuyện trò rôm rả hơn. Hẩn kể tôi nghe những chuyện đi câu đáng ghi nhớ (con cá quá to không lọt qua được cái lỗ do cần quay tay đục!) những vụ tan băng khủng khiếp, bao nhiêu tảng băng vỡ ầm ầm vừa trôi vừa kéo theo nào thuyền, nào cây đổ và thậm chí cả những căn nhà gỗ có con mèo bám trên mái... Tôi thì kể với hẩn về những trò phi ngựa thi đấu thương (tôi vừa biết rằng các hiệp sĩ ngày xưa, thi xong cật mũ dẫu, mặt mày chảy ròng ròng những vết gỉ: sắt trộn với mồ hôi; không hiểu tại sao những tình tiết này khiến tôi khoái chí hơn cả trò thi đấu...), phải, tôi nói với hẩn về những nét hùng tráng kia tô đậm thêm bởi những dòng mồ hôi nâu, và về chàng dũng sĩ trẻ thổi tù và ba lần gọi quân cứu viện. Tôi biết thằng Pachka đông cũng như hè thường tung tẩy ngang dọc bờ sông Vôn ga, bụng thắm mơ về những miền khơi xa. Tôi sung sướng tìm được cho hẩn trong bộ sưu tập miêu tả cảnh vật lộn xộn ghê gớm giữa một anh dân chài và con bạch tuộc khổng lồ. Và vì kho uyên bác của tôi chủ yếu nuôi dưỡng bằng mẩu chuyện, tôi kể cho hẩn nghe một chuyện rất phù hợp với thú mê say của hẩn cũng như với cảnh hai đứa đang trú đậu trong sườn chiếc thuyền nát. Ngày xưa ở một quãng biển nguy hiểm, một thuyền chiến Anh gặp một tàu Pháp và trước khi lao vào cuộc quyết chiến, viên thuyền trưởng Anh bắc tay làm loa gọi sang phía những kẻ thù truyền kiếp: “Các ông, người Pháp, các ông chiến đấu vì tiền. Còn chúng tôi, thần dân của Hoàng hậu, chúng tôi chiến đấu vì danh dự!” Thế rồi, từ phía tàu Pháp, người ta nghe lẫn trong hơi gió mặn tiếng thốt lên vui vẻ của thuyền trưởng: “Đúng thế. Mỗi người chiến đấu vì cái mà anh ta không có, thưa ngài!”

Một hôm thằng Pachka suýt chết đuối thật sự. Cả một tảng nước đá to tướng lật úp dưới bước chân – bấy giờ thời tiết đang ảm lại. Chỉ còn cái đầu lòi khỏi mặt, rồi đến một cánh tay chơi vơi tìm chỗ bấu không hề có. Hẩn vùng lên rất dữ, trườn được ngực lên tảng băng nhưng mặt băng xóp liền vỡ ra dưới sức nặng cả người hẩn. Dòng nước đã cuốn hai cẳng chân hẩn mang ủng sũng đầy nước. Không còn kịp cởi khăn quàng cổ, tôi nằm bẹp xuống

tuyết, trườn tới, giơ tay vớ. Chính lúc ấy tôi thấy trong mắt hấn thoáng một ánh kinh hoàng... Tôi cứ tưởng hấn sẽ thoát mà không cần tôi giúp, hấn dầy dạn quá rồi, quá gắn liền với mọi sức mạnh của thiên nhiên nên đâu có chịu để chúng khuất phục. Thế nhưng lần này hấn chấp nhận bàn tay tôi mà không có cái mỉm cười thường lệ.

Mấy phút sau, lửa bùng lên và Pachka, hai cẳng chân trần, người bận độc chiếc pun dài tôi cho mượn chờ quần áo hấn khô, nhảy nhót loảng quăng trên tấm ván bị ngọn lửa liếm. Bằng những ngón tay đỏ bầm sây sướt, hấn nhào cục đất thó rồi bọc con cá vào trước khi đặt lên than hồng... Chung quanh chúng tôi là giải sa mạc trắng xóa sông Vôn ga đóng băng, những cây liễu cành lá thanh mảnh run rẩy làm thành một dãy bờ bụi loảng thoáng dọc bờ, và chiếc thuyền cũ nát vùi trong tuyết mà chúng tôi gỡ ít thanh làm củi cho đông lửa hoang dã. Ánh lửa bập bùng dường như khiến cho hoàng hôn dày đặc hơn, cảm giác về cái tiện nghi chốc lát thêm thấm thía.

Vì sao hôm ấy tôi lại kể hấn nghe cái chuyện này chứ không phải chuyện khác? Hấn có một lý do gì đó, một đầu mối trò chuyện đã gợi cho tôi cái đề tài này... Đó là một chuyện tóm lược, rất ngắn thôi, về một bài thơ của Hugo do bà Charlotte kể cho tôi, thậm chí tôi cũng chẳng còn nhớ đầu đề... Ở một nơi nào đó cạnh những hàng rào chướng ngại dựng trên đường phố bị phá hủy, bọn lính xử bắn đám người khởi nghĩa, trong lòng thành phố Paris bất khuất, nơi phiến đã lát đường có cái khả năng kỳ lạ đột nhiên dựng thành chiến lũy. Một cuộc hành hình theo lệ thói quen thuộc, tàn bạo, không thương tiếc. Đám nào người khởi nghĩa đứng áp lưng vào tường, nhìn thẳng một lát những nòng súng đang chĩa vào ngực họ, rồi ngược nhìn những đám mây bay lơ lửng trên trời. Và họ ngã xuống. Các bạn bè lại đứng thay vào đối mặt với bọn lính... Trong đám có một chú bé kiểu như Gavroche tuổi còn rất non trẻ, lẽ ra chúng phải khoan hông mới phải. Không, than ôi! Viên sĩ quan ra lệnh cho nó đứng vào hàng những người đang đợi chết, trẻ con cũng có quyền chết như người lớn. “Chúng tao cũng sẽ bắn bỏ mày!” tên đao phủ chỉ huy lầu bầu. Nhưng một lát trước khi đến đứng vào tường, chú bé chạy tới viên sĩ quan và van vỉ: “Xin ông cho phép tôi mang cái đồng hồ quả quýt này về cho mẹ tôi. Mẹ tôi ở rất gần đây thôi, chỗ máy nước ấy. Tôi sẽ quay về, xin thề!” Cái trò lừa trẻ nít ấy cũng làm xúc động trái tim man rợ bọn lính. Chúng phá lên cười: “Ừ” chạy đi.

Vù luôn đi, thằng nhãi ranh!” Bọn chúng vẫn còn cười trong khi lên đạn. Đột nhiên chúng im bật. Chú bé hiện ra và đứng trước bức tường, cạnh những người lớn, ném một câu: “Có tôi đây!”

Suốt lúc tôi kể chuyện, Pachka vẻ như chẳng lắng nghe gì lắm. Hắn ngồi bất động, người cúi về phía lửa... Mặt hắn lấp dưới vành lưỡi trai bẻ sụp của chiếc mũ lông xùm xòa. Nhưng lúc tôi kể đến cảnh cuối, - chú bé quay lại, nét mặt xanh nhợt nghiêm trang, đứng thẳng người trước bọn lính – vâng, lúc tôi thuật lại lời cuối chú bé: “Có tôi đây!” Pachka giật thột, ngồi thẳng dậy... Và chuyện khó tin đã xảy ra, hắn nhảy lao qua mạn thuyền cứ thế chân trần lội trong tuyết. Tôi nghe một tiếng rên rỉ cổ nén bị làn gió ẩm ướt thổi bạt đi nhanh chóng trên cánh đồng trắng xóa.

Hắn bước ít bước rồi đứng dừng lại, lún đến tận đầu gối trong một đồng tuyết đôn. Ngạc nhiên quá, tôi đứng lặng một phút bất động trong chiếc thuyền nhìn theo gã thanh niên to lớn bận chiếc áo pun giã dài gió thổi phồng như một áo vét len ngắn. Các mảnh che tai chiếc mũ lông khẽ phát phơ trong gió rét. Hai cẳng chân trần Pachka vùi trong tuyết khiến tôi nhìn cứ như mê đi. Chẳng còn hiểu gì hết, tôi nhảy ra khỏi thuyền đến gần hắn. Nghe tiếng chân tôi chạy trong tuyết hắn quay phắt lại. Mặt hắn nhăn nhúm khổ sở. Ngọn lửa nhóm trong thuyền hắt ánh vào cặp mắt hắn long lanh lên lạ thường. Hắn vội đưa ông tay áo dụi mắt. “Ái dà, khói quá!” hắn hấp háy mắt càu nhàu và không nhìn tôi, quay trở về thuyền.

Ở trong thuyền hắn vừa duỗi chân tê cứng về phía lửa vừa hỏi, giọng năn nỉ giận dữ:

- Rồi sau thế nào? Chúng nó giết thằng bé, đúng không?

Bị bất ngờ và không tìm thấy trong trí nhớ một điểm nào làm sáng rõ chuyện này, tôi áp ứng:

- Hơ... Tớ cũng không nhớ rõ ...

- Thế nào, không biết hả? Nhưng cậu đã kể lại tất cả cơ mà!

- Ủ, nhưng mà trong bài thơ ...

- Kệ mẹ cái bài thơ! Trong cuộc sống thực, chúng giết nó hay là không?

Mắt hắn nhìn tôi chăm chăm qua phía trên ngọn lửa, long lên sòng sọc. Giọng vừa gắt gỏng vừa van vi. Tôi thở dài, như thể xin lỗi ông Hugo và bằng giọng quả quyết, rành rọt, tôi nói:

- Không, chúng nó không bắn chú bé. Một viên đội trong đám nhớ đến thằng con mình ở lại làng. Hắn quát: “Đứa nào chạm đến thằng bé này ta sẽ cho biết tay!” Và tên sĩ quan đã phải thả thằng bé...

Pachka cúi mặt và cầm một cành cây mới than đỏ để lấy con cá bọc đất ra. Chúng tôi lặng lẽ bóc cái vỏ đất nung cho bong ra cùng với vảy và chén món thịt cá mềm nóng sốt chấm với muối hạt.

Hai đứa cũng lặng lẽ như vậy lúc trời tối quay về thành phố. Tôi vẫn đang mang ấn tượng về cái điều thần diệu vừa xảy ra. Cái phép lạ nó vừa chứng minh quyền lực tuyệt vời của ngôn ngữ thi ca. Tôi đoán đây chẳng hề là mưu mẹo ngôn từ hoặc là chuyện lắp ghép khéo léo từ ngữ. Không! Vì những từ ngữ của Hugo trước hết bị biến dạng qua chuyện kể từ lâu của bà Charlotte rồi lại qua bản tóm lược của tôi. Nghĩa là hai lần bị phản... Thế mà, câu chuyện này thực ra đơn giản biết bao, được kể lại cách xa hàng nghìn cây số nơi nó sinh ra, đã gây xúc động đến chảy nước mắt cho một anh chàng man rợ và đẩy anh ta trần truồng nhảy ra bãi tuyết. Trong thâm tâm tôi tự hào vì đã làm lóe lên một tia của cái ánh sáng tỏa rạng từ quê hương bà Charlotte.

Với lại, đêm nay, tôi chợt hiểu ra rằng chẳng phải nên sưu tầm các mẫu chuyện qua sách vở. Mà là một cái gì sâu xa hơn, và đồng thời, bội phần tự nhiên hơn: một sự hài hòa thông tuệ về cái hữu hình mà một khi được nhà thơ phát hiện, nó biến thành vĩnh cửu. Chưa biết cái đó gọi tên là gì, chính nó là cái mà từ nay tôi sẽ đeo đuổi từ cuốn sách này đến cuốn sách khác. Về sau tôi sẽ biết tên nó: Văn phong. Và tôi sẽ chẳng bao giờ có thể chấp nhận dưới cái tên kia những trò tung hứng chữ nghĩa phù phiếm. Vì tôi sẽ thấy vụt hiện ra trước mắt cảnh chân tím ngắt của Pachka cắm trong đồng tuyết, bên bờ sông Vôn ga, và những ánh long lanh phản chiếu ngọn lửa

trong mắt hấn... Đúng thế, hấn đã xúc động về số phận của chú bé nổi loạn hơn là chuyện bản thân hấn suýt chết đuối trước đây một giờ đồng hồ!

Khi từ biệt tôi ở một ngã tư ngoại ô nơi hấn ở, Pachka chìa phần cá cho tôi: mấy cái mai đất thó dài. Rồi giọng cụt ngùn, tránh nhìn vào mắt tôi, hấn hỏi:

- Thế cái bài thơ về những người bị xử bắn, có thể tìm ở đâu?
- Mai đến trường tớ sẽ đem cho cậu, chắc tớ có bản chép ở nhà.

Tôi nói liền một hơi, khó giấu nổi niềm vui. Hôm này là ngày hạnh phúc nhất tuổi thanh niên của tôi.

“Ừ mà bà Charlotte chẳng còn gì để mách bảo cho mình nữa cả!”

Cái ý nghĩ ấy đến trong đầu sáng hôm trở về Saranza làm tôi bối rối. Tôi xuống tàu, là hành khách duy nhất xuống ga xép này. Đằng kia sân ga tôi nom thấy bà tôi huơ huơ tay và bước tới. Đúng lúc ấy, trong khi bước lại bà tôi nẩy cái trực cảm kia: Bà chẳng còn gì mới để mách bảo cho mình về nước Pháp, bà đã kể tất tậ rồi và nhờ đọc sách mình đã tích lũy những kiến thức dễ thường còn rộng lớn hơn của bà... Khi ôm hôn bà, tôi cảm thấy xấu hổ về cái ý nghĩ ấy khiến chính tôi cũng thấy bất ngờ. Tôi coi nó như một sự vô tình phản bội.

Mặt khác, đã từ mấy tháng nay, tôi cảm thấy một niềm băn khoăn kỳ lạ: là đã biết quá nhiều. Tôi giống như cái anh chàng vốn tính tiết kiệm mong mỗi cái khoản dành dụm được chẳng bao lâu nữa sẽ tạo một lối sống hoàn toàn khác, mở ra một chân trời kỳ diệu, thay đổi cách nhìn sự vật – cho đến cả cách đi đứng, hít thở, trò chuyện với phụ nữ. Khoản dành dụm ấy đang không ngừng tăng thêm, nhưng sự biết đủ căn bản chưa chịu đến cho.

Cũng giống y như vậy với cái tổng số những hiểu biết tôi thu lượm được về nước Pháp. Chẳng phải tôi muốn kiếm lợi lộc gì. Về hứng thú của thằng bạn lười học đối với những chuyện tôi kể làm tôi thỏa mãn quá rồi. Nhưng tôi hy vọng một cái bật “tách” bí ẩn, giống như tiếng bật lò xo trong hộp âm nhạc, một tiếng bật dòn đã báo hiệu bắt đầu điệu mơ nuy ê để các tượng nhỏ quay tròn nhảy nhót trên bục. Tôi ước cái mớ lộn xộn những ngày tháng, tên tuổi, sự kiện, nhân vật đúc kết lại thành một chất liệu cốt tử chưa hề thấy, kết tinh vào một thế giới hoàn toàn mới. Tôi muốn cái nước Pháp ghép trong tim tôi được nghiên cứu, khám phá, học hỏi, biến tôi thành một con người khác.

Nhưng điều thay đổi duy nhất xảy ra đầu mùa hè này là sự vắng mặt của chị gái tôi vừa đi Mạc tư khoa tiếp tục việc học. Tôi sợ không dám thú nhận

với mình là do chị đi vắng có thể sẽ chẳng còn những buổi thức đêm trên ban công.

Đêm đầu tiên như thế để xác minh điều mình lo ngại, tôi nghĩ ra chuyện hỏi bà tôi về nước Pháp vào cái thời bà còn trẻ. Bà vui lòng trả lời, cho rằng tôi tò mò thực bụng. Bà Charlotte vừa trò chuyện vừa tiếp tục mạng cổ đang ten chiếc áo lót. Bà luôn cây kim với một chút duyên dáng thắm mỹ thường thấy ở người phụ nữ vừa làm việc vừa nói chuyện với người khách mà bà ta cho là đang quan tâm đến điều mình kể.

Tựa lên bao lơn ban công, tôi lắng nghe. Các câu hỏi tôi nêu như cái máy gọi lại, như tiếng dội, những cảnh của quá khứ hàng ngàn lần mình từng ngắm nghía trong thời thơ ấu, những hình ảnh thân thuộc, những con người quen: bác xén lông chó trên bên cảng sông Seine, cuộc đón rước nhà vua dạo quanh điện Champs – Elyées, người đẹp Otéro, ông Tổng thống ôm cô nhân tình trong một cái hôn trí mạng... Giờ đây tôi nhận ra rằng tất cả các chuyện ấy bà Charlotte đã kể đi kể lại với chúng tôi mỗi mùa hè, chiều lòng chị em chúng tôi muốn nghe lại chuyện cổ tích ưu thích. Vâng đúng vậy, đó không phải là cái gì khác hơn là những chuyện cổ tích thực sự, chúng tôi nghe không biết chán.

Mùa hè năm ấy tôi mười bốn tuổi. Thời gian những chuyện cổ tích, tôi hiểu rõ, sẽ chẳng ở lại nữa. Tôi đã hiểu biết nhiều nên không còn để cho trò nhảy múa đầy màu sắc kia mê hoặc. Kỳ lạ thay, thay vì vui thích trước cái dấu hiệu hiển nhiên là mình đã chín chắn, đêm ấy, tôi vô cùng luyến tiếc tin cậy hồn nhiên ngày trước. Vì những kiến thức mới vừa thu lượm được, khác với điều tôi chờ đợi, dường như lại làm mờ tối đi hình ảnh của tôi về nước Pháp. Cứ hễ tôi muốn trở về cái Atlantide thơ ấu thì một giọng thông thái liền can thiệp: tôi nom thấy những trang sách những ngày tháng in bằng chữ đậm. Và cái giọng kia liền cất tiếng bình luận, đối chiếu, dẫn giải. Tôi cảm thấy mắc một chứng mù kỳ lạ...

Một lúc nào đấy, cuộc chuyện trò đứt quãng. Tôi đã nghe lơ đãng đến nỗi những lời bà Charlotte vừa nói – dường như bà hỏi gì đấy – tôi không để lọt tai. Ngượng ngùng, tôi nhìn về mặt bà đang ngừng nhìn. Tôi nghe trong tai âm hưởng câu bà vừa nói. Chính cái giọng điệu ấy giúp tôi khôi phục lại nội dung. Vâng, chính là giọng điệu khi người kể nói: “Ừ mà

chuyện này, chắc hẳn các cháu đã nghe rồi. Bà chẳng muốn làm nhảm tai các cháu với những câu chuyện cũ rích...” còn người kể thì trong bụng thầm mong người nghe sẽ khích lệ là chưa hề nghe hoặc đã quên rồi... Tôi khẽ lắc đầu, lưỡng lự:

- Không đâu, không đâu. Nhưng bà có chắc là bà đã kể cho cháu nghe không đấy?

Tôi thấy gương mặt bà tôi rạng lên mỉm cười. Bà lại kể tiếp. Lần này tôi lắng nghe chăm chú. Và lần thứ một trăm, một ngàn, trước mắt tôi hiện lên con đường hẹp của Paris thời Trung cổ, một đêm thu lạnh và trên bức tường – cái biển âm u ảm đạm ghép chúng vĩnh viễn ba số phận và ba cái tên ngày xưa: *Louis d'Orléans Jean sans, Peur, Isabeau de Bavière...*

Chẳng hiểu sao tôi ngắt lời bà vào lúc này. Chắc hẳn tôi muốn chứng tỏ sự uyên bác của mình. Nhưng nhất là vì cái sự phát hiện này khiến tôi sửng sốt: một bà già trên chiếc ban công treo lơ lửng giữa thảo nguyên mênh mông vô tận, một lần nữa nhắc lại một câu chuyện thuộc lòng, bà nhắc lại kiểu chính ác như cái đĩa hát, trung thành với cái câu chuyện ít nhiều huyền hoặc nói về một đất nước chỉ tồn tại trong ý ức bà ...

Cảnh hai người đối mặt trong cái vắng lặng khuya đêm tôi cảm thấy như kỳ cục, giọng bà Charlotte cứ như giọng người máy. Tôi tóm lấy cái tên nhân vật bà vừa nhắc và kể tiếp vào. Jean sans Peur và những mảnh khóc thông đồng giữa anh ta với bọn Anh. Paris nơi các bác hàng thịt bỗng dựng thành “nhà cách mạng”, làm mưa làm gió và tiêu diệt bọn kẻ thù của Bour-gogne hoặc bị gán cho tội ấy. Rồi là ông vua đầu tiên. Rồi những cái giá treo cổ trên các quảng trường Paris. Rồi các đàn sói lang vảng trong ngoại ô thành phố bị nội chiến tàn phá. Rồi sự phản phúc không thể tưởng tượng được khi Isabeau de Bavière liên kết với Jean sans Peur và từ bỏ thái tử, khẳng định rằng anh này không phải con vua. Vâng, cái nàng Isabeau xinh đẹp tuổi thiếu thời chúng tôi...

Tôi bỗng ngọt thờ, lời nghẹn trong cổ họng, tôi còn muốn nói quá nhiều. Sau một lát yên lặng, bà tôi khẽ gật đầu, nói rất chân thành:

- Bà rất sung sướng là cháu hiểu biết lịch sử đến vậy!

Thế nhưng trong giọng nói về đầy tin chắc kia, tôi dường như nhận thấy dư âm một ý nghĩ thâm: “Hiểu biết lịch sử là tốt. Nhưng khi bà nói về Issabeau và về con đường Arbalétriers, về cái đêm thu ấy, là bà đang nghĩ đến một điều khác hẳn...”

Bà cúi xuống đồ khâu, tay lạnh lẹn đưa mũi kim chính ác đều đặn. Tôi đi ngang qua phòng, bước xuống đường. Tiếng còi vang lên xa xa. Tiếng vang ngàn ngạt trong hơi nóng ban chiều nghe như tiếng thở dài, rền rĩ.

Giữa ngôi nhà bà Charlotte ở và thảo nguyên có một khu rừng nhỏ rất rậm rạp, thậm chí khó chui lọt: toàn những bụi dâu rừng, những cành phi gai góc, những hầm bị sập đầy cây tầm ma. Và chẳng cả khi chúng tôi vượt qua được những trở ngại tự nhiên kia để chơi trò chơi thì lại còn có những chướng ngại do con người tạo ra: các hàng rào dây thép gai quấn quýt, các vật han gỉ vút ngổn ngang chống xe tăng... Người ta gọi khu này là “Stalinka” lấy tên tuyến phòng thủ xây ở đây hồi chiến tranh. Họ sợ tụi Đức mò được đến đây. Nhưng sông Vôn ga và nhất là Stalingrad đã chặn chúng lại... Tuyến phòng thủ đã bị dỡ bỏ, những thứ dụng cụ chiến tranh còn sót nằm vương vãi, khu rừng này chỉ thừa kế được có cái tên. Khu “Stalinka” dân Saranza gọi vậy, và thị trấn của họ tự dung được liệt vào các chiến công lừng lẫy của Lịch sử.

Người ta bảo khu rừng có chôn min. Điều này khiến những đứa bạo dạn nhất trong chúng tôi đâm sợ không dám xông pha vào cái *no mans land*^[23] kia vùi dưới các cửa cải han gỉ.

Chính sau khu rừng Stalinka là nơi có đường tàu hẹp chạy qua; cứ như thế đó là một đường tàu thu nhỏ kiểu mô hình, với chiếc đầu tàu đen sì muội than, những tao tàu be bé và – như trong một ảo ảnh thị giác – bác lái tàu mặc chiếc áo lót lấm lem dầu mỡ: một ông khổng lồ nom như người ngả nghiêng mình ra cửa sổ. Mỗi lần, trước khi cắt ngang qua một con đường đất chạy về phía chân trời, chiếc đầu tàu thét lên tiếng còi nửa dịu dàng nửa rền rĩ. Được nối thêm tiếng dội, tiếng còi ấy nghe như tiếng hót lạnh lạnh con chim cu cu. “Con Koukouchka” đấy, chúng tôi liếc nhìn nhau bảo khi

thấy đoàn tàu chạy trên đường ray hẹp mọc tràn hoang hủy những cây bồ công anh và cúc cam.

Chính tiếng con tàu đã dẫn dắt tôi chiều hôm ấy. Tôi men vòng quanh các bờ bụi khu Stalinka, nom thấy toa tàu cuối cùng lướt qua và mờ dần trong bóng hoàng hôn âm. Cả đến cái đoàn tàu nhỏ bé này cũng tỏa cái thứ mùi đặc biệt của xe lửa, hơi hăng hắc và như vô tình mời gọi lên đường tìm những cuộc viễn du tốt lành do bất thần nảy ý. Nơi xa, từ làn sương chiều xanh nhạt, tôi nghe một tiếng “cú u u” buồn buồn. Tôi đặt chân lên đường ray đang khẽ rần rật sau khi tàu đi qua. Khi thảo nguyên bình lặng dường như đợi chờ ở tôi một cử chỉ, một bước chân.

“Ôi, cứ như trước mà lại hay bao nhiêu, tôi nghĩ thầm trong bụng. Cái Koukouchka mà xưa kia ta tưởng nó đi về một hướng nào xa lạ, tới những đất nước không có trên bản đồ, những dãy núi tuyết phủ, một biển đêm nơi các ngọn đèn thuyền và các ngôi sao xen kẽ. Giờ đây ta biết; à chiếc tàu này đi từ nhà máy gạch Saranza ra ga để rồi chuyển hàng đi tiếp. Vẹn vẹn hai hoặc ba cây số là cùng. Hành trình mới đẹp làm sao! Ừ, giờ đây ta biết điều đó và sẽ không bao giờ còn có thể nghĩ con đường ray này là vô tận và đêm nay là duy nhất, với cái mùi thảo nguyên nồng nàn này, bầu trời bao la này, và với sự hiện diện của ta khó giải thích mà lại cần thiết đến kỳ lạ ở nơi này cạnh con đường sắt này với những thanh tà vẹt nứt nẻ, đúng lúc này, với dư âm của tiếng “cu u u” trong không gian tím. Trước kia, mọi cái với ta dường như tự nhiên biết bao...”

Đêm, trước khi ngủ thiếp, tôi nhớ là cuối cùng đã hiểu được nghĩa của câu thần chú trong thực đơn bữa tiệc thết Sa hoàng: “bartavelles et ortolans truffés rôtis”, Vâng, giờ đây tôi biết đó là món thịt sấn mà những người sành ăn rất ưa chuộng. Một món ăn tinh tế, thơm ngon, quý hiếm, nhưng chẳng có gì hơn nữa. Tha hồ cho tôi lặp đi lặp lại như hồi xưa: “bartavelles et ortolans”... cái ma lực khiến ngực tôi căng đầy gió mặn của Cherbourg nay vô hiệu mất rồi. Và với niềm phân vân tuyệt vọng, tôi lẩm bầm một mình, mở to mắt trong bóng tối:

Vậy là ta đã sống một phần của đời ta!

Từ nay trở đi, hai bà cháu tôi nói để chẳng nói gì hết. Chúng tôi thấy giữa bà cháu dựng lên tấm màn chắn làm chằng những từ tron nhẵn, những vang vọng âm thanh của cái thường ngày bằng thứ chất nước ngôn ngữ mà người ta cảm thấy bắt buộc phải dùng để đồ đầy cái lặng im, cũng chẳng hiểu vì sao nữa. Tôi kinh hãi khám phá ra rằng nói, thật ra là cách tốt nhất để im đi điều cốt yếu. Trong khi muốn nói điều cốt yếu này, lẽ ra phải cấu âm các từ mỗi cách khác hẳn, thì thảo thì thâm, đan dệt chúng trong những âm thanh ban đêm, trong những ánh nắng xế. Một lần nữa, tôi cảm thấy trong tôi sự sinh thành bí ẩn của một thứ ngôn ngữ khác xa bao nhiêu với những câu trao đổi dùng đi dùng lại đến cùn mòn, một thứ ngôn ngữ mà tôi có thể dùng nó mà nói khe khẽ khi gặp ánh mắt bà Charlotte:

- Bà ạ, tại sao cháu lại thấy tim mình thất lại khi nghe tiếng còi tàu Koukouchka văng vẳng gọi? Tại sao một buổi sáng thu ở Cherbourg cách đây một trăm năm, vâng, cái thời khắc cháu chưa bao giờ sống, trong một thành phố cháu chưa bao giờ viếng thăm, tại sao luồng ánh sáng và ngọn gió của nó cháu lại cảm thấy sinh động hơn những ngày chày đang sống thực? Vì sao chiếc ban công của bà chẳng còn bay lượn trong không gian tím ban chiều, trên thảo nguyên? Vẽ trong suốt mơ màng bọc quanh nó đã tan vỡ mất rồi, như cái bình nhà ma thuật. Và những mảnh thủy tinh vỡ kia kêu rảng rảng, ngăn cản chúng ta nói năng như ngày trước... Và những kỷ niệm của bà mà giờ đây cháu thuộc lòng phải chẳng thành một cái lồng nó giam hãm bà? Và cuộc sống chúng ta, phải chẳng chính nó là sự biến đổi hằng ngày cái hiện tại sinh động ấm nóng thành một bộ sưu tập những kỷ niệm công đờ như những con bướm bị mũi kim găm căng ra dưới tấm kính bụi bặm? Và vậy thì tại làm sao cháu lại cảm thấy sẵn sàng đem cho đi toàn bộ sưu tập này để đổi lấy cái cảm giác chua chát độc nhất vô nhị bám trên môi cháu từ chiếc cốc bạc bé xíu trong tiệm cà phê hư ảo ở Neuilly? Đổi lấy dù chỉ một ngọn gió mặc Cherbourg? Dù chỉ một tiếng còi duy nhất của Koukouchka vẳng đến từ tuổi thơ ấu?

Trong lúc ấy, chúng tôi vẫn tiếp tục lấp đầy cái im lặng, như một chiếc thùng tô nô không đáy của các nàng Danaides trong huyền thoại Hy Lạp đổ nước mãi vẫn không đầy, bằng những từ vô ích, những lời nói đối đáp trống rỗng: “Hôm nay nóng hơn hôm qua. Lão Gavriltych lại say bét nè... Con tàu Koukouchka chiều nay chưa thấy đi qua... Ngoài thảo nguyên hình như

có đám cháy, nhìn xem! Không, chỉ là đám mây. Để bà pha trà mới... Hôm nay ngoài chợ thấy bán dưa hấu Uzbek...”

Cái điều khó nói ra! Nó gắn liền một cách bí ẩn, giờ đây tôi đã hiểu, với cái điều cốt yếu. Điều cốt yếu là khó nói ra. Là không thể giao cảm. Và mọi sự trên thế gian này vốn thường hành hạ giằng vặt tôi bởi vẻ đẹp câm lặng, mọi sự bất cần đến lời nói, tôi cảm thấy nó mới là điều cốt yếu. Cái khó nói ra là điều cốt yếu.

Phương trình này tạo trong đầu óc non trẻ của tôi một thứ chập mạch tinh thần. Và chính nhờ tính xúc tích của nó mà mùa hè này tôi rơi vào một sự thực đáng sợ: “Người ta nói vì người ta sợ im lặng. Họ nói như cái máy, nói to hoặc nói thầm một mình, họ say sưa với cái bột nhào lời lẽ nó kết dính mọi vật mọi con người. Họ nói về trời mưa trời nắng, họ nói về tiền bạc, tình yêu, chẳng về cái gì sất. Và họ sử dụng, ngay cả khi nói về tình yêu cao cả của mình, những từ đã lập đi lập lại hàng trăm lần, những câu chữ sồn mồn đến trơ bì. Họ nói để nói. Họ muốn xua đuổi cái im lặng...”

Chiếc bình giả kim đã tan vỡ. Ý thức về cái vô duyên vô vị lời nói của ta, chúng ta vẫn tiếp tục cuộc đàm thoại thường ngày: “Có lẽ sắp mưa. Xem mây kéo đùn đùn kia kia. Không, đấy là thảo nguyên bốc cháy... À này, con tàu Koukouchka hôm nay chạy qua đây sớm hơn thường lệ... Lão Gavrilytch... Trà... Ở ngoài chợ...”

Đúng rồi, một phần quãng đời tôi đã ở phía sau tôi. Cái tuổi thơ.

Xét cho cùng thì hè này, những câu chuyện trao đổi về mưa nắng không phải hoàn toàn vô căn cứ. Trời thường đổ mưa, và nỗi buồn của tôi nhuốm kỳ nghỉ hè ấy trong ký ức bằng những sắc màu mù sương ấm nóng.

Đôi lúc, từ chiều sâu chuỗi ngày chậm rãi xám xịt, một ánh hồi quang những cuộc thức đêm trò chuyện ngày xưa chợt xuất hiện – một bức ảnh nào đấy tình cờ tìm thấy trong chiếc va li Xibêri từ lâu tôi đã quá thuộc nó chứa đựng những gì. Hoặc già thỉnh thoảng một chi tiết thoáng qua thuộc đời sống gia đình ngày xưa tôi chưa biết mà bà Charlotte mách tôi với vẻ vui

thích rứt rề của một cô công chúa sa sút bỗng nhiên tìm thấy trong lần vải lót mơn xơ chiếc ví một đồng tiền vàng.

Chẳng hạn một hôm trời mưa to, trong khi lật giờ các tập báo Pháp cứ chồng chất trong va ly, tôi chợt bắt gặp một trang rời chắc hẳn thuộc một cuốn họa báo đầu thế kỷ. Đó là phiên bản một bức tranh mang tính hiện thực rất chi ly, chỉ hơi nhuốm màu nâu xám tí chút, còn thì tình tiết vẫn rất dồi dào, chính xác buộc phải chú ý. Suốt trong cơn mưa dài rả rích tôi đã ngắm rất kỹ nên nhớ đề tài: một tốp binh sĩ rất tấp nham, ai nấy bộ dạng rã rời vì mệt mỏi và tuổi tác, đi qua một làng nghèo cây cối trơ trụi. Đúng, các người lính đầu rất cao tuổi – như những ông già theo tôi nghĩ, tóc bạc trắng xóa dài chòm khỏi mũ rộng vành. Đó là những người khỏe mạnh cuối cùng trong một đợt động viên dân chúng phần lớn đã bị chiến tranh nuốt chửng. Tôi không nhớ đầu đề bức tranh, nhưng cái từ “cuối cùng” có ở đây. Họ là những người cuối cùng ra đương đầu với kẻ thù, những người tốt cùng còn có thể cầm vũ khí. Và chẳng vũ khí cũng hết sức thô sơ: vài ngọn giáo, rìu, thanh gươm cũ. Tôi tò mò nhìn kỹ quần áo họ, giày xăng đa với những vòng đồng to tướng, mũ họ đội có đôi người xen một chiếc mũ sắt mờ xỉn, giống như mũ lính đi chinh phục châu Mỹ xa xưa, ngón tay đầy máu co quắp trên cán giáo... Nước Pháp, vốn bao giờ cũng xuất hiện trước mặt tôi trong vẻ huy hoàng cung điện vào những giờ vinh quang lịch sử, đột nhiên hiện hiện dưới dáng cái làng phương bắc kia nơi các túp nhà thấp bé nằm co quắp sau những hàng rào gậy guộc, những cây cối cần cọc run rẩy trong gió đông. Kỳ lạ thay, tôi cảm thấy mình gần gũi với con đường bùn lầy cũng như với những người binh sĩ già kia sắp ngã xuống trong một trận chiến đấu không cân xứng. Không, không hề có dáng vẻ gì bi thiết trong bước đi của họ. Không hề là những anh hùng phơi bày lòng dũng cảm hoặc đức hy sinh quên mình. Họ vốn đơn giản, vốn con người. Nhất là cái ông đi cuối đoàn đội mũ sắt lính chinh phục châu Mỹ, nhiều tuổi và cao lớn, bước đi chống cây giáo. Gương mặt ông khiến tôi như mê hoặc bởi vẻ thanh thản lạ lùng, chua chát lẫn tươi vui.

Đang tuổi thành niên hay u sầu, tôi đột nhiên thấy dậy lên một niềm vui mơ hồ. Tôi nghĩ mình đã hiểu ra phong thái bình thản của người chiếc sĩ già kia đối mặt với cái thất bại nhân tiền, đối mặt với khổ đau và cái chết. Chẳng hề là khắc kỷ hoặc khoan khoái tâm hồn, ông ta bước tới, đầu ngừng cao, xuyên qua cái vùng đất bằng phẳng, lạnh lẽo và tẻ nhạt này mà ông yêu

mến mặc dù tất cả và gọi nó là “tổ quốc”. Ông có vẻ như không thể bị tổn thương. Trong một giây trái tim tôi dường như đập cùng nhịp với tim ông, chiến thắng sự sợ hãi, số mệnh, cô đơn. Trong cái thái độ bách thúc này tôi cảm thấy như có thêm một giây đàn nối vào sự hài hòa sinh động là nước Pháp trong lòng tôi. Tôi liền cố cho nó một cái tên: tự hào dân tộc? Hư vinh? Hay là cái dũng cảm, cái *furia française* cừ khôi mà dân Ý thừa nhận cho người lính Pháp.

Trong khi đầu óc gọi những cái nhãn hiệu kia, tôi thấy gương mặt người lính già dần dần khép lại, mắt mờ tối. Ông ta lại trở về là một nhân vật trong một phân bản cũ kỹ màu xám xỉn. Cứ như thế ông đã quay mặt đi để giấu điều bí mật của ông mà tôi vừa thoáng nhận thấy.

Một tia sáng chói nữa của quá khứ nữa là người phụ nữ nọ. Người phụ nữ bận áo bông đội mũ lông to kênh mà tôi có lần khám phá trên một bức ảnh trong cuốn an bom đầy những ảnh chụp thời kỳ gia đình tôi ở Pháp. Tôi nhớ là bức ảnh này đã biến khỏi an bom sau cái hôm tôi quan tâm đến nó và hỏi bà Charlotte. Đạo ấy tôi đã cố hỏi xem tại sao, nhưng đã không được trả lời. Tôi nhớ lại cảnh này như trước mắt: tôi chỉ bức ảnh cho bà ngoại và đột nhiên thấy một bóng lướt nhanh qua khiến tôi quên hẳn câu hỏi; tôi đưa bàn tay lên tường chụp một con bướm kỳ lạ, một con bướm đêm hai đầu, hai thân, bốn cánh.

Tôi tự nhủ là giờ đây, sau bốn năm, con bướm kép ấy chẳng còn có gì bí hiểm đối với tôi: hai con bướm leo nhau, đơn giản vậy thôi. Tôi nghĩ về những con người leo nhau, có hình dung động tác thân thể họ... Và đột nhiên tôi hiểu ra là đã bao tháng nay, dễ thường đã bao năm nay, tôi đọc cứ nghĩ tới những cái thân thể kia ôm ấp hòa lẫn vào nhau. Tôi nghĩ đến điều này mà không tự giác, cứ mỗi lúc trong ngày, miệng thì nói chuyện khác. Cứ như thế cái ấp ôm run rẩy của cặp bướm luôn luôn đốt cháy bỏng lòng bàn tay tôi.

Hỏi bà Charlotte xem người đàn bà mặc áo bông là ai ư, điều này giờ đây tôi thấy dứt khoát không thể làm được nữa. Một chương ngại tuyệt đối chợt dựng lên giữa bà ngoại và tôi, cái thân thể phụ nữ mơ ước, thêm muốn, ngàn lần chiếm hữu trong ý nghĩ.

Buổi tối, trong lúc rót trà cho tôi, bà Charlotte nói giọng lơ đãng:

- Lạ thật, tàu Koukouchka vẫn chưa đi qua...

Vượt khỏi cơn mơ mộng, tôi ngừng nhìn bà. Bốn mắt gặp nhau... Hai bà cháu không nói gì nữa cho đến khi xong bữa ăn...

Ba người phụ nữ đã làm thay đổi nhân quan của tôi, cuộc đời tôi.

Tôi tình cờ khám phá ra họ ở mặt sau một mẫu báo vùi trong chiếc va ly Xi béri. Tôi đang đọc lại lần nữa bài báo về cuộc đua ô tô đầu tiên Bắc Kinh – Paris xuyên qua Mátxcova, như để chứng minh với mình là chẳng còn gì để tìm hiểu thêm nữa, là nước Pháp của bà Charlotte đã được khai thác đến cạn kiệt rồi. Lơ đãng tôi để rơi trang báo lên thảm, nhìn ra qua cái cửa lớn dẫn ra ban công. Hôm ấy là một ngày đặc biệt, cuối tháng tám, trời mát và đầy ánh nắng, khi ngọn gió lạnh đến từ phía dãy Oural đem đến vùng thảo nguyên chúng tôi hơi thở đầu tiên của mùa thu. Mọi cái long lanh lên trong làn ánh sáng trong trẻo ấy. Cây cối khu rừng Stalinka in nét mỏng manh lên cái màu xanh đang tươi đậm lại. Chân trời vạch mộ đường kẻ thuần khiết, rạch ròi. Với một niềm an ủi chua chát, tôi tự nhủ đã sắp hết kỳ nghỉ hè. Cũng là sắp hết một giai đoạn đời tôi, một sự kết thúc đánh dấu bằng điều khám phá đặc biệt: tất cả mọi kiến thức thu thập được không hề đảm bảo cho tôi hạnh phúc, cũng chẳng hề đảm bảo sự tiếp xúc đặc quyền với điều cốt yếu... Lại một khám phá khác nữa: suốt thời gian tôi luôn nghĩ đến thân hình phụ nữ, thân thể những người đàn bà. Tất cả mọi ý nghĩ khác đều là bổ sung, ngẫu nhiên, phụ thuộc. Đúng, tôi chấp nhận cái điều hiển nhiên: là một người đàn ông có nghĩa là luôn luôn nghĩ đến đàn bà, anh đàn ông chẳng có gì khác hơn là cái anh mơ tưởng đàn bà! Và tôi đang là thế...

Do một tình cờ hài hước, trang báo khi rơi xuống thảm đã lật lại. Tôi nhặt lên và đúng lúc ấy tôi thấy họ ở mặt sau, ba người phụ nữ đầu thế kỷ. Tôi chưa hề thấy họ bao giờ, tôi coi mặt sau mảnh báo này như không hề tồn tại. Cuộc gặp gỡ bất ngờ này khiến tôi đâm tò mò. Tôi ghé bức ảnh ra ánh sáng phía ban công.

Và ngay tức thì tôi phải lòng họ. Phải lòng tấm thân và cặp mắt dịu dàng chăm chú của họ, khiến hình dung ngay được là có anh thợ ảnh đang cong lưng dưới tấm vải đen, sau chiếc giá ba chân.

Nữ tính ở mấy cô này là cái dạng nữ tính nhất thiết phải làm xúc động trái tim chàng thanh niên đơn độc kém dạn dĩ là tôi. Một dạng nữ tính có thể gọi là chuẩn mực. Cả ba mặc váy áo dài màu đen làm nổi bật nét căng tròn bộ ngực, bó sát cặp hông và nhất là, trước khi ôm hai đùi rồi đổ xuống thành những nếp duyên dáng quanh bàn chân, mặt vải in phác nét công kín đáo làm bụng. Vẻ nhục cảm thầm kín của cái hình tam giác hơi vòng lên khiến tôi mê hồn.

Đúng vậy, vẻ đẹp của họ đúng là cái vẻ đẹp mà một anh chàng mơ mộng còn ngây thơ về mặt xác thịt có thể không ngót hình dung trong các trò đạo diễn hứng dục của anh chàng. Đó là biểu tượng về một người phụ nữ “cổ điển”. Ý tưởng về nữ tính hóa thân. Hình tượng về người tình lý tưởng. Ít ra thì đó cũng là cách tôi hình dung ba cô nàng duyên dáng nọ với cặp mắt to đen rợp bóng, những chiếc mũ to kèn đính ruy băng nhung sẫm, với cái dáng vẻ cổ xưa khiến ta có cảm tưởng, khi nhìn những bức chân dung các thế hệ trước, coi đó là dấu hiệu một tính ngây thơ nào đó, một tính hồn nhiên mà người cùng thời với chúng ta không có nữa, khiến ta xúc động và tin cậy.

Trên thực tế, tôi đặc biệt thích thú về sự trùng hợp vô cùng chính xác này, trạng thái thiếu kinh nghiệm yêu đương của tôi hướng về chính người phụ nữ nói chung, người phụ nữ chưa có những đặc điểm xác thịt mà một niềm ham muốn chín muồi đã có thể tìm ở thân hình cô ta.

Tôi ngắm nhìn họ với một niềm băn khoăn càng lúc càng tăng. Thân hình họ tôi không thể với tới được. Chà, đây không phải vấn đề là trong thực tế không thể đến gần họ. Từ lâu óc tưởng tượng hứng dục của tôi đã đọc được cách vượt qua trở ngại này. Tôi nhắm mắt và tôi thấy mấy người đẹp của tôi đang dạo bước – trần truồng. Như một nhà hóa học, nhờ một phương pháp tổng hợp tài khéo, tôi có thể bồi đắp da thịt họ từ những yếu tố tầm thường nhất: sức nặng bấp vế người đàn bà nọ một hôm ép vào người tôi trong chuyến xe buýt chật cứng, nét cong các thân thể tắm nắng trên bãi biển, tất cả những bức tranh khỏa thân. Và cả chính thân thể của tôi

nữa! Vâng, mặc dù sự cấm kỵ trong đất nước tôi đối với vấn đề trần truồng huống chi là trần truồng phụ nữ, tôi vẫn biết cách thiết lập lại tính đàn hồi cặp vú dưới ngón tay tôi và nét mềm mại bộ mông.

Không, ba cô nàng duyên dáng ấy tôi không với tới được vì lý do khác... Khi tôi muốn tái tạo cái thời gian từng bao quanh họ, trí nhớ tôi liền vâng theo tức thì. Tôi nhớ đến Blériot thời bấy giờ bay qua biển Manche với chiếc máy bay nhỏ của ông, nhớ đến Picasso vẽ *Các cô gái Avignon*... Mớ lộn xộn những sự kiện lịch sử cất tiếng vang rộng trong đầu. Nhưng ba người phụ nữ kia vẫn bất động, vô tri – ba bức vẽ trong phòng bảo tàng dưới cái nhãn: những cô nàng duyên dáng trong khu vườn Champs – Elées. Tôi bèn thủ chiếm hữu họ, làm thành người tình của tôi. Bằng kiểu tổng hợp hứng dục, tôi sờ nắn thân thể họ, họ cự quậy nhưng người cứng đờ như những người mắc chứng mê lịm mà người ta muốn chuyên chở trong tư thế đứng, ăn bận quần áo, như đang thức. Và như để tăng thêm cái ấn tượng hôn mê nọ, phương pháp tổng hợp kiểu tài tử rút từ trí nhớ của tôi ra một hình ảnh khiến tôi tởm lợm: chiếc vú bầy ra thông theo, vú một mục chết vì say rượu tôi nom thấy một hôm ở nhà ga. Tôi cự quậy đầu để bút khỏi cái hình ảnh ghê tởm ấy.

Thôi thì đành bằng lòng vậy với cái bảo tàng chứa đầy những xác ướp, những hình nhân nặn bằng sáp mang nhãn “Ba thiếu nữ duyên dáng”, “Tổng thống Faure và cô tình nhân”, “Người chiến binh già trong một làng phương Bắc”... Tôi đập lại chiếc va ly.

Tựa khuỷu tay lên bao lơn ban công, tôi dạo mắt nhìn ánh chiều vàng trong treo trên thảo nguyên.

“Rốt cuộc, sắc đẹp của họ để làm gì ấy nhỉ? Tôi nghĩ, đầu chột lóe một ánh sáng đột ngột, chói chang như cái ánh nắng chiều tà này. Ủ, để làm gì cặp vú đẹp, làn hồng, cái váy áo bó khuôn xinh xắn thân hình thon trẻ của họ? Đẹp là thế và bị vùi trong chiếc va ly cũ, trong một thành phố ngủ thiêu thiêu bụi bặm, hẻo lánh giữa một cánh đồng vô tận! Trong cái Saranza này mà sinh thời họ không có một ý niệm nào về nó hết... Tất cả cái gì còn lại về họ, là bức ảnh này, sống sót sau một chuỗi rủi may lớn nhỏ không thể tưởng tượng, được lưu giữ chỉ vì mặt sau là trang báo ghi hình ảnh cuộc đua ô tô Bắc Kinh – Pari. Cả đến bà Charlotte cũng chẳng nhớ gì về ba cái bóng

dáng phụ nữ kia. Ta, chỉ có ta thôi trên trái đất này, gìn giữ sợi dây cuối cùng nối liền họ với thế giới người sống! Ký ức của ta là nơi ẩn náu cuối cùng, nơi sinh sống cuối cùng của họ trước khi rơi vào sự lãng quên vĩnh viễn và trọn vẹn. Phải chăng ta như một thứ thần linh phù trợ cho cái vũ trụ ngả nghiêng chao đảo của họ, cho cái điếm bé nhỏ Champs – Elysées nơi vẻ đẹp của họ vẫn còn tỏa rạng...”

Nhưng thần linh gì thì thần linh, tôi chỉ có thể cung cấp cho những con người ấy một cuộc sống con rối. Tôi vận lò xo kỷ niệm, thế là ba cô gái duyên dáng bước nhanh nhanh, ông tổng thống nước Cộng hòa ôm cô Marguerite Steinheil, ông quận công Orleans ngã xuống, mình xuyên đầy những nhát dao găm tráo trở anh chiến binh già cầm ngọn giáo dài và ưỡn ngực...

“Tại làm sao, tôi kinh hoàng tự hỏi, mà tất cả mọi sự đam mê, đau khổ, tình yêu, lời nói kia để lại dấu vết ít đến vậy? Các luật lệ của thế giới này mới phi lý làm sao khi cuộc sống những người phụ nữ xinh đẹp đến vậy, gọi ham muốn đến vậy tùy thuộc vào trò nhào lộn một trang giấy: quả vậy, nếu tờ giấy này không lật lại, tôi sẽ chẳng có dịp cứu vớt họ khỏi sự quên lãng biến thành vĩnh viễn. Trò ngu đần của vũ trụ - làm biến mất một phụ nữ đẹp – mới vô nghĩa làm sao! Biến mất không trở lại. Xóa sạch hoàn toàn không còn bóng. Không còn hình. Không còn kêu kiện được với ai...”

Mặt trời tắt phía chân trời thảo nguyên. Nhưng không gian còn lưu giữ lâu độ sáng trong treo những chiều hè lạnh lạnh. Sau khu rừng vang lên tiếng còi con tàu Koukouchka, lạnh lạnh hơn trong gió rét. Cây cối điểm vài ngọn lá vàng. Những lá đầu tiên. Tiếng còi đoàn tàu lại vang lên. Xa hơn, vắng vắng.

Chính lúc này khi nhớ trở lại về ba cô gái duyên dáng, tôi bỗng nảy ý nghĩ đơn giản này, một dư âm những suy nghĩ buồn rầu khiến này giờ đầu óc tôi lẫn lộn trong đó: “Thế nhưng, đúng là trong đời họ đã có cái buổi sáng thu kia, mát mẻ thanh khiết, có lối đi kia lát đầy lá vàng, nơi mấy cô gái dừng lại chốc lát, đứng bất động trước máy ảnh. Làm bất động cái khoảnh khắc này... Phải rồi, đã từng có trong đời họ một buổi sớm thu trong treo...”

Lời nhắn gửi này tạo nên phép lạ. Vì đột nhiên, bằng tất cả mọi giác quan, tôi chuyên chở mình vào cái thời khắc mà nụ cười ba cô gái đẹp đã cố định. Tôi thấy lại mình trong không khí những mùi vị mùa thu, lỗ mũi tôi phập phồng vì mùi thơm hăng hắc của lá thật thấm thía. Tôi nheo mắt dưới ánh mặt trời xuyên qua cành lá. Tôi nghe xa xa tiếng xe ngựa lăn trên đá lát đường. Và giọng réo rất líu lo mấy câu đùa vui của ba người phụ nữ trước khi đứng im trước ông thợ ảnh...

Vâng, một cách mãnh liệt, trọn vẹn, tôi sống cái thời gian của họ!

Hiệu quả sự hiện diện của tôi trong buổi sớm thu này, bên cạnh ba cô gái mạnh mẽ đến mức tôi cố bứt ra khỏi quầng sáng của nó, hầu như kinh hãi. Đột nhiên tôi đâm sợ phải lưu lại đó mãi mãi. Mất mùa, tai diếc, tôi trở lại phòng, cầm lại trang báo...

Mắt tâm ảnh như run rẩy, như mặt một hình in đề can, màu ướt và tươi đậm. Phôi cảnh dẹt của nó tự dựng thêm chiều xấu, chìm xa đi trước mắt tôi. Cũng như thế, khi còn nhỏ, tôi ngắm hai hình vẽ tương tự chúng thông thả tiến dần vào nhau trước khi chập làm một, kiểu Stéréo. Bức ảnh ba cô gái đẹp trải ra trước mắt, dần dà bao quanh tôi, đưa tôi lọt vào bầu trời của nó. Các cành cây với những lá vàng to tròn trên đầu tôi.

Những suy tư của tôi cách đây một giờ (sự quên lãng hoàn toàn, cái chết...) chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Mọi sự đều quá sáng rõ, không cần lời. Thậm chí tôi cũng chẳng cần nhìn vào bức ảnh. Tôi nhắm mắt, cái khoảnh khắc ấy đang ở trong tôi. Và tôi lại còn đoán được niềm vui mà ba người phụ nữ cảm thấy được, niềm vui tìm thấy lại, sau cái oi bức uể oải ngày hè, không khí mùa thu mát mẻ, các quần áo ấm, những thú vui đời sống thành thị và thậm chí cả cái mưa gió rét buốt chẳng bao lâu nữa sẽ tăng thêm vẻ quyến rũ đời sống.

Thân thể ba người phụ nữ, khó với tới trước đây một lát, lúc này sống trong tôi, tắm trong mùi vị nồng nàn lá khô, trong làn sương mù nhẹ long lanh ánh mặt trời... vâng, tôi đoán ở họ có niềm run rẩy rất khê khàng khi tắm thân thể phụ nữ chào đón mùa thu mới, niềm pha trộn thú vui và lo lắng, cái u buồn thanh thản. Không còn ngăn cách gì giữa ba người phụ nữ

va tôi. Sự hòa hợp này, tôi cảm thấy nó chan chứa tình yêu và nhục cảm hơn mọi sự ăn nằm vật chất.

Tôi nhô lên khỏi buổi sớm thu này, nhận thấy lại mình dưới một bầu trời hầu như đã đen sẫm. Mệt rũ như thể vừa bơi qua một con sông lớn, tôi nhìn quanh hầu như không nhận ra các đồ vật thân thuộc. Tuy nhiên vẫn muốn quay về để nhìn thấy lại ba cô nàng đi dạo của Thời đại thanh tao.

Nhưng cái ma lực vừa thí nghiệm dường như lại tuột khỏi tay tôi lần nữa. Ký ức tôi vô tình tái tạo lại một phản ảnh khác hẳn về quá khứ. Tôi thấy một người đàn ông bảnh trai bận y phục đen, giữa một phòng giấy sang trọng. Cánh cửa mở ra lặng lẽ, một phụ nữ, mặt che mạng, bước vào. Và, bằng một bộ điệu rất sân khấu, ông Tổng thống ôm chầm cô nhân tình. Đúng, đó là cảnh tượng, đã chộp được hàng nghìn lần, cuộc gặp gỡ bí mật của cặp tình nhân trong điện Elysées. Được ký ức tôi triệu tập đến, hai nhân vật văng theo diễn lại lần nữa kiểu như một kịch vui đóng vội. Nhưng cung cách này không còn làm tôi thỏa mãn...

Sự biến hình của ba cô nàng duyên dáng khiến tôi hy vọng là cái ma lực lại xảy ra lần nữa. Tôi nhớ lại câu nói hết sức đơn giản đã khởi động nên tất cả: “Thế nhưng, trong cuộc đời ba người phụ nữ nọ có cái buổi sớm mát mẻ chan hòa ánh nắng...” Như một anh phù thủy tập sự, tôi hình dung ra cái ông có bộ râu mép đẹp trong buồng giấy, trước cửa sổ màu đen, và tôi đọc thầm câu thần chú:

- Thế nhưng, trong đời ông ta có một chiều thu lúc ông ta đứng trước cửa sổ màu đen nơi ngoài kia xao động các cành cây trụi lá trong vườn điện Elysées...

Tôi không nhận thức được vào thời khắc nào cái biên giới thời gian đã biến đi... Ông Tổng thống nhìn chăm chăm bóng cây cành lay động, mà không trông thấy. Mũi ông sát gần ô kính tới mức một vòng tròn hơi nước phủ mờ mặt kính đi một giây. Ông nhận thấy điều này và lúc lắc đầu đáp lại những ý nghĩ cam lạng trong óc. Tôi đoán là ông cảm thấy bộ quần áo đang mặc bó cứng đờ kỳ lạ trên thân mình. Ông cảm thấy xa lạ với chính mình. Đúng vậy, một cuộc đời xa lạ, căng thẳng, bắt buộc phải tự kiềm chế bằng cách giữ tư thế bất động bề ngoài. Ông nghĩ, không, ông không nghĩ mà

cảm nhận thấy ở nơi nào đó trong bóng tối ẩm ướt sau cửa kính sự hiện diện càng lúc càng mật thiết của người phụ nữ sắp sửa bước vào phòng: “Ông Tổng thống nước Cộng hòa”, ông thốt thật khẽ từng tiếng một. “Điện Elysées...” và đột nhiên, những từ rất thân thuộc nọ ông cảm thấy chẳng có liên quan gì với hiện trạng của mình lúc này. Ông cảm nhận mãnh liệt mình là con người lát nữa thôi sẽ lại bị xúc động vì cặp môi phụ nữ mềm mại ấm áp dưới chiếc mạng óng ánh giọt sương lạnh..

Tôi lưu trữ vài giây trên mặt cái cảm giác tương phản này.

Cái ma thuật của dĩ vãng biến hình kia khiến tôi nao nức, lại vừa làm tôi rã rời. Ngồi trên ban công, tôi thở giật từng hồi, ánh mắt mù mịt hòa tan vào bóng đêm thảo nguyên. Hẳn là tôi đang biến thành kẻ mang tật mê trò luyện đan thời gian. Vừa chớm tỉnh, tôi nhắc lại câu “thần chú”: “Thế nhưng, đã có trong cuộc đời người binh sĩ già kia cái ngày mùa đông...” Và tôi trông thấy người lính già đội chiếc mũ đi chinh phục châu Mỹ. Anh ta vừa đi vừa chống tay lên ngọn giáo dài. Gương mặt đỏ bầm vì gió khép lại trên những ý nghĩ chua chát: mình thì đã già mà cuộc chiến này sẽ vẫn còn tiếp khi mình chẳng còn trên đời. Bỗng nhiên, trong không khí âm u ngày đông băng giá, anh ta nhận ra mùi một ngọn lửa củi. Cái mùi dễ chịu hơi khen khét ấy hòa lẫn với mùi sương giá man mát trên những cánh đồng trơ trụi. Người lính già hít thở sâu một ngậm khí trời đông buồn buồn. Một nụ cười nhuốm khuôn mặt khắc khổ. Anh ta nheo nheo mắt. Chính anh ta đấy, anh đàn ông đang ham hố hít thở ngọn gió buốt pha mùi lửa củi. Anh ta. Nơi đây. Lúc này. Dưới bầu trời này... Trận chiến anh ta sắp tham dự, và cuộc chiến tranh này, cả đến cái chết của anh nữa, anh ta thấy đều là những sự việc chẳng quan trọng. Đúng vậy, những chương hồi của một số phận lớn lao hơn gấp ngàn lần, mà anh có thể là, anh đã là một kẻ tham dự vô ý thức trong giờ phút này. Anh ta hít thở mạnh, mỉm cười, mắt lim dim. Anh ta đoán cái thời khác anh đang sống là bước đầu của cái số phận được linh cảm trước...

Bà Charlotte trở về nhà lúc trời tối. Tôi vốn biết thỉnh thoảng các buổi chiều bà đi ra khu nghĩa địa. Bà dọn cỏ bồn hoa nhỏ trước mộ ông Fiodor, tưới nước, lau tấm bia mộ trên khắc ngôi sao đỏ. Khi trời sắp tối, bà ra về.

Bà đi thong thả, ngang qua cả vùng Saranza, thỉnh thoảng ngồi nghỉ trên ghế dài. Những hôm ấy, bà cháu tôi không ra ban công...

Bà bước vào. Tôi hồi hộp lắng nghe bước chân bà trong hành lang, rồi trong nhà bếp. Không kịp suy nghĩ tại sao lại làm thế, tôi vào gặp bà và yêu cầu bà kể về nước Pháp thời bà còn trẻ. Như trước đây vậy.

Những khoảnh khắc tôi vừa với trải qua, giờ đây tôi thấy như sự thể nghiệm một cơn điên kỳ lạ, vừa đẹp đẽ vừa kinh hãi. Không thể phủ nhận được chúng, vì cả con người tôi vẫn còn lưu giữ hồi quang ngời sáng những khoảnh khắc ấy. Tôi đã thực sự sống qua! Nhưng do một thói chướng nghịch ưa làm ngược lại, một tâm trạng lẫn lộn nửa sợ hãi nửa lương tri rối loạn, tôi phải chối bỏ điều vừa khám phá, triệt tiêu cái thế giới tôi vừa mới thoáng thấy một vài mẫu nhỏ. Tôi chờ đợi ở bà Charlotte một câu chuyện trẻ con êm dịu về nước Pháp thời bà còn trẻ. Một kỷ niệm thân thuộc và nhẵn trơn như tấm ảnh, có thể giúp tôi quên đi cái cơn điên thoáng qua.

Bà không trả lời ngay. Chắc bà đã hiểu là nếu tôi dám quấy rối thói quen chung thì hẳn là có một lý do nghiêm trọng nào đấy. Chắc bà nhớ đến những cuộc trò chuyện vu vơ từ mấy tuần nay, đến truyền thống nghe bà kể chuyện vào lúc tắt mặt trời, một nghi thức trong mùa hè này đã bị phá vỡ.

Sau một phút im lặng, bà khẽ mỉm cười, thờ dài:

- Bà còn biết kể cho cháu gì nữa nào? Giờ cháu đã biết tuốt tuốt... À khoan, để bà đọc cho cháu một bài thơ thì hay hơn.

Thế là tôi sắp sửa được sống một buổi đầu hôm phi thường nhất đời tôi. Chẳng là bà Charlotte lục mãi chẳng thấy cuốn sách bà tìm. Với một cung cách thoải mái tuyệt vời như đôi khi chúng tôi thấy bà đảo lộn mọi trật tự sự vật, bà, vốn người ngăn nắp tỉ mỉ, bỗng biến đêm nay thành một buổi thức đêm dài. Từng cọc sách chồng chất trên sàn. Bà cháu trèo cả lên bàn để lục tìm ở các tầng trên tấm kệ. Chẳng tìm ra cuốn sách.

Chính vào lúc hai giờ sáng bà Charlotte đứng thững giữa một cảnh hỗn độn sách vở đồ đạc khá là ngoại mục, chột kêu lên:

- Ôi, bà mới ngốc làm sao! Cái bài thơ này, chính bà đã bắt đầu đọc nó hồi hè năm ngoái cho hai chị em, cháu còn nhớ chứ? Rồi thì... Bà quên mất rồi. Ồ, hình như mới đọc được khổ thứ nhất. Thế thì hẳn cuốn sách nằm ở chỗ này.

Bà Charlotte cúi xuống một chiếc tủ nhỏ kê gần cửa ra ban công, mở tủ và cạnh một chiếc mũ rơm, chúng tôi nom thấy cuốn sách.

Ngồi trên thảm, tôi lắng nghe bà đọc. Một chiếc đèn bàn đặt trên sàn rọi sáng khuôn mặt bà. Bóng hai chúng tôi in đậm trên tường chập chà chập chờn. Từng lúc một luồng gió lạnh đến từ thảo nguyên khuya đêm lùa qua cửa ra vào ban công. Giọng bà Charlotte có cái điệu bổng trầm mà hàng chục năm sau người ta vẫn còn nhớ âm vang:

Thế rồi mỗi lần nghe chuyện ấy,

Tâm hồn tôi dường trở lại trăm năm...

Ấy là dưới thời Louis Mười Ba và tôi tưởng thấy

Vùng đồi xanh trải rộng, nhuộm thắm ánh chiều vàng.

Rồi một lâu đài với gạch xây và trụ đá,

Những cửa kính sơn màu đỏ nhờ nhờ,

Những vườn rộng vây quanh, với một con sông nhỏ

Nước chảy dưới chân thềm và giữa những lùm hoa;

Rồi một người đàn bà trên cửa sổ cao cao,

Tóc vàng mắt đen với áo quần kiêu cô,

Người đàn bà ấy có lẽ trong kiếp xưa nào đó

Tôi đã gặp rồi, nay nhớ lại hình dung!

Bà cháu không nói gì nữa trong cái đêm khác thường này. Trước khi ngủ thiếp đi, tôi nghĩ tới người đàn ông, ở đất nước bà tôi, cách đây một thế kỷ rưỡi, đã có can đảm thuật lại “con diên rồ” của mình, còn thực hơn bất cứ thực tại nào thuộc lương tri tỉnh táo.

Sáng hôm sau tôi thức dậy muộn. Trong phòng bên cạnh, trật tự đã trở lại... Gió đã chuyển hướng và đưa lại hơi nóng biển Caspienne. Cái ngày lạnh lẽo hôm qua dường như đã rất xa xôi. Khoảng trưa, không hề thỏa thuận trước, hai bà cháu đi vào thảo nguyên. Chúng tôi lặng lẽ bước bên nhau, men vòng quanh bụi bờ Stalinka. Tiếp đó chúng tôi vượt qua quãng đường ray hẹp phủ đầy cỏ hoang. Từ xa chiếc Koukouchka vẳng đến tiếng còi tàu. Chúng tôi thấy xuất hiện đoàn tàu nhỏ bé như đang chạy giữa những khóm hoa. Nó tới gần, vượt qua lối tắt chúng tôi đi và hòa tan vào màn nắng nóng. Bà Charlotte nhìn dõi theo rồi vừa đi tiếp vừa khẽ khàng nói:

- Bà nhớ hồi bé có lần bà đi một chuyến tàu kiểu anh em với con tàu Koukouchka này. Nó chở khách và với những chiếc toa nho nhỏ chạy quanh co hồi lâu xuyên qua xứ Provence. Bà tới ở ít ngày tại nhà một bà dì sống ở... Bà không còn nhớ tên thành phố này. Chỉ còn nhớ mặt trời rọi ánh chan hòa các ngọn đồi, tiếng ve ran rỉ khi tàu dừng ở các ga xép thiu thiu ngủ. Và ngút tầm mắt là những nương đồi trồng cây oải hương... Ừ ánh mặt trời, tiếng ve ran và cái màu xanh ngấn ngắt với lại cái hương thơm gió đưa qua cửa sổ mở...

Tôi bước cạnh bà, lặng lẽ. Tôi cảm thấy “Koukouchka” từ nay sẽ là tiếng đầu tiên trong ngôn ngữ mới của chúng tôi. Cái ngôn ngữ nói lên điều khó nói.

Hai hôm sau tôi từ biệt Saranza. Lần đầu tiên trong đời tôi cái im lặng những giây phút cuối trước khi tàu chuyển bánh không đượm vẻ ngỡ ngàng lúng túng. Từ cửa sổ tôi nhìn bà Charlotte đứng trên sân ga, giữa đám người đang khua khua tay như những kẻ cầm điếu, sợ người ra đi không nghe

được mình. Bà Charlotte lặng im, và bắt gặp ánh mắt tôi, bà khẽ mỉm cười.
Chúng tôi không cần đến lời nói.

PHẦN III

1

Sang thu, chỉ ít ngày sau cái hôm mà, xấu hổ thú thực với chính mình, tôi khoái chí về sự vắng mặt của mẹ tôi, nhập viện để “khám bệnh bình thường thôi”, bà bảo thế, đến cái buổi chiều khi ở trường về nhà, tôi được tin mẹ chết.

Sau cái hôm mẹ vào viện, trong nhà diễn ra một cảnh tượng buồn thả thật dễ chịu. Bố tôi xem truyền hình đến tận một giờ sáng. Còn tôi, nhăm nháp khúc dạo đầu quyền tự do người lớn, cứ mỗi ngày, tôi cố về nhà muộn hơn chút ít: chín giờ, chín rưỡi, mười giờ...

Những tối ấy tôi la cà ở một cái ngã tư nó tạo một ảo giác kỳ lạ trong bóng hoàng hôn mùa thu, chỉ cần tưởng tượng thêm tí chút: ảo giác đang sống một đêm mưa trong một thủ đô phương Tây. Đó là một địa điểm đặc biệt giữa những đại lộ đơn điệu của thành phố. Các ngã phố giao nhau nơi đây, tỏa vút đi như đường nan hoa vòng tròn – các tòa nhà do đó bị cắt thành hình thang. Tôi đã biết là ở Paris, Napoléon đã ra lệnh thiết kế kiểu hình thể như vậy ở các ngã giao nhau, để tránh xe cộ va chạm.

Đêm tối càng đậm đặc thì ảo giác trong tôi càng trọn vẹn. Biết rằng một trong các ngôi nhà này là nhà bảo tàng chủ nghĩa vô thần của địa phương và các ngôi nhà khác là những chung cư đông đặc người – tôi cũng bất cần. Tôi ngắm màu vàng và xanh nhạt các cửa sổ dưới mưa, những ánh đèn đường trên nhựa đường nhơn nhớt như mỡ, dáng các gốc cây trần trụi. Tôi đang có một mình, tự do thoải mái. Tôi đang hạnh phúc. Giọng thầm thì, tôi nói với mình bằng tiếng Pháp. Trước các mặt nhà hình thang kia, âm vang lạnh lạnh thứ ngôn ngữ này tôi thấy hết sức tự nhiên. Cái thần diệu mà tôi phát hiện ra dạo mùa hè phải chăng sẽ cụ thể hóa ra bằng một cuộc gặp gỡ nào đó? Mỗi người phụ nữ tôi bắt gặp có vẻ như muốn trò chuyện với tôi.

Một nửa giờ đồng hồ được lợi thêm vào đêm làm phong phú thêm trong tôi cái ảo ảnh Pháp. Tôi không còn thuộc thời đại của tôi, cũng chẳng còn thuộc đất nước này. Đứng giữa bồn tròn ngả tư ban đêm này, tôi cảm thấy xa lạ với chính mình trong một tâm trạng hoan hỉ tuyệt vời.

Thời gian này mặt trời khiến tôi chán ngán, ban ngày biến thành một sự chờ đợi vô bổ trước cuộc sống thực của tôi vào ban đêm.

Tuy nhiên, chính là giữa ban ngày, đang hấp háy chói mắt nhìn cảnh băng tuyết lóng lánh đầu tiên mà tôi nhận được cái tin nọ. Thấy tôi đi qua, một giọng nói cất lên trong đám học sinh ồn ào tụ tập, chúng vẫn tiếp tục đối xử với tôi bằng vẻ thù nghịch cao ngạo.

- Chúng mày biết chưa ấy nhỉ? Mẹ cậu ấy chết rồi.

Tôi bất chợt thấy vài ba ánh mắt tò mò. Tôi nhận ra đứa vừa nói – con một nhà láng giềng.

Chính vẻ dửng dưng trong câu nói đã khiến tôi có thì giờ hình dung ra cái tình thế thật khó quan niệm nổi: Mẹ tôi chết rồi. Tất cả mọi sự việc xảy ra mấy hôm nay bỗng nhiên gộp thành một bức tranh gắn bó chặt chẽ: những buổi bố tôi luôn luôn đi vắng, vẻ căm lạng của ông, việc chị tôi về nhà cách đây hai hôm (tuy không phải kỳ nghỉ học, giờ tôi chợt nghĩ).

Lúc tôi quay về, chính bà Charlotte ra mở cửa. Bà mới vừa từ Saranza đến sáng nay. Thế là mọi người đều đã biết! Tôi thì vẫn là “cái thằng bé lúc này chưa cần nói với nó gì cả”. Và cái thằng bé ấy, chẳng hay biết gì hết, vẫn tiếp tục dạo bước lang thang nơi bồn tròn Pháp mà cứ tưởng mình đã lớn, tự do, bí ẩn. Sự vỡ mộng này là tình cảm đầu tiên do cái chết của mẹ gây nên. Nó nhường chỗ cho sự xấu hổ: mẹ tôi qua đời thế mà tôi, mang một tâm trạng thỏa mãn vị kỷ, tôi thích thú về sự tự do của mình, tái tạo lại mùa thu Paris dưới cửa sổ bảo tàng chủ nghĩa vô thần!

Suốt những ngày buồn rầu kia và trong ngày đưa tang, riêng bà Charlotte không khóc. gương mặt lẳng xuống, mắt bình thản, bà làm tất cả mọi thứ công việc nội trợ: đón khách, xếp nơi ăn chôn ở cho bà con từ nơi khác đến. Thái độ khô khan lặng lẽ của bà khiến người ta không bằng lòng.

“Cháu có thể về chơi với bà lúc nào cháu muốn”, lúc ra đi bà bảo. Tôi gật đầu, trí nhớ gọi lại Saranza, chiếc ban công, cái va ly dày cộm báo Pháp cũ. Tôi lại đâm xấu hổ: trong lúc bà cháu nói chuyện cổ tích, cuộc sống vẫn tiếp tục với những niềm vui thật và những nỗi buồn thật, mẹ tôi làm việc tuy đã ngã bệnh, đau đớn mà không thổ lộ với một ai, biết mình sắp chết mà không hé ra bằng bất cứ lời nói hay cử chỉ. Còn chúng tôi thì ngày ngày toàn nói về các phụ nữ duyên dáng thời đại Tao nhã.

Với một tâm trạng nhẹ nhõm thắm kín tôi nhìn bà ra về. Tôi âm thầm cảm thấy có lỗi trong việc mẹ qua đời. Đúng, tôi mang cái trách nhiệm mơ hồ của người khán giả do nhìn chăm chú khiến người làm xiếc leo dây lão đảo, thậm chí rơi ngã. Chính bà Charlotte đã dạy cho tôi phân biệt ra bóng dáng các phụ nữ Paris giữa một thành phố công nghiệp lớn bên bờ Vôn ga, chính bà đã vây bọc tôi trong cái quá khứ đầy mơ mộng, nơi tôi chốc chốc lơ đãng nhìn ra cảnh sống thực.

Với cái cảnh sống thực này, đó là là nước xâm xấp mà tôi rùng mình nom thấy ở đáy mộ huyết hôm tang lễ. Dưới cơn mưa thu lay bay, người ta từ từ hạ chiếc quan tài xuống lớp bùn nước nhão nhoẹt.

Cảnh sống thực cũng được cảm nhận với việc cô tôi đến, bà là chị cả bố tôi. Bà sống tại một thị trấn công nhân nơi dân cư thức dậy lúc năm giờ sáng và đổ vào cổng các nhà máy khổng lồ thành phố. Người phụ nữ này đem theo cái hơi thở nặng nề mạnh mẽ của đời sống Nga... Tôi khám phá ra, trong niềm ngạc nhiên càng lúc càng lớn dần, một thế giới trước đây bị cái nước Pháp của bà Charlotte che khuất.

Bà rất sợ bố tôi đâm nghiện, thói tật chết người của đám đàn ông bà quen biết trong đời mình. Nên mỗi lần đến thăm chúng tôi bà lại nhắc nhở: “Này cậu Nikolai, chớ có bập vào cái món cay đấy nhé!” Tức là rượu vốt ca. Bố tôi gật đầu như cái máy, tuy không nghe thấy, và lắc đầu lia lịa.

- Không đâu. Không đâu, lẽ ra tôi phải chết trước mới phải. Chắc chắn là thế. Với cái này này...

Và ông áp lòng bàn tay lên trán hói. Tôi biết bố tôi có ở phía trên tai trái một cái “lỗ” – nơi này chỉ bọc một lần da mỏng trơn láng, bên dưới mạch máu đập đều đều. Mẹ tôi vẫn cứ sợ là bố tôi lỡ dính liú vào vụn ấu dả, chỉ cần ai búng nhẹ bố có thể chết...

- Cậu chớ có bập vào cái món cay đấy nhé...

- Không đâu, lẽ ra tôi phải chết trước mới phải.

Ông không tập uống rượu. Tuy nhiên lời cảnh cáo của bà chị lại được chứng minh trong một tình huống thật ngớ ngẩn. Sang tháng hai, vào đợt rét đậm cuối đông, một đêm ông ngã xuống trong một đường hầm ngập tuyết, do đứng tim. Cảnh sát thấy ông nằm thẳng cẳng trên tuyết, tự nhiên cho là tay bợm rượu và đưa ông vào nhà thương cai nghiện. Chỉ sáng hôm sau người ta mới nhận ra sự nhầm lẫn...

Một lần nữa đời sống thực, với uy lực ngạo nghễ của nó, tới thách thức những ảo tưởng trong tôi. Riêng cái tiếng động kia đã tỏ ra quá đủ để minh họa: người ta chờ thi thể bố tôi bằng một xe goòng phủ bạt, bên trong cũng lạnh cóng như ở ngoài trời; và khi cái xác ấy đặt trên bàn, nghe cạnh một cái như tiếng tảng nước đá va vào gỗ...

Tôi không thể tự dối mình. Trong mớ hỗn độn rất sâu xa những ý nghĩ không che đậy, những thú nhận không quanh co – trong tâm hồn tôi – việc bố mẹ tôi qua đời không để lại những vết tổn thương không thể lành. Vâng, trong những lúc thâm kín mặt đối mặt với chính mình, tôi phải thú thực là tôi không đau đớn quá mức.

Và nếu có lúc tôi bật khóc, thì chẳng phải tôi khóc vì mất bố mẹ. Đó là những giọt nước mắt bất lực trước một sự thực đáng kinh ngạc: hàng chục triệu con người bị gạch bỏ khỏi cuộc sống. Những người ngã xuống ở chiến trường ít ra còn được hưởng đặc quyền một cái chết anh hùng. Nhưng những người sống sót biến đi mười hoặc hai mươi năm sau chiến tranh dường như là chết “bình thường”, “vì tuổi tác”. Phải đến thật gần bố tôi mới thấy được phía trên tai ông cái vết hom hõm có mạch máu đập giòn giã. Cũng phải biết rõ mẹ tôi mới biện biệt ra cái cô bé gái trước cửa sổ đen,

dưới một bầu trời đầy những ngôi sao rủ rít, vào cái ngày đầu tiên của chiến tranh ấy. Lại cũng thấy ở bà cái cô thiếu nữ gầy gơ xương, xanh xao vàng vọt ngón những vỏ khoai tây đến nghẹn cổ...

Tôi quan sát cuộc đời họ qua làn nước mắt. Tôi thấy bố tôi, vào một chiều nóng tháng sáu, được phục viên trở về làng quê. Ông nhận ra tất cả: khu rừng, con sông, quãng đường quanh. Thế rồi – cái chôn xa lạ kia, con đường đen kịt kia, gồm hai dãy nhà gỗ isbas cháy đen. Và không một bóng người. Chỉ có tiếng hót thanh bình của con chim cu nhíp nhàng với nhíp đập mạch máu phía trên tai ông.

Tôi trông thấy mẹ tôi, cô sinh viên vừa thi đỗ vào đại học, đứng sững như trời trồng trước một bức tường những bộ mặt khinh khỉnh – một ủy ban họp để phán xét về “tôi” của cô. Cô hiểu rằng quốc tịch của bà Charlotte, vàng, cái “lai lịch Pháp” của bà, là một tí vết ghê gớm. Trong bản khai trước kỳ thi, cô đã ghi, tay run run: “Mẹ - quốc tịch Nga”...

Và hai người đã gặp nhau, hai sinh linh rất khác nhau mà lại rất gần nhau trong cái tuổi trẻ bị cắt xén của họ. Và chúng tôi đã ra đời, chị tôi và tôi, và cuộc sống đã tiếp tục mặc dầu các cuộc chiến tranh, các làng mạc bị đốt phá, các trại tập trung.

Vâng, nếu tôi khóc, ấy là vì trước thái độ nhẫn nhục lặng im của bố mẹ. Hai thân tôi không oán hận ai, không đòi phải bồi thường. Họ sống và cố gắng để tạo cho chúng tôi hạnh phúc. Bố tôi đã sống cả cuộc đời đi ngang dọc những không gian vô tận giữa sông Vôn ga và vùng U ran cùng với đội xây dựng đường dây cao thế. Mẹ tôi, bị đuổi khỏi trường đại học sau cái tội của bà, không bao giờ còn đủ can đảm thử xin học lại. Bà vào làm phiên dịch trong một xí nghiệp lớn thành phố. Cứ như thể cái tiếng Pháp chuyên môn và khách quan kia miễn trừ cho bà cái tội lai lịch Pháp.

Tôi quan sát hai cuộc đời rất đổi tầm thường và rất đổi phi thường nọ, và cảm thấy dâng lên trong lòng một niềm uất hận mơ hồ. Cũng chẳng biết để chống lại ai. Không, có biết đây, chống lại bà Charlotte! Chống lại vẻ thanh thân của cái thế giới Pháp của bà. Chống lại nếp tinh tế vô bổ của cái quá khứ tưởng tượng kia: điên rồi làm sao cái trò nghĩ tới ba sinh vật xuất

hiện trên một mẫu báo đầu thế kỷ hoặc cố tái tạo lại trạng thái tâm hồn một ông tổng thống si tình.

Vâng, nếu một hôm nào đó tôi bật khóc là vì tôi cảm thấy mình là người Nga. Và vì có mầm ghép Pháp trong tim tôi bắt đầu thỉnh thoảng khiến tôi đau nhói.

Bà cô chị bỏ tôi đã vô tình đóng góp vào sự lật ngược này...

Bà ở trong nhà chúng tôi với hai con trai tức là anh họ tôi, bà có vẻ vui thích vì được rời cái căn hộ chung cư đầy ắp trong thị trấn công nhân. Chẳng phải bà muốn bày ra một kiểu sống khác, xóa bỏ đi cái dấu vết lối sinh hoạt kia. Không, đơn giản là bà sống như có thể sống. Và nét độc đáo gia đình tôi – cái lai lịch Pháp rất kín đáo và rất xa với những bản dịch chuyên môn của mẹ tôi – tự nó cũng xóa mờ đi.

Cô tôi là một nhân vật xuất thân từ thời kỳ Stalin. Stalin đã chết từ hai mươi năm, nhưng bà thì không thay đổi. Chẳng phải là một tình yêu lớn đối với vị thống chế. Chồng trước của bà bị giết trong cảnh hỗn loạn đầy chết chóc những ngày đầu chiến tranh. Bà biết rõ ai là thủ phạm trong cái vụ buổi đầu thảm hại ấy và kể vung lên cho mọi người. Bố hai đứa con, người mà bà chưa bao giờ làm lễ kết hôn, đã bị giam tám năm trong một trại tập trung, “vì cái lưỡi quá dài”, bà nói.

Không, cái “chủ nghĩa Stalin” của bà, chủ yếu nằm trong cách nói năng, ăn mặc, nhìn thẳng vào mặt người khác cứ như thể vẫn đang giữa thời chiến, cứ như thể đài phát thanh vẫn đang cất giọng buồn thảm thông thiết: “Sau những cuộc chiến đấu dũng cảm và quyết liệt, quân ta đã bỏ thành phố Kiev... đã bỏ Smolensk... đã bỏ thành phố...” và mọi gương mặt cũng đọng lại khi theo dõi bước tiến quân khốc liệt của địch hướng về Máxcova... bà sống như trong những năm tháng khi các người láng giềng trao đổi với nhau ánh mắt lạnh lẽ, nhướn mày về một nhà – ban đêm, cả một gia đình đã được đưa lên chiếc ô tô đen...

Bà quàng một chiếc khăn choàng vai lớn màu nâu, một áo măng tô bằng dạ thô vào mùa đông – đi giày bột bằng nỉ lúc mùa hè – giày gài kín, đế rất dày. Tôi sẽ chẳng hề ngạc nhiên nếu thấy bà khoác chiếc áo vét nhà binh và

đi ủng lính. Và khi bà đặt chén xuống bàn, hai bàn tay to có vẻ như đang thao tác những đui đạn trái phá trên dây chuyền một xưởng vũ khí, như trong thời chiến tranh...

Bố hai đứa con của bà, mà tôi gọi bằng tên họ là Dimitrich, thỉnh thoảng đến chơi chúng tôi, và nhà bếp vang lên cái giọng khàn khàn của ông dường như được sưởi ấm dần sau một mùa đông dài đặc nhiều năm. Cả cô tôi, cả ông chồng chẳng còn gì để mất và chẳng sợ gì hết. Hai người nói về mọi chuyện với một vẻ thảng thùng hung hăng và tuyệt vọng. Ông chồng uống rượu khá, nhưng mắt vẫn trong, chỉ có cảm hàm càng lúc càng nghiền chặt như để thuận miệng chốc chốc thốt lên mấy câu rửa độc làm cháy cổ họng như cái “chất cay” mà tôi uống trong chiếc cốc nhiều cạnh.

Điều làm tôi đau khổ nhất trong những cuộc thú nhận ban đêm của họ, là cái tình yêu bền chặt đối với nước Nga mà những câu chuyện tâm sự ấy gợi lên trong tôi. Lý trí tôi chống lại chất cay nồng ngum vọt ca chọt nổi loạn: “Cái đất nước này thật quái gỡ! Thế nhưng tôi lại yêu thương nó? Tôi yêu thương bởi cái phi lý của nó. Bởi cái quái dị của nó. Tôi thấy trong đó một ý nghĩa phi phạm không một lý lẽ lô gích nào có thể hiểu thấu...”

Tình yêu ấy là một nỗi giằng xé thường trực...

Một đêm, tôi nghe cô tôi và ông chồng không cười xin của bà nói về Béria...

Trước kia, trong các câu chuyện của khách khứa, tôi đã biết cái tên ghê gớm ấy che đậy những gì. Họ nhắc đến với giọng khinh bỉ, nhưng không phải không nhuốm chút kính hãi trọng thị. Đang quá trẻ, tôi chưa thể hiểu cái khu vực bóng tối đáng sợ trong cuộc đời gã này. Tôi chỉ đoán là có một nhược điểm nào đó thuộc về con người. Họ nói về y giọng thăm thẳm và thường thì khi thấy tôi có đấy họ xua đuổi tôi khỏi nhà bếp...

Từ này trong nhà bếp chúng tôi có ba người. Ba người lớn. Dù sao thì cô tôi và ông Dimitrich chẳng cần gì phải giấu diếm tôi. Hai ông bà chuyện trò và xuyên qua làn khói thuốc lá xanh, xuyên qua hơi rượu, tôi hình dung thấy một chiếc ô tô đen có cửa kính mờ. Tuy dáng dấp to lớn oai vệ, chiếc

xe vẻ như một chiếc tắc xi chạy chậm đón khách. Nó đi chậm chậm vẻ xảo quyết, gần như dừng lại, rồi bỏ chạy nhanh như để đuổi bắt ai. Tôi tò mò theo dõi các chuyến chạy qua chạy lại trong các đường phố thủ đô. Đột nhiên tôi đoán ra mục đích: chiếc ô tô đen đuổi theo phụ nữ. Đẹp, trẻ. Nó quan sát họ qua làn kính mờ, lẩn tránh theo nhìn bước chân họ. Rồi buông họ ra. Hoặc đôi khi, cuối cùng nó quyết định, theo họ tuồn vào một phố ngang...

Ông Dimitrich không có lý do gì để nói năng thận trọng đối với tôi. Ông thuật lại tất cả không tránh nó. Ngồi xếp trên ghế sau ô tô là một nhân vật mặt tròn, hói, chiếc kính cặp mũi chìm lặn trong bộ mặt béo phì. Béria.

Ông Dimitrich không nói – bản thân ông cũng không biết rõ – sau đó những người phụ nữ bị giữ ra sao. Dù sau đó không ai lại nom thấy họ bao giờ.

Tôi trải qua nhiều đêm không ngủ. Đứng trước cửa sổ, mắt mờ tịt, trán và mũi lạnh. Tôi nghĩ đến Béria, nghĩ đến những người phụ nữ nọ mà số phận chỉ được sống có một đêm. Ốc tôi đầy những vết bóng. Trong miệng gờn gợn một vị chan chát, như ngậm kim loại. Tôi tự thấy mình là ông bố hoặc vị hôn phu, hoặc chồng của người phụ nữ trẻ bị cái ô tô đen theo đuổi. Vâng, trong mấy giây, chừng nào còn chịu được, tôi sống trong vai người đàn ông ấy, sống nỗi lo lắng của anh ta, những giọt nước mắt, cơn giận dữ vô ích, bất lực, niềm nhẫn nhục của anh ta. Vì mọi người đều biết những phụ nữ ấy biến đi như thế nào! Bụng tôi quặn đau như thắt. Tôi mở lá cửa con, vốc một nắm tuyết trên bậu cửa xát lên mặt. Cũng chỉ đỡ rát bỏng được một phút. Lúc này tôi lại thấy cái con người nấp sau cửa kính mờ ô tô. Trong mắt kính cặp mũi của y in những bóng dáng phụ nữ, y lọc lựa họ, sờ nắn họ.

Còn tôi, tôi căm ghét mình! Là vì tôi không ngăn được khâm phục cái tên chuyên mò gái kia. Vâng, đúng là trong tôi có một kẻ nào đó – vừa kính sợ, vừa tởm lợm, vừa xấu hổ - đang ngơ ngẩn trước quyền lực của con người mang kính cặp mũi. Y đi dạo giữa thành phố Mátxcova mênh mông như giữa một hậu cung. Và điều khiến tôi đắm mê hoặc hơn cả, là cái dừng dừng của y. Y không cần được yêu. Y chẳng quan tâm là những người phụ

nữ y chọn có thể có cảm giác như thế nào đối với y. Y chọn một phụ nữ, thêm muốn cô ta, ngủ với cô ta ngay trong ngày. Rồi quên cô ta đi.

Tôi ngất xỉu vào đầu cái đêm thứ tư mất ngủ.

Tỉnh lại, tôi cảm thấy mình đổi khác. Bình thản hơn, đồng thời bền bỉ hơn. Như người bệnh sau cuộc phẫu thuật tập đi, tôi tiến chậm chạp từ một từ ngữ này đến từ ngữ nọ. Tôi cần phải sắp đặt lại trật tự trong đầu.

Vâng, tôi là người Nga. Giờ đây tôi hiểu, tuy đang mơ hồ, như thế nghĩa là thế nào. Đeo đẳng trong tâm hồn mình tất cả những sinh linh mặt méo mó vì đau khổ, những làn mạc cháy đen. Biết đến sự nhẫn nhục của người bị một tên bạo ngược kêu xa hãm hiếp. Và niềm ghê tởm thấy mình tham gia vào tội ác ấy. Và nổi ao ước điên cuồng diễn lại tất cả những chuyện đã qua kia để tiết trừ những đau khổ, bất công, chết chóc gắn liền với chúng...

Săn đuổi cái ác. Tạo nơi ẩn náu cho mọi con người trong buồng tim mình để có thể ngày kia thả họ ra trong một thế giới giải thoát khỏi cái ác. Nhưng, trong lúc chờ đợi, san sẻ niềm đau khổ đang dần vật họ. Căm ghét mình về nỗi yếu đuối. Đẩy điều cam kết này tới tận sự cuồng nhiệt, tới tận cơn ngất xỉu. Sống hàng ngày hàng ngày bên bờ vực. Vâng, nước Nga là thế.

Trong tâm trạng hoang mang tuổi trẻ, tôi bám víu vào cái nhân cách vừa mới xác định kia. Nó đối với tôi trở thành chính cuộc sống, cái cuộc sống theo tôi nghĩ, sẽ vĩnh viễn xóa bỏ niềm ảo tưởng Pháp.

Cuộc sống ấy bộc lộ ra nhanh chóng tính cách chủ yếu của nó (do nếp quen hàng ngày mà chúng ta không nhận ra) – tính chất huyền hoặc xa thực tế.

Trước kia tôi sống trong sách vở. Tôi lần theo từ một nhân vật này sang nhân vật khác, dựa vào lô gích một truyện tình hoặc một cuộc chiến tranh. Nhưng cái buổi chiều tháng ba ấy, oi nồng đến nỗi cô tôi mở toang cửa sổ nhà bếp, tôi hiểu rằng trong cuộc đời này chẳng có lô gích, chẳng có mối liên kết nào cả. Và chỉ có cái chết mới là đoán trước được.

Chiều hôm ấy, tôi biết được điều mà bố mẹ vẫn giấu tôi. Cái giai đoạn loạn lạc ở Trung Á: bà Charlotte, những kẻ mang vũ khí, chúng xô đẩy nhau, hò hét. Tôi chỉ nhớ lại mang máng kiểu con trẻ về những chuyện kể ngày xưa. Lời lẽ người lớn quá xa xôi tối nghĩa.

Lần này sự thực chói sáng lên làm đầu óc tôi lảo đảo. Bằng một giọng hết sức bình thường, trong lúc múc những củ khoai bóc khói vào đĩa, cô tôi nói với đám khách ngồi cạnh ông Dimitrich:

- Dĩ nhiên ở đây họ không sống như chúng ta. Họ cầu kinh năm lần mỗi ngày, có lạ không! Thậm chí họ ăn cũng không ngồi bàn. Đứng, ngay trên đất. Ừ thì trên thảm. Và không dùng thìa mà bóc tay!

Ông khách, hẳn muốn đưa đây cho chuyện thêm rôm rả, cãi lại giọng lý sự:

- Ái dà, không như chúng ta ư, nói vậy hơi quá đấy. Chính tôi đã đến Tachent hè năm ngoái. Cũng chẳng khác chúng ta lắm đâu.

- Thế bác đã đến sa mạc của họ chưa, hả (Bà nói to hơn, vui sướng vì có người bắt chuyện và bữa ăn có cơ sôi nổi thân tình). Vâng, vùng sa mạc ấy? Bà của cháu đây chẳng hạn (bà cô hát cầm về phía tôi), bà Cherl... Chour!... ừ thì cái bà người Pháp ấy, thật chẳng hay ho gì cái chuyện xảy ra cho bà ấy. Bọn Bashmat, bọn cướp không thích chính quyền xô viết, chúng đã bắt bà, lúc ấy đang rất trẻ, trên đường và hãm hiếp bà ta, thật như những con thú dữ! Tất cả, cứ lần lượt. Có sáu hoặc bảy thằng. Thế mà bác bảo “chúng cũng như chúng ta”... Sau đó chúng đã bắn một phát súng vào đầu bà ta. May làm sao thằng giết người ấy lại bắn trật. Còn bác nhà quê chở bà ấy trên xe ngựa, chúng đã giết bác ấy như giết thịt con cừu. Thế mà bảo “như chúng ta”, ối dào...

- Không đâu, không đâu, đấy là bác đây nói về cái thời xưa.

Ông Dimitrich xen vào. Và họ tiếp tục bàn cãi vừa ăn vừa uống rượu. Phía sau cánh cửa mở, vẳng tới những tiếng động thanh bình trong sân. Không gian ban chiều màu xanh, dịu dịu. Họ nói chuyện mà không chú ý

đến tôi lúc bây giờ ngồi bất động trên ghế, không thở, không trông thấy gì nữa hết, không hiểu ý nghĩa lời họ nói. Cuối cùng, như kẻ mộng du, tôi bước ra khỏi nhà bếp và khi đi ra đường cái, tôi bước trong tuyết loăng, xa lạ với cái chiều xuân trong trẻo này hơn cả người từ trên sao Hỏa.

Không, tôi không bị kinh hoàng về chuyện xảy ra trên sa mạc. Được kể bằng giọng bình thường như không, câu chuyện sẽ không thể bao giờ, như tôi tiên cảm thấy, thoát ra khỏi cái vỏ quặng từ ngữ và cử chỉ thường ngày. Về dữ dần của nó bị pha nhạt đi với cảnh tượng những ngón tay to bặm với lấy quả dưa chột, cục yết hầu trên cổ khách chạy lên chạy xuống khi nốc rượu, với tiếng đùa riu rít bọn trẻ con trong sân. Cũng giống như cái cánh tay người một hôm tôi trông thấy trên xa lộ cạnh hai ô tô đâm nhau. Một cánh tay bị gãy rời, có ai bọc trong giấy báo chờ xe cứu thương đến. Các dòng chữ in, các bức ảnh dính vào da thịt máu me khiến cho khúc thịt này hầu như chẳng phải của ai đó cả.

Không, điều khiến tôi thật sự thảng thốt, đó là cái vô lý khó tin của sự sống. Một tuần trước, tôi biết được cái bí mật của Béria. Lúc này là vụ hãm hiếp người phụ nữ Pháp trẻ mà tôi không thể nhận ra là bà Charlotte.

Điều quá mức này khiến tôi sững sờ. Sự trùng hợp vô cớ, hiển nhiên một cách phi lý làm rối tung ý nghĩ của tôi. Tôi tự nhủ là trong tiểu thuyết, sau một câu chuyện về phụ nữ bị bắt cóc giữa Mátxcova người ta lẽ ra phải để cho người đọc tỉnh trái lại qua nhiều trang dài. Người đọc lẽ ra có thể chờ đợi một vị anh hùng xuất hiện quật ngã tên bạo chúa. Nhưng sự sống bất cần đến tình liên kết của chủ đề. Nó trút đổ nội dung của nó ào ào, hỗn độn. Do vụng về, nó phá hỏng sự thuần khiết của niềm trác ẩn và gây tổn hại cho sự thức giận chính đáng của chúng ta. Cuộc sống trong thực tế là một bản nháp vô tận trong đó các sự kiện sắp xếp lộn xộn đâm đập lên nhau, các nhân vật quá dòng ngăn cản nhau nói, đau khổ, được yêu hoặc bị ghét từng cá nhân một.

Chính lúc đêm xuống tất cả mọi ý nghĩ về tính chất rời rạc của sự sống nhằm để tự an ủi tôi mới cảm thấy là sai lầm. Trong lúc nửa mê nửa tỉnh tôi nom thấy lại cái cánh tay bọc trong giấy báo... Không, nom nó càng trăm lần ghê rợn hơn trong cái bao gói nhạt nhẽo bất kỳ kia! Thực tế với tất cả vẻ khó tin của nó vượt rất hư cấu. Tôi lắc mạnh đầu để xua đuổi hình ảnh

những mụn rôm giầy báo dính vào mảng thịt máu me kia. Đột nhiên, không hề có mờ nhiễu, trong không khí trong veo của sa mạc, một hình ảnh khác khảm vào mắt tôi,, minh bạch, tia từng nét. Hình ảnh một thân thể phụ nữ trẻ nằm rã rượi trên cát. Một thân thể trơ trọi bất động, mặc dù những động tác hùng hục của những kẻ man rợ lao xuống nó. Trần nhà tôi đang nhìn đăm đăm biến thành màu xanh. Tôi đau đớn đến nỗi thấy in lên trong ngực những đường viền trái tim mình cháy bỏng. Chiếc gối dưới gáy rắn căng và nhám sì như cát...

Cử chỉ của tôi khiến chính tôi cũng bị bất ngờ. Tôi liền tạt vào tôi rất dữ, lúc đầu từng cú một, rồi sau tới tấp không thương tiếc. Tôi cảm thấy trong tôi có một kẻ, trong những hõm sâu sinh lầy ý nghĩ, đang ngắm nghía cái thân thể phụ nữ trẻ kia một cách thích thú.

Tôi tự đánh cho đến lúc mặt tôi sưng phồng, dàn dựa nước mắt, dính dáp nhìn mà thấy tởm. Cho đến lúc kẻ nấp trong tôi câm lặng hoàn toàn... Rồi vấp ngã trên chiếc gối tôi đã đánh rơi xuống đất trong lúc sôi sục, tôi đến cạnh cửa sổ. Một vàng trắng lười liềm rất mỏng in lên da trời. Những ngôi sao mỏng manh, run rẩy, dường như cũng phát tiếng rào rào như làn băng dưới bước chân ai đẩy đi khuya qua sân. Không khí lạnh làm dị mặt tôi sưng vù.

- Ta là người Nga, tôi chọt thì thạo.

Chính là nhờ tâm thân trẻ trung đượm một vẻ cảm còn hồn nhiên kia, mà tôi khỏi bệnh. Vâng, cái ngày tháng tư ấy, tôi nghĩ cuối cùng tôi được giải thoát khỏi cái mùa đông nặng nề nhất tuổi thanh niên của tôi, giải thoát khỏi những tai họa, những chết chóc và sức đè nặng do những phát hiện mùa đông ấy đem lại.

Nhưng điều cốt yếu là cái mầm ghép Pháp của tôi dường như chẳng còn tồn tại nữa. Cứ như thể tôi đã thành công trong việc bóp nghẹt trái tim hai kia trong ngực. Ngày cuối cùng trong thời điểm hấp hối của nó trùng khớp với cái buổi chiều tháng tư kia, hẳn sẽ đánh dấu bước đầu một cuộc sống không ảo tưởng.

Tôi nom thấy cô ta từ phía sau, đang đứng trước một cái bàn gỗ thông bào sơ sài, dưới rặng cây. Một huấn luyện viên theo dõi cử chỉ của cô và chốc chốc nhìn xuống chiếc đồng hồ bấm giờ cầm trong tay.

Cô hẳn cũng xấp xỉ tuổi tôi, mười lăm, cô gái ấy với thân hình đằm ánh mặt trời khiến tôi lóa mắt. Cô đang tháo rời một chiếc tiểu liên để rồi lắp lại, cố thao tác thật nhanh. Đây là cuộc thi tập bán quận sự có nhiều trường học trong thành phố tham gia. Chúng tôi lần lượt đến trước bàn, chờ tín hiệu của huấn luyện viên và lao tới chiếc Kalachnikov để tháo rời từng mảnh cái mở tập hợp nặng chịch của nó. Các bộ phận tháo dỡ nằm la liệt trên mặt bàn và lát sau, trong một cuộc đi giật lùi hay hay của động tác, lại trở về nằm đúng chỗ. Vài ba anh em chúng tôi đánh rơi lò xo đen xuống đất, anh em khác thì lẫn lộn thứ tự lắp đặt... Còn cô ta, thoát đầu tôi tưởng cô đang nhảy nhót trước cái bàn. Bật chiếc va rơ và chiếc váy ka ki, mũ ca lô trùm lên những búp nâu, thân mình cô cứ nhấp nhô lượn sóng theo nhịp luyện tập. Hẳn cô tập đi tập lại rất nhiều lần mới có thể điều khiển cái cục vũ khí trơn tuột thành thạo đến thế.

Tôi ngẩn ngơ nhìn cô. Mọi cái ở cô ta mới giản dị và sinh động làm sao! Làn hông, đáp ứng với vận động đôi tay, khẽ nhấp nhô. Cặp chân đầy đặn

vàng óng rung rinh. Cô tung tẩy trong dáng vẻ nhanh nhẹn đến mức tự cho phép làm những cử chỉ thừa – chẳng hạn cái cong vồng nhíp nhàng bộ móng đẹp sẵn chắc. Vâng, cô khiêu vũ. Và cả khi không nhìn thấy mặt, tôi đoán cô đang mỉm cười.

Tôi đâm phải lòng cô gái trẻ tóc nâu không quen biết. Hẳn nhiên đó là một tình yêu rất thể chất, một niềm thán phục có tính nhục cảm trước vóc dáng mảnh mai như trẻ con tương phản bao nhiêu với thân hình đã rất đàn bà... Tôi thực hiện công việc tháo lắp của mình trong khi tay chân như tê cứng, mắt đút hơn ba phút, xếp loại kém... Nhưng tôi cảm thấy một niềm hạnh phúc không tên và mới mẻ hơn là ý ham muốn ôm ấp thân thể kia, cảm nhận dưới ngón tay cái làn da nâu bóng.

Có chiếc bàn gỗ kia đặt nơi bìa rừng. Ánh mặt trời và mùi những vốc tuyết cuối mùa lấp ló trong bóng tối lùm cây. Mọi sự đều giản dị một cách thân thiện. Và sáng chói. Như cái thân thể kia với vẻ nữ tính còn mơ hồ. Như niềm ham muốn, thực hiện máy móc các mệnh lệnh. Và với một niềm lạc thú không tả xiết, tôi cảm thấy là cục máu đông của những ý nghĩa dạo mùa đông, nhọc nhằn và rối rắm, tan biến đi trong đầu...

Cô gái trẻ tóc nâu khẽ kiểng một chân khiến một bên hông hơi vồng lên trước cây súng tiểu liên. Mặt trời chiếu rõ nét viền thân hình cô xuyên qua làn vải mỏng áo va rơ. Nhưng vòng tóc màu lửa quấn vênh dưới mũ ca lô. Và dường như từ đáy giếng, trong một tiếng dội âm u buồn thảm, vọng về những cái tên kỳ cục: Marguerite Steinheil, Isabeau de Bevière... Tôi chịu không thể hình dung cuộc sống của mình trước đây lại gồm những thứ di vật bụi bặm kia. Tôi đã sống không có mặt trời, không ham muốn – trong bóng hoàng hôn sách vở. Đi tìm một đất nước ma, một ảo giác về cái nước Pháp ngày xưa đầy những cái bóng hiện hồn.

Huấn luyện viên kêu lên vui vẻ giơ đồng hồ cho mọi người thấy: “Một phút mười lăm giây!” Thành tích tuyệt vời. Cô gái tóc nâu quay nhìn, rạng rỡ. Và bỏ ca lô, cựa quậy đầu. Mái tóc rừng rục lên dưới mặt trời, những chấm tàn nhang lóe sáng như lửa. Tôi nhắm mắt.

Và hôm nay, lần đầu trong đời, tôi khám phá ra cái khoái trá thật đặc biệt khi ôm một khẩu súng, một Kalachnikov, và cảm thấy nó giật giật dữ dội trên bả vai. Và nom thấy phía xa một hình người gỗ dán thùng xuống bao nhiêu lỗ. Vâng, trong những cú giật liên tục, trong vẻ dũng mãnh nam nhi của nó, tôi cảm thấy một bản chất nhục cảm sâu xa.

Ngay từ loạt đạn đầu, đầu óc tôi bỗng chứa đầy cái im lặng ù ù. Cậu bạn phía trái đã nổ súng trước tôi làm tai tôi điếc đặc. Loạt tiếng nổ huyền ảo không dứt bên tai ấy, chùm tia lóng lánh màu sắc do mặt trời dội lên lông mi, mùi đất hoang dã dưới thân mình – mọi cái đều khiến tôi cảm thấy tuyệt vời sung sướng.

Là vì cuối cùng tôi đã quay về với sự sống. Tôi tìm thấy ở nó một ý nghĩa. Sống trong vẻ giản dị đẹp đẽ của những cử chỉ hài hòa trật tự kia: nổ súng, bước theo hàng rậm rạp, ăn cháo kê trong cà mèn bằng nhôm... Buông mình theo một sự vận động tập thể do những người khác điều khiển. Do những người biết rõ mục tiêu tối cao. Những người cất hộ cho ta gánh nặng trách nhiệm một cách hào hiệp, khiến ta nhẹ nhàng, trong suốt, minh bạch. Cả cái mục tiêu cũng vậy, đơn giản và đơn nghĩa: bảo vệ tổ quốc. Tôi vội vã hòa mình vào cái mục tiêu đồ sộ ấy, hòa tan vào cái khối vô trách nhiệm một cách tuyệt vời của các bạn bè. Tôi ném lựu đạn, tôi bắn súng, tôi cầm lều trại. Sung sướng. Thanh thản. Lành mạnh. Và đôi khi tôi kinh hãi nhớ lại cái anh chàng thiếu niên nọ trong một ngôi nhà cũ bên rìa thảo nguyên ngồi suốt ngày và nhiều ngày như thế để suy nghĩ về sự sống và cái chết của bà người phụ nữ thoáng thấy trong chông báo cũ. Nếu như người ta giới thiệu anh chàng mơ mộng ấy với tôi, hẳn tôi đã không nhận ra. Hẳn tôi đã không nhận ra tôi...

Hôm sau, huấn luyện viên đưa chúng tôi đi dự cuộc đón một đoàn chiến xa tiến về. Đầu tiên thấy một đám bụi xám phình to dần ở chân trời. Rồi một cái rung dữ dội chuyển qua đế giày chúng tôi. Đất rung chuyển. Đám mây bụi chuyển thành màu vàng dâng lên che khuất mặt trời. Mọi tiếng động tan biến, bị trùm lấp trong tiếng inh ỏi sắt thép vòng xích. Nòng đại bác đầu tiên chọc thủng bức tường bụi, chiếc xe chỉ huy vọt tới, rồi chiếc thứ hai, thứ ba... Trước khi dừng các xe tăng rẽ ngoặt thật gấp để dàn hàng ngang cạnh nhau. Vòng xích lúc ấy càng đập xoang xoang dữ dội, xé mặt cỏ thành từng vệt dài.

Bị thôi miên bởi sức hùng cường vương quốc, tôi bỗng hình dung quả địa cầu có thể bị những xe tăng kia – xe tăng chúng ta! cào sướt toàn bộ. Một tiếng hô ngắn là đủ. Trong tôi dâng lên niềm tự hào chưa từng bao giờ thấy.

Những người lính trèo ra khỏi nắp xe làm tôi mê hoặc bởi vẻ dũng mãnh thanh thản của họ. Nom tất cả đều giống hệt nhau, được đẽo gọt trong cùng một chất liệu bền chắc và lạnh mạnh. Tôi đoán họ không thể bị tổn thương trước những ý nghĩ tăm tối từng dần vật tôi hồi mùa đông. Đúng vậy, tất cả lớp bùn tinh thần kia sẽ không tồn tại lấy một giây trong dòng chảy trong trẻo lập luận của họ, đơn giản và thẳng đuột như những mệnh lệnh họ thi hành. Tôi đâm ghen ghê gớm cuộc sống của họ. Cuộc sống ấy dần trải dưới ánh mặt trời không một vệt bóng đen. Sức mạnh của họ, mùi đàn ông thân thể họ, những áo va rô bám đầy bụi. Và sự hiện diện đầu đó của cô gái tóc nâu, cô thiếu nữ - đàn bà, niềm hứa hẹn yêu đương. Tôi chỉ còn một ham muốn có thể hôm nào đó lao ra khỏi nắp một chiến xa, nhảy xuống vòng xích rồi xuống đất mềm, và buộc tôi bằng dáng điệu mệt mỏi dễ chịu cạnh người phụ nữ - hứa hẹn.

Cuộc sống ấy, cuộc sống trong thực tế rất xô viết mà tôi vốn sống bên kia, khiến tôi háo hức. Hòa tan mình trong cái nền nếp nhu thuận và tập thể lúc này hiện ra với tôi như một giải pháp sáng chói. Sống cái cuộc sống của tất cả mọi người! Lái một chiến xa, rồi khi được phục viên, nấu thép chảy giữa những cỗ máy một xí nghiệp lớn bên bờ sông Vôn ga, mỗi chiều thứ bảy đến sân vận động xem đá bóng. Nhưng nhất là biết rằng cái chuỗi ngày êm ả và dự kiến sẽ được thưởng bằng một đồ án cứu thế cao – cái chủ nghĩa cộng sản một ngày nào đó sẽ khiến tất cả chúng ta hạnh phúc, trong sáng trong tư tưởng, hoàn toàn bình đẳng...

Vào đúng lúc ấy những chiếc máy bay khu trục bỗng xuất hiện, hầu như bay là là ngọn cây khu rừng. Cứ từng tốp ba chiếc chúng làm nổ tung cả bầu trời đổ xuống đầu chúng tôi. Từng đợt một, chúng xé không khí lao tới, âm âm như sấm động.

Sau đó, trong tĩnh lặng chiều tà, tôi ngắm nghía hồi lâu cánh đồng vắng vẻ với những vạch sấm đó đây trên cỏ bị xéo nát. Tôi nghĩ bụng xưa kia có

một đứa trẻ hình dung ra một thành phố huyền ảo mọc lên trên cái chân trời mù sương... Đứa trẻ ấy không còn nữa. Tôi đã được khỏi bệnh.

- Sau ngày tháng tư đáng ghi nhớ ấy, cái xã hội mini ở trường học chấp nhận tôi. Chúng đón nhận tôi với vẻ hào hiệp kiểu bề trên như với những tân tín đồ, những kẻ hăng hái đi theo đạo mới hoặc những kẻ sấm hồi nhiệt tình. Luôn luôn tôi cố chứng tỏ là cái thói lập dị của mình dứt khoát đã bị rũ bỏ, là tôi giống chúng nó. Và hơn nữa, sẵn sàng làm tất cả để chuộc lỗi lâu nay đứng bên lề.

Vả chăng, chính bản thân cái xã hội mini thời gian qua cũng đã thay đổi. Càng ngày càng sao chép theo cái xã hội người lớn, nó đã chia thành nhiều phe. Đúng, hầu như thành đảng cấp xã hội! Tôi phân biệt ra ba phe. Chúng đã biểu hiện trước cái tương lai của đám thanh niên kia, hôm qua còn đoàn kết nhau trong một bầy thuần nhất. Giờ đây có một nhóm “vô sản”. Nhóm này đông nhất, phần lớn là con nhà thợ thuyền cung cấp nhân công cho các xưởng của cảng sông đồ sộ. Bên cạnh là nhóm hạt nhân những tay giỏi toán, những *tekhnars* (kỹ thuật viên) tương lại, trước đây hòa lẫn với nhóm vô sản và bị nhóm này chế ngự, giờ đây dần dà thoát khỏi thế kèm cặp và chiếm lấy mặt trước sân khấu học đường. Cuối cùng, nhóm chặt chẽ nhất và chọn lọc nhất, cũng là hạn chế nhất, là cái bè phái trong đó người ta nhận thấy loại *Intelligentsia* (trí thức) tập sự.

Tôi thuộc phe chúng trong cả ba tầng lớp. Sự hiện diện trung gian của tôi được tất cả mọi người hoàn nghìn. Một lúc nào đó, tôi còn nghĩ mình là nhân vật không thay thế được. Nhờ có... nước Pháp!

Vì khi đã lành cái bệnh nước Pháp ấy rồi, tôi thường hay kể về nó. Tôi vui thích được truyền đạt lại cho những kẻ đã chấp nhận tôi vào phe chúng toàn bộ kho chuyện tích lũy hàng mấy năm nay. Chuyện tôi kể được chúng thích. Đánh nhau trong khi hâm mộ, đui ếch trả ngang giá vàng, hàng dãy phố Paris đầy rẫy gái giang hồ - những đề tài này khiến tôi được tôn lên danh hiệu người kể chuyện có bằng cấp.

Tôi nói và cảm thấy bệnh của tôi đã lành hẳn. Những cơn điên rồ từng đìm tôi vào cái cảm giác chóng mặt của dĩ vãng không còn lặp lại nữa. Nước Pháp đơn giản biến thành một đề tài để kể. Vui vui, nhuộm chất xa lạ

trong mắt bạn đồng học, đầy kích thích khi tôi tả “ái tình kiều Pháp”, nhưng chung quy cũng chẳng khác gì nhiều những câu chuyện ngộ ngộ, thường là tục tĩu mà chúng tôi kể cho nhau nghe trong giờ ra chơi vừa vôi vàng bập mấy hơi thuốc lá.

Tôi nhanh chóng nhận ra rằng phải gia giảm mắm muối các câu chuyện Pháp cho hợp khẩu vị người nghe. Cùng một câu chuyện phải thay đổi giọng tùy theo mình kể cho nhóm “vô sản”, nhóm “kỹ thuật” hay nhóm “trí thức”. Tự hào về tài diễn thuyết của mình tôi chuyển đổi thể loại, thích nghi mọi trình độ văn phong, chọn lựa từ. Ví dụ để làm vui cho nhóm thứ nhất, tôi đã đàn giây lâu về những trò ôm cháy bỏng giữa ông tổng thống và Marguerite. Một người đàn ông, hơn nữa lại là tổng thống nước Cộng hòa, mà lại chết vì làm tình quá độ - riêng cảnh tượng này đưa chúng lên tột đỉnh mê ly. Nhóm kỹ thuật thì chú ý hơn các tình tiết tâm lý. Chúng muốn biết cái gì xảy ra cho Marguerite sau cái thành tích tình yêu hiển hách này. Thế là tôi kể về vụ ám sát kép trong ngõ hẻm Rosin, về cái buổi sáng tháng năm rùng rợn khi người ta phát hiện ra chồng của Marguerite bị thắt cổ chết bằng sợi giây giặt chuông, bà mẹ chồng cũng bị bóp nghẹt thở bằng hàm răng giả của chính bà. Tôi không quên nói rõ là chồng cô ta, vốn nghề họa sĩ, được chính quyền đặt hàng tới tấp, còn cô vợ sau đó vẫn không chừa tìm tới những mối tình bạn ở cấp cao. Và theo một thuyết, thì một trong những người nổi nghiệp ông Felix Faure quá cố, nghe như một ông bộ trưởng, đã bị lão chồng bắt quả tang...

Còn với nhóm “trí thức” thì đề tài này dường như không làm chúng xúc động. Có mấy cậu để tỏ ý thờ ơ thậm chí chốc chốc còn ngáp dài thành tiếng. Chúng chỉ từ bỏ cái thái độ điềm tĩnh giả vờ bằng cách bày díp chơi chữ. Tên của Faure nhanh chóng thành nạn nhân của một trò đùa: tặng cho “Faure trong tiếng Nga có nghĩa “tặng điểm cho kẻ đối thủ”. Các tiếng cười, đượm vẻ chán chường thông thái, rộ lên. Một cậu nào đó, vẫn với cái cười rinh rích nhác nhớn, thốt lên: “Cái tay Forward này cừ thật, tay Faure ấy!” để ví với anh tiền đập bóng đá. Một cậu khác, vờ làm vẻ mặt ngây ngô, nói về cái *fortotchka*, cái lá cửa con... Tôi hiểu ra rằng loại ngôn ngữ sử dụng trong nhóm nhỏ hẹp này gồm toàn những từ bẻ queo, lời tối nghĩa, câu cầu kỳ, cách ăn nói riêng chỉ các thành viên trong nhóm mới nắm được. Với một tâm trạng lẫn lộn khâm phục và kinh hoàng, tôi nghiệm là ngôn ngữ họ

bất cần đến cái thế giới bao quanh – cái mặt trời này, ngọn gió này! Chẳng bao lâu tôi cũng bắt chước dễ dàng các tay làm xiếc tung hứng chữ nọ...

Đứa duy nhất không tán thành thái độ lật lọng của tôi là Pachka, cái thằng lười học trước tôi thường đi câu với nó. Thịnh thoảng hẳn đến gần nhóm chúng tôi, ghé nghe và khi tôi bắt đầu kể những câu chuyện Pháp, hẳn nhìn tôi chăm chăm và dè chừng.

Một hôm, chúng tụ tập quanh tôi đông hơn thường lệ. Câu chuyện tôi kể hẳn làm mọi người đặc biệt chú ý. Tôi kể (bằng cách tóm lược cuốn tiểu thuyết của anh chàng Spivalski đáng thương bị buộc đủ các thứ tội chết và bị hạ sát ở Paris) câu chuyện về cặp tình nhân trải qua một đêm dài trong chuyến tàu hầu như vắng khách, trốn chạy xuyên qua vương quốc đang hấp hối của các Sa hoàng. Sáng hôm sau họ chia tay nhau vĩnh viễn...

Những người nghe lần này thuộc cả ba đẳng cấp – con vô sản, kỹ sư tương lai, trí thức. Tôi miêu tả những cách ôm ấp điên cuồng trong góc toa tàu đêm, trong cái chuyến xe lửa lướt bay qua những làng mạc chết và cầu cống bị đốt cháy. Chúng náo nức nghe tôi kể. Hiển nhiên chúng dễ dàng hình dung cặp tình nhân trong toa tàu hơn là một ông tổng thống nước Cộng hòa với người yêu lâu đài... Và để thỏa mãn các tay thích chơi chữ, tôi miêu tả cảnh tàu dừng trong một thành phố xa xôi: nhân vật chính hạ cửa sổ xuống và hỏi vài ba người lác đác đi dọc đường tàu nơi đây là đâu. Nhưng không ai biết mà mách anh ta. Đó là một thành phố không tên! Một thành phố toàn người nước ngoài. Từ nhóm những nhà duy mỹ nghe thốt lên tiếng thở dài nhẹ nhõm. Và tôi, bằng một phục cảnh khéo léo, tôi quay trở lại chỗ toa tàu để kể về những cuộc tình lang thang bất định của cặp hành khách kỳ quặc... Đúng lúc ấy trong đám đông tôi thấy thò cái đầu rối bù của Pachka. Hẳn lắng nghe ít phút rồi lầm bầm, giọng trầm ram ráp át lên dễ dàng giọng nói của tôi.

- A, thế là cậu thích nhé. Máy cái cậu thông thái rôm này chỉ cần có thế, cú há hốc mồm ra mà nghe các chuyện phịa của cậu.

Chẳng ai dám chống lại Pachka trong một cuộc đương đầu riêng rẽ. Nhưng đám đông có cái dừng cảm riêng của nó. Một tiếng càu nhàu bất bình đáp lại hẳn. Để làm dịu tình hình, tôi cải chính, giọng dàn hòa:

- Không cậu ạ, chẳng phải bịa đâu! Đây là cuốn tiểu thuyết tự truyện. Cái tay ấy, sau cách mạng, đúng là đã trốn chạy khỏi nước Nga cùng với tình nhân, thế rồi ở Paris anh ta bị ám sát...

- Thế tại sao cậu không kể cái chuyện xảy ra ở nhà ga hả.

Tôi sửng sốt. Lúc này tôi mới nhớ là đã kể chuyện này cho thằng bạn lười học. Sáng ra, cặp tình nhân đi về phía bờ biển Đen, trong một quán bia vắng vẻ, giữa một thành phố ngập trong tuyết. Họ uống trà nóng cạnh một cửa sổ phủ đầy sương gió...

Nhiều năm sau, họ gặp nhau lại ở Paris và thú nhận với nhau là mấy giờ đồng hồ buổi sáng ấy họ thấy quý báu hơn tất cả những tình yêu tuyệt vời nhất trong đời họ. Vâng, cái buổi sáng màu xám mờ đục ấy, những tiếng tù và nghiền nghệt trong sương, và sự hiện diện đồng lõa của hai người dưới con bão táp phủ phàng của Lịch sử.

Đúng là Pachka muốn nói về cái quán bia ở nhà ga ấy... Chuông gọi vào lớp giúp tôi thoát khỏi cơn bối rối. Các thính giả chậm thuốc và kéo nhau vào lớp. Còn tôi, ngơ ngơ ngác ngác tôi tự nhủ chẳng có một thứ văn phong nào của mình – hoặc văn phong mình sử dụng khi nói với đám “vô sản”, hoặc “kỹ thuật”, thậm chí kiểu nhào lộn ngôn ngữ như của “trí thức” – không, chẳng có thứ nào trong các thứ ấy có thể tái tạo lại vẻ đẹp huyền bí của cái buổi sáng mai tuyết phủ kia bên bờ vực thời gian. Ánh sáng của nó, vẻ tĩnh lặng của nó... Và chẳng, chẳng có ai trong đám bạn học sẽ quan tâm đến cái khoảnh khắc ấy! Vì nó quá đơn giản: không có tình tiết khiêu dâm, không cốt truyện, không trò chơi chữ.

Ở trường về, tôi nhớ ra là khi kể cho các cậu bạn câu chuyện ông Tổng thống si tình, chưa bao giờ tôi nói về cảnh ông lặng lẽ đứng rình cạnh cửa sổ đen ở điện Elysées. Ông ta, một mình, đối mặt với đêm thu và ở nơi nào đó, trong cái thế giới tối đen và mưa phùn – một người đàn bà mặt giấu trong mũ trùm lông lánh sương. Nhưng có ai sẽ lắng nghe nếu tôi nghĩ chuyện nói về cái mũ trùm ẩm ướt trong đêm thu kia?

Pachka còn cố hai ba lần nữa, và bao giờ cũng vụn về, bứt tôi khỏi đám bạn bè mới. Một hôm hẳn rủ tôi ra sông Vôn ga câu cá. Tôi từ chối trước mặt mọi người, với vẻ mặt hơi khinh khỉnh. Hẳn đứng lại ít giây trước nhóm chúng tôi – một mình, phân vân, vẻ yếu ớt lạ lùng mặc dầu cái dáng vóc to lớn... Một lần khác hẳn đuổi theo tôi lúc ở trường về và yêu cầu tôi đem đến cho hắn cuốn sách của Spivalski. Tôi hứa. Sáng hôm sau tôi đã quên băng...

Tôi đang quá mải mê với một thú vui tập thể mới: Núi Niềm Vui.

Trong thành phố chúng tôi người ta gọi tên như thế khu khiêu vũ ngoài trời rộng mênh mông, xây trên chỏm một ngọn đồi sừng sững bên bờ sông Vôn ga. Chúng tôi chỉ biết nhảy chút ít. Nhưng các động tác lắc hông nhịp nhàng thực ra chỉ có một mục đích duy nhất: ôm trong vòng tay một thân thể phụ nữ, đụng chạm nó, thuần hóa nó. Để sau đừng sợ hãi. Buổi tối, trong các cuộc đi chơi ở Núi, các đẳng cấp, các phe nhóm không còn tồn tại. Chúng tôi đều bình đẳng trong niềm run rẩy của ham muốn. Riêng đám lính trẻ nghĩ phép làm thành một tốp riêng. Tôi ghen tuông nhìn theo họ.

Một tối, tôi nghe có ai gọi tới. Tiếng gọi dường như đến từ đám cành lá. Tôi ngừng đầu, nom thấy Pachka! Sàn nhảy hình vuông có một hàng rào gỗ bao quanh. Sau hàng rào là một lùm cây mọc hoang năm xen giữa một khu vườn bỏ hoang và khu rừng. Tôi nom thấy Pachka bám trên một cành phong to phía trên hàng rào...

Tôi vừa mới rời khỏi sàn nhảy sau khi vụng về đụng phải vú cô bạn nhảy... Đó là lần đầu tiên tôi nhảy với một cô gái đã chín muồi đến thế. Lòng bàn tay tôi đặt lên lưng cô xâm xấp ướt. Bị nhầm vì một trò hoa mỹ của dàn nhạc, tôi hụt bước chân và ngực tôi áp chặt vào ngực cô. Hiệu quả còn lớn gấp bội cú điện giật! Vẻ nóng nính mềm mại một bộ vú phụ nữ khiến tôi sững sờ. Tôi tiếp tục đưa chân mà không còn nghe rõ nhạc, chỉ nhìn thấy ở chỗ khuôn mặt đẹp cô bạn nhảy một hình bầu dục phát quang. Khi nhạc thôi chơi, cô rời tôi không một lời, rõ ràng có vẻ bực mình. Tôi đi xuyên qua sàn nhảy len lỏi giữa các cặp cứ như mình đang lướt trên băng, và bước ra ngoài.

Tôi thấy cần phải đứng một mình cho tỉnh trí lại và để thở. Tôi bước trên cái lối đi chạy song song với nhà khiêu vũ, gió thổi từ sông Vôn ga làm dịu mát vầng trán nóng bừng. Đột nhiên tôi nghĩ: “Thế nhờ cô bạn nhảy cũng cố tình áp người vào tôi thì sao?” Phải. Có thể là cô muốn cho tôi cảm thấy vẻ mềm mại bộ ngực cô, qua đó ném cho tôi một tiếng gọi mà do ngây thơ hay e thẹn, tôi không biết cách giải mã? Phải chăng tôi đã để nhờ một dịp may của đời mình!

Như một đứa trẻ vừa đánh vỡ chén và nhắm mắt hy vọng là cái tối sầm tạm thời ấy sẽ lập lại mọi trật tự, tôi lim dim mắt: tại sao giàn nhạc không chơi lại bài hát kia nhỉ, và tôi – tìm lại cô bạn là lặp lại tất cả mọi cử chỉ cho đến cái ôm chầm hai bên vốn đã cùng thỏa thuận nhỉ? Chưa bao giờ tôi từng cảm nhận và sẽ cảm nhận mạnh mẽ đến thế sự gần gũi rất thân mật và đồng thời sự cách biệt khó bề sửa chữa bên cạnh một thân thể phụ nữ...

Chính giữa lúc tâm trí đang hoang mang thì tôi nghe tiếng Pachka gọi nấp trong cành lá. Tôi ngược nhìn. Hắn mỉm cười với tôi, bám nửa người trên cành cây to.

- Này leo lên đi! Mình dành chỗ cho cậu đây, hắn vừa nói vừa co chân lại.

Thô vụng về nặng nề trong đường phố, Pachka nom khác hẳn khi ở giữa thiên nhiên. Trên cành cây, hắn như con báo lớn nằm nghỉ trước khi đi săn đêm...

Vào mọi tình huống khác, ắt tôi đã khước từ lời rủ rê. Nhưng tư thế hắn lúc này nom thật kỳ lạ, với lại tôi cảm thấy như đang bị bắt quả tang. Cứ như thể từ trên cây, hắn đã tóm bắt được những ý nghĩ run rẩy của tôi! Hắn chìa tay, tôi leo lên cạnh hắn. Gốc cây này như một trạm quan sát thực thụ.

Nhìn từ trên cao, cái nhấp nhô hàng trăm thân mình ôm nhau có một dáng vẻ khác. Nó cứ như phi lý (ngần ấy con người dậm chân tại chỗ) lại vừa đượm một vẻ lô gích nào đó. Các thân hình lượn lờ bám chặt vào nhau thời gian một bài nhảy rồi rời nhau ra, đôi khi vẫn dính vào nhau qua nhiều bài hát. Từ trên cây, chỉ bằng một luồng mắt, tôi có thể bao quát tất cả các trò vật tình cảm đan dệt nhau trên sàn nhảy. Ganh đua, thách thức, phản bội,

cú sét đánh, đoạn tuyệt, biện minh, gây gổ, mới phát sinh liền bị ban trật tự rất cảnh giác đẹp... Nhưng nhất là niềm ham muốn, kín đáo, bộc lộ xuyên qua tấm màn của âm nhạc và của nghi lễ khiêu vũ. Tôi tìm thấy lại trong làn sóng người ấy cô gái mà tôi vừa chạm vú. Tôi dõi theo một lát đường lượn của cô từ bạn nhảy này đến bạn nhảy khác...

Tôi cảm thấy chung quy cái trò quay tròn ấy gợi lên một cách dối lừa cái gì đó. “Cuộc sống!” một giọng đột nhiên nhắc thẳm, và môi tôi lặng lẽ lặp lại: “Cuộc sống...” Tất cả đều là chuyện nhào trộn thân thể do ham muốn điều khiển và giấu diếm nó dưới vô vàn điệu bộ nhõng nhẽo. Cuộc sống... “Thế thì ta đang ở đâu lúc này?” tôi tự hỏi và đoán rằng lời đáp cho câu hỏi này sẽ khơi gợi một chân lý kỳ lạ nó sẽ lý giải tất cả mọi điều một cách vĩnh viễn.

Có những tiếng kêu rộn lên nơi lối đi. Tôi nhận ra mấy thằng bạn học đang trở về nhà. Tôi ôm cành cây định nhảy xuống. Giọng của Pachka, nhuốm tí nhẫn nhịn chua chát, thốt lên không tự tin lắm:

- Đợi tí! Người ta sẽ tắt đèn chiếu, rồi mà xem, có vô khối ông sao! Mình mà leo cao hơn, sẽ nom thấy chòm sao Cung nữ ấy chứ...

Tôi không nghe theo, nhảy xuống đất. Mặt đất đầy những mẩu rễ lớn va mạnh vào lòng bàn chân. Tôi chạy để theo kịp mấy cậu bạn đang vừa đi vừa khoa chân múa tay. Tôi muốn kể với chúng càng sớm càng hay về cô bạn nhảy có bộ ngực đẹp, nghe chúng bình phẩm, chữa đầy tai những lời nói. Tôi vội vã muốn quay về với cuộc sống, Và với một niềm vui chẳng có gì hay ho, tôi nhai lại cái câu hỏi kỳ quặc đã hiện ra trong đầu trước đây một lát: “Ta đang ở đâu đây? Trước ta ở đâu? À trên một cành cây, cạnh cái thằng Pachka ngu ngốc chứ ở đâu. Bên cạnh cái cuộc sống thực!”.

Do một tình cờ kỳ cục (tôi từng biết rằng thực tế làm bằng những chuyện lặp đi lặp lại khó tin mà các nhà tiểu thuyết cứ cố công theo đuổi, như một nhược điểm lớn), hai đứa chúng tôi lại gặp nhau ngay hôm sau. Với cái vẻ ngượng ngùng của hai thằng bạn trong đêm đã trao đổi những điều tâm sự nghiêm trang, đầy kích động và đầy tình cảm, đã bộc lộ cho

nhau cái phần sâu xa tâm hồn mình, và sáng hôm sau gặp lại, trong ánh sáng trắng ban ngày đầy hoài nghi.

Tôi đi dạo lang thang quanh nhà khiêu vũ đang đóng cửa, lúc này chưa đến sáu giờ chiều. Tôi muốn bằng bất cứ giá nào là bạn nhảy đầu tiên với cô gái hôm qua. Kiểu mê tín, tôi hy vọng là thời gian sẽ chạy thụt lùi và tôi có thể hàn gắn lại cái chén vỡ.

Thằng Pachka đột ngột từ khóm bụi khu vườn nhảy ra, nom thấy tôi, ngần ngừ một giây, rồi đến bắt tay tôi. Hắn mang theo đầy đủ bộ đồ câu. Dưới nách kẹp một ổ bánh mì đen to tướng mà hắn bứt từng mẩu đưa lên miệng nhai ngon lành. Một lần nữa tôi cảm thấy bị bắt quả tang. Hắn nhìn thẳng vào mặt tôi, quan sát chiếc sơ mi màu sáng cổ phanh rộng, chiếc quần đúng một, rất loe ở phía dưới. Rồi lúc lắc đầu ra dấu từ biệt, hắn bỏ đi. Tôi thở dài nhẹ nhõm. Nhưng Pachka độ ngọt quay lại và bảo tôi bằng giọng hơi thô bạo.

- Này, theo tớ, tớ chỉ cho cậu xem một cái gì. Cậu sẽ chẳng ân hận đâu...

Giá như hắn dừng lại chờ tôi đáp lời, thì tôi đã lúng búng từ chối. Nhưng hắn vận bước tới không nhìn tôi nữa. Tôi bèn đi theo, bước chân ngập ngừng.

Hai đứa đi về phía sông Vôn ga, men dọc cảng có những cần cầu đồ sộ, cơ xưởng, nhà kho lớn lợp mái tôn uốn. Xuôi nữa chúng tôi đi sâu vào một khu đất hoang rộng thênh lỏn nhõn những chiếc xuồng cũ nát, khung kim loại han gỉ, đồng cao cỏ ngọn chát đầy gỗ cây dài ửng thối. Pachka giấu cần câu và lưới dưới một cây gỗ mục và bắt đầu nhảy từ xuồng nọ sang xuồng kia. Cũng có một cái bến tàu bỏ hoang, mấy cái cầu nhỏ ghép ụ nổi lạng lờ ngập lặn dưới bước chân. Đi theo Pachka, tôi không nhận ra từ lúc nào đã rời đất liền đi trên cái đảo nổi gồm những xuồng bè vứt bỏ. Tôi bấu vào một cái bao lớn vỡ, nhảy lên một cái gì như chiếc thuyền mảnh, bước qua mạn, trượt trên ván ướt một cái sàn.

Cuối cùng chúng tôi đến một con lạch bờ dốc đứng mọc đầy cây com cháy đang ra hoa. Mặt nước từ bên này sang bên kia bờ lấp dưới những vỏ

thuyền cũ sát bên nhau hỗn độn.

Chúng tôi ngồi lên ghé dài một chiếc thuyền con. Phía trên là hông một chiếc tàu sà lúp có dấu vết hoả hoạn. Vươn cổ nhìn, tôi thấy trên kia, trên boong tàu sà lúp, có một sợi giây chằng cạnh buồng ca bin: mấy mảnh vải phai màu khế phơ phất – thứ áo quần phơi đã hàng năm.

Đêm oi nồng, đẫm sương. Mùi hơi nước hoà lẫn với mùi nhàn nhạt cây com cháy. Chốc chốc một chiếc tàu thủy đi qua phía xa, giữa lòng sông Vông ga, làm gợn lên tận trong lạch một đợt sóng nhấp nhô uể oải. Thuyền chúng tôi dập dềnh cộ lên mạn tàu sà lúp. Toàn bộ cái nghĩa địa nửa chìm nửa nổi này sinh động lên. Nghe tiếng giây cáp kin kít, tiếng sóng nước vỗ lao xao dưới một ụ nổi chen lẫn tiếng lau sậy rì rào cộ vào nhau.

Pachka liếc nhìn lên một mớ giấy chão loảng ngoảng phía trên boong sà lúp rồi quay nhìn tôi về hơi ngượng ngượng, định nói gì lại thôi. Tôi đứng dậy, muốn quay về nhà khiêu vũ... Đột nhiên thằng bạn níu mạnh ống áo tôi ra hiệu bảo ngồi xuống rồi giật giọng thì thầm:

- Xem! Họ đến!

Bấy giờ tôi nghe tiếng chân bước. Đầu tiên là tiếng gót giày dận trên đất thô ẩm ướt bờ sông, rồi tiếng dẫm rầm rập trên cây cầu gỗ, cuối cùng là tiếng loảng xoảng đập trên kim loại phía trên đầu chúng tôi, chỗ trên boong sà lúp... Và ngay sau đó là những giọt thì thào vắng từ lòng tàu.

Pachka vụt đứng thẳng dậy và áp mình vào mạn sà lúp. Lúc bấy giờ tôi mới nhận thấy ở mạn có ba ô cửa sổ tròn. Kính đã vỡ và mặt trong bít bằng những mảnh gỗ dán bị rạch từng vệt như vệt dao cạo. Mặt vẫn không rời chiếc cửa tròn, thằng bạn khua khua tay ra hiệu bảo tôi làm theo. Bám vào một thanh thép chạy dọc mạn tàu, tôi ghé sát vào cái ô cửa phía trái. Ô ở giữa không có ai chiếm.

Điều tôi nom thấy qua cái khe vừa bình thường lại vừa thật lạ lùng. Một người đàn bà mà tôi chỉ nom thấy cái đầu nhìn bán diện, và phần thân mình trên, vẻ như đang tựa khuỷu tay lên bàn, hai cánh tay song song, hai bàn tay bất động. Gương mặt chị ta vẻ như bình thản, thậm chí ngái ngủ. Chỉ có sự

hiện diện chị ta nơi đây trong chiếc sà lúp này, có thể gây ngạc nhiên. Chứ còn thì... Chị ta khẽ gật gật đầu có món tóc quấn màu sáng như thể chị không ngớt tán thành một người đối thoại vô hình.

Tôi lùi xa khỏi ô cửa tròn, đưa mắt nhìn Pachka, phân vân: “Có gì mà xem mới được chứ?” Nhưng Pachka, hai bàn tay dán vào thành tàu tróc sơn chiếc sà lúp, vẫn cứ áp trán lên tấm gỗ dán.

Tôi bèn chuyển sang ô bên cạnh, ghé mắt vào một khe tấm gỗ bít cửa.

Tôi cảm thấy thuyền chúng tôi đang chìm dần xuống đáy nước và mạn chiếc sà lúp ngược lại, đang lao thẳng lên trời. Khấp người run lên, tôi như thói nam châm bị hút vào tấm vò sắt ram ráp, có lưu giữ cái cảnh tượng đang làm tôi loá mắt.

Đó là một bộ mông phụ nữ trắng toát, to nặng trần truồng. Vâng, hông một phụ nữ quý, nhìn từ góc nghiêng, cặp đùi to béo quá chừng khiến tôi đâm hãi, còn lưng chỉ thấy được phần trên qua tấm nhìn khe rãnh. Đằng sau bộ mông đồ sộ ấy là một anh lính, cũng quý, quần cởi cúc, áo va rơ xộc xệch. Anh ta tì chặt hai bên hông người phụ nữ kéo về mình.

Chiếc thuyền chợt hẫng dưới chân tôi. Một chiếc tàu thủy ngược sông Vôn ga vừa chao sóng đến tận con lạch.

Một ngọn sóng xô tôi mất thăng bằng. Để khỏi ngã tôi lạng bước sang trái, ngang tầm ô cửa tròn lúc nãy. Tôi kẹp trán vào cái khung thép. Trong khe rãnh hiện ra người phụ nữ tóc phi dê, nét mặt thờ ơ buồn ngủ, người tôi đã thấy đầu tiên. Tì khuỷu tay lên cái gì tựa tựa chiếc khăn bàn, mặc áo lót trắng, chị ta vẫn tiếp tục khẽ gật đầu và lơ đãng ngắm nghía các ngón tay.

Cái ô cửa thứ nhất này. Và ô thứ hai. Người đàn bà nọ mi mắt trĩu nặng buồn ngủ, váy áo đầu tóc rất bình thường. Và người này. Cái bộ mông chống, cái làn da trắng trong đó lún sâu một người đàn ông vẻ mảnh khảnh so với chị ta, cặp đùi dày nặng kia, cái động tác nặng nề bộ hông kia. Trong đầu non trẻ hoảng hốt của tôi, không có một liên hệ nào nối liền được hai hình ảnh nọ.

Tôi bị kích thích cao độ đến mức mạn chiếc sà lúp đột nhiên như nằm rạp xuống. Áp sát mình vào đó như con thạch sùng, tôi chuyển sang ô cửa người phụ nữ trần truồng. Chị ta vẫn đó, nhưng khối thịt tròn lợc lợc lúc này bất động. Anh lính mặt quay về phía tôi, đang gài cúc quần bằng những động tác lừ đừ, vụng về. Và một anh lính khác, bé nhỏ hơn anh kia, quỳ xuống sau bộ môn trắng...

Mắt tôi đã tóe những mũi kim đen. Hai chân bủn rủn. Và tim tôi áp vào kim loại gì khiến cả chiếc thuyền run lên những tiếng động thành thịch. Một loạt đợt sóng nhỏ nằng chiếc thuyền bập bênh. Mạn tàu sà lúp trở lại thẳng đứng và tôi mất đi cái nhanh nhẹn con thạch sùng, trượt sang ô cửa đầu tiên. Người đàn bà mặc áo lót trắng gật gù đầu như cái máy, mắt nhìn vào bàn tay. Tôi thấy chị ta gãi gãi móng tay để cạy sơn...

Bước chân của họ lại vang lên, lần này theo hướng ngược lại; tiếng giày dận cồm cộp lên boong, tiếng rầm rập lên ván cầu, tiếng giẫm nhem nhẹp lên đất mềm. Không nhìn tôi, Pachka giơ chân bước qua mạn thuyền và nhảy lên chiếc ụ chim một nửa, rồi lên cái bến tàu. Tôi đi theo hấn, bước chân mềm oặt như con rối bằng vải.

Đến bên bờ, hấn ngồi bệt, cởi giày rồi xắn quần lên tận đầu gối, vừa lội xuống nước vừa gạt lau sậy. Hấn khoá bèo tấm và quệch quạc rửa mặt hồi lâu, miệng thốt những tiếng gừ gừ khoái chí nghe từ xa có thể tưởng là tiếng rên rỉ thở than.

... Đó là một ngày đáng ghi nhớ trong đời cô. Cái đêm tháng sáu ấy, cô ta lần đầu tiên trong đời trao thân cho một anh bạn trẻ. Một trong những anh bạn nhảy đang lượn lờ trên sàn nhảy Núi Niềm vui.

Dáng cô phần nào hơi mảnh mai. Gương mặt có những nét chung chung bình thường giữa đám đông chẳng ai chú ý. Mái tóc nâu nhạt chỉ rõ màu dưới ánh sáng ban ngày. Dưới các đèn chiếu sàn nhảy hoặc trong quầng xanh nhạt đèn đường, nom chỉ hung hung.

Tôi đã khám phá ra cái cách thức làm tình kia chỉ mới cách đây mấy hôm. Trong đám đông lúc nhúc như kiến, tôi thấy hình thành từng nhóm – một đám thanh niên tách ra, chúng rộn ràng cựa quậy, kích thích nhau và

khi ra về chúng chia đàn để vỡ lòng cái điều về như khi thì hết sức đơn giản, khi thì huyền bí sâu xa kỳ lạ: làm tình.

Cô ta hẳn đã bị thừa ra trong một nhóm như vậy. Cô đã uống vụng như những người khác, nấp trong những khóm cây phủ sườn đồi sàn nhảy. Đến khi cái nhóm nhỏ nào động vỡ thành từng cặp, cô còn lại một mình, cái ngẫu nhiên số học đã không dành cho cô bạn nhảy. Các cặp đã lánh đi. Con say đang ngất. Cô không quen uống rượu và đã uống quá nhiều, do hăng hái nhiệt tình, sợ thua kém chị em, cũng là để át đi nỗi hồi hộp của cái ngày đáng ghi nhớ... Cô đã quay trở về sàn nhảy, chẳng còn biết dùng thân thể mình để làm gì, cái thân thể mà mỗi mẩu thịt da đều thấm đượm niềm rạo rức bút rứt. Nhưng người ta đã bắt đầu tắt các đèn chiếu.

Mọi điều này về sau tôi mới đoán ra... Đêm ấy, đơn giản tôi nom thấy thiếu nữ tha thần trong một góc khu vườn tối, bước loanh quanh dưới quầng nhợt nhạt ngọn đèn đường. Tựa như con bướm đêm bị một tia sáng hút vào. Dáng đi khiến tôi ngạc nhiên: cô như đi trên mây, với những bước chân vừa thanh thoát vừa căng thẳng. Tôi hiểu là bằng mỗi cử chỉ của mình, cô đang chống lại cơn say. Về mặt cô im lìm. Tất cả thân mình căng lên trong cái nỗ lực duy nhất này – đừng ngã, đừng để ai suy đoán gì hết, tiếp tục đi quanh dưới cái vòng tròn sáng cho đến lúc cây cối thôi nhấp nhô và vừa khua cành là ào ào vừa nhảy xô tới khi cô đến gần.

Tôi đi tới cô. Tôi bước vào cái vòng tròn xanh đèn đường.

Thân hình cô (váy đen, áo màu sáng) tự dung quy tụ niềm ham muốn của tôi. Đúng, cô tức thì trở thành người phụ nữ mà tôi vốn thích từ bao giờ. Mặc dù cái vẻ yếu ớt xốn xang, mặc dù nét mặt cô nhoà nhoà vì cơn say, mặc dù tất cả những gì trong thân thể và gương mặt cô có thể đã làm tôi chẳng hứng thú và lúc này tôi lại thấy thật là đẹp.

Trong lúc quay tròn, cô vấp phải tôi, ngược nhìn. Tôi thấy trên mặt cô có nhiều bộ mặt đôi khác tiếp liền nhau – sợ hãi, tức giận, mỉm cười. Cái mỉm cười cuối cùng thẳng thắn, một nụ cười mơ hồ về như hướng về một kẻ nào đó không phải tôi. Cô nắm tay tôi. Cả hai lao xuống ngọn đồi.

Lúc đầu cô ta nói không ngớt miệng. Cái giọng tẩm rượu không giữ được bình thường, lúc thì thằm, lúc gằn như thét lên. Khoác tay tôi, chốc chốc cô bị vấp và rửa lên một tiếng, vội đưa bàn tay che miệng làm ra bộ vui vẻ hồn nhiên. Hoặc đột nhiên cô bứt khỏi cánh tay tôi, vẻ giận dữ, để rồi ngay sau lại ôm chặt vai. Tôi đoán cô bạn đang diễn một tấm kịch vui tình tứ đã chuẩn bị từ lâu – một trò nhằm chứng tỏ cho bạn tình rằng cô chẳng phải bất cứ ai. Nhưng trong cơn say, cô lẫn lộn thứ tự các màn xem. Còn tôi, diễn viên tồi, tôi lặng đi, bị mê hoặc trước cái sự hiện diện phụ nữ đột nhiên với tới được này và nhất là cái cơ hội dễ dàng kỳ lạ là thân hình này, sắp sửa hiến dâng cho mình. Tôi vốn tưởng sự hiến dâng này phải là tiếp theo sau một hành trình tiến tới dần lâu dài và chậm rãi, sau hàng ngàn lời nói, một thuật tán tỉnh khôn khéo. Tôi lặng im cảm thấy một bầu vú phụ nữ be bé ép vào cánh tay tôi. Thế rồi cô bạn thêm của tôi, cứ huyền thuyên không dứt, gạt phắt cứ chỉ sàm sỡ của một con ma táo bạo, phùng má mấy giây để tỏ ra giận dữ, rồi lại ôm áp người tình tượng tượng trong một ánh mắt cô nghĩ là mơ màng thật ra chỉ là mờ mịt vì rượu và kích thích.

Tôi dẫn cô đến cái nơi duy nhất có thể đón tiếp tình yêu của chúng tôi – đến cái đảo nổi hồi đầu hè tôi đã cùng Pachka rình nhìn cô gái điếm với bọn lính.

Trong bóng đêm, chắc là tôi đã lạc hướng. Sau một lát dò dẫm lang thang giữa mớ thuyền bè đang ngủ, chúng tôi dừng lại trên cái gì như cái phà nát một bên thành phà bị vỡ chìm trong nước.

Cô ta đột ngột im lặng. Chắc cô đã dần dần tỉnh rượu. Tôi đứng bất động, đối diện với vẻ chờ đợi căng thẳng của cô trong bóng tối. Quý xuống, tôi sờ thử các tấm ván, quơ vớt xuống nước khi một túm cháo cùn, khi thì một mảnh rêu khô. Do vô tình lúc đang mãi làm tôi chạm phải bắp đùi cô ta. Ngón tay tôi lướt phải làm cô nổi da gà.

Cô lặng im cho đến lúc cuối. Mắt nhắm, cô dường như xa vắng, phó mặc cho tôi cái thân hình đang khe khẽ run rẩy... Chắc là tôi làm cô rất đau do những động tác vội vàng. Cái hành động mơ ước xiết bao lún chìm trong một mớ những thao tác vụng về vướn vít. Cuộc làm tình, như người ta nói, giống như một cuộc lục soát vội vã, nóng nảy. Đầu gối, khuỷu tay cứng còng va đập vào nhau lục cà lục cục.

Thú vui tựa như ngọn lửa diêm trước cơn gió lạnh – một ngọn lửa cháy vừa đủ thời gian để đốt bỏng ngón tay trước khi tắt, để lại một chấm sáng chói loà trong mắt.

Tôi thử hôn cô (tôi nghĩ lúc này người ta người ta phải làm thế); tôi cảm thấy dưới miệng tôi cặp môi cô cắn chặt...

Nhưng điều làm tôi kinh hoàng nhất, là một giây sau tôi chẳng cần đến môi cô ta, cũng chẳng cần đến cặp vú nhọn trong áo lót mở phanh, chẳng cần đến cặp đùi mỏng mã cô vừa lẹ tay kéo váy xuống. Thân thể cô đối với tôi thành dửng dưng, vô tích sự. Đắm chìm trong niềm thoả mãn nhục thể ngây dộn, tôi tự bằng lòng với bản thân. “Có làm sao cô ta lại còn nằm dài ra đấy, nửa trần truồng nhỉ?” Tôi bực bội tự hỏi. Tôi cảm thấy cộm trên lưng lớp mặt ván lồi lõm, trong lòng bàn tay – mấy cái giằm chích đau nhói. Gió có cái vị hăng hắc nước tù hãm.

Có lẽ đã xảy ra, trong quãng thời gian khuya đêm này, một sự quên lãng nhất thời, một giấc ngủ chợp đi mấy phút. Vì tôi không thấy chiếc tà thủy đi tới. Chúng tôi mở mắt lúc cả cái khối trắng toát của nó, rục ánh đèn, đã lù lù hiện ra. Tôi cứ tưởng nơi trú ẩn này vốn nằm ở góc tận cùng một trong vô số những vũng nhỏ ngồn ngang xác tàu thuyền han gỉ. Nhưng điều ngược lại đã xảy ra. Hai đũa trong bóng tối đã đi tới đầu mút một mũi đất thò ra hầu như tận giữa sông. Chiếc tàu chở khách với ba tầng lầu sáng trưng đèn xuôi dòng Vôn ga đột nhiên dựng sừng sừng cái nền trời sẫm. Mọi người đang khiêu vũ ở boong trên rục rỡ ánh đèn. Bản nhạc tăng gô ấm nóng rót lên đầu, bao trùm chúng tôi. Cửa các buồng ca bin với ánh sáng mờ dịu hơn, dường như nghiêng xuống để chúng tôi thâm nhập vào không khí thân tình trong đó:...Sóng dội do tàu thủy đi qua mạnh đến nỗi thuyền chúng tôi quay nhanh nửa vòng, chóng mặt. Chiếc tà với ánh đèn và âm nhạc dường như lượn vòng chung quanh chúng tôi... Đúng lúc ấy cô gái nắm chặt tay tôi, áp sát vào ngực tôi. Sức ấm nóng nồng nàn thân mình cô dường như hoàn toàn quy tụ trong lòng bàn tay tôi, tựa hồ một con chim hôi hôi phập phồng. Cánh tay cô, dáng hình cô mềm mại như cái bó hoa súng mà có hôm tôi lợi hái cuốc thành một ôm những thân hình mườn mượt...

Nhưng chiếc tàu thủy đã hoà tan vào bóng tối. Âm vang bài tăng gõ lịm tắt. Trong chuyến đi tới Astrakhan nó đem ban đêm theo cùng. Không khí quanh chúng tôi rạng lên một màu sáng nhợt ngập ngừng. Chúng tôi cảm thấy lạ lùng lúc này mình đang ở giữa một dòng sông lớn, trong cánh bình minh lấp ló, trên sàn ván ướt một bề gỗ. Phía bờ những đường viền cảng sông dần rõ nét.

Cô gái chẳng đợi tôi. Không quay nhìn, cô chuyển từ thuyền này sang thuyền khác. Cô chạy trốn – với vẻ vội vã bức bối của một vũ nữ ba lê sau bước nhảy hụt. Tôi nhìn đôi theo cuộc trốn chạy nhấp nhô này, tim ngừng đập. Bất cứ lúc nào cô cũng có thể trượt ngã trên gỗ ướt, sụt chân trên ván cầu iu mục, rơi xuống nước giữa hai chiếc thuyền đang khép lại trên đầu. Luồng mắt tôi căng căng dõi theo, giữ được cô trong trò lướt bay xuyên qua sương sớm này.

Lát sau tôi thấy cô lần bước ven bờ sông. Giữa cảnh im lặng, cát ướt sào sạo dưới bước chân cô. Đó là một phụ nữ cách đây một khoảnh khắc còn gần gũi với tôi xiết bao, giờ đây xa dần. Tôi cảm thấy một nỗi đau buồn hoàn toàn mới: một người phụ nữ đang rời xa, cắt đứt những mối liên hệ vô hình vẫn đang ràng buộc chúng tôi với nhau. Và cô ta, nơi đó trên bờ sông vắng bỗng biến thành một con người kỳ lạ - một người phụ nữ tôi yêu và giờ đây cách biệt xa lạ đối với tôi, lát nữa cô ta sẽ chuyện trò với người khác, mỉm cười... Sóng!

Cô quay nhìn khi nghe bước chân tôi chạy theo. Tôi thấy gương mặt nhợt nhạt của cô, mái tóc cô, giờ đây rõ ra là màu nâu rất sáng. Cô không mỉm cười chỉ lặng lẽ nhìn tôi. Tôi chẳng còn nhớ nữa điều tôi muốn nói với cô khi cách đây một phút tôi nghe tiếng cát ướt sào sào dưới gót giày cô. “Anh yêu em” sẽ là một dối trá chẳng thể buột ra khỏi miệng. Chỉ có chiếc váy đen nhàu nhụa, chỉ có hai cánh tay mỏng mảnh như tay trẻ con, đối với tôi vượt lên tất cả mọi lời “anh yêu em” trên thế gian này. Gọi ý với cô hôm nay hoặc ngày mai gặp lại là điều không thể hình dung nổi. Cái đêm giữa hai chúng tôi chỉ có thể là duy nhất. Giống như chuyến tàu thủy lướt qua, như giấc mơ chập chờn hai đứa, như thân hình cô trong hơi mát con sông lớn thiu thiu.

Tôi gắng nói với cô điều đó. Tôi nói huyền thuyên về tiếng cát sào sào dưới chân cô, về nỗi cô đơn của cô trên bờ sông này, về đáng yếu ớt mảnh dẻ của cô khiến tôi nghĩ đến những nhành hoa súng. Đột nhiên với một niềm vui sắc nhọn, tôi cảm thấy cũng phải nói với cô về chiếc ban công bà Charlotte, về những cuộc trò chuyện ban đêm ở thảo nguyên, về ba người phụ nữ duyên dáng giữa một sáng thu ở Champs Elvsées...

Gương mặt cô cau lại vẻ vừa khinh khinh vừa lo lắng. Môi cô run lên:

- Anh ốm hay sao đấy? Cô cắt lời tôi với tí ngàn ngạt giọng mũi kiêu như bọn con gái chỗ sàn nhảy nói với những anh chàng bám lẳng nhặng để xua đuổi chúng.

Tôi đứng sững. Cô bỏ đi, leo về phía các toà nhà đầu tiên trên khu cảng và nhanh chóng lẫn biến trong bóng đồ sộ của chúng. Đám công nhân bắt đầu xuất hiện nơi công xưởng.

Mấy hôm sau, trong đám tụ hội ban đêm ở nhà khiêu vũ, tôi nghe thấy mấy cậu bạn học chuyện trò mà không biết tôi đang đứng rất gần. Chúng kể là một cô bạn nhảy trong lớp chúng phàn nàn về một bạn trai nào đó không biết làm tình, chúng dùng những từ sòng sạo hơn kia, cô ta lại còn kể những tình tiết hài hước (“cười vỡ bụng” một cậu nhún thềm) về cách ứng xử của anh bạn. Tôi lắng nghe, chờ đợi một vài mách bảo về chuyện ngủ nghề. Đột nhiên tên anh bạn trai bị giấu được nêu ra: Frantsouz... Đó là cái tên anh em gọi đùa tôi, thực tình tôi cũng tự hào. “Frantsouz” – người Pháp, theo tiếng Nga. Giữa loạt cười ran, tôi nhận ra tiếng hai cậu bạn đang nhìn bàn nhau: “Nhớ săn sóc con bé, tối nay, sau khi nhảy. Cả hai đưa mình, đồng ý chứ?”.

Tôi đoán vẫn là chuyện cô gái nọ. Tôi rời chỗ nấp bước ra phía cửa. Chúng nó nhìn thấy tôi. “Frantsouz! Frantsouz...” tiếng thì thào ấy đuổi theo tôi một lát, rồi chìm lấp trong làn sóng nhạc đầu tiên.

Ngày hôm sau, không bao với ai, tôi đi Saranza.

PHẦN IV

1

Chính lúc này ở Pháp tôi suýt quên vĩnh viễn cái nước Pháp của bà Charlotte.

Mùa thu ấy, hai mươi năm đã trôi qua từ cái thời ở Saranza. Tôi nhận thức được cái quãng cách ấy – quãng cách thiêng liêng “hai mươi năm sau” – hôm mà đài phát thanh nơi tôi làm việc phát buổi cuối cùng bằng tiếng Nga. Buổi chiều khi rời phòng biên tập, tôi hình một khoảng không rộng vô tận, mở hoác ra giữa thành phố Đức này và nước Nga ngủ thiu thiu trong tuyết. Toàn bộ cái không gian khuya đêm này hôm qua còn vang vang giọng nói chúng tôi từ nay sẽ tắt ngúm trong cái rè rè âm âm của làn sóng được lặng nghỉ... Mục tiêu những buổi phát thanh ly khai và lật đổ đã đạt. Vương quốc để chế thức dậy, cởi mở ra với phần còn lại thế giới. Đất nước này sắp sửa đổi tên, đổi chế độ, lịch sử, biên giới. Một đất nước khác sắp ra đời. Người ta không cần đến chúng tôi nữa. Người ta đóng cửa đài phát. Các đồng nghiệp tôi âm ỉ trao đổi cùng nhau những lời từ biệt nồng nhiệt giả tạo rồi mỗi người đi một ngả. Một số muốn làm lại cuộc đời tại chỗ, số khác xếp hành lý sang Mỹ. Số khác nữa, những anh chàng kém thực tế nhất, mơ cuộc trở về sẽ đưa họ trở lại dưới những cơn bão tuyết cách đây hai mươi năm... Chẳng một ai nuôi ảo tưởng. Chúng tôi biết rằng chẳng phải chỉ một đài phát thanh biến mất, mà cả cái thời đại chúng tôi. Tất cả những gì chúng tôi đã nói, viết, suy nghĩ, đả kích hoặc bảo vệ, tất cả những gì chúng tôi từng yêu, ghét, kính hãi – tất cả mọi thứ ấy thuộc về cái thời đại kia. Chúng tôi đứng trước cảnh trống rỗng này như những nhân vật nạn bằng sáp trong một phòng trưng bày, những di vật của một vương quốc đã chết.

Trong chuyến tàu đưa tôi đến Paris, tôi thử đặt một cái tên cho tất cả những năm sống Saranza. Lưu đày như một phương thức tồn tại? Mối lo toan tất yếu thiên cận để sống? Một cuộc đời chỉ sống một nửa và chung

quy là hồng phí? Ý nghĩa những năm ấy tôi thấy như không rõ ràng. Tôi bèn chuyển đổi chúng thành những cái mà người ta coi là những giá trị bền chắc của đời mình: những kỷ niệm về tâm trạng chơ vơ mãnh liệt (“Từ ngày ấy, ta đã nhìn thấy toàn bộ thế giới!” tôi tự nhủ với một vẻ huênh hoang trẻ con), những thân hình phụ nữ từng ôm ấp...

Nhưng các kỷ niệm vẫn cứ là tẻ nhạt, các thân hình tro tro kỳ lạ. Hoặc đôi khi chúng chọc thủng bóng mờ ký ức với cái nhìn trần trần nhón nhác của người già ở hiệu may.

Không, những năm ấy chỉ là một hành trình dài thỉnh thoảng tôi tìm ra được một mục đích. Tôi bịa ra cái mục đích ấy lúc khởi hành, hoặc dọc đường, thậm chí lúc đến nơi khi cần phải giải thích sự hiện diện của mình ngày hôm ấy, ở đất nước ấy chứ không phải đất nước khác.

Vâng, một cuộc du hành từ chẳng một nơi nào cả đến một chốn khác nào đó. Ngay lúc nơi dừng lại bắt đầu quyến luyến lưu giữ tôi lại trong lề thói sống thường ngày dễ chịu, tôi lại phải lên đường. Cuộc du hành này chỉ gồm hai thì: cảnh đến trong một thành phố xa lạ và cảnh giã biệt một thành phố mà các mặt nhà vừa mới chớm run rẩy dưới luồng nhìn... Cách đây sáu tháng, tôi đến Munich và khi đi ra khỏi nhà ga, tôi tự nhủ với nhiều óc thực tế là tìm một khách sạn rồi một căn hộ ở gần nhất với công việc tại phát thanh.

Ở Paris, buổi sáng, tôi có ảo giác thoáng qua về một cuộc trở về thật sự: trong một đường phố không xa nhà ga mấy, một đường phố còn chưa thật tỉnh giấc trong sáng sớm mù sương ấy, tôi nom thấy một cửa sổ mở và bên trong của một căn phòng biểu lộ một niềm yên tĩnh giản đơn hằng ngày nhưng bí ẩn đối với riêng tôi, với cây đèn thấp sáng trên bàn, một tủ thấp cũ bằng gỗ màu sẫm, một bức tranh hơi long ra trên tường. Tôi rùng mình vì vẻ ám áp thân mật thoáng gặp này, cảm thấy nó cũ càng và thân thuộc xiết bao... Leo lên thang máy, gõ cửa, nhận ra một gương mặt, xướng tên để người ta nhận ra mình... Tôi vội xua đuổi cái cảm giác gặp lại kia mà tôi cho chỉ là dấu hiệu thói ủy mị tình cảm của một kẻ lang thang.

Cuộc sống hao mòn đi nhanh chóng. Thời gian ngưng đọng, từ này chỉ được nhận thấy qua việc gót giày mòn đi trên nhựa đường ẩm ướt, qua các thứ âm thanh nối tiếp nhau chẳng bao lâu đã thuộc lòng, bay lượn trong không khí từ sáng đến tối dọc các hành lang khách sạn. Cửa sổ phòng tôi nhìn ra một tòa nhà đang phá dỡ. Một bức tường dán giấy màu đứng thẳng giữa đồng vôi gạch vụn. Gắn trên mảng tường màu ấy, một chiếc gương, không khung, phản chiếu chiều sâu nhẹ thoáng bầu trời. Mỗi sáng, tôi tự hỏi có còn tìm thấy lại cái ánh phản quang ấy khi vén ri đô không. Ý tưởng phân vân ban mai ấy cũng đánh nhịp cho cái thời gian bất động mà tôi ngày càng quen dần. Và cả cái ý tưởng một ngày kia cũng phải chấm dứt cảnh sống này, phải phá bỏ cái chút ít còn nối liền tôi với những ngày thu này, thành phố này, tự sát không chừng – cả đến ý tưởng như vậy chẳng bao lâu cũng trở thành thói quen... Và khi, một sáng, nghe tiếng đất đá đổ đánh rầm và sau ri đô thấy một khoảng trống bụi mù thay chỗ bức tường – ý tưởng kia tôi cảm thấy nó như là một sự ra đi kỳ diệu rút lui khỏi cuộc chơi.

Tôi nhớ lại chuyện ít hôm sau đó... Tôi đang ngồi trên ghế dài, giữa một đại lộ mù mịt mưa bụi. Đang giữa cơn sốt làm tê cứng cả người, tôi cảm thấy trong tôi có cuộc đối thoại lặng lẽ giữa một đứa trẻ đang sợ hãi và một người đàn ông: người lớn này, vốn cũng đang lo lắng, cố an ủi đứa trẻ bằng cách nói với nó giọng giả vờ vui vẻ. Cái giọng khích lệ ấy bảo tôi rằng tôi có thể đứng dậy quay lại tiệm cà phê làm một cốc rượu nữa và ngồi một tiếng trong nhà ấm cúng. Hoặc thậm chí thử lưu lại thêm một đêm nữa ở khách sạn mà không có tiền trả. Hoặc tiện dịp thì ghé vào hiệu thuốc ở góc phố, ngồi trên chiếc ghế bọc da, không động đậy, không nói năng, và khi người ta xúm quanh, tôi thì thào rất khẽ: “Để cho tôi yên một phút nơi sáng sủa ấm áp này. Tôi sẽ đi ngay, tôi xin hứa...”.

Không khí buồn buồn trên đường phố đọng thành cơn mưa bay liên miên không dứt. Tôi đứng dậy. Cái giọng an ủi đã im tiếng. Tôi cảm thấy đầu mình như bọc trong cục bông nóng bỏng. Tôi chú ý tránh người khách qua đường đang dắt tay một cô bé. Tôi sợ làm em bé kinh hãi với bộ mặt phùng phùng, chân tay rét run cầm cập... Muốn vượt qua đường, tôi vấp phải vỉa hè, tay chơi vơi như làm xiếc trên dây. Một chiếc ô tô phanh kít, suýt va vào tôi sát sạt. Cánh cửa xe quẹt lướt lên bàn tay tôi. Anh lái xe không quên hạ kính cửa ném vào tôi câu chửi. Tôi thấy anh ta nhăn mặt, nhưng lời lẽ lợt

đến tai tôi như nút bông rất chậm. Cùng lúc, ý nghĩ đơn giản này lóe trong đầu tôi: “Điều mình cần lúc này là cái này. Cái va đập với kim loại, nhưng phải dữ dội hơn nữa. Cái va đập khiến mình vỡ đầu, vỡ cổ, vỡ ngực. Cái va đập kèm theo sự im lặng tức thì, vĩnh viễn”. Mấy tiếng còi huýt chọc thủng tâm mù sương cơn sốt đốt mặt tôi cháy hừng. Rất phi lý tôi hình dung một anh cảnh sát đang đuổi theo tôi. Tôi bước nhanh hơn, lội trong bãi cỏ ướt. Tôi nghẹt thở. Mắt tóe vô vàn những tia sắc nhọn. Tôi cứ muốn chui xuống đất như con vật.

Chiếc cổng lớn mở hoác kia hút tôi vào trong cái trống rỗng mù sương một lối đi rộng phía bên trong. Tôi như bơi bơi giữa hai hàng cây, trong không khí còi huýt the thé. Tôi rẽ sang một lối hẹp hơn, trượt trên đá lát trơn, chui tọt vào những khối vuông kỳ cục màu xám. Cuối cùng kiệt lực tôi ngồi sụp xuống một khối. Tiếng còi huýt còn vang lên một lát nữa rồi im lặng. Từ xa tôi nghe cái chấn song cửa ồng rín rít. Trên bức tường xộp khối vuông, tôi đọc những chữ mà chưa hiểu ý nghĩa ngay: *Đất nhượng vĩnh viễn. Số... Năm 18...*

Từ một nơi nào đó sau rặng cây, một tiếng còi rít lên, tiếp sau là câu trò chuyện. Hai người gác đi ngược tới.

Tôi từ từ gượng dậy. Và xuyên qua cái mệt mỏi dờ dẩn thời kỳ ủ bệnh, tôi cảm thấy trên môi thoáng nở nụ cười: “Sự cười nhạo cũng nên liệt vào lẽ thường vạn vật. Ngang như luật hấp dẫn vậy.”

Tất thấy các cổng lớn khu nghĩa địa lúc này đã đóng cửa. Tôi đi vòng cái hốc khám thờ nhà mồ nơi hồi nãy tôi ngã phía đằng sau. Tấm cửa kính mở ra dễ dàng. Bên trong có vẻ khá rộng. Sàn gạch lát, ngoài bụi và vài ba cái lá rụng, nom sạch sẽ khô ráo. Tôi đứng không còn vững nữa, bèn ngồi bệt rồi nằm nhoài ra. Trong bóng tối đầu tôi đụng phải một vật bằng gỗ. Đưa tay sờ, đó là một chiếc ghế cầu kính. Tôi đặt gáy lên lần nhưng sờn cũ. Kỳ quặc thay, mặt vải như còn ấm, cứ như thể ai vừa quỳ lên đây.

Hai ngày đầu tôi chỉ rời nơi ẩn náu khi đi mua bánh mì hoặc tắm rửa. Sau đó quay về ngay, nằm dài, chìm vào cơn uể oải run rẩy chỉ tạm ngưng ít phút khi còi huýt báo giờ đóng cửa nghĩa địa. Chiếc cổng lớn rít kèn kẹt

giữa làn sương, và thế giới thu hẹp lại giữa mấy bức tường đá lỗ chỗ mà tôi có thể sờ thấy bằng cách giang rộng hai tay, giữa ánh mờ tấm kính cửa mộ, giữa cái lặng im rền vang mà tôi tưởng nghe thấy dưới những phiến đá lát, dưới người tôi...

Tôi lẫn lộn nhanh chóng chuỗi ngày tháng tiếp theo đó. Chỉ nhớ có một chiều tôi thấy hơi đỡ hơn. Lững thững bước, neho mắt che bớt ánh mặt trời đã trở lại, tôi quay về... nhà. Nhà tôi! Vâng, tôi nghĩ thế, tôi ngạc nhiên nhận ra mình nghĩ thế và bật lên cười đến nỗi ho sặc sụa khiến người qua đường quay nhìn. Cái hốc khám thờ này, xây từ hơn một thế kỷ trong khu vực nghĩa địa ít được thăm viếng vì không có mộ nổi tiếng – nhà tôi đấy. Tôi kinh hãi nghĩ là từ bé tôi không hề dùng cái từ này.

Chính chiều hôm ấy, dưới ánh nắng thu chiếu lên hốc khám thờ, tôi đọc thấy những chữ ghi trên các tấm cẩm thạch gắn trên tường. Thực ra đây là một nhà thờ nhỏ trong khu nghĩa địa của các gia đình Belval và Castelot. Những câu tóm tắt ghi trên các bia mộ kể lại tiểu sử người đã chết.

Tôi đang quá yếu mệt. Tôi đọc một vài câu rồi ngồi xếp trên đá lát, thờ đốc như vừa gắng gỏi quá sức, đầu choáng váng réo ong ong. *Sinh ngày 27 tháng chín 1837 ở Bordeaux. Mất ngày 4 tháng sáu 1888 tại Paris.* Chắc có lẽ những chữ ghi ngày tháng này đã làm tôi chóng mặt. Tôi cảm nhận thời gian của họ với tính nhạy cảm của kẻ bị ảo giác. *Sinh ngày 6 tháng ba 1849. Chúa gọi về ngày 12 tháng chạp 1901.* Các khoảng cách ấy chứa đầy những tiếng rì rầm, những dáng người, những hành động trộn lộn lịch sử và văn chương. Cả một làn sóng hình ảnh trào dâng, những hình ảnh mãnh liệt và hết sức cụ thể khiến tôi hầu như rã rời. Tôi tưởng nghe tiếng sột soạt chiếc áo dài người phụ nữ nọ bước lên xe ngựa. Bà ta tụ hội trong cử chỉ đơn giản này những ngày xa xăm của tất cả các phụ nữ vô danh từng đã sống, yêu, đau khổ, từng đã nhìn thấy bầu trời này, hít thở không khí này... Tôi cảm thấy như sờ mó được dáng cứng đờ đến rứt cổ của các vị chức sắc nọ trong bộ lễ phục đen: mặt trời, quảng trường một thành phố tỉnh lẻ, những bài diễn văn, những biểu hiện của nền cộng hòa mới tinh khôi... Các cuộc chiến tranh, cách mạng, đám quân chúng hung nhúc, các lễ hội đông cứng lại giây phút trong một nhân vật, một giọng nói, một bài hát, một loạt súng chào, một bài thơ, một cảm giác – rồi dòng thời gian lại tiếp tục chảy giữa

ngày tháng sinh và ngày tháng chết. *Sinh ngày 26 tháng tám 1861 973 Biarritz. Mất ngày 11 tháng hai 1922 ở Vincennes...*

Tôi lần bước từ mộ chí này đến mộ chí khác: *Đại úy long kỵ của Hoàng hậu. Thiếu tướng sư đoàn. Họa sĩ Lịch sử, thuộc các đoàn quân Pháp: Phi Châu, Ý, Xiri, Méhicô. Tổng quản đốc. Chủ tịch tiểu ban thuộc Hội đồng Nhà nước. Nữ sĩ văn chương. Nguyên tổng kiểm toán Thượng nghị viện. Trung úy tiểu đoàn 224 Bộ binh. Huy chương chữ thập đỏ hình lá cọ. Chết cho nước Pháp...* Đó là những hình bóng một đế quốc từng chói sáng khắp hoàn cầu... Bia mộ mới nhất cũng là ngắn gọn nhất: *Françoise, 2 tháng mười một 1952 – 10 tháng năm 1969...* Mười sáu tuổi, thêm lời nào nữa là thừa.

Tôi ngồi trên các viên đá lát, nhắm mắt. Tôi cảm thấy trong tôi độ dày đặc chứa chan rung cảm của mọi cuộc đời kia. Không hề tìm cách diễn đạt ý nghĩ, tôi lầm bầm:

- Ta ước đoán ra khí hậu những ngày họ sống và ngày họ chết. Điều bí ẩn của việc ra đời kia ở Biarritz, ngày 26 tháng tám 1861. Tính cá biệt khó bề quan niệm về việc sinh ra này ở đúng Biarritz, ngày ấy cách một thế kỷ. Và ta cảm nhận vẻ mỏng manh khuôn mặt biến đi ngày 10 tháng năm 1969, ta cảm nhận nó như một xúc động mãnh liệt chính bản thân tôi đã trải... Những cuộc đời không quen kia ta thấy thật gần gũi.

Nửa đêm tôi đi ra. Bức tường rào bằng đá nơi này không cao. Nhưng mép dưới tà áo măng tô móc phải một mũi sắt cắm dọc tường. Tôi suýt ngã nhào. Trong bóng tối, con mắt xanh lè một cây đèn đường vẽ một dấu hỏi. Tôi rơi xuống một lớp lá rụng dày. Tôi cảm thấy rơi lâu, có cảm giác rơi vào một thành phố xa lạ. Nhà cửa nơi này vào ban đêm, nom giống như công trình kỷ niệm một thành phố bỏ phế. Không khí có mùi lá rừng ướt át.

Tôi đi xuống một đường phố hoang vắng. Và chẳng các đường phố tôi men theo đều đi xuống – cứ như đẩy tôi xuống tới tận đáy cái thành phố khổng lồ mờ đục này. Máy chiếc ô tô lác đác tôi gặp làm ra bộ mở hết tốc lực lao thẳng để tránh xa nơi này. Một kẻ vô gia cư khi tôi đi qua, cựa quậy trong tấm mai rùa bằng bìa dày. Anh ta thò đầu, cửa hàng phía trước chiếu sáng vào. Đó là một dân châu Phi, mắt sung đượm một vẻ điên rồ nhẵn

nhìn, bình thản. Anh ta mở miệng nói. Tôi ghé xuống nhưng không hiểu gì sất. Chắc là ngôn ngữ quê anh ta. Những tờ bìa dùng làm nơi trú ẩn đây những chữ tượng hình.

Khi tôi vượt sông Seine, trời bắt đầu rạng. Từ nãy giờ tôi bước như người mộng du. Niềm run rẩy khoan khoái lúc bình phục đã tan biến. Tôi có cảm giác đang bị bõm trong bóng mờ còn dày đặc các tòa nhà. Con chóng mặt uốn cong mọi cảnh sắc, cuốn tròn chúng lại quanh tôi. Các tòa nhà chồng chất dọc cả sông và hòn đảo nom giống như bức phong bài trí điện ảnh khổng lồ trong bóng tối khi các đèn chiếu đã tắt. Tôi chẳng còn nhớ tại sao tôi lại rời khu nghĩa địa.

Trên chiếc cầu gỗ nhỏ, tôi quay người lại nhiều lần. Tôi tưởng như nghe thấy tiếng bước chân phía sau lưng. Hoặc tiếng mạch máu đập rần rật bên thái dương. Những tiếng ấy càng dội to thành thạch ở một con đường dốc lồi tôi đi như xe trượt tuyết. Tôi quay phắt lại. Dường như nom thấy một dáng phụ nữ, mặc áo măng tô dài, đang lướt dưới một bức vòm. Tôi đứng thẳng, mặt rữa, tựa vào tường. Thế giới tan rã, bức tường chao nghiêng dưới bàn tay, các cửa sổ tuôn chảy rỉ rỉ dọc mặt tiền các nhà xám xịt...

Mấy chữ kẻ trên một tấm kim loại đen sì bỗng xuất hiện như có phép thần. Tôi bám víu vào lời truyền đạt: một người sắp sửa đắm chìm trong cơn say rượu hoặc điên cuồng cũng bám víu kiểu như vậy trong một phương ngôn mà nội dung lô gích nhằm tế nhưng đầy hiệu nghiệm giữ anh ta lại phía bên này sự vật... Tấm bảng gắn cách mặt đất một mét. Tôi đọc đi đọc lại ba bốn lần chữ ghi trên đó:

VỤ LỤT THÁNG GIÊNG 1910

Chẳng phải một kỷ niệm, mà là chính bản thân cuộc sống. Không, tôi không sống lại, mà tôi đang sống. Những cảm giác về như rất tầm thường. Hơi nóng tấm lan can gỗ chiếc ban công lơ lửng giữa trời một chiều hè. Những hương vị khô nồng cây cỏ. Tiếng còi xa xa rầu rĩ con tàu hỏa. Tiếng sột soạt khẽ khàng những trang giấy trên đầu gối một phụ nữ ngồi giữa những cành hoa. Mái tóc bạc của bà. Giọng nói bà... Và tiếng sột soạt ấy, giọng nói ấy giờ đây trộn lẫn với tiếng xào xạc lá cành đặng liễu – tôi đang sống bên bờ con sông hẻo lánh trong cái mênh mông đẫm nắng thảo

nguyên. Tôi nom thấy người phụ nữ tóc hoa râm ấy đắm chiều giữa cơn mơ mộng trong sáng bước thong thả trong làn nước và vẻ như trẻ trung biết bao. Và cái ấn tượng trẻ trung ấy chở tôi lên sàn ngoài chiếc toa tàu bay xuyên qua cánh đồng óng ánh mưa và ánh sáng. Người phụ nữ trước mặt mỉm cười với tôi vừa gạt những món tóc ướt trên trán. Lông mi bà lấp lánh ngũ sắc dưới nắng chiều tà...

VỤ LỤT, THÁNG GIÊNG 1910. Tôi nghe cái im lặng mù sương, tiếng sóng vỗ óc ách một chiếc thuyền đi qua. Một cô bé gái, trán tì của kính, nhìn ra mặt nước màu nhợt nhạt trên đường phố ngập lụt. Tôi sống mãi liệt xiết bao cái buổi sáng tĩnh lặng kia trong một căn phòng lớn ở Paris đầu thế kỷ... Và buổi sáng ấy mở tiếp ra một buổi sáng khác, với tiếng sỏi rào rạo trong một lối đi được cây cối mùa thu nạm vàng. Ba người phụ nữ mặc áo dài lụa đen, đội mũ rộng vành dắt dây mạng che và lông chim, đi xa dần như thể đem theo với mình cái khoảnh khắc ấy, mặt trời của nó và không khí một thời đại trôi mau... Một buổi sáng khác: bà Charlotte (giờ đây tôi nhận ra bà) bên cạnh một người đàn ông, trong những đường phố đầy âm thanh của cái thành phố Neuilly tuổi thơ của bà. Charlotte, với dáng vui vẻ điềm chút e thẹn, chơi trò người hướng dẫn. Tôi tưởng nhận ra vẻ trong trẻo ánh sáng ban mai trên mỗi viên đá lát, nom thấy cái phập phồng từng chiếc lá, hình dung ra thành phố xa lạ này trong ánh mắt người đàn ông cùng là phối cảnh của các đường phố đã quá quen thuộc dưới con mắt của Charlotte.

Lúc bấy giờ tôi hiểu là hòn đảo Atlantide của bà Charlotte đã giúp tôi thoáng thấy, từ lúc còn thơ bé nét hài âm bí ẩn của những khoảnh khắc vĩnh cửu. Chúng vạch ra từ đó, mà tôi không hề biết, như một đời sống khác, vô hình, khó thể nói rõ ra, bên cạnh cuộc đời tôi. Cũng giống như người thợ mộc ngày ngày đóng ghế hoặc bào ván không nhận ra là những đặng ten vô bào tạo trên đất một bức trang trí óng ánh nhựa, chất nhựa trong suốt này hôm nay thì thu hút ánh mặt trời xuyên qua cửa sổ hẹp bề bộn dụng cụ, ngày mai – ánh biêng biếc làn tuyết.

Đời sống ấy giờ đây biểu lộ ra chính nó mới là cốt yếu. Cần phải khiến cho nó nảy nở trong tôi, chưa biết bằng cách nào đây. Phải học ôn lại những gam khoảnh khắc ấy bằng công việc lặng thầm của ký ức. Học cách phòng giữ tính vĩnh hằng của chúng trong cái lẽ thói quen thuộc những cử chỉ

thường ngày, cái cung cách uể oải những từ ngữ tế nhị. Sống, ý thức về sự vĩnh hằng kia.

Tôi quay về phía nghĩa địa đúng trước khi đóng cổng. Chiều hôm ấy sáng trời. Tôi ngồi trên ngưỡng cửa và viết trong cuốn sổ địa chỉ từ lâu đã thành vô dụng:

Tình thế tôi ở thế giới bên kia thật tuyệt vời, không những để khám phá ra cái đời sống cốt yếu, mà còn tái tạo nó bằng cách ghi chép trong một văn phong đang cần phải phát minh ra. Hoặc đúng hơn, văn phong này từ nay sẽ là cách sống của tôi. Tôi sẽ không còn đời sống nào khác ngoài những cái khoảnh khắc kia sống lại trên trang giấy...

Thiếu giấy, bài tuyên ngôn của tôi sắp sửa tạm dứt. Viết nó là một cử chỉ hết sức quan trọng cho dự định của tôi. Trong bản tín điều kiểu khoa trương này, tôi khẳng định là chỉ có các tác phẩm sáng tạo bên bờ huyết mộ, hoặc khi đã ở thế giới bên kia mới chống lại được thử thách của thời gian. Tôi viện dẫn chứng động kinh người này, bệnh hen và căn phòng lót bàn kê khác, cảnh sống lưu vong, còn thắm thía hơn cả hàm giam, vân vân.. Giọng điệu đại cà sa trong lời tuyên bố quan điểm này sẽ biến đi nhanh chóng. Nó được thay bằng cuốn sổ “giấy nháp” tôi mua hôm sau với đồng tiền cuối cùng và ở trang đầu tôi ghi rất đơn giản:

Charlotte Lemonnier. Tiểu sử tóm tắt.

Vả chăng, ngay sáng hôm ấy, tôi vĩnh viễn rời khỏi cái hốc khám thờ gia đình Belval và Castelot... Nửa đêm tôi thức giấc. Một ý nghĩ vô lý, điên rồ vừa xuyên qua óc tôi, như một viên đạn vạch đường. Tôi phải nói to thành tiếng để đo thử cái hiện thực phi thường của nó:

- Nếu như bà Charlotte vẫn còn sống thì sao?

Sững sờ, tôi hình dung bà đi ra chiếc ban công đầy hoa, cúi xuống một cuốn sách. Từ rất nhiều năm tôi không nhận được tin tức gì từ Saranza. Vậy bà Charlotte có thể vẫn tiếp tục sống đại khái như trước đây, như hồi tôi còn

bé. Như thế thì lúc này bà hơn tám mươi, nhưng trí nhớ tôi không hình dung được bà trong tuổi ấy. Với tôi, bà bao giờ cũng là bà của một thời.

Chính lúc ấy giấc mơ của tôi vẽ thành hình. Chắc quầng sáng giấc mơ đã đánh thức tôi dậy. Tìm lại bà Charlotte, đưa bà về Pháp...

Tính thiếu hiện thực trong dự kiến do một kẻ lang thang vạch trên tấm đá lát một hốc khám thờ đã quá hiển nhiên nên tôi chẳng tìm cách chứng minh làm gì. Tôi tạm thời quyết định không nghĩ vào chi tiết, cứ sống mà giữ trong đáy mỗi ngày cái hi vọng phi lý ấy. Sống với cái hy vọng ấy.

Đêm ấy tôi không thể ngủ lại được nữa. Quàng áo măng tô tôi đi ra ngoài. Cái ẩm áp cuối thu đã nhường chỗ cho gió bắc. Tôi đứng thững nhìn những làn mây thấp nhuốm dần màu xám nhợt.

Tôi nhớ một hôm, trong một câu nói vui chẳng có gì vui, bà Charlotte bảo là sau các cuộc hành trình xuyên qua nước Nga, đi bộ sang Pháp chẳng có gì là không thể được.

Thời kỳ đầu, trong những tháng dài lang thang cực khổ, giấc mơ điên của tôi gần giống như sự thách thức đáng buồn ấy. Tôi hình dung ra một người phụ nữ bận đồ đen, lúc tỉnh mơ một sáng mùa đông u ám, bước vào một thành phố nhỏ nơi biên giới. Mép tà áo lấm blem bùn, chiếc khăn quàng lớn thấm đầy sương lạnh. Bà đẩy cửa một tiệm cà phê ở góc một quảng trường nhỏ ngái ngủ, ngồi bên cửa sổ cạnh một lò sưởi điện. Bà chủ bung ra một chén trà. Bà khách nhìn qua cửa kính những ngôi nhà trát vữa sơ sài, khẽ thăm thì: “Đây là nước Pháp... Ta đã trở về Pháp... Sau... sau cả một cuộc đời”.

Ra khỏi hiệu sách, tôi đi xuyên qua thành phố và bước lên chiếc cầu bắc trên khoảng rộng chói nắng sông Garonne. Tôi tự nhủ trong các phim ngày xưa có cái mẹo hay hay để bay vượt trong vài ba giây nhiều năm của cuộc đời các nhân vật. Động tác ngừng lại và trên phông đen hiện lên dòng ghi kiểu thực thà không úp mở tôi vốn thích: “Hai năm sau” hoặc “Ba năm qua đi”. Nhưng ngày nay còn ai dám dùng cái phương pháp lỗi thời ấy nữa?

Tuy nhiên khi bước vào hiệu sách vắng vẻ kia, giữa một thành phố nhỏ bức ngót người, và khi tìm thấy trên kệ cuốn sách vừa in của tôi, đúng là trong trí đã nảy ấn tượng kia: “Ba năm qua đi”. Khu nghĩa địa, cái khám thờ dòng họ Belval và Castelot, và cuốn sách kia giữa mớ các bìa sách nhiều màu, dưới mục: “Sách mới tiêu thuyết Pháp”...

Sang chiều, tôi đến khu rừng xứ Landes. Tôi nghĩ từ đây tôi sẽ đi hai ngày hoặc có thể hơn nữa và tiên cảm thấy phía sau những đồi núi nhấp nhô phủ đầy thông là sự chờ đợi từ bao đời bất diệt của đại dương. Hai ngày, hai đêm... Nhờ cuốn sổ “ghi chép”, thời gian dồn lại dày đặc kỳ lạ. Sống trong dĩ vãng của bà Charlotte, vậy mà tôi dường như chưa bao giờ cảm nhận cái hiện tại mãnh liệt đến thế! Chính những phong cảnh thời trước đã tạo nên một chiều nổi bật đặc biệt cho mảng bầu trời này giữa các chùm lá kim, cho khu rừng thưa này dội ánh chiều tà vàng rực lên như một dòng hồ phách.

Sáng sớm lúc lên đường lại (một góc thông khĩa vò hôm qua tôi không chú ý đang nhều từng giọt như nước mắt), vô cớ tôi nhớ lại cái gian hàng hôm qua trong góc hiệu sách: “Văn học Đông Âu”. Những cuốn sách lần đầu tiên của tôi có đó, đứng bên nhau, gây niềm bàng hoàng hoang tưởng tự đại, giữa những cuốn sách của Lermontov và Nabokov. Về phần tôi, đó là một mẹo lừa phỉnh văn chương không hơn không kém. Vì rằng các cuốn này đã được viết thẳng bằng tiếng Pháp và bị nhà xuất bản từ chối: tôi là “anh người Nga kỳ cục đi nghĩ chuyện viết văn tiếng Pháp”. Tuyệt vọng, tôi bèn bịa ra một người dịch thuật và gửi bản thảo, giới thiệu nó như dịch từ tiếng Nga. Nó đã được nhận, được xuất bản và khen ngợi về chất lượng

dịch. Tôi tự nhủ, lúc đầu thì trong tâm trạng chua chát, về sau với nụ cười mỉm là cái tai họa Pháp – Nga vẫn còn đeo đẳng lấy tôi. Có điều, nếu như khi còn bé tôi bắt buộc phải giấu cái mầm ghép Pháp thì giờ đây chính lai lịch Nga của tôi lại trở thành đáng trách.

Chiều tôi đọc lại mấy trang cuối cuốn sổ “ghi chép”.

Trong một đoạn ghi hôm qua, tôi viết: “Một đứa bé hai tuổi đã chết trong cái nhà gỗ ghép lớn đối mặt với tòa nhà bà Charlotte ở. Tôi thấy bố đứa bé đặt lên tay vịn bậc tam cấp một cái hòm thuẫn dài phủ vải đỏ - một quan tài be bé! Cái kích thước búp bê khiến tôi kinh hãi. Tôi phải kiếm ngay tức thì dưới bầu trời này, trên mặt đất này, một nơi có thể hình dung em bé ấy đang sống. Cái chết một sinh vật trẻ hơn tôi đặt vấn đề phải xem xét lại toàn bộ thế giới. Tôi lao đến bà Charlotte. Bà nhận ra niềm khắc khoải của tôi và nói một điều vừa kỳ lạ vừa thật đơn giản: “Cháu có nhớ hồi mùa thu có đàn chim đi trú đang bay không? – Vâng, chúng đã bay qua phía trên sân nhà ta rồi mất hút. – Đúng thế, nhưng chúng vẫn đang bay đến nơi nào đó ở các đất nước xa xôi, có điều ta kém mắt, ta không nom thấy được. Với người chết cũng vậy thôi...”

Xuyên qua giấc ngủ, tôi tưởng nghe thấy tiếng cành lá xao động dữ dội hơn và dai dẳng hơn. Cứ như gió không hề ngừng thổi một giây lát nào. Sáng ra tôi nhận thấy đó là tiếng rì rào của biển khơi. Hôm qua vì quá mệt tôi dừng lại nghỉ ở chỗ giáp ranh nơi rừng núi lún sâu vào những đụn cát ngầm chân trong sóng mà không hay.

Suốt buổi sáng tôi thơ thẩn trên bờ vắng dỗi theo cảnh nước dâng từ từ khó nhận ra... Khi nước biển bắt đầu rút, tôi lại lên đường. Chân trần đi trên cát ướt và dẽ, giờ đây tôi tiến về phía nam. Tôi vừa đi vừa nghĩ đến chiếc túi mà chị tôi và tôi hồi bé gọi là “cái túi Cầu mới”, nó chứa đựng những viên sỏi bọc trong mẫu giấy. Có một “Fécamp”, một “Verdun” và cũng có một “Biarritz”, mà cái tên gợi nhớ đến chất thạch anh hơn là đến một thành phố chúng tôi không hề biết... Tôi sẽ còn đi dọc bờ biển mười mười hai ngày nữa để tìm lại cái thành phố này mà một mẫu bé tẹo của nó đã thất lạc nơi nào đó ở chốn hang cùng ngõ hẻm thảo nguyên Nga.

Đến tháng chín, qua trung gian một ông Alex Bond nào đó, tôi nhận được những tin tức đầu tiên về Saranza.

Cái “ông Bond” này kỳ thực là người Nga chuyên kinh doanh, một đại diện rất đặc trưng của thể hệ “người Nga mới” thời bấy giờ khiến người ta bắt đầu chú ý đến trong tất cả các thủ đô Tây Âu. Họ chặt cụt tên đi, giả làm như tên Mỹ, đồng hóa mình mà thường là không hề biết với những nhân vật tiểu thuyết trinh thám hoặc những người ngoài trái đất trong các truyện khoa học viễn tưởng những năm năm mươi. Lần đầu tiên gặp, tôi có khuyen ông Alex Bond này, tức Alexis Bondartchenko, nên Pháp hóa tên mình thành Alexis Tonnelier thay vì cắt cụt nó như vậy. Không hề cười, ông ta giải thích cho tôi cái lợi của một tên ngắn và nghe êm tai trong công việc kinh doanh... Tôi có cảm tưởng ngày càng hiểu ít hơn đất nước Nga mà tôi nom thấy xuyên qua những cái tên Bond, Kondrat, Fed...

Ông ta đi Matxcova và nhận lời rẽ thêm một vòng, xúc động vì khía cạnh tình cảm lời tôi nhớ. Đến Saranza, bước đi trong đường phố của nó, gặp bà Charlotte, giờ đây tôi hình dung còn xa xôi kỳ quặc hơn là du hành tới một hành tinh khác. Alex Bond đã tới đó “giữa hai chuyến tàu”, theo cách ông ta nói. Và chẳng đoán rõ bà Charlotte với tôi là như thế nào, ông nói qua điện thoại hư người ta thường tin cho nhau sau kỳ nghỉ mát:

- Ôi giờ, Saranza như cái hũ nút ấy! Nhờ anh tôi khám phá ra cái nước Nga sâu kín kia, ha ha. Bao nhiêu những đường phố đều dẫn ra thảo nguyên. Còn cái thảo nguyên thì chẳng chấm dứt nơi nào hết... Bà ấy khỏe, bà ngoại anh ấy, anh đừng lo lắng gì cả. Vâng, bà còn rất năng động. Khi tôi đến bà cụ không có nhà. Hàng xóm bảo là bà cụ đi họp. Các bà con trong chung cư có lập một ủy ban ủng hộ gì gì đấy, để cứu một cái isba cũng già hai thế kỷ. Thế là bà cụ anh... Không, tôi không gặp mặt bà cụ, tôi kẹt giữa hai chuyến tàu, và tối ấy bằng bất cứ giá nào tôi cũng phải có mặt ở Matxcova. Nhưng tôi có để lại ít chữ... Anh có thể về thăm bà cụ. Bây giờ thì người ta cho vào tuốt. Ha ha ha, cái màn sắt chỉ còn là chiếc rá lọc thoi, người ta bảo thế.

Tôi chỉ có giấy tờ là dân lưu vong, cộng một giấy chứng nhận cho phép đi “tất cả các nước trừ Liên Xô”. Sau hôm nói chuyện với anh chàng “Nga mới” tôi đi đến Sở Cảnh sát hỏi cách thức xin nhập quốc tịch. Tôi cố kìm không cho lên tiếng cái ý nghĩ dằn vặt cứ âm ỉ trong trí: “Từ nay cứ phải đương đầu với cuộc chạy đua vô hình chống lại đồng hồ. Bà Charlotte đang ở cái tuổi mà mỗi năm, mỗi tháng có thể là năm tháng cuối cùng”.

Vì lẽ ấy nên tôi chẳng muốn viết thư cũng chẳng muốn gọi điện thoại. Tôi mê tín sợ sẽ làm tổn hại đến dự kiến bằng vài câu nói băng quơ. Tôi phải kiếm nhanh một giấy thông hành Pháp, rồi đến Saranza, ở lại nhiều tối với bà Charlotte và đưa bà sang Paris. Tôi hình dung ra việc thực hiện mọi động tác ấy trong cảnh gián đơn chớp nhoáng như mơ. Rồi đột nhiên hình ảnh ấy mờ mịt đi và tôi thấy mình bị dính bết vào một khối nhão nhót ngăn cản mọi cử động của tôi: Thời gian.

Hồ sơ người ta bảo tôi tập hợp khiến tôi yên tâm: chẳng có chứng từ nào không thể tìm ra, chẳng có cạm bẫy nào về mặt giấy tờ hành chính. Duy việc đi khám bệnh để lại một ấn tượng khó chịu. Lần khám ấy chỉ có năm phút và thật ra cũng khá sơ sài: tình trạng sức khỏe tôi tỏ ra phù hợp với quốc tịch Pháp. Sau khi nghe tim phổi, bác sĩ bảo tôi cúi xuống đụng ngón tay lên đất mà vẫn giữ chân thẳng. Tôi liền làm theo. Chính sự vội vã quá đáng đã gây cho tôi cái tâm lý bất ổn kia. Bác sĩ vẻ hơi ngượng lúng búng: “Cảm ơn, tốt”. Cứ như ông sợ tôi thuận đà lặp lại cái cúi mình lần nữa. Thường khi, một điểm nhỏ nhất trong thái độ đủ để thay đổi ý nghĩ những tình huống rất đổi ngày thường: hai người, trong một phòng khám chật hẹp, dưới ánh đèn sáng trắng, sống sượng; một người bỗng nhiên khom lưng, đụng tay lên mặt đất hầu như cạnh bàn chân người thứ hai và giữ nguyên như vậy một lát như thể đợi sự chuẩn y của người kia. Khi ra ngoài đường, tôi nghĩ đến những trại giam nơi người ta chọn lọc các người tù bằng những thử nghiệm về thể chất tương tự. Nhưng điều suy nghĩ này rõ ràng quá ư phóng đại cũng không giải thích được tâm lý bất ổn của tôi.

Chính ra là do ở nhiệt tình khi tôi làm theo lệnh bác sĩ. Tôi tìm thấy điều này lúc xem lại các trang hồ sơ. Tôi thấy là cái ý muốn thuyết phục ai đó đều có mặt khắp nơi. Và tuy trong bản câu hỏi điều tra không ai hỏi, tôi đã ghi cái lai lịch Pháp xa xôi của tôi. Vâng, tôi đã nói về bà Charlotte cứ như

thể muốn ngăn ngừa trước mọi ý kiến bác bỏ hoặc làm tiêu tan trước mọi sự hồ nghi. Và lúc này tôi không thể nào gạt bỏ được cảm giác là đã phản bội bà.

Cần phải đợi nhiều tháng nữa. Người ta nói với tôi thời hạn. Thời hạn cuối cùng là tháng năm. Và ngay tức thì, những ngày mùa xuân này vẫn còn khá hư hư thực thực chứa đầy một độ sáng đặc biệt, tách rời khỏi vòng tròn ngày tháng và làm thành một vũ trụ sống theo nhịp điệu riêng, dưới một khí hậu riêng.

Với tôi, đó là thời kỳ của công việc chuẩn bị, nhưng nhất là của những cuộc trò chuyện dài lặng lẽ với bà Charlotte. Khi đi trong đường phố, lúc này tôi có cảm giác quan sát phố phường bằng con mắt của bà. Nhìn như bà tôi có thể nhìn, khu cảnh vắng kia nơi những cây dương dưới cơn gió, dường như chuyển cho nhau một lời nhắn thắm thì cần kíp; cảm nhận, như bà đã có thể cảm nhận, cái vang động của những viên gạch lát trên khu quảng trường nhỏ mà vẻ tĩnh lặng tĩnh nhỏ giữa thành phố Paris áp ủ niềm cảm dỗ về một hạnh phúc giản dị, về một cuộc sống không rõ ràng.

Tôi hiểu là suốt trong ba năm sống trên đất Pháp, tôi không bao giờ ngừng nghiền ngẫm điều dự kiến chậm chạp thắm kín ấy. Từ hình ảnh mơ hồ người phụ nữ bận đồ đen đi bộ qua một thành phố biên giới, giấc mơ của tôi hướng tới một cái nhìn thực tế hơn. Tôi thấy mình đi đón bà ngoại ở nhà ga, đưa bà về khách sạn nơi bà sẽ sống suốt những ngày ở Paris rồi khi thời kỳ nghèo khổ tới tận nhất chấm dứt, tôi bèn hình dung một căn phòng tiện nghi hơn phòng khách sạn nơi đó bà Charlotte cũng được thoải mái hơn.

Chính có lẽ nhờ những mơ ước như vậy mà tôi đã có thể chịu đựng cảnh khốn cùng và nhục nhã thường là cay nghiệt thường đi theo những bước đi đầu tiên trong cái thế giới nơi cuốn sách, cái bộ phận dễ bị tổn thương nhất của bản thể chúng ta, biến thành hàng hóa. Một món hàng hóa bán đấu giá, bày trên sạp ở chợ giời. Giấc mơ của tôi là một thuốc giải độc. Và cuốn sổ “ghi chép” – một nơi trú ẩn.

Trong những tháng ngày chờ đợi ấy, địa hình Paris đang thay đổi. Như trên một số bản đồ các quận được tô màu khác nhau, thành phố trong mắt tôi chứa đầy những sắc điệu dồi dào nhiều vẻ do sự hiện diện bà Charlotte tôi vẽ nên. Có những đường phố tĩnh lặng đắm nắng từ sáng sớm, gìn giữ giọng nói của bà. Những thêm tiệm cà phê nơi tôi đón bà đang ngồi nghỉ sau cuộc đi dạo. Một mặt nhà, một tấm kính ghép màu, dưới mắt bà, đượm lằn hoen phơn phớt niềm tưởng nhớ.

Cái địa hình mơ ước ấy để lại nhiều khoảng trống trong bức tranh ghép mảnh màu các quận. Đường đi hai bà cháu, rất tự nhiên thôi, sẽ tránh xa những trò kiến trúc táo bạo mấy năm gần đây. Những ngày bà sống ở Paris sẽ quá ngắn ngủi. Bà cháu sẽ không đủ thời gian thuần hóa bằng mắt tất cả những hình chóp mới, những tháp thủy tinh và vòm. Những dáng hình của chúng sẽ đông cứng lại trong một ngày mai vị lai chủ nghĩa kỳ quặc, chẳng thể quấy rối cái hiện tại vĩnh cửu là cuộc đi dạo của bà cháu.

Tôi cũng không muốn bà Charlotte xem khu phố tôi ở... Tay Alex Bond đến gặp tôi đã kêu lên, giọng nhạo báng: “Mà này, trời đất ơi, chẳng phải nước Pháp ở đây mà là châu Phi!” Và anh ta lao vào một cuộc thuyết trình mà nội dung khiến tôi nhớ lại lời lẽ của vô khối người “Nga mới”. Có đủ tất cả trong đó: sự suy thoái của châu Âu trắng, sự xâm lăng của những man di mới (“gồm cả người Slave chúng ta”, hẳn thêm cho công bằng), sẽ có một ông Mhomet mới đốt trụ các trung tâm văn hóa nghệ thuật bọn châu Âu, một Gengis Khan chấm dứt mọi kiểu chào hỏi dân chủ dân chiếc. Nhân cảnh đám người da màu cứ lượn qua lượn lại không dứt trước sân thềm chúng tôi ngồi, anh ta nảy ý thuyết trình, trộn lộn những dự kiến về ngày tận thế, với hy vọng một châu Âu tái sinh bằng dòng máu trẻ của đám man di, những hứa hẹn của một cuộc chiến tranh giữa các tộc người và niềm tin tưởng ở một cuộc lai giống toàn thế giới. Đề tài lôi cuốn anh. Hẳn anh ta cảm thấy lúc thì đứng về phía phương Tây đang hấp hối vì da anh ta trắng và nền văn hóa châu Âu anh ta thừa hưởng, lúc lại đứng về phía người Hung nô mới. “Không, các vị muốn nói gì thì nói, nhưng quả thực là có lắm lắm kiểu dân quá thể”, anh ta kết thúc bài diễn văn, quên rằng một phút trước, anh tin tưởng là chính bọn kiểu dân sẽ cứu vớt cái lục địa cũ kỹ này.

Cái Paris mà tôi dự định đưa bà Charlotte đi khám phá lại là một Paris không đầy đủ, thậm chí hão huyền ở một khía cạnh nào đấy. Tôi nhớ lại hồi

ức của Nabokov trong đó ông nhắc lại người ông nội sống những ngày cuối cùng và từ trên giường ông cụ có thể thấy, phía sau làn vải riđô dày, ánh mặt trời phương nam và những chùm hoa mimôza. Ông cụ mỉm cười, tưởng mình đang ở Nice, trong ánh sáng mùa xuân. Cụ không hề ngờ là ông đang chết ở Nga, giữa mùa đông, và cái mặt trời kia là một cây đèn do cô con gái đặt sau ri đô để tạo cho cụ cái ảo tưởng êm dịu kia.

Tôi biết là bà Charlotte, trong khi nhất nhất đi theo hành trình tôi vạch ra, sẽ trông thấy hết. Cây đèn phá sau ri đô sẽ không đánh lừa được bà. Tôi hình dung cái liếc mắt nhanh bà ném sang tôi trước một bức tượng hiện đại rồi rầm. Tôi nghe lời bà bình phẩm, điểm một giọng hài hước rất tinh tế, càng tế nhị thì càng làm nổi bật tính khiêu khích thô thiển toát từ tác phẩm. Bà cũng sẽ đến xem khu phố tôi ở, mặc dù ý tôi muốn tránh... Bà sẽ một mình, lúc tôi vắng nhà, đi tìm căn nhà nọ ở phố Ermitage, nơi ngày xưa anh lính Đại chiến ở, người đã cho bà một mẫu sắt mà bọn trẻ chúng tôi gọi là “Verdun”.

Tôi lại cũng biết là tôi sẽ cố hết sức để đừng nói đến các cuốn sách. Và tuy vậy bà cháu sẽ cứ nói đến, nói nhiều, thường mãi đến khuya. Vì nước Pháp, hiện ra một ngày giữa thảo nguyên của Saranza, chính nhờ sách mà tôi biết là có nó. Đúng, chính là một đất nước có tính sách vở tiêu biểu nhất, một đất nước gồm những từ ngữ, nơi các dòng sông tuôn như suối trong những khổ thơ, nơi những người phụ nữ khóc bằng thơ mười hai âm tiết và những người đàn ông đối đáp nhau trong những bài vè. Lúc nhỏ, tôi khám phá ra nước Pháp kiêu như vậy, xuyên qua đời sống văn học, qua chất liệu ngôn ngữ đúc khuôn trong một bài thơ xon nê và được một tác giả gọt giũa. Thần thoại gia đình chúng tôi chứng nhận rằng một cuốn sách nhỏ bìa sờn cũ gáy mạ vàng mờ xin thường đi theo bà Charlotte trong tất cả mọi chuyến đi. Như mối liên hệ cuối cùng với nước Pháp. Hoặc giả như một khả năng ổn định không hề đổi của ma thuật. “Có một điệu hát mà tôi muốn đánh đổi tất cả để gìn giữ lấy...” – Đã bao lần, trong sa mạc tuyết, những câu thơ kia đã xây đắp nên “một lâu đài bằng gạch và trụ đá với những cửa kính màu đỏ nhạt...” Nước Pháp thực sự trong trí chúng tôi hòa lẫn với văn chương của nó. Và văn chương thực sự, ấy là cái ma thuật khiến cho mỗi từ, mỗi khổ, mỗi đoạn thơ đưa chúng tôi vào một khoảnh khắc vĩnh cửu của cái đẹp.

Tôi rất muốn nói với bà Charlotte rằng cái văn chương ở Pháp đã chết. Và trong mớ vô vàn cuốn sách ngày nay mà tôi đọc ngẫu nhiên từ thời đầu cuộc sống ẩn cư kiểu nhà văn của tôi, tôi cố tìm vô hiệu cuốn sách mà tôi có thể hình dung bà cầm trong tay, giữa một ngôi nhà isba Xibêri. Vâng, một cuốn sách mở, với tia nước mắt long lanh trong mắt bà.

Trong những cuộc chuyện trò tưởng tượng với bà Charlotte, tôi trở lại với tuổi niên thiếu. Thái độ bôn-sê-vích thời trẻ, bị dập tắt từ lâu trước những thực tại hiển nhiên của sự sống, lại thức dậy. Lần nữa tôi cố tìm một cuốn sách mới, duy nhất, tôi mơ một cuốn sách khả dĩ bằng vẻ đẹp của nó làm lại thế giới. Và tôi nghe thấy tiếng bà tôi, thông cảm mỉm cười, như ngày xưa ở Saranza, trên ban công:

- Cháu có nhớ ba căn phòng hẹp ở Nga đổ oằn dưới đống sách không? Ừ, sách dưới gầm giường, sách trong nhà bếp, ở lối ra vào, chồng lên tận trần. Lại có những sách hiếm mượn đọc một đêm sáng mai đúng sáu giờ phải trả. Lại có những cuốn khác chép lại bằng máy chữ, sáu tờ giấy than một lần, bản thứ sáu gần như chẳng đọc được, gọi là “mù”... Thấy không, khó mà so sánh. Ở Nga, nhà văn là một vị chúa. Người ta đợi ở ông ta vừa là chuyện phán xét cuối cùng vừa là vương quốc thiên đường. Cháu đã nghe nói đến giá cuốn sách ở đó bao giờ chưa? Không, vì sách là vô giá mà lại! Người ta có thể không mua một đôi giày và chịu tê cóng chân vào mùa đông, nhưng người ta mua một cuốn sách...

Bà Charlotte ngắt lời như để cho tôi hiểu chuyện sùng bái sách chỉ còn là một kỷ niệm.

“Nhưng cái cuốn sách duy nhất, cuốn sách tuyệt đối kia, vừa là phán xét vừa đồng thời là vương quốc?” Anh chàng thanh niên vừa trở lại trong tôi kêu lên.

Tiếng thì thầm bồn chồn ấy bứt tôi ra khỏi cuộc tranh luận tưởng tượng. Xấu hổ như kẻ bị bắt quả tang đang lăm nhảm một mình, tôi nhìn thấy lại tôi đang là gì đây. Một người hoa chân múa tay giữa căn phòng tối. Một chiếc cửa sổ đen đập vào tường gạch chẳng cần có ri đô chẳng cần có cánh cửa con. Một căn phòng bước ba bước là hết, nơi đồ đạc do thiếu chỗ dính bết nhau, ghéch lên nhau, nhằng nhịt vào nhau: máy chữ cũ, bếp điện, ghé,

kệ, hoa sen, bàn, quần áo móc trên tường như những bóng ma. Và khắp chốn những tờ giấy, mẩu bản thảo, những cuốn sách tạo cho gian phòng đầy ngồn ngồn một kiểu điên rồ rất hợp lý. Sau kính cửa, cảnh tượng một đầu hôm mùa đông mưa phùn, - và cái bài hát A rập, vừa rền rĩ vừa hớn hờ tuôn chảy từ dãy nhà hư nát trong khu phố quanh co. Và cái người đàn ông kia mặc chiếc măng tô cũ kỹ màu sáng (trời rất rét). Anh ta đeo tất tay hở ngón để có thể đánh máy. Anh ta đang nói hướng về một người phụ nữ. Anh ta nói với tấm lòng tin cậy mà người ta ít khi có cả khi nói với chính mình. Anh hỏi chuyện bà tôi về cuốn sách duy nhất, tuyệt đối, mà không sợ mang tiếng là ngây ngô hoặc thống thiết một cách lộ bịch...

Trước khi ngủ thiếp tôi nghĩ là khi đến Pháp, bà Charlotte sẽ gắng tìm hiểu văn chương giờ đây là như thế nào, cái văn chương mà một số cuốn sách từng tạo thành như một quần đảo Pháp đối với bà, ở Xibêri. Tôi hình dung một đêm, khi vào trong căn buồng bà sẽ ở, tôi chợt thấy trên mép bàn hoặc bậu cửa sổ - một cuốn sách để mở, một cuốn sách mới phát hành mà bà Charlotte đọc lúc tôi đi vắng. Tôi nghiêng xuống các trang và luồn mắt rơi xuống những dòng này.

Quả đúng là cái buổi sáng êm dịu nhất của mùa đông năm ấy. Mặt trời ló sáng như vào những ngày đầu tháng tư. Băng giá tan và cỏ ướt lóng lánh đêm sương... Đã để suốt cả buổi sáng duy nhất ấy nhớ lại hàng nghìn chuyện với một tâm trạng càng lúc càng u sầu - tôi đã quên khu vườn cũ và chiếc mầm nho nơi cuộc đời đã được quyết định dưới bóng cây ấy... Sống theo hình ảnh của vẻ đẹp kia, đó là điều mà tôi muốn biết cách làm. Vẻ minh bạch của xứ sở này, vẻ trong suốt, chiều sâu và điều huyền diệu trong sự gặp gỡ giữa ngược, đá và ánh sáng, đó là cái nhận thức duy nhất, niềm đạo lý đầu tiên. Sự hài hoa này chẳng phải ảo tưởng. Nó có thực, và đối mặt với nó tôi cảm nhận thấy sự cần thiết của lời nói...

Những người trẻ sắp cưới trước ngày kết hôn, hoặc những người vừa dọn đến nhà mới, hẳn cảm thấy mỗi vui nhận thấy cái thường ngày đã biến mất. Mấy ngày lễ cưới rộn rịp hoặc cảnh bề bộn đầy thích thú lo sắp xếp nhà mới sẽ còn lưu lại mãi trong trí, làm thành cái chất liệu cốt tử, nhẹ nhàng và hóm hờ, của cuộc sống bản thân.

Tôi sống trong tâm trạng hào hứng say sưa như vậy những tuần cuối chờ đợi. Rồi chiếc phòng nhỏ, tôi thuê một căn hộ mà biết chỉ có thể có tiền trả khoảng bốn năm tháng nữa. Điều này chẳng làm tôi quan tâm. Từ căn phòng nơi bà Charlotte sẽ đến ở có thể nhìn thấy các mái nhà màu xanh xám trải rộng phản chiếu bầu trời tháng tư... Tôi đi vay chỗ này chỗ nọ sắm bàn ghế, màu cửa, thảm trải nhà và tất cả các thứ dụng cụ linh tinh mà trước đây tôi bắt cần lúc ở nơi cũ. Và chẳng căn phòng vẫn còn trống, tôi ngủ trên nệm. Chỉ có cái buồng bà tôi sắp về ở giờ đây mới có vẻ tươm tất phần nào.

Tháng năm càng tới gần thì cái tâm trạng hồ hởi chẳng chút âu lo, cái con diên tiêu pha càng tăng. Tôi đến các nhà buôn đồ cũ mua những đồ vật vĩnh theo tôi sẽ tạo thêm linh hồn cho căn buồng vẻ như quá tầm thường. Trong tiệm đồ cổ, tôi nom thấy một cây đèn bàn, ông chủ thấp lên cho tôi xem thử, tôi hình dung gương mặt bà Charlotte dưới ánh chao đèn. Tôi không thể đi ra mà không có cây đèn này. Tôi chất lên kệ những cuốn sách gáy da, những họa báo đầu thế kỷ. Mỗi tối, trên chiếc bàn tròn giữa gian buồng đã được trang trí, tôi dàn bày chiến lợi phẩm: nửa tá cốc, một chiếc đàn ống cũ, một tập bưu ảnh cổ xưa...

Tôi hoài công tự nhủ là bà Charlotte sẽ chẳng bao giờ chịu xa cách lâu ngày Saranza nhất là phần mộ ông Fidor, và chẳng bà cũng sẽ thoải mái trong buồng khách sạn hơn là trong cái nhà bảo tàng ứng tác này, tôi cứ vẫn không ngừng mua sắm, hoàn chỉnh. Vì là con người ta, mặc dù am hiểu sự thần diệu của trí nhớ, am hiểu nghệ thuật tái tạo một khoảnh khắc đã biến mất, vẫn cứ gắn bó với những vật thờ sờ mó được của quá khứ! Cũng như người làm ảo thuật đã được Chúa truyền cho phép thần thông biến hóa, vẫn

tin cậy hơn vào tài khéo léo bàn tay và chiếc hòm hai đáy có lợi thế là không phá rối giác quan của mình.

Và điều thần diệu thực sự, tôi biết, sẽ biểu lộ ra trong ánh biêng biếc các mái nhà, trong vẻ mảnh mai thanh thoát các đường nét phố phường ngoài kia cửa sổ mà bà Charlotte sẽ mở sáng tinh mơ sau hôm bà đến. Và trong âm thanh lạnh lạnh những câu tiếng Pháp đầu tiên bà trao đổi với ai đó ở một góc phố...

Vào một trong những đêm cuối thời kỳ chờ đợi, tôi bất chợt thấy mình đang cầu nguyện... Không, chẳng phải một bài kinh cầu nguyện đúng kiểu, đúng phép tắc. Tôi chẳng hề học một bài nào, do từng sống dưới ánh sáng giải ngộ của một chủ nghĩa vô thần đượm tính chiến đấu hầu như nhiệm màu tôn giáo trong cuộc viễn chinh bền bỉ chống Chúa trời. Không, đây là một kiểu cầu xin tài tử vu vơ hướng tới một đẳng vô danh nào đó. Bất quá tang mình đang làm cái hành động khác thường này, tôi vội tự cười nhạo. Tôi nghĩ, chiều theo thái độ bàng bở thời qua, tôi đã có thể kêu lên như anh chàng thủy thủ trong một truyện ngắn của Voltaire: “Tôi đã bước bốn lần lên cây thánh giá trong bốn chuyến đi Nhật Bản!” Tôi tự cho là kẻ nghịch đạo, kẻ thờ thần tượng. Nhưng những câu diễn cợt không ngăn được lời thì thầm mơ hồ trong bụng. Giọng của nó có gì hơi trẻ con. Cứ như thể tôi đề xuất với người đối thoại vô danh một giao kèo: tôi chỉ còn sống hai mươi năm ư, mười lăm năm ư, tốt thôi, thậm chí chỉ mười năm, cốt nhất là cuộc gặp gỡ này, những giây phút tìm thấy nhau lại này sẽ thành hiện thực...

Tôi đứng dậy, đẩy cửa phòng bên cạnh. Trong bóng mờ đêm mùa xuân, gian phòng như đang thức, đang âm thầm chờ đợi. Cả đến chiếc quạt, thực ra mới mua cách vài hôm, dường như cũng đã ở trên chiếc bàn thấp này từ bao năm, trong ánh mờ cửa kính.

Đó là một ngày hạnh phúc. Một trong những ngày biêng nhác màu xám lạt vào giữa những lễ hội đầu thánh năm. Buổi sáng, tôi đóng lên tường phía cửa ra vào một chiếc mắc áo to. Người ta có thể treo lên đó ít ra một chục áo. Thậm chí tôi cũng không tự hỏi là sang hè có cần đến nó không.

Cửa sổ buồng bà Charlotte vẫn để mở. Lúc này, giữa những khung mái nhà óng ánh bạc, thấy thấp thoáng những mảng sáng cảnh lá mới.

Sáng nay tôi viết thêm một đoạn ngắn cho sổ “ghi chép”. Tôi nhớ có một hôm, ở Saranza bà Charlotte có kể về những ngày sống ở Paris sau Đại chiến. Bà kể là cái thời hậu chiến này, mà chẳng ai ngờ chỉ là thời giữa hai chiến tranh, trong không khí có cái gì hoàn toàn giả tạo. Một cái vui mừng hớn hờ giả, một sự lãng quên quá dễ dàng. Làm bà nhớ lại một cách kỳ quặc những lời quảng cáo đọc trong báo chí thời chiến: “Hãy sưởi ấm mà không cần than!”. Kèm theo lời giải thích là sử dụng các “cục giấy”. Hoặc nữa: “Hỡi các bà nội trợ, hãy giặt giũ mà không cần đun nước!” thậm chí: “Các bà nội trợ, hãy tiết kiệm: Món thịt bò hầm mà không cần lửa!”... Charlotte hy vọng là khi trở về cùng với bà Albertine mà bà đi gặp ở Xibêri, cả hai sẽ tìm thấy lại nước Pháp thời trước chiến tranh...

Khi ghi lại mấy dòng này, tôi nghĩ là sắp sửa có dịp đặt bao nhiêu câu hỏi cho bà Charlotte, tìm hiểu bao nhiêu tình tiết, chẳng hạn, ông đàn ông mặc áo dài hẹp tà trong một bức ảnh gia đình là ông nào, và vì sao một nửa bức ảnh đã bị cắt đi cẩn thận. Còn người đàn bà kia là ai, cái bà mặc áo bông mà sự hiện diện vào Thời đại Tao nhã khiến tôi ngày xưa lấy làm lạ.

Một buổi xế trưa khi đi khỏi nhà tôi thấy chiếc phong bì này trong hộp thư. Màu vàng sáng, nó mang tiêu đề Sở Cảnh sát. Đứng giữa vỉa hè, tôi xé lóng ngóng và mở rất lâu.

Mắt hiểu nhanh hơn trí óc, nhất là khi đó là một tin mới mà trí óc không muốn hiểu. Trong một phút giây phân vân ngẩn ngui, luồng nhìn cố đập tan chuỗi dài cay nghiệt từ ngữ, cứ như nó có thể thay đổi nội dung bức thư trước khi trí nghĩ nắm được ý nghĩa của nó.

Các con chữ nhảy nhót trước mắt tôi, bắn lổ chỗ vào tôi bằng những từ, những mẫu câu. Rồi cái từ cốt yếu, in bằng con chữ đậm tách rời nhau như để dẫn từng âm tiết, nặng nề nhất mạnh: KHÔNG THỂ CHẤP NHẬN. Và trộn lẫn với nhịp đập mạch máu bên thái dương, những công thức giải thích tiếp vào: “Tình thế của ông không đáp ứng...”, “thực vậy ông không hội đủ...” Tôi đứng lạng không động đậy ít ra một khắc đồng hồ, mắt nhìn trân

trên vào lá thư. Cuối cùng tôi đi về phía trước mà chẳng còn nhớ định đi đâu.

Lúc bấy giờ tôi chưa nghĩ đến bà Charlotte. Điều khiến tôi đau khổ trong những phút đầu tiên này là nhớ lại lần đi khám sức khỏe chỗ bác sĩ: vâng, cái cúi mình phi lý đến tận đất và kiêu hãnh hái của tôi lúc này tôi cảm thấy vừa vô ích vừa nhục nhã.

Chỉ lúc về đến nhà tôi mới ý thức thật rõ về điều xảy ra cho tôi. Tôi treo áo vét vào mắc áo. Sau cánh cửa đằng cuối, tôi thấy căn buồng bà Charlotte... Vậy là chẳng phải Thời gian (Ồi cần phải dè chừng biết bao các thứ chữ hoa!) có nguy cơ làm hỏng dự kiến của tôi, mà là sự quyết định của anh viên chức bình thường kia bằng vài ba câu trên một tờ giấy đánh máy. Một người mà tôi sẽ không bao giờ biết, anh ta cũng chỉ biết tôi qua bản khai điền câu trả lời. Quả thực lẽ ra tôi phải hướng những lời cầu nguyện tài tử tới anh ta...

Ngay hôm sau một gửi đi một lá đơn xin xét lại. Chưa bao giờ tôi viết một bức thư cá nhân có tính giả dối đến thế, vừa kiêu kỳ một cách ngờ nghệch lại vừa quy lụy cầu xin.

Tôi chẳng còn chú ý chuyện ngày tháng trôi đi. Tháng năm, tháng sáu, tháng bảy. Có cái căn phòng kia mà tôi choán đầy những đồ vật và cảm giác xưa cũ, có cái bảo tàng mà tôi là kẻ bảo quản vô dụng. Và sự vắng mặt của người tôi đang chờ đợi. Còn cuốn “ghi chép” tôi chẳng viết thêm một câu nào từ hôm bị khước từ. Tôi biết rằng chính nội dung bản thảo này lệ thuộc vào sự gặp gỡ giữa hai bà cháu mà dù sao tôi vẫn hy vọng là có thể xảy ra.

Và suốt mấy tháng ấy tôi mơ thấy cảnh chiêm bao duy nhất cứ khiến tôi tỉnh giấc giữa đêm khuya. Một người đàn bà khoác áo măng tô màu sẫm đi vào một thành phố biên giới vào một buổi sáng tĩnh lặng.

Đây là một trò chơi cũ. Người ta chọn một tính từ diễn tả một tính cách cực đoan: chẳng hạn “thảm hại”. Rồi tôi tìm một từ đồng nghĩa rất gần, biểu hiện cùng một tính cách nhưng hơi nhẹ hơn, ví dụ “ghê tởm”. Từ tiếp theo nhắc lại nhưng yếu hơn chút nữa: “tệ hại”. Và cứ thế lần xuống một bậc trong các tính cách nêu lên: “nặng nề”, “không chịu nổi”, “khó chịu”... Để

cuối cùng đến “xấu xa” thế rồi qua “tầm thường”, “trung bình”, trở lần lên với “khá”, “vừa ý”, “tốt”. Và sau mười từ nữa, đạt đến “đặc biệt”, “tuyệt vời”.

Những tin tức tôi nhận được từ Saranza đầu tháng tám hẳn đã đi theo kiểu thay đổi tương tự. Vì là lúc đầu được gửi tới cho Alex Bond (anh ta đã để lại cho bà Charlotte số điện thoại ở Mạc Tư Khoa), những tin tức này và gói hàng đã được chuyển qua nhiều thời gian và qua nhiều tay. Cứ mỗi lần chuyển, ý nghĩa bi đát của chúng bớt đi, sự xúc động giảm dần. Vậy nên chính là bằng một giọng hầu như vui vẻ mà người lạ mặt ấy báo với tôi qua điện thoại.

- Chào ông, người ta có trao một gói nhỏ nhờ chuyển cho ông. Gói hàng của... tôi cũng chẳng biết của ai, tóm lại là một người họ hàng đã qua đời... Ở Nga. Chắc ông đã biết tin rồi. Vâng, người ấy đã để lại cho ông bản di chúc, hề hề...

Anh ta định nói vui, bảo là “di sản”. Nhưng do nhầm ở các dân “Nga mới” thường xảy kiểu ăn nói lỏng lẻo như vậy, vì họ phải dùng tiếng Anh là tiếng thông dụng – nên anh ta nói chệch sang là bản “di chúc”.

Tôi đợi anh ta lâu tại đại sảnh một trong những khách sạn lớn Paris. Vẻ trống rỗng lạnh lẽo các tấm gương phía hai bên ghế bành, tương ứng tuyệt vời với niềm hư vô chất đầy trong mắt, trong trí óc tôi.

Người lạ đi ra khỏi thang máy, nhường bước cho một phụ nữ tóc vàng, to lớn rực rỡ, miệng mỉm cười như hướng về tất cả và chẳng cho một ai. Một người đàn ông nữa vai rất rộng đi theo họ.

- Val Grig, người lạ xưng tên lúc bắt tay tôi và giới thiệu hai người cùng đi: “Cô phiên dịch tính đồng đánh của tôi, còn đây là chú bảo vệ trung thành của tôi”.

Tôi hiểu không thể tránh mời anh ta đến quây rượu. Nghe Val Grig nói chuyện sẽ là một cách cảm ơn về việc giúp đỡ. Anh ta cần để tôi để tận hưởng trọn vẹn vừa tiện nghi của khách sạn này vừa danh hiệu “nhà kinh doanh quốc tế” lại vừa vẻ đẹp của cô “phiên dịch tính đồng đánh”. Anh ta

nói về những thành công của bản thân và về sự nước Nga sụp đổ, có lẽ vô tình không ý thức được rằng có một mối quan hệ nhân ngộ nghĩnh giữa câu chuyện này hơn một lần, vẻ như buồn ngủ, mắt vẫn mở. Anh bảo vệ, như thể biện bạch cho sự có mặt của mình, nhìn chòng chọc các người ra vào. Tôi chợt nghĩ: “Khéo mà mình để giải bày cảm nghĩ của mình với người trên Sao Hỏa hơn là với ba vị này...”

Trên tàu điện ngầm tôi mở gói hàng. Một tấm danh thiếp của Alex Bond rơi xuống. Trong có mấy lời chia buồn, xin lỗi (Đài Loan, Canada...) nên không có dịp tự tay giao lại. Nhưng nhất là ngày tháng bà Charlotte qua đời. Ngày chín tháng chín năm ngoái!

Tôi không còn theo dõi các ga tiếp theo, chỉ ổn định lại tâm trí khi tàu đến ga cuối. Tháng chín năm ngoái... Alex Bond đến Saranza hồi tháng tám cách đây một năm. Ít tuần sau tôi nộp đơn xin đổi quốc tịch. Có lẽ đúng vào lúc bà Charlotte sắp chết. Và tất cả mọi chuyện chạy chọt, tất cả mọi dự kiến, tất cả mọi tháng chờ đợi đều diễn ra sau khi bà qua đời. Ngoài cuộc đời bà. Chẳng có thể có mối liên hệ nào với cuộc đời đã hoàn tất kia... Gói hàng được một bà láng giềng cất giữ rồi mãi sang mùa xuân mới được chuyển cho ông Bond. Trên giấy bao bì có mấy chữ do tay bà Charlotte viết: “Nhờ làm ơn giao lại phong bì này cho ông Alexei Bondartchenko kính nhờ ông chuyển cho cháu tôi.”

Tôi lên tàu điện lại ở ga chót. Khi mở gói, tôi tự nhủ với chút an ủi đau xót là suy cho cùng chẳng phải quyết định của anh viên chức kia đã làm tan vỡ dự kiến của tôi. Mà là thời gian... Một thời gian chứa đựng một sự trở trêu nghiệt ngã và nhắc nhở chúng ta về quyền lực tuyệt đối của nó với những trò đùa và những chuyện không ăn khớp do nó gây nên.

Trong phong bì chỉ có vài chục trang viết tay kẹp bằng cái cài giấy. Tôi nghĩ đây là thư vĩnh biệt nên không hiểu tại sao lại dài đến vậy, vì biết tính bà Charlotte vốn không ưa những công thức trịnh trọng và những biểu lộ tình cảm dông dài. Không quyết định đọc liền một mạch trên tàu, tôi lật đặt mấy trang đầu, không tìm thấy ở đâu hết những câu đại loại “Khi cháu đọc thư này, bà không còn ở trên đời nữa” mà quả là tôi rất sợ gặp phải.

Và chẳng bức thư trong phần đầu, dường như chẳng nhằm gửi cho ai cả. Tôi đọc cóc nhảy vài dòng, vài đoạn, tôi thấy hình như câu chuyện bà Charlotte kể không liên quan gì đến bà cháu tôi. Trong lối chữ viết nhỏ nét và rõ, bà thuật lại cuộc đời một người phụ nữ. Không chú ý, hình như đã bỏ qua đoạn bà kể hai người quen nhau như thế nào. Với lại điều này tôi chẳng quan tâm. Cuộc đời được kể chỉ là thêm một số phận phụ nữ nữa, một trong những số phận bi thảm, thời Stalin, khiến chúng tôi kinh hãi thảng thốt hồi còn trẻ, nhưng nỗi đau từ ngày ấy đã cùn mòn đi. Người đàn bà nọ, con gái một phú ông, lúc còn bé đã trải qua cảnh lưu đày trong những bãi lầy ở tây Xibêri. Rồi sau hồi chiến tranh, bị kết tội chống việc tập thể hóa, đã bị giam vào trại tập trung... Tôi đọc nhanh mấy trang này như đọc một cuốn sách đã thuộc lòng. Cái trại, những cây bá hương mà tù nhân chặt hạ lợi trong tuyết đến ngang hông; sự nhẫn tâm hằng ngày như cơm bữa của người gác, bệnh tật, chết chóc. Và chuyện làm tình bất buộc, dưới sự hăm dọa của vũ khí hoặc hình phạt lao động tàn nhẫn, và làm tình mua bằng chai rượu... Đứa con bà ta để ra chịu tù tội cùng mẹ, đó là luật lệ. Trong “trại nữ” này, có một nhà gỗ dựng kiến cho những vụ sinh đẻ này. Người đàn bà đã chết, bị một máy kéo cán phải, ít tháng trước ngày ân xá của thời “tan băng”. Đứa bé lúc này hai tuổi rưỡi.

Mưa xua đuổi tôi khỏi chiếc ghế. Tôi giấu bức thư dưới áo vét, chạy về nhà *chúng tôi*. Câu chuyện kể mới đọc nửa chừng tôi thấy rất điển hình: với những dấu hiệu đầu tiên của việc mở rộng tự do, tất cả những người Nga vội lấy ra từ những chỗ ẩn giấu của trí nhớ cái quá khứ bị kiểm duyệt. Họ không hiểu rằng Lịch sử chẳng cần đến những trại tập trung nhỏ nhiều vô vàn ấy. Một cái thôi, đồ sộ và được công nhận là tiêu biểu, là đủ. Bà Charlotte khi gửi cho tôi những lời chứng của bà, chắc cũng đã như những người khác bị cuốn vào niềm say sưa của lời nói được giải phóng. Việc bà gửi cho tôi lời chứng này vô ích nhưng cảm động, khiến tôi đau xót. Tôi lại lần nữa đo lường được vẻ dửng dưng khinh khỉnh của thời gian. Người đàn bà bị giam tù kia cùng đứa con, chênh choạng bên bờ của quên lãng vĩnh viễn, được giữ lại duy nhất nhờ mấy trang viết tay này. Thế còn Charlotte, chính bà?

Tôi đẩy cửa. Một luồng gió hút đập vào cánh cửa sổ mở nghe đánh phịch. Tôi đi khép lại cửa trong buồng bà tôi.

Tôi nghĩ về cuộc đời bà. Một cuộc đời nối liền những thời kỳ khác nhau biết bao: buổi đầu thế kỷ, cái thời hầu như cổ lỗ, hầu thành huyền thoại như việc Napoléon trị vì – và buổi cuối thế kỷ, thời kỳ cuối thiên niên kỷ. Tất cả mọi thứ cách mạng, chiến tranh, mọi trò không tưởng thất bại, mọi vụ khủng bố thành công. Bà đã chắt lọc lấy tinh chất trong những nỗi đau và những niềm vui những ngày này. Và cái mật độ tràn đầy pháp phòng sự sống kia sắp sửa chẳng bao lâu nữa cũng chìm vào quên lãng. Như cái trại bé tẹo của người đàn bà kia với đứa con.

Tôi đứng một lát nơi cửa sổ bà Charlotte. Trước đây tôi đã hàng tuần đặt luồn mắt của bà trước cảnh trí này...

Buổi chiều, chỉ là để khỏi áy náy, tôi quyết định đọc bản viết của bà Charlotte cho đến hết. Tôi tìm thấy lại người đàn bà bị giam cầm, những trò tàn bạo trong trại cùng là cái đứa bé đem lại vài giây lát thanh thản trong cái thế giới độc ác và dơ bẩn này... Bà Charlotte viết là bà đã được phép đến thăm tại bệnh viện nơi người phụ nữ đang hấp hối...

Đột nhiên, tờ giấy tôi cầm trong tay biến thành một chiếc lá nhỏ thon bằng bạc... vâng, nó chói ánh kim loại và dường như phát ra tiếng ràn rạc lạnh lẽo. Một dòng chữ lấp lánh lên – sợi dây tóc trong bóng đèn điện cũng khía rách con người trong mắt hết như vậy. Bức thư viết tiếng Nga và chỉ ở dòng này bà Charlotte mới chuyển sang tiếng Nga của mình. Hoặc giả là tiếng Pháp, cái tiếng Pháp của một thời đại khác, giúp tôi cảm thấy một sự cách biệt nào đối đối với điều bà sắp nói với tôi:

“Người đàn bà này, tên Maria Stepanova Dolina, là mẹ cháu. Chính bà ấy muốn đừng kể với cháu điều gì hết càng lâu càng tốt...”

Một phong bì nhỏ được cặp vào trong trang cuối này. Tôi mở ra. Trong đó có bức ảnh mà tôi nhận ra dễ dàng: một người đàn bà mặc áo bông, đội mũ lông chapka to kênh với những mảnh che tai rủ xuống. Trên mảnh vải trắng hình chữ nhật khêu cạnh hàng khuy – một con số. Trong tay bà, một đứa bé bọc trong chiến kén len.

Đêm đến, tôi tìm thấy lại trong trí nhớ hình ảnh mà tôi vẫn cứ tưởng như là một điều sực nhớ lại lúc nằm trong bụng mẹ đến từ tổ tiên tôi người Pháp

và hồi bé tôi rất tự hào về điều đó. Tôi nhìn thấy trong đó chứng cứ về lai lịch truyền thống Pháp của tôi. Đó là một ngày thu ẩm nắng, bên cửa rừng, với một sự hiện diện phụ nữ vô hình, trong làn không khí trong veo và những sợi tơ nhện bay lượn xuyên qua cái khoảng không rực sáng... Giờ đây tôi hiểu khu rừng ấy là một rừng taiga vô tận, và mùa hè đẹp đẽ cuối mùa sắp sửa biến trong một mùa đông Xibêri kéo dài chín tháng. Những tơ nhện óng bạc phát phơ trong ảo ảnh Pháp của tôi chỉ là mấy dây dây thép gai mới mắc chưa kịp gi. Với mẹ đẻ, tôi đi dạo trong địa phận “trại giam phụ nữ”... Đó là kỷ niệm thơ ấu đầu tiên của tôi.

Hai hôm sau tôi rời căn phòng này. Chủ nhà đã đến hôm trước và chấp nhận một cách giải quyết ôn hòa: tôi để lại cho ông ta tất cả bàn ghế và đồ vật cũ tích lũy từ nhiều tháng nay...

Tôi ngủ ít. Bốn giờ sáng tôi đã thức dậy. Tôi chuẩn bị túi đeo lưng tính chuyện ngay hôm ấy tổ chức chuyến đi thường lệ. Trước khi lên đường tôi nhìn lại lần cuối gian buồng bà Charlotte. Dưới ánh sáng xám ban mai vẻ lặng yên của nó không còn gợi quang cảnh bảo tàng nữa. Không, nó không còn có vẻ vắng người ở. Tôi ngần ngừ một lát, rồi tôi cầm lấy một cuốn sách cũ trên bậu cửa sổ và đi ra.

Đường phố đang vắng vẻ, đắm trong giấc ngủ. Các phối cảnh của nó dường như được tạo dần theo bước chân tôi.

Tôi nghĩ đến cuốn sổ “ghi chép” mang theo trong túi. Chiều nay hoặc mai, tôi sẽ thêm một đoạn mới vừa nảy sinh trong trí đêm qua. Đó là ở Saranza, trong mùa hè cuối cùng với bà tôi. Hôm ấy đáng lẽ theo con đường đất dẫn xuyên qua thảo nguyên, bà Charlotte đã đi vào dưới lùm cây khu rừng ngổn ngang dụng cụ chiến tranh mà dân địa phương gọi là “Stalinka”. Tôi phân vân bước theo bà: theo lời đồn, trong các bờ bụi Stalinka có thể dẫm lên mìn... Bà dừng lại giữa một khoảng trống và lẩm bầm: “Cháu nhìn kia!” Tôi nom thấy ba bốn cây giống nhau cao đến đầu gối. Những chiếc lá to cắt khía, những giây leo cuốn quanh mấy que nhỏ cắm trong đất. Những cây phong tí hon chẳng? Hay cây phúc bồn đen còn bé? Tôi không hiểu cái vui bí ẩn của bà Charlotte.

- Đây là cây nho, đúng là cây nho đấy, cuối cùng bà bảo.

- À thế ạ...

Sự phát hiện này không làm tăng thêm sự hiếu kỳ trong tôi. Tôi không thể gắn liền trong trí cái cây bình thường này với tục lệ tôn thờ rượu nho tại đất nước bà tôi. Hai bà cháu đứng lại ít phút giữa lòng khu Stalinka, trước khu vực trồng trọt bí mật của bà Charlotte...

Nhớ lại cây nho kia, tôi cảm thấy một niềm đau xót khó chịu đựng nổi, đồng thời một mối vui sâu xa. Một cái vui mà lúc đầu tôi thấy đáng xấu hổ. Bà Charlotte đã qua đời và ở chỗ khu Stalinka, người ta xây một sân vận động. Không còn bằng chứng nào xác thực hơn về sự biến mất hoàn toàn, vĩnh viễn. Nhưng cái vui còn mạnh hơn. Nguồn vui là ở cái khoảnh khắc từng sống giữa một khu rừng thưa, trong làn gió thổi qua thảo nguyên, trong vẻ lạnh lẽo thanh thản của người đàn bà đứng trước bốn gốc cây giờ đây tôi hình dung có những chùm quả non dưới lá.

Khi bước đi, cứ chốc chốc tôi lại nhìn bức ảnh người đàn bà mặc áo bông. Giờ đây tôi hiểu vì sao nét mặt bà hao hao giống những người trong an boom của gia đình đã nuôi tôi. Đó là cái nụ cười thoáng, hiện ra do câu thần chú của bà Charlotte “petite pomme”! Vâng, người đàn bà đứng chụp gần hàng rào trại giam hẳn là đã lầm nhầm một mình trong miệng những từ bí ẩn kia. “Cần phải làm quen với ý nghĩ người đàn bà trẻ hơn ta ấy, là mẹ ta”, tôi tự nhủ.

Tôi cất lại bức ảnh, tiếp tục đi. Và khi tôi nghĩ đến bà Charlotte, sự hiện diện của bà trong những phố đang thiu thiu ngủ này có cái vẻ hiển nhiên, kín đáo và linh lợi, của chính bản thân cuộc sống.

Duy tôi chỉ còn thiếu những từ để nói ra điều ấy.

- [1] Phát âm Pơ – ti – pom.Nghĩa: quả táo nhỏ. Tất cả các chú thích trong sách đều của người dịch
- [2] Thật ra là những địa danh trên đất Pháp
- [3] Tên một quận của Pháp, nơi đã xảy ra những trận huyết chiến giữa quân Pháp - Đức trong Đại chiến thứ nhất, được mệnh danh là địa ngục "Verdun" (đọc là Vécdoong)
- [4] Atlantide: Hòn đảo lớn hoang đường cỡ lục địa, theo huyền thoại có cách đây 9.000 năm, bị chìm xuống đáy biển do thiên tai
- [5] Bà già Nga
- [6] Nhà nông thôn Nga, tường ghép bằng những súc gỗ tròn lớn
- [7] Nhà văn Pháp nổi tiếng, tác giả *Đi tìm thời gian đã mất*
- [8] Những sơn hào hải vị của nghệ thuật nấu ăn Pháp
- [9] Tòa nhà Thương phế binh, nơi cất giữ thi hài nhiều tướng tá, trong đó có Napoléon.
- [10] Một dân tộc thuộc nước Đức cổ
- [11] Thời kỳ chiến tranh Nga Pháp. Tháng 6-1812, Napoléon đưa đại quân sang xâm lược Nga, chiếm Mạc Tư khoa nhưng người Nga đốt cháy thành phố và quân Pháp đại bại, phải rút lui với nhiều thương vong.
- [12] Ví với Cách mạng Pháp 1789
- [13] Danton, lãnh tụ Cách mạng Pháp
- [14] Ngục Bastille, do quân Cách mạng Pháp chiếm
- [15] Món ăn sáng sang trọng trong thực đơn chiêu đãi nhà vua Nga: Đa đa đỏ và chim sẻ vườn nhồi nấm quay.
- [16] Cô học trò Nga dẫn ngữ ngôn La Fontaine (Pháp), bài Chó sói và cừ non, nhưng dẫn sai và phát âm chệch, Charlotte chỉnh lại.
- [17] Cô học trò Nga dẫn ngữ ngôn La Fontaine (Pháp), bài Chó sói và cừ non, nhưng dẫn sai và phát âm chệch, Charlotte chỉnh lại.
- [18] Cô học trò Nga dẫn ngữ ngôn La Fontaine (Pháp), bài Chó sói và cừ non, nhưng dẫn sai và phát âm chệch, Charlotte chỉnh lại.
- [19] Tiếng Nga: Căn nhà kiểu Nga, loại bình dân
- [20] Tiếng La tinh: Vùng đất chưa hề biết
- [21] Lời tác giả Flaubert nói về nhân vật của mình.
- [22] Tiếng La tinh: hiện trạng.
- [23] Khu giáp ranh, khu phi quân sự (Tiếng Anh)
- [24] Tiếng Nga, có nghĩa: đoá hoa.
- [25] Tiếng Pháp, có nghĩa: đoá hoa.